

CORMAC MCCARTHY

ĐỒNG TÁC GIẢ CUỐN **THE ROAD** (GIẢI PULITZER 2007)



KHÔNG CHỖ NƯƠNG THÂN

NO COUNTRY
FOR OLD MEN



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

KHÔNG CHỐN NƯƠNG THÂN

Cormac McCarthy

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nhà xuất bản Hội nhà văn - 2010

—★—

Scan: Bánh Ngọt

Chuyển text: Caruri

tve-4u.org

14/11/2019

Chương I

Tôi đã đưa một tên trai trẻ vào phòng hơi ngạt ở Huntsville. Chỉ một người duy nhất là tên trai trẻ ấy. Việc tôi bắt giữ và khai báo. Tôi đi lên đấy, và đến gặp tên trai trẻ hai hoặc ba lần. Ba lần. Lần cuối cùng là khi hắn bị thi hành án tử hình. Tuy không vì nhiệm vụ bắt buộc nhưng tôi vẫn đi. Chắc chắn là tôi không thích đi chút nào. Hắn đã hạ sát một cô bé mười bốn tuổi và bây giờ tôi có thể nói với bạn rằng mình không hề muốn đến gặp hắn chứ đừng nói đến việc đi xem hắn bị thi hành án. Nhưng tôi vẫn đi. Báo chí tường thuật đấy là một vụ án mạng vì tình nhưng hắn lại bảo với tôi rằng không có tình yêu trong vụ này. Hắn đã hẹn hò với cô gái ấy, cô còn rất trẻ. Hắn mười chín tuổi. Hắn bảo tôi rằng từ lâu lắm rồi, mà hắn không nhớ từ lúc nào, hắn đã trù định giết ai đấy. Bảo rằng nếu không bị phát hiện thì hắn sẽ làm chuyện này lần nữa. Hắn bảo hắn biết mình sẽ sa xuống địa ngục. Chính cửa miệng hắn nói với tôi như thế. Tôi không hiểu sự thể ra sao. Chắc chắn là tôi không hiểu. Tôi nghĩ mình chưa bao giờ gặp một người như thế, khiến cho tôi tự hỏi phải chăng hắn là một mẫu người mới. Tôi nhìn người ta buộc hắn vào thành ghế và đóng cánh cửa lại. Dường như hắn lộ vẻ âu lo một tí về việc này nhưng chỉ có thể thôi. Tôi thật sự tin hắn biết rằng hắn sẽ sa xuống địa ngục. Tôi tin như thế. Và tôi suy nghĩ rất nhiều về chuyện này. Hắn không phải là người khó bắt chuyện. Gọi tôi là Cảnh sát trưởng. Nhưng tôi không biết nói gì với hắn. Bạn nói gì với một người tự nhận là mình không có linh hồn? Tại sao bạn lại phải nói gì cơ chứ? Tôi suy nghĩ rất nhiều về chuyện này. Nhưng hắn chả là gì cả so với những chuyện sẽ xảy ra tiếp theo.

Người ta nói đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn. Tôi không biết đôi mắt nào

là cửa sổ đối với ai và tôi nghĩ còn lâu mình mới biết được. Nhưng ngoài kia có một nhãn quan khác về cuộc đời, có những đôi mắt nhìn theo nhãn quan ấy, và đấy là nơi sự việc xảy ra. Nó đã mang tôi đến một nơi chốn trong cuộc đời mà tôi chưa từng nghĩ mình sẽ đi đến. Ở nơi nào đấy ngoài kia có một nhà tiên tri sống mà tôi không muốn gặp mặt. Tôi biết nhà tiên tri ấy có thật. Tôi đã thấy hành động của ông ta. Một lần tôi đi ngang qua trước mắt ông ta. Tôi sẽ không bao giờ làm chuyện này nữa. Tôi sẽ không phó mặc mọi chuyện mà đi tìm ông ta nữa. Đấy không phải là do tôi đã già. Tôi mong thế. Tôi không thể nói rằng thậm chí đấy là việc bạn tự nguyện làm. Bởi vì tôi luôn biết rằng bạn sẽ sẵn lòng chết để làm chuyện này. Luôn là thế. Nghe ra không vẻ vang gì trong chuyện này nhưng bạn phải làm. Nếu bạn không làm, họ sẽ biết. Họ sẽ thấy ngay trong tích tắc. Tôi nghĩ nó giống như việc bạn muốn mình trở thành như thế nào. Và tôi nghĩ người ta sẽ phải đem tâm hồn vào chốn hiểm nguy. Tôi sẽ không làm thế. Bây giờ tôi nghĩ có lẽ mình sẽ không bao giờ làm thế.

Viên cảnh sát phụ tá để cho Chigurh đứng ở góc văn phòng với hai tay bị còng quặp sau lưng, trong khi anh ngồi trên chiếc ghế xoay, dỡ chiếc mũ ra, đặt hai chân lên mặt bàn rồi gọi cho Lamar qua điện thoại di động.

“Mới bước vào qua cửa. Cảnh sát trưởng à, hắn mang trên người thứ gì đó giống như là lọ dưỡng khí để chữa chứng hen suyễn hay đại loại như vậy. Rồi hắn có một cái ống giấu bên trong tay áo và nối với khẩu súng gây bất tỉnh giống như loại người ta dùng ở lò sát sinh. Dạ, thưa sếp. À, nó giống như vậy. Sếp có thể nhận ra khi tới đây. Dạ, thưa sếp. Tôi theo dõi kỹ. Dạ, thưa sếp.”

Khi đứng lên khỏi chiếc ghế, anh rút ra xâu chìa khóa đeo ở thắt lưng rồi mở ngăn kéo bàn để lấy chìa khóa phòng giam. Anh đang cúi hơi thấp người thì Chigurh ngồi xổm luồn hai bàn tay bị còng phía dưới thân người mình cho đến phía sau đầu gối. Cùng lúc, hắn ngồi bật ra sau, luồn sợi dây xích dưới hai chân mình rồi lập tức đứng dậy mà không phải dùng nhiều sức. Đấy giống như là động tác hắn đã tập luyện nhiều lần. Hắn giáng hai bàn tay bị còng xuống đầu viên cảnh sát rồi nhảy lên, tổng hai đầu gối vào sau gáy anh và kéo sợi dây xích lại.

Cả hai ngã xuống nền nhà. Viên cảnh sát cố đưa hai bàn tay vào bên trong sợi dây xích nhưng không được. Chigurh chỉ nằm đấy dùng hai đầu gối giữa hai cánh tay kéo lên hai chiếc còng và quay mặt đi. Viên cảnh sát đang dẫy dụa, bắt đầu xoay lòng vòng ngang người, hai chân đá văng giỏ rác, đá chiếc ghế bay đi. Anh đá cánh cửa cho đóng lại, quần tẩm thấm nhỏ quanh hai người. Miệng anh phát tiếng ùng ục vì máu đang chảy ra. Anh đang bị bóp nghẹt bởi

chính dòng máu của mình. Chigurh chỉ cần giật cho mạnh thêm. Đôi còng mạ kền cắn thấu đến xương. Động mạch chủ bên phải của viên cảnh sát vỡ tung, một vòi máu phun ra, chạm đến tường rồi chảy ròng xuống. Hai chân viên cảnh sát cử động chậm dần rồi ngưng lại. Thân người anh èo giật. Rồi trở nên bất động. Chigurh nằm thở nhè nhẹ, hai tay giữ lấy người viên cảnh sát. Rồi hắn đứng dậy, tháo chùm chìa khóa từ thắt lưng viên cảnh sát mà mở khóa còng cho mình, giắt khẩu súng lục của viên cảnh sát vào lưng quần, rồi đi vào buồng tắm.

Hắn cho vòi nước lạnh chảy trên hai cổ tay cho đến khi máu ngưng chảy, dùng răng xé tấm khăn lau tay bằng bó hai cổ tay, rồi trở ra văn phòng. Hắn ngồi trên mặt bàn, dùng băng keo văn phòng băng bó vải khăn ở cổ tay, nhìn qua người đã chết đang há hốc mồm nằm trên sàn nhà. Xong xuôi, hắn rút chiếc ví của viên cảnh sát, lấy hết tiền cho vào túi áo mình rồi ném chiếc ví xuống sàn. Hắn nhặt lấy lọ khí của mình và khẩu súng gây bất tỉnh rồi đi ra ngoài cánh cửa, bước lên chiếc xe của viên cảnh sát, nổ máy, chạy ra con đường.

Trên xa lộ liên tiểu bang, hắn chọn một chiếc xe Ford kiểu mới chỉ có một người duy nhất lái xe, mở đèn nháy và còi hụ xe của mình. Chiếc xe kia tấp vào bên lề đường. Chigurh đỗ xe phía sau, tắt máy xe, quàng lọ khí qua vai và bước ra. Người lái xe nhìn hắn qua kính chiếu hậu khi hắn bước đến.

Ông hỏi: “Có vấn đề gì vậy hờ sếp?”

“Xin ông ra khỏi xe được không?”

Người lái xe mở cửa, bước ra ngoài. Ông hỏi: “Có chuyện gì vậy?”

“Xin ông vui lòng bước xa ra khỏi xe.”

Người đàn ông bước tránh xa khỏi chiếc xe mình. Chigurh có thể thấy vẻ nghi ngờ trong ánh mắt ông khi nhìn người đứng trước mặt vậy máu, nhưng đã quá muộn. Hắn đặt một bàn tay lên đầu ông, như là cha cố làm phép thánh cho con chiên. Tiếng rít của khí nén và tiếng còi súng đánh chát nghe như là cánh cửa đóng sập. Thân người đàn ông rũ xuống đất không một tiếng động. Một dòng máu sủi bọt từ một lỗ nhỏ trên trán rồi chảy xuống đôi mắt, mang theo hình ảnh cuối cùng mà người đàn ông nhìn thấy trong đời. Chigurh dùng một chiếc khăn tay lau bàn tay mình. Hắn nói: “Chỉ vì tao không muốn mày nhỏ máu trên xe.”

Moss ngồi với hai gót của đôi giày cao cổ lún sâu vào lớp sỏi của gò núi lửa, dùng ống nhòm của Đức với độ phóng đại 12 để quan sát vùng sa mạc phía dưới. Vành mũ anh kéo ngược về phía sau đầu. Hai cùi chỏ chống lên hai đầu gối. Khẩu súng trường quàng qua vai với dây đeo súng bằng da là khẩu '98 Mauser có cỡ nòng .270, với báng làm bằng gỗ phong và gỗ óc chó. Khẩu súng được trang bị một ống ngắm Unertl có độ phóng đại ngang bằng ống nhòm. Đàn linh dương ở khoảng cách một ki-lô-mét rưỡi. Mặt trời đã mọc không đầy một tiếng đồng hồ, bóng của những đỉnh núi và vách đá trải dài trên thung lũng trước mặt anh. Ở nơi đâu đấy cũng có cái bóng của chính Moss. Anh hạ ống nhòm xuống và ngồi quan sát vùng đất. Xa về hướng nam là những rặng núi hoang sơ của Mexico. Nơi con sông bị ngắt quãng, về hướng tây là vùng đất khô cằn bị nung chín dưới ánh mặt trời chạy dọc theo đường biên giới. Anh khô khan nhổ nước bọt rồi chùi miệng trên vai áo vải bông.

Với cự ly chín trăm mét và cùng một đích nhắm, những viên đạn sẽ ghim vào mục tiêu cách nhau khoảng 7 xen-ti-mét. Điểm mà anh chọn để bắn nằm ngay dưới triền dốc trải dài của lớp đá vụn núi lửa và đặt anh trong khoảng cách ấy. Chỉ có điều là phải mất gần một tiếng đồng hồ để đi đến đấy và đàn linh dương đang vừa gặm cỏ vừa rời xa khỏi anh. Điều tốt nhất mà anh có thể nói về việc này là không có gió.

Khi đi đến chân triền dốc, anh từ từ đứng thẳng lên và dỗi mắt tìm đàn linh dương. Chúng vẫn ở cùng vị trí anh thấy lần cuối nhưng cự ly bắn vẫn còn gần bảy trăm mét. Anh quan sát đàn thú qua ống nhòm. Qua lớp bụi không khí nén và hình ảnh méo mó vì

hơi nóng. Một lớp mờ mờ bụi và phấn hoa sôi sục. Không có chỗ ẩn núp và sẽ không thể bắn thêm phát súng nào khác.

Anh dầm chân trong lớp đá vụn núi lửa, tháo một chiếc giày cao cổ ra đặt lên các hòn đá, hạ khẩu súng khỏi sợi dây da và mở chốt an toàn rồi nhìn qua ống ngắm.

Đàn thú đứng ngẩng cao đầu, tất cả đàn, nhìn về phía anh.

Anh thì thầm: “Mẹ kiếp!” Mặt trời ở phía sau lưng anh nên đàn thú không thể nhìn ánh sáng phản chiếu từ mặt gương của ống ngắm. Chúng chỉ nhìn anh trực diện.

Khẩu súng có cò súng Canjar được hiệu chỉnh ở mức 266 gram. Anh kéo khẩu súng và chiếc giày về phía mình thật cẩn thận, lại nhìn qua ống ngắm, xê dịch trung tâm của hai đường chỉ một chút về phía lưng của một con linh dương hiện ra với thân hình lớn nhất trong ống ngắm. Anh biết cứ mỗi 100 mét thì viên đạn xê dịch xa bao nhiêu. Chỉ có cự ly là anh không chắc chắn. Anh đặt một ngón tay theo đường cong của cò súng. Chiếc nanh heo rừng mà anh mang trên sợi dây chuyền vàng cuộn lên những viên đá bên trong cùi chỏ của anh.

Cho dù nòng và phần loe họng súng đều nặng, khẩu súng vẫn cân bằng. Khi nhìn lại qua ống ngắm, anh có thể thấy đàn thú vẫn đứng chỗ cũ. Viên đạn nặng gần 10 gram mất gần một giây đồng hồ thì đến mục tiêu nhưng âm thanh lại mất thời gian gấp đôi. Bầy thú đang đứng nhìn về phía chùm khói thì viên đạn bắn đến. Rồi chúng nhảy dựng lên. Hầu như lập tức bỏ chạy hết tốc độ dọc theo đáy thung lũng với tiếng rít của đạn súng trường cuốn theo chúng và va đập trên đá rồi dội chệch qua khoảnh đồng trống trong bầu không

khí cô quạnh ban mai.

Anh đứng nhìn đàn thú chạy đi. Anh nâng ống nhòm. Một con thú đã ngã xuống, đang lê một chân. Anh nghĩ có lẽ viên đạn đã bắn trúng chân sau bên trái. Anh đứng tựa và nhổ nước bọt. Anh thốt lên: “Mẹ kiếp!”

Anh ngẩng nhìn đàn thú chạy xa khỏi tầm mắt ở khoảng đất mũi phủ đá xa về hướng nam. Đám bụi màu cam nhạt lơ lửng trong ánh sáng ban mai không một gợn gió, trở nên mỏng dần và rồi cũng tan biến. Đáy thung lũng trở lại yên ả và hoang vắng dưới ánh nắng. Như thể không có chuyện gì xảy ra. Anh ngồi kéo chiếc giày cao cổ lên, nhắc lấy khẩu súng, tống ra vỏ đạn rỗng, bỏ nó vào túi áo rồi đóng chốt súng. Rồi anh quàng khẩu súng lên vai và bước ra.

Anh mất khoảng bốn mươi phút để đi xuyên qua đáy thung lũng. Từ đây anh đi lên triền núi lửa dốc dài, lần theo đỉnh của gò núi phía tây nam đến một mỏm đá nhìn xuống khoảng đồng trống nơi bầy thú đã biến mất. Anh chậm chậm dõi mắt qua ống nhòm. Một con chó to không đuôi, lông đen, đang đi ngang qua. Anh dõi mắt theo. Con chó có cái đầu khổng lồ, vành tai cụt ngắn, đang đi lặc lè. Nó ngừng lại. Nó nhìn về phía sau. Rồi nó tiếp tục đi. Anh hạ ống nhòm xuống và nhìn theo nó.

Anh đi dọc theo gò núi với ngón tay cái bấm vào sợi dây đeo súng, vành mũ lật ngược phía sau đầu. Lưng áo anh ướt đầm mồ hôi. Những tảng đá ở đây được khắc những chữ tượng hình có lẽ cả nghìn năm trước. Những người vẽ nên những chữ này đã là dân đi săn giống như chính anh. Không có dấu vết nào khác về họ.

Ở cuối gò núi là khoảng đá trượt, một con đường mòn gồ ghề

dẫn xuống. Lùm cây đuôi chồn bụi rậm gai góc. Anh ngồi trên những phiến đá, tựa hai khuỷu tay lên hai đầu gối và dùng ống nhòm quan sát khu đồng trống phía dưới. Cách khoảng một ki-lô-mét rưỡi, trên khu đồng bằng có ba chiếc xe đang đỗ.

Anh hạ ống nhòm xuống và nhìn bao quát khu đồng trống. Rồi lại nâng ống nhòm lên. Trông như có những người đang nằm trên mặt đất. Anh bấm đôi giày vào khe đá và điều chỉnh ống nhòm. Ba chiếc xe thuộc loại bán tải hai cầu hoặc là loại xe Bronco với lớp xe dùng để chạy trên mọi địa hình, có máy tời phía trước và dàn đèn pha trên mũi xe. Những người đang nằm có vẻ như đã chết. Anh hạ ống nhòm xuống. Rồi lại nâng lên. Rồi anh hạ xuống và chỉ ngồi đấy. Không có gì động đậy. Anh ngồi đấy một hồi lâu.

Khi đang tiến đến ba chiếc xe, anh đã tháo khẩu súng trường xuống khỏi vai, cầm ngang hông, chốt an toàn mở. Anh dừng lại. Anh quan sát khu đồng trống rồi quan sát ba chiếc xe. Cả ba xe đều bị bắn nát. Nhìn những lỗ đạn trên thành xe chạy theo vài đường thẳng hàng đều đặn, anh biết đấy là do đạn súng máy. Hầu hết các cửa kính bị bắn vỡ nát; các bánh xe đều bị xẹp. Anh đứng đấy. Nghe ngóng.

Trên chiếc xe thứ nhất, một người gục chết trên tay lái. Gần đấy là thêm hai xác chết nằm trên lớp cỏ vàng úa cần cỗi. Từng vết máu đen sì trên mặt đất. Anh dừng lại và nghe ngóng. Không có gì cả. Dàn ruồi nhặng lao xao. Anh đi vòng qua phía sau chiếc xe. Có một con chó nằm chết, giống như loại chó anh đã thấy chạy ngang khu đồng trống. Con chó bị bắn nát bụng. Kế đấy là một xác chết thứ ba nằm úp mặt xuống. Qua khung cửa xe, anh nhìn đến người ngồi

bên trong. Người này bị bắn vào đầu. Máu vương vãi khắp nơi.

Anh đi đến chiếc xe thứ hai, nhưng xe này trống rỗng. Anh đi đến chỗ xác chết thứ ba. Có một khẩu shotgun* trên mặt đất. Khẩu súng có nòng ngắn, được gắn băng súng lục và băng đạn loại tròn chứa hai mươi viên đạn. Anh lấy mũi giày khế hích chân xác chết, rồi quan sát vùng đồi chung quanh.

Chiếc xe thứ ba là chiếc Bronco có bộ giảm sóc nâng cao và các cửa kính màu khói đậm. Anh mở cửa xe phía tay lái. Có một người đàn ông ngồi trên nệm ghế, nhìn đến anh.

Moss loạng choạng lùi về phía sau, cầm ngang khẩu súng. Khuôn mặt người đàn ông vậy máu. Anh ta mấp máy đôi môi khô. Anh ta nói: *“Agua, cuate. Agua, por dios.*”*

Đặt trên lòng người đàn ông là một khẩu súng lục tự động* nòng ngắn H&K với dây đeo vai bằng nhựa màu đen. Moss tiến đến thu lấy khẩu súng rồi bước lui lại. Người đàn ông lặp lại: *“Agua. Por dios.”*

“Tôi không có nước.”

“Agua.”

Moss vẫn để cánh cửa xe mở, quàng khẩu H&K lên vai và bước đi. Người đàn ông dõi mắt nhìn theo anh. Moss đi vòng qua phía đầu xe, mở cánh cửa phía bên kia. Anh nhắc chốt cài ghế và gấp lưng ghế về phía trước. Một tấm vải bạt màu trắng bạc phủ khoang hành lý phía sau ghế. Anh kéo tấm vải bạt qua một bên. Một đồng hồ gồm những gói có kích thước bằng viên gạch, mỗi gói được phủ trong bao nhựa. Một loại bột màu nâu tuôn ra. Anh thăm ướm ngón trỏ, nhúng vào trong bột nâu rồi đưa lên mũi người. Rồi anh lau ngón

tay trên vải quần jeans, kéo tấm vải bạt phủ lại đóng gói, bước lui, lại nhìn ra khoảng đồng trống. Không có gì cả. Anh bước xa khỏi chiếc xe, đứng lại và nâng ống nhòm nhìn lên vùng đồi thấp. Nhìn đường gò nham thạch. Nhìn vùng đồng phẳng lì về hướng nam. Anh rút ra chiếc khăn tay, quay lại, lau mọi nơi anh đã đặt tay lên. Nắm cửa xe, chốt cài ghế, tấm vải bạt, gói nhựa. Anh đi vòng qua bên kia chiếc xe và cũng lau khắp nơi. Anh cố nhớ lại những chỗ nào khác mình đã chạm tay vào.

Anh bước trở về chiếc xe thứ nhất, dùng chiếc khăn tay để mở cửa xe rồi nhìn vào bên trong. Anh mở hộc chứa găng tay của chiếc xe rồi đóng trở lại. Anh quan sát người chết ngồi trước tay lái. Anh vẫn để mở cánh cửa và bước qua phía ghế người lái xe. Cánh cửa xe lỗ chỗ vết đạn. Kính trước cũng thế. Đạn cỡ nhỏ. Sáu mi-li-mét. Các viên bi* có lẽ cỡ số bốn*. Dấu vết cho thấy như thế. Anh mở cửa xe và đẩy chốt cửa sổ nhưng chiếc xe đã không được mở máy. Anh đóng cửa xe lại, đứng đấy, quan sát vùng đồi thấp.

Anh ngồi xổm, tháo khẩu súng trường trên vai xuống rồi đặt trên bãi cỏ, cầm lấy khẩu H&K, kéo cần dẫn về phía sau. Còn một viên đạn trong buồng đạn, nhưng băng đạn chỉ còn hai viên. Anh ngửi đầu nòng súng. Anh tháo băng đạn ra, đeo khẩu súng trường qua một bên vai, đeo khẩu súng lục tự động qua vai bên kia, lại đi về phía chiếc Bronco, giơ cao băng đạn cho người kia nhìn thấy. Anh nói: "*Otra. Otra*"*.

Người đàn ông gạt đầu: "*En mi bolsa*"*.

"Anh nói được tiếng Anh không?"

Người đàn ông không trả lời. Anh ta cố gắng cử động cằm để ra

dấu. Moss có thể thấy hai băng đạn ló ra từ túi áo anh ta đang mặc. Anh đưa tay vào thu lấy hai băng đạn rồi bước lui lại. Có mùi máu và phân người. Anh đút một trong hai băng đạn đây vào khẩu súng lục tự động và hai băng đạn kia trong túi áo mình. Người đàn ông nói: *"Agua, cuate."*

Moss nhìn đảo một vòng vùng đồng trống chung quanh. Anh nói: *"Tôi đã bảo anh là tôi không có nước."*

Người đàn ông nói: *"La puerta."**

Moss nhìn anh ta.

*"La puerta. Hay lobos."**

"Không có chó sói."

*"Sí, sí. Lobos. Leones."**

Moss dùng khuỷu tay đóng sập cửa xe.

Anh đi trở lại chiếc xe đầu tiên, đứng ở cửa xe nhìn vào phía ghế đối diện người lái. Không có vết đạn ở cửa xe nhưng vẫn có máu trên nệm ghế. Chìa khóa xe vẫn gắn ở ổ đề máy. Anh đưa tay vào, xoay chìa khóa và đẩy chốt cửa sổ. Tấm kính được đẩy lên chậm chậm. Có hai lỗ đạn, một vết máu mỏng trên mặt trong tấm kính. Anh suy nghĩ về việc này. Anh nhìn xuống mặt đất. Những vết máu trên đất sét. Máu trên cỏ. Anh nhìn ra con đường mòn chạy ngang một lòng chảo núi lửa theo đó chiếc xe chạy đến. Phải có một người cuối cùng còn sống. Và đây không phải là "anh bạn" đang xin nước uống trong chiếc Bronco.

Anh đi ra phía khoảnh đồng bằng, đảo mắt một vòng tròn để tìm dấu bánh xe trên nền cỏ mỏng sẽ hiện ra dưới tia sáng mặt trời. Anh

tìm ra dấu vết cách khoảng ba mươi mét về hướng nam. Anh đi theo dấu chân cho đến khi thấy vết máu trên cỏ. Rồi có thêm vết máu.

Anh lẩm bẩm: “Mày không đi được xa. Mày có thể nghĩ mình đã đi xa. Nhưng không phải.”

Anh rời khỏi con đường mòn, đi đến khu đất cao nhất, cầm khẩu H&K trong tay với chốt an toàn đã mở. Anh quét ống nhòm qua vùng đồng trống phía nam. Không có gì. Anh đứng mân mê chiếc nanh heo rừng phía trước áo sơ-mi. Anh lẩm bẩm: “Bây giờ, mày đang trú nấp ở đâu đấy mà trông chừng đường rút lui. Khó cho mày nhìn thấy tao trước khi tao nhìn thấy mày.”

Anh ngồi xổm, chống hai khuỷu tay lên hai đầu gối, nâng ống nhòm quét qua những tảng đá ở đầu thung lũng. Anh ngồi bệt xuống, bắt chéo hai chân, quét qua khu đồng bằng chậm hơn rồi hạ ống nhòm xuống mà chỉ ngồi như thế. Anh lẩm bẩm: “Đừng có ngu xuẩn mà ra đó lãnh đạn. Đừng làm thế.”

Anh quay người, nhìn về hướng mặt trời. Khoảng mười một giờ. “Thậm chí mình không biết mọi chuyện này xảy ra đêm qua. Có thể là hai đêm trước. Thậm chí có thể ba.”

“Hoặc có thể là đêm qua.”

Một cơn gió dịu nổi lên. Anh đẩy vành mũ về phía sau đầu, dùng tấm khăn rằn lau mồ hôi trên trán rồi nhét tấm khăn vào túi quần. Anh nhìn ngang qua lòng chảo núi lửa, hướng đến dãy những tảng đá thấp dọc chu vi phía đông.

Anh lẩm bẩm: “Không ai bị thương lại đi lên triền dốc. Không có chuyện này.”

Khá vất vả mới đi lên được đến đỉnh gò núi; gần giữa trưa anh mới đi đến đấy. Xa hơn về phía bắc, anh có thể nhìn thấy hình thể một chiếc xe kéo xe moóc theo sau đang chạy ngang qua vùng đất nóng bỏng. Hơn mười lăm cây số. Có lẽ hơn hai mươi cây số. Xa lộ 90. Anh ngồi xuống, đưa ống nhòm quét vùng đồng trống. Rồi anh ngưng lại.

Có một vệt đá lở, dưới chân vệt đá ở rìa khoảnh đồng bằng lũ tích* là một mảnh nhỏ gì đấy có màu như màu lam. Anh quan sát một hồi lâu qua ống nhòm. Không có gì động đây. Anh quan sát vùng đồng trống chung quanh. Rồi anh lại để mắt trông chừng thêm. Phải gần một tiếng đồng hồ sau anh mới đứng dậy và đi xuống.

Xác người đàn ông nằm tựa vào một tảng đá. Một khẩu súng tự động .45* bọc kền do nhà nước cấp nằm trên cỏ, giữa hai chân xác chết. Ông đã ngồi ngã qua một bên. Đôi mắt ông mở. Có vẻ như ông đang xem xét cái gì đấy trong đám cỏ. Có máu trên mặt đất và máu trên đá phía sau lưng ông. Máu vẫn còn có màu đỏ sậm nhưng chưa hẳn còn mới vì vẫn còn nằm trong bóng râm. Moss nhặt khẩu súng lục lên, khóa chốt an toàn. Anh ngồi xổm, cố lau vết máu khỏi báng súng trên ống quần của người đàn ông nhưng máu quá quánh đặc. Anh đứng dậy, giắt khẩu súng vào lưng quần, kéo vành nón lại, đưa tay áo lau mồ hôi trán. Có một chiếc cặp da dày dùng đựng tài liệu nằm dọc đầu gối của người đàn ông. Moss biết rất rõ bên trong cặp da là gì, và anh cảm thấy sợ hãi tuy không nhận rõ tại sao.

Cuối cùng anh nhấc chiếc cặp da lên, đi ít bước ra phía ngoài, ngồi trên cỏ, đặt khẩu súng trường xuống một bên. Anh ngồi với

khẩu H&K đặt trên lòng và chiếc cặp da ở giữa hai đầu gối. Rồi anh tháo lỏng hai sợi dây buộc, mở hai chốt cài, nhấc nắp lên và gấp qua một bên.

Chiếc cặp da đựng đầy những tờ bạc một trăm đô, được xếp vào từng xấp 10.000 đô. Anh không biết chắc tổng số tiền là bao nhiêu nhưng có thể đoán gần đúng. Anh ngồi đấy nhìn những xấp giấy bạc rồi đóng nắp lại, đầu cúi xuống. Cả cuộc đời của anh đang ngồi đấy trước mặt anh. Từ ngày này qua ngày khác, từ tình sương đến tối cho đến khi chết. Tất cả được cô đọng trong hai mươi kí giấy bạc.

Anh ngẩng đầu, nhìn qua khu đồng bằng lũ tích. Một cơn gió nhẹ từ hướng nam. Không khí mát lạnh. Trời quang đãng. Đã một giờ trưa. Anh nhìn xác người đàn ông nằm trên đám cỏ. Đôi giày da cá sấu còn mới vương đầy máu đã sẫm màu. Hồi kết cục của cuộc đời ông ta. Ở nơi chốn này. Những quả núi xa về hướng nam. Gió thổi qua các bụi cỏ. Không gian tĩnh lặng. Anh buộc lại hai sợi dây, bấm hai chốt cài, gấp nắp đây lại, đứng lên quàng khẩu súng trường qua vai, nhấc chiếc cặp da và khẩu súng lục tự động lên, nhìn bóng mình trên mặt đất để định hướng, rồi bước đi.

Anh nghĩ mình biết cách tìm đường trở lại chiếc xe của mình, và cũng có suy nghĩ lo âu về việc lang thang ngoài sa mạc trong đêm tối. Có những con rắn chuông* trong vùng này và nếu bị rắn cắn có phần chắc là anh sẽ gia nhập đám người chết kia, rồi chiếc cặp đựng tiền sẽ rơi vào tay người chủ mới nào đấy. Đối trọng với ý nghĩ này là vấn đề đi bộ qua vùng đất trống trải giữa thanh thiên bạch nhật với một khẩu súng tự động đeo một bên vai và xách một chiếc cặp da đựng vài triệu đô. Chắc chắn là có một người nào đấy đang đến

để đi tìm số tiền. Có thể vài người nào đấy.

Anh nghĩ đến việc quay lại và thu lấy khẩu shotgun với băng đạn còn nguyên. Anh là người tin cậy nơi shotgun. Thậm chí anh còn nghĩ đến việc để lại khẩu súng lục tự động. Mang nó bên mình là một trọng tội.

Anh không để lại thứ gì và cũng không quay lại chỗ các chiếc xe. Anh đi qua vùng đồng trống, cắt ngang qua những khe hở của gò núi lửa, băng ngang dải đất bằng phẳng hoặc khu bình nguyên ở giữa. Cho đến gần cuối ngày, anh đi đến con đường trang trại mà buổi sáng ấy anh đã đến. Rồi anh đi khoảng một dặm thì đến chiếc xe bán tải.

Anh mở cửa xe, đặt khẩu súng trường trên sàn xe. Anh đi vòng mở cửa phía ghế người lái, nắm lấy cái cần để đẩy chiếc ghế về phía trước rồi đặt chiếc cặp da và khẩu súng lục tự động phía sau. Anh đặt khẩu .45 và ống nhòm trên nệm ghế, bước lên xe, kéo chiếc ghế về phía sau đến hết mức xa nhất, cắm chìa khóa cho nổ máy xe. Rồi anh giờ mũ ra, ngồi ngả người ra sau, tựa đầu vào mặt kính lạnh phía sau và nhắm mắt lại.

Khi lái đến xa lộ, anh cho xe chạy chậm lại dọc theo hàng rào chặn bò rồi chạy lên mặt đường và mở đèn pha. Anh lái về hướng tây cho đến Sanderson và suốt dọc đường vẫn giữ tốc độ trong mức cho phép. Anh dừng lại ở trạm xăng ở đầu cuối phía đông của thị trấn để mua thuốc lá và nước uống, rồi đi tiếp. Anh đỗ xe phía trước căn nhà di động* rồi tắt máy xe. Đèn bên trong căn nhà vẫn còn sáng. Anh lẩm bẩm: “Mình có thể sống cả trăm năm nhưng vẫn sẽ không có ngày nào như ngày này.” Ngay sau khi nói câu ấy, anh

cảm thấy tiếc.

Anh lấy ra cây đèn bấm từ hộp chứa găng tay của chiếc xe, bước ra khỏi xe cùng với khẩu súng lục tự động và chiếc cặp da rồi bò phía dưới sàn của căn nhà di động. Anh nằm đấy trên bụi đất mà nhìn lên mặt dưới sàn nhà. Ống nhựa và ván ép rẻ tiền. Vật liệu này nọ dùng để cách nhiệt. Anh luồn khẩu H&K lên một góc, kéo vật liệu cách nhiệt bao phủ nó rồi nằm đấy mà nghĩ ngợi. Rồi anh bò ra cùng với chiếc cặp da, phúi bụi cho mình rồi bước lên các bậc thang vào nhà.

Cô đang xem TV, vừa xoay người trên ghế bành vừa uống một lon Coca-Cola. Không màng nhìn lên. Cô nói: “Ba giờ khuya.”

“Anh có thể trở lại sau.”

Cô nhìn anh qua mặt lưng của ghế bành rồi lại nhìn lên màn hình TV. “Anh có gì trong chiếc cặp đó?”

“Đầy những tiền.”

“Ừ. Đúng là một ngày may mắn.”

Anh đi vào gian bếp, mở tủ lạnh lấy ra một lon bia.

Cô hỏi: “Cho em mượn chìa khóa nhé?”

“Em đi đâu?”

“Mua ít thuốc lá.”

“Thuốc lá?”

“Đúng vậy, Llewelyn. Thuốc lá. Em đã ngồi ở đây cả ngày.”

“Còn cyanide thì sao? Chúng ta định làm gì với nó?”

“Chỉ cần đưa cho em chìa khóa. Em sẽ đứng ở ngoài sân mà hút.”

Anh uống một ngụm bia, đi trở vào phòng ngủ, quỳ một đầu gối

xuống rồi đẩy chiếc cặp da dưới gầm giường. Rồi anh trở ra.

Anh nói: “Anh có ít thuốc lá. Để anh đi lấy.”

Anh đặt lon bia lên mặt quầy, đi ra, thu lấy hai gói thuốc, ống nhòm và khẩu súng lục, quàng khẩu .270 qua vai, đóng cánh cửa chiếc xe bán tải, rồi đi vào nhà. Anh đưa cho cô thuốc lá và đi vào phòng ngủ.

Cô nói với theo: “Anh thu được khẩu súng lục ấy ở đâu?”

“Ở nơi anh thu được.”

“Anh mua hả?”

“Không. Anh nhặt được.”

Cô ngồi nhồm dậy, kêu: “Llewelyn?”

Anh bước ra: “Cái gì? Đừng có tru tréo.”

“Anh phải tốn bao nhiêu để có nó?”

“Em không cần phải biết mọi chuyện.”

“Bao nhiêu?”

“Anh đã nói rồi. Anh nhặt được.”

“Không, anh không bao giờ làm vậy.”

Anh ngồi trên ghế bành, vừa đặt hai chân lên bàn cà phê vừa uống bia. Anh nói: “Nó không phải của anh. Anh không mua súng lục.”

“Anh đừng mua thì tốt hơn.”

Cô mở gói thuốc lá, rút ra một điếu rồi châm lửa. “Cả ngày anh đi đâu?”

“Đi mua ít thuốc lá.”

“Em không cần biết. Thậm chí em không muốn biết anh có dự tính gì.”

Anh hớp một ngụm bia: “VẬY là tốt.”

“Em nghĩ tốt nhất là đừng biết gì cả.”

“Nếu em cứ ba hoa cái miệng đó thì anh sẽ mang em trở vào đó mà chơi em.”

Cuộc đối thoại nghiêm túc.

“Anh cứ làm đi.”

Cô nói như thế.

Anh nói thầm: “Để mình uống xong lon bia này. Ta sẽ xem cô nói gì và không nói gì.”

Khi anh thức giấc, chiếc đồng hồ ở đầu giường chỉ 1 giờ 06 phút. Anh nằm nhìn lên trần nhà, ánh sáng ngọn đèn bên ngoài phủ phòng ngủ lạnh lẽo một màu xanh lam nhạt. Giống như ánh trăng mùa đông. Hoặc một thứ ánh trắng nào khác. Có cái gì đấy xa lạ trong ánh sáng mà anh đã cảm thấy dễ chịu. Bất cứ ánh sáng nào, còn hơn là ngủ trong bóng tối.

Anh vung đôi chân khỏi tấm chăn và ngồi lên. Anh nhìn đến tấm lưng trần của cô. Mái tóc xõa trên gối. Anh kéo tấm chăn lên che đôi vai cô, rồi đứng dậy đi vào bếp.

Anh lấy bình nước trong tủ lạnh, vặn chiếc nắp và đứng đấy uống trong ánh sáng của đèn tủ lạnh. Rồi anh đứng đấy cầm bình nước lạnh với những giọt nước đọng bên ngoài, qua cửa sổ nhìn xuống xa lộ. Anh đứng đấy một hồi lâu.

Rồi anh đi vào phòng ngủ, nhặt chiếc quần soot trên sàn mặc vào,

đi vào phòng tắm và đóng cửa lại. Rồi anh đi vào phòng ngủ thứ hai, kéo chiếc cặp da dưới gầm giường và mở ra.

Anh ngồi trên sàn, chiếc cặp da ở giữa hai chân, mò tay vào giữa các xấp giấy bạc và moi lên. Hai mươi lớp xấp giấy bạc đặt chồng lên nhau. Anh xếp lại các xấp giấy bạc, xốc xốc chiếc cặp da trên sàn để các xấp giấy bạc nằm ngay ngắn với nhau. Nhân cho mười hai. Anh có thể nhẩm tính trong đầu. Hai triệu bốn trăm nghìn đô. Tất cả đều là giấy bạc cũ. Anh nhìn món tiền. Anh lẩm bẩm: “Mình phải xem vụ này là nghiêm túc. Không thể xem đó là do may mắn.”

Anh đóng lại chiếc cặp da, bấm hai chốt cài, đẩy chiếc cặp da vào gầm giường, đứng lên, qua khung cửa sổ nhìn lên những vì sao trên các mỏm núi đá phía bắc thị trấn. Cái im lặng chết người. Ngay cả tiếng chó sủa cũng không có. Anh lẩm bẩm: “Mi đang nằm chết ngoài đấy phải không? Mẹ kiếp, không phải, mi chưa chết.”

Cô thức giấc trong khi anh đang mặc quần áo.

“Llewelyn?”

“Ừ.”

“Anh đang làm gì vậy?”

“Đang mặc quần áo.”

“Anh định đi đâu?”

“Đi ra ngoài.”

“Anh yêu, anh định đi đâu vậy?”

“Anh quên một việc. Anh sẽ trở lại.”

“Anh định làm gì?”

Anh mở ngăn kéo, lấy ra khẩu .45, tháo băng đạn ra kiểm tra rồi

lắp băng đạn vào lại, giắt khẩu súng vào lưng quần. Anh quay lại nhìn cô.

“Anh định làm một việc rò dại nhưng vẫn phải làm. Nếu anh không trở về, nói với Mẹ anh yêu bà.”

“Mẹ anh đã chết, Llewelyn à.”

“Thế thì để anh tự nói vậy.”

Cô ngồi lên trên giường: “Anh làm em sợ chết khiếp, Llewelyn. Anh có gặp rắc rối gì không?”

“Không. Ngủ tiếp đi.”

“Ngủ tiếp hả?”

“Anh sẽ trở lại nhanh.”

“Chết tiệt anh, Llewelyn.”

Anh bước ra ngạch cửa và nhìn lại cô. “Nếu anh không trở về thì sao? Có phải đó là những lời cuối cùng của em?”

Cô tròng vào chiếc áo ngủ, dõi mắt nhìn theo anh đi dọc lối đi đến gian bếp. Anh lấy một cái bình rộng từ phía dưới bồn rửa mặt, rồi vặn vòi cho nước chảy vào bình.

Cô hỏi: “Anh có biết mấy giờ rồi không?”

“Có. Anh biết mấy giờ rồi.”

“Cưng à, em không muốn anh đi. Anh đi đâu? Em không muốn anh đi.”

“Em yêu, chúng ta đồng lòng ở điểm này vì anh cũng không muốn đi. Anh sẽ trở về. Đừng thức mà chờ anh.”

Anh lái xe đến trạm xăng, tắt máy xe, rút tấm bản đồ từ hộp chứa găng tay rồi trải rộng ra trên nệm ghế, ngồi đấy mà xem xét. Cuối

cùng, anh ghi dấu địa điểm mà anh nghĩ các xe bán tải đang nằm, rồi anh dò một con đường dẫn về cổng trại bò của Harkle. Chiếc xe có loại bánh chạy trên mọi địa hình và còn có hai bánh xe dự phòng, nhưng địa hình vùng này rất xấu. Anh ngồi nhìn xuống con đường vừa đánh dấu. Rồi anh cúi xuống, ghi nhận các địa hình và vạch một đường khác. Rồi anh ngồi đó mà nghiên cứu tấm bản đồ. Khi anh cho nổ máy xe và chạy lên mặt xa lộ, đã là hai giờ mười lăm phút sáng. Con đường vắng ngắt, thậm chí từ băng tần này qua băng tần khác của bộ đàm chiếc xe bán tải không có tạp âm.

Anh dừng xe trước cổng trại bò, bước xuống, mở cánh cổng rồi lái xe vào, bước ra để đóng cánh cổng lại, và đứng lắng nghe bầu không khí yên ắng. Rồi anh lên xe, lái về hướng nam trên con đường của trang trại.

Anh giữ xe chạy ở chế độ hai cầu và gài hộp số ở số hai. Ánh sáng của mặt trăng còn khuất lấp trước mặt anh lan tỏa dọc các triền đồi như là ánh sáng nền tối trong một nhà hát. Đến điểm anh đã đỗ xe buổi sáng đó, anh rẽ vào một con đường cũ dành cho xe goòng đi về hướng đông xuyên qua đất trang trại của Harkle. Khi mặt trăng mọc lên, ánh trăng vàng vọt lan tỏa khắp các ngọn đồi, anh tắt đèn xe.

Nửa tiếng đồng hồ sau, anh đỗ xe lại, bước ra đi dọc theo gờ một khu đồi cao, nhìn xuống vùng đồng trống về hướng đông và hướng nam. Vầng trăng lên cao. Một thế giới màu xanh lam. Bóng từng cụm mây in lên đất bình nguyên. Chạy dọc dài trên các triền đồi. Anh ngồi trên mặt đá thô ráp với hai chiếc giày cao cổ bắt chéo nhau phía trước. Không có chó rừng. Không có gì cả. Đối với dân buôn

lậu ma túy thế là tốt. Đúng thế. Mỗi người đều có vận may. Khi lái xe đi tiếp, anh rời khỏi con đường mòn, định phương hướng qua ánh trăng. Anh vượt qua một khoảnh đất mũi núi lửa ở đầu cuối thung lũng rồi lại rẽ về hướng nam. Anh có trí nhớ tốt đối với địa hình bằng phẳng. Anh đang chạy qua vùng mình đã đi thăm dò lúc trước trong ngày, rồi dừng lại nghe ngóng. Khi trở lại chiếc xe, anh cạy tấm nắp nhựa đèn trần xe, gỡ bóng đèn ra và đặt vào gạt tàn thuốc. Anh ngồi với cây đèn bấm để nghiên cứu tấm bản đồ lần nữa. Khi lái đến điểm đỗ kế tiếp, anh tắt máy xe, kéo cánh cửa sổ xuống. Anh ngồi đấy một hồi lâu.

Anh đỗ xe khoảng gần một ki-lô-mét phía trên đầu cuối của lòng chảo núi lửa, nhắc bình nước ra khỏi xe, đặt đèn bấm vào túi quần. Rồi anh nhắc khẩu .45 từ nệm ghế, nhẹ nhàng đóng cửa xe lại, quay bước về phía các xe bán tải.

Các chiếc xe này vẫn ở cùng vị trí như anh thấy lúc trước, nằm ụp trên các bánh xe đã bị bắn xẹp. Anh tiến đến với khẩu .45 lăm lăm trong tay. Không gian yên ắng chết người. Có lẽ là do vầng trăng. Anh không thích cái bóng của chính mình. Có cảm giác đáng sợ gì đấy ở đây. Một người xâm nhập. Giữa những người chết. Anh lẩm bẩm: “Đừng có cảm thấy kỳ quặc. Mình không cùng bọn họ. Chưa cùng.”

Cánh cửa chiếc Bronco đang mở. Khi thấy thế, anh quỳ một gối xuống. Anh đặt bình nước xuống mặt đất. Anh lẩm bẩm: “Mình ngốc quá. Bây giờ lại đến đây. Ngốc quá nên khó sống.”

Anh chậm chậm xoay người, nhìn ra khắp vùng đồng trống. Âm thanh duy nhất mà anh nghe được là tiếng tim đập của chính mình.

Anh bước đến chiếc xe, quỳ bên cánh cửa. Thân người đàn ông đã ngã qua một bên. Vẫn còn được buộc trong dây an toàn. Máu tươi vương vãi khắp nơi. Anh rút ra chiếc đèn bấm từ túi quần, dùng nắm tay che bót chung quanh rồi bật đèn lên. Người đàn ông đã bị bắn qua đầu. Không có chó sói. Không có báo núi. Anh hướng tia đèn vào khoang chứa hành lý phía sau hai chiếc ghế. Mọi thứ đã biến mất. Anh tắt ngọn đèn, rồi chậm chậm bước đến những xác chết khác. Khẩu shotgun đã biến mất. Vàng trắng đã lên được một phần tư bầu trời. Mọi vật đều sáng tỏ. Anh cảm thấy bất an.

Anh đã đi lên được nửa đoạn lòng chảo núi lửa để về lại chiếc xe của mình thì có cái gì đó khiến cho anh phải dừng lại. Anh quỳ xuống, nắm khẩu súng đã lên đạn sẵn đặt tựa đầu gối. Anh có thể thấy chiếc xe bán tải dưới ánh trăng, trên đỉnh một ngọn đồi thấp. Anh nhìn qua một bên để quan sát rõ hơn. Có người nào đấy đứng kề bên. Rồi họ đi. Anh nói thầm: “Không có cái đại nào giống cái đại nào. Bây giờ mình chịu chết.”

Anh giắt lại khẩu .45 vào lưng quần và đi vội đến gò nham thạch núi lửa. Anh nghe tiếng máy chiếc xe bán tải từ đằng xa. Ánh sáng chiếu từ đỉnh đồi. Anh bắt đầu chạy.

Khi anh chạy đến các tảng đá, chiếc xe bán tải đã chạy xuống được nửa lòng chảo núi lửa, ánh đèn pha nhấp nhô trên mặt đá gồ ghề. Anh tìm chỗ nấp. Không còn kịp nữa. Anh nằm úp mặt xuống đất, hai cánh tay ôm lấy đầu trên bãi cỏ, và chờ đợi. Hoặc là họ đã trông thấy anh hoặc không thấy. Chiếc xe bán tải chạy ngang qua. Khi nó khuất bóng, anh đứng dậy, đi lên triền núi.

Đi được nửa đường, anh dừng lại, hít hơi thở, cố gắng nghe

ngóng. Ánh sáng ở đâu đấy phía dưới. Anh không thể nhìn thấy họ. Anh tiếp tục leo lên. Sau một hồi, anh có thể nhìn thấy hình thù màu đen của những chiếc xe phía dưới. Rồi chiếc xe bán tải chạy lên lòng chảo núi lửa, đèn xe đều tắt.

Anh nằm bẹp xuống trên các tảng đá. Một ánh đèn pha rọi ngang dọc qua lại trên mặt nham thạch. Chiếc xe chạy chậm lại. Anh có thể nghe tiếng máy chạy không tải. Triền dốc lồi. Máy xe loại lớn. Ánh đèn pha lại chiếu trên các tảng đá. Anh lẩm bẩm: “Được rồi. Mày cần được thoát ra khỏi con khổ ải của mày. Hãy làm cách tốt nhất cho những người khác.”

Tiếng máy xe nổ mạnh rồi lại chạy không tải rầm rì. Âm thanh ùng ục ở ống khí xả. Tiếng bạc đạn cùng máy chạy không tải và còn tiếng gì khác có Trời mà biết. Sau một lúc, chiếc xe tiến lên trong bóng tối.

Khi lên đến đỉnh núi lửa, anh nằm xuống, nắm lấy khẩu .45 từ thắt lưng, thả cò súng xuống rồi giắt vào lại, nhìn về hướng bắc và hướng đông.

Anh lẩm bẩm: “Mình có muốn ra ngoài đó trên chiếc xe cà tàng mà cố chạy nhanh hơn chiếc xe kia không?” Rồi anh nhận ra rằng mình sẽ không còn gặp lại chiếc xe của mình nữa. Anh lẩm bẩm: “Không sao. Còn có nhiều thứ khác mà mình sẽ không được gặp lại.”

Ánh đèn pha lại chiếu rọi trên miệng lòng chảo núi lửa và quét dọc gờ núi. Moss nằm sấp, quan sát. Ánh đèn pha quay trở lại.

“Nếu bạn biết ở ngoài kia có kẻ nào đấy đang giữ hai triệu đô của bạn, thì điểm dừng trong cuộc tìm kiếm của bạn là ở đâu?”

“Đúng thế. Chẳng có điểm dừng nào cả.”

Anh nằm nghe ngóng. Anh có thể nghe tiếng máy chiếc xe bán tải. Sau một lúc, anh đứng dậy bước xuống đến rìa bên kia của lòng chảo núi lửa. Quan sát vùng đồng trống. Khu bình nguyên mở rộng và yên ắng dưới ánh trăng. Không có cách nào đi bằng ngang qua đây và cũng không có đường khác. “Này anh bạn, giờ phải tính sao đây?”

Bốn giờ sáng. “Mày có biết tên bạn hữu hảo của mày đang toan tính gì không?”

“Tao nói cho mày biết. Tại sao mày không bước lên xe của mày mà chạy ra ngoài đó và mang cho cái tên khốn kiếp ít ngum nước?”

Vầng trăng đang ở trên cao, thu nhỏ lại. Khi leo lên triền dốc, anh vẫn để mắt trông chừng vùng bình nguyên phía dưới. Anh lẩm bầm: “Mày có động lực như thế nào?”

“Có động lực hay đến chết tiệt.”

“Thế là tốt.”

Anh có thể nghe tiếng chiếc xe. Nó tắt đèn chạy vòng theo gờ núi lửa rồi chạy xuống rìa khu bình nguyên giữa ánh trăng. Anh nằm rạp xuống các phiến đá. Ngoài những tin xấu khác, ý nghĩ của anh còn hướng về bộ cặp và răn chuông. Ánh đèn pha vẫn quét qua lại trên mặt gờ núi. Một cách có hệ thống. Anh không dám cử động.

Chiếc xe bán tải chạy cắt ngang đến rìa bên kia rồi quay lại. Chạy với số hai, ngừng lại, rồi xồng xộc chạy tiếp. Anh trườn mình tới trước để nhìn rõ hơn. Từ một vết cắt trên trán, máu chảy qua tròng mắt anh. Anh không biết mình bị vết cắt ấy ở đâu. Anh chùi hai mắt

với lưng bàn tay rồi chùi lưng bàn tay trên ống quần. Anh rút chiếc khăn tay ra, áp trên trán.

“Mình có thể đi về phía nam con sông.”

“Ừ. Mình có thể.”

“Địa hình ít trống trải.”

“Những thứ khác thì không ít hơn.”

Anh quay người, vẫn giữ chiếc khăn tay áp trên trán. Không thấy có bóng mây nào.

“Đến khi trời sáng thì mình phải ở nơi nào khác. Nằm trên giường ở nhà thì tốt.”

Anh quan sát vùng bình nguyên màu xanh lam trong bầu không khí tĩnh lặng ngoài kia. Một sân khấu ngoài trời mênh mông và nín thở. Đang rình rập. Anh đã có cảm giác như thế này lúc trước. Ở một đất nước khác. Anh không bao giờ nghĩ mình có cảm giác như thế này lần nữa.

Anh chờ đợi một hồi lâu. Chiếc xe vẫn chưa trở lại. Anh tìm đường đi dọc gờ núi về phía nam. Anh dừng lại và nghe ngóng. Không có chó rừng, không có gì cả.

Vào lúc anh đi xuống đến vùng đồng bằng của con sông, bầu trời về hướng đông đã nhuộm ánh sáng nhàn nhạt đầu tiên trong ngày. Đây là một đêm tăm tối nhất. Vùng đồng bằng chạy dài đến nơi con sông chuyên dòng. Anh nghe ngóng lần cuối rồi chạy lúp xúp.

Đoạn đường đi khá dài. Khi còn cách con sông gần hai trăm mét, anh nghe tiếng máy chiếc xe bán tải. Ánh sáng xám đang chiếu qua các đỉnh đồi. Khi nhìn lại, anh có thể thấy bụi bốc lên chân trời mới.

Vẫn còn cách xa khoảng một ki-lô-mét rưỡi. Trong bầu tĩnh lặng ban mai, tiếng máy xe nghe ra hiền hòa như tiếng một con thuyền trên mặt hồ. Rồi anh nghe tiếng xe sang số thấp. Anh rút khẩu .45 từ thắt lưng để không bị roi mất, rồi bắt đầu chạy trời chết.

Khi anh nhìn lại, chiếc xe bán tải đã chạy được phân nửa lòng chảo núi lửa, rút ngắn một khoảng cách đáng kể. Anh vẫn còn cách con sông gần một trăm mét và không biết mình sẽ gặp gì khi chạy đến đấy. Một vực núi đá dốc. Những tia nắng đầu tiên đang chiếu qua khe hở giữa các ngọn núi ở hướng đông và trải rộng qua vùng đồng trống trước mặt anh. Chiếc xe bán tải đang rùng rục lao đến với ánh sáng đèn. Tiếng máy nghe gầm gừ mỗi khi bánh xe nhảy lên khỏi mặt đất.

Anh lẩm bẩm: “Họ sẽ không bắn mình. Họ không dám làm thế.”

Tiếng nổ của khẩu súng trường vang dội trên đồng trống. Cái mà anh nghe như tiếng rít trên đầu, anh nhận ra đấy là viên đạn bay qua và biến mất về hướng con sông. Anh nhìn lại và thấy một người đàn ông đang đứng đưa nửa người khỏi khung cửa nóc xe, một tay nắm lấy trần xe, tay kia cầm một khẩu súng trường.

Nơi anh chạy đến con sông, dòng nước chảy mạnh ra khỏi một vực núi và đổ xuống qua một đám lau sậy sao. Phía hạ lưu, dòng nước va vào một vách đá rồi chảy về hướng nam. Vực núi tối đen sâu thẳm. Nước tối đen. Anh thả người xuống triền dốc rồi ngã lăn rồi đứng dậy, rồi bắt đầu chạy theo một luống cát trải dài xuống con sông. Anh chỉ mới tiến được khoảng dăm bảy mét thì mới nhận ra là mình không có đủ thời giờ. Anh nhìn ngoái lại phía sau, rồi ngồi xổm và tựa người vào một bên triền dốc, hai tay cầm khẩu .45 chĩa

về phía trước.

Anh lăn và trượt người, hai mắt gần như nhắm nghiền do đất cát anh cày xới lên, ôm khẩu súng lục sát vào ngực. Rồi tất cả đều dừng lại, chỉ có thân người anh là rơi tự do. Anh mở mắt ra. Thế giới ban mai tươi tắn phía trên anh, đang quay chậm chạp.

Thân người anh va vào một bờ đá sỏi; anh cất một tiếng kêu rên. Rồi anh lăn trên một bãi gì đấy giống như cỏ thô ráp. Rồi anh dừng lại, nằm sấp ở đấy, thở dốc.

Khẩu súng đã biến mất. Anh bò trở lại qua mặt cỏ bị bẹp dí cho đến khi tìm thấy khẩu súng, rồi quay đầu nhìn rìa bờ sông dốc phía trên đầu, huơ nòng súng qua cánh tay để rũ đất cát. Miệng anh đầy cát. Hai hốc mắt cũng thế. Anh thấy hai người xuất hiện trên nền trời. Anh bắn hai phát về phía họ và họ bỏ chạy.

Anh biết mình không có thời giờ bò đến bờ sông. Anh đứng dậy chạy thật nhanh làm bắn tóe lên những viên sỏi, chạy xuống một bãi cát cho đến dòng nước chính. Anh lấy các chìa khóa và cuộn tiền cho vào túi áo rồi cài cúc túi. Con gió lạnh thổi qua mặt nước có mùi gỉ sắt. Anh có thể ném được. Anh ném đi chiếc đèn bấm, hạ xuống chiếc cần lên đạn của khẩu .45 và giắt vào đũng quần. Rồi anh cởi ra hai chiếc giày cao cổ, cột chực xuống vào dây thắt lưng ở mỗi bên hông, thắt lại dây thắt lưng cho chặt, rồi quay người phóng xuống dòng nước.

Nước lạnh khiến cho anh nín thở. Anh quay lại phía sau, nhìn về phía rìa bờ sông, vừa hít khí trời vừa đạp chân qua làn nước xanh xám. Không có gì. Anh quay người rồi bơi tiếp.

Dòng nước cuốn anh đến một đoạn uốn cong và va vào một vách

đá. Anh cố đẩy người mình ra xa. Dốc đứng phía trên đầu anh vươn lên tằm tối, khum sâu vào trong, còn dòng nước trong bóng râm thì đen ngòm và dậy sóng. Cuối cùng, khi lướt xuống dòng hạ lưu và nhìn lại, anh có thể nhìn thấy chiếc xe bán tải đang đỗ ở phía trên dốc đứng nhưng anh không thể thấy người nào. Anh kiểm tra để biết chắc mình vẫn còn đôi giày cao cổ và khẩu súng, rồi quay người và bắt đầu bơi sang bờ bên kia.

Vào lúc run rẩy lê người lên khỏi dòng nước lạnh, anh đã cách xa điểm khởi hành khoảng một ki-lô-mét rưỡi. Đôi bút tất đã tuột mất, anh phải chạy chân trần đến đám lau sậy. Khi anh nhìn lại lần nữa, chiếc xe bán tải đã biến mất. Hai người đàn ông đang chạy dọc bờ dốc đứng, thân người họ in trên nền trời. Anh chạy gần đến đám lau sậy thì thỉnh thoảng chung quanh đều dao động, có một tiếng “bùm” nặng nề rồi có tiếng vọng lại qua mặt sông.

Cánh tay anh bị một viên đạn bắn trúng, anh cảm thấy nhức nhối như bị ong vò vẽ đốt. Anh đặt bàn tay lên vết thương và phóng mình vào bụi lau sậy, viên đạn đi sâu vào phía sau cánh tay. Chân anh như muốn khuỵu xuống, hơi thở anh trở nên mệt nhọc.

Ẩn khuất sâu trong lùm bụi, anh ngồi quỳ xuống, há miệng hút lấy không khí. Anh tháo thắt lưng, để đôi giày rơi xuống nền cát, với lấy khẩu .45 đặt ở một bên, rồi lăn mò trên vết thương. Viên đạn đã biến mất. Anh tháo cúc áo, cởi chiếc áo ra, giờ cao cánh tay để xem xét vết thương. Miệng vết thương chỉ có hình dạng như viên đạn, rỉ ra ít máu, vài sợi vải áo quện vào. Cả phần phía sau cánh tay anh đã trở thành một vết bầm tím xấu xí. Anh vắt chiếc áo cho ráo nước, mặc lại vào, cài cúc, mang lại đôi giày, gài lại thắt lưng.

Anh nhặt lấy khẩu súng lục, tháo băng đạn ra, trút viên đạn ra từ nòng súng, vung vẩy khẩu súng, thổi vào nòng súng, rồi lại lắp ráp như cũ. Anh không chắc liệu khẩu súng còn bắn được không, nhưng nghĩ rằng bắn được.

Khi bước ra khỏi bụi lau sậy phía bên trong, anh dừng lại để nhìn về phía sau. Bụi lau sậy cao khoảng mười mét và anh không thấy gì phía ngoài. Dọc theo con sông là một khoảnh đất rộng và một hàng cây dương. Khi đi đến đấy, hai bàn chân anh bắt đầu phồng rộp vì phải đi chân trần trong đôi giày ướt. Cánh tay anh sưng lên, nhức nhối nhưng hình như máu đã ngưng chảy. Anh bước đi ra trên một lớp sỏi, dưới ánh mặt trời, rồi ngồi đấy, tháo đôi giày ra, nhìn đến vết phồng rộp màu đỏ ở gót chân. Khi anh vừa ngồi xuống, chân anh lại bị đau.

Anh mở nắp một túi da ở thắt lưng, lấy ra con dao, rồi đứng dậy và lại cởi áo ra. Anh cắt lấy nửa ống tay áo rồi ngồi xuống, quấn vải tay áo quanh hai bàn chân rồi mang giày cao cổ vào. Anh dặt con dao vào túi da, rồi đứng nghe ngóng. Một con chim két cánh đỏ. Không có gì khác.

Khi quay mặt bước đi, anh nghe âm thanh rất nhỏ của máy chiếc xe bán tải ở bờ bên kia. Anh cố dõi tìm nhưng không thấy gì. Anh nghĩ bây giờ có lẽ hai người kia đã vượt qua con sông và đang ở đâu đấy phía sau mình.

Anh đi xuyên qua hàng cây. Phù sa bám dính các thân cây từ mức nước cao; rễ chùm quấn quanh các tảng đá. Anh lại cởi giày ra, cố bước trên nền sỏi mà không để lại dấu vết, rồi đi qua một khoảng đất dài, bằng phẳng, phủ đá hướng về bờ vực con sông phía nam,

tay mang đôi giày và khẩu súng, để mắt trông chừng về phía sau. Ánh mặt trời đang chiếu xuống vực; những tảng đá anh bước qua sẽ khô trong vòng vài phút. Ở một khúc quanh gần bờ vực, anh dừng lại, nằm sấp với đôi giày đặt trên đám cỏ kế bên. Chỉ cần mất mười phút là lên đến đỉnh bờ vực nhưng anh nghĩ mình không có mười phút. Phía trên bờ sông bên kia, một con diều hâu cất cánh từ chỏm đá, cất tiếng huýt khe khẽ. Anh chờ đợi. Sau một chốc, một người đi ra khỏi bụi lau sậy rồi dừng lại. Anh ta mang một khẩu súng máy. Một người thứ hai xuất hiện phía sau. Họ liếc nhìn nhau rồi đi tiếp.

Họ đi ngang qua phía dưới anh rồi khuất bóng dưới con sông. Anh không thực sự nghĩ về họ. Anh đang nghĩ về chiếc xe bán tải của mình. Khi tòa án mở cửa lúc chín giờ sáng thứ Hai, sẽ có ai đẩy khai ra số xe của anh cùng tên họ và địa chỉ của anh. Đây là trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau. Lúc ấy, họ sẽ biết anh là ai và sẽ chẳng bao giờ ngưng truy lùng anh. Chẳng bao giờ cả.

Anh có một người em ở California mà anh sẽ kể những gì? Arthur ạ, có vài đứa đang đi đến đó gặp em và sẽ tra khảo em dù em có biết anh đang ở đâu hay không. Có lẽ mình nên nghĩ đến việc rời đi Trung Quốc.

Anh ngồi lên, bó mảnh vải quanh hai bàn chân, mang lại đôi giày, rồi đứng lên để đi hết đoạn cuối đến đỉnh bờ vực. Vùng đồng bằng phía dưới mở rộng đến hướng nam và hướng đông. Bụi đỏ và nhựa đường. Các ngọn núi ở xa xa và khoảng giữa. Không có gì ở đây. Hơi nóng hừng hực. Anh giắt khẩu súng vào thắt lưng, nhìn xuống con sông một lần nữa rồi bước đi về hướng đông. Langtry Texas cách gần năm mươi ki-lô-mét theo đường chim bay. Có lẽ gần

hơn. Mười tiếng đồng hồ. Mười hai. Hai bàn chân anh đang đau nhức. Hai ống chân đau nhức. Lồng ngực. Cánh tay. Con sông uốn khúc phía sau anh. Thậm chí anh chưa hóp được ngụm nước nào.

Chương II

Tôi không rõ việc thực thi pháp luật bây giờ có nguy hiểm hơn ngày xưa hay không. Khi mới nhận công việc, tôi biết có một vụ ẩu đả ở đâu đấy mà bạn phải đến giải quyết và họ muốn chống đối bạn. Đôi lúc bạn phải chịu theo họ. Họ không muốn cách nào khác. Và tốt hơn, bạn cũng không được thua. Bạn không nghĩ nhiều về việc này, nhưng có lẽ bạn thấy điều tệ hại hơn. Có lúc một người chĩa khẩu súng đến tôi, thế là tôi cố đoạt lấy khẩu súng khi anh ta định bắn, và cò súng sượt vào ngón tay cái tôi. Bạn có thể thấy vết sẹo ở đấy. Nhưng người kia có ý định giết tôi. Chỉ vài năm về trước, một đêm tôi đi tuần tra dọc con đường hai làn xe và gặp một chiếc xe bán tải, có hai anh trai trẻ nằm trên chiếc giường. Chúng dụi mắt vì ánh đèn và tôi thôi lui vài bước nhưng chiếc xe mang biển số Coahuila* nên tôi nghĩ, à, mình phải chặn hai đứa này lại và xem qua. Thế là tôi bật đèn hiệu và mỗi khi làm thế tôi thấy cửa kính phía sau xe được kéo qua một bên và ở đây có ai đó đưa khẩu shotgun ra khỏi cánh cửa cho tên trai trẻ đang nằm trên giường. Giờ tôi phải nói với bạn rằng tôi đạp phanh bằng cả hai bàn chân. Chiếc xe trượt sang một bên nhưng cái cuối cùng mà tôi thấy trên chiếc giường là anh chàng đang đặt khẩu shotgun lên vai. Tôi cúi rạp người xuống ghế vừa lúc tấm kính xe vỡ toang thành từng mảnh vụn tung tóe khắp người tôi. Tôi vẫn còn đặt một bàn chân lên cần phanh và tôi có thể cảm thấy chiếc xe tuần tra chúi xuống con rãnh bên đường. Tôi nghĩ nó sắp lộn vòng, nhưng không. Đất cát tuôn vào đây xe. Cái tên trai trẻ bắn về phía tôi hai phát nữa, phá nát mọi tấm kính bên hông xe, lúc đó chiếc xe đã dừng lại, tôi vẫn ngồi trên nệm ghế, rút ra khẩu súng lục. Tôi nghe chiếc bán tải vọt đi, tôi trời dậy bắn vài phát đến đèn sau nhưng chiếc xe

tẩu thoát được.

Vấn đề tôi muốn nói là khi bạn chặn ai đó lại thì bạn không biết mình chặn cái gì. Bạn tuần tra dọc xa lộ. Bạn đi đến một chiếc xe và không biết sẽ tìm được gì. Tôi ngồi trên chiếc xe tuần tra ấy một hồi lâu. Xe đã chết máy nhưng đèn còn sáng. Trong xe đầy mảnh vụn kính vỡ và đất cát. Tôi bước ra khỏi xe để rủ người cho sạch rồi bước vào và chỉ ngồi đấy. Chỉ tập trung ý nghĩ. Căn gạt nước trên kính treo lưng lửng trước bảng đồng hồ. Tôi tắt đèn và vẫn ngồi đấy. Nếu bạn chặn ai đấy và người này khinh thường pháp luật mà nổ súng, bạn va phải hạng người vô cùng nghiêm trọng. Tôi không hề gặp lại chiếc xe bán tải ấy. Người khác cũng không thấy. Mà cũng không tìm ra biển số xe ấy. Có lẽ tôi nên đuổi theo. Hoặc cố gắng. Tôi không biết. Tôi chạy trở về Sanderson, ghé lại quán café, và nói cho bạn biết, thiên hạ khắp nơi tụ tập mà xem chiếc xe ấy. Nó bị bắn đầy lỗ đạn bi. Giống như xe của Bonnie và Clyde*. Tôi không bị vết thương nào. Thậm chí không bị trầy xước do kính vỡ. Tôi cũng bị chỉ trích vì điều này. Họ bảo tôi chỉ phô trương. À, có lẽ thế. Nhưng cho bạn biết, tôi cũng cần uống cốc cà phê này.

Mỗi sáng tôi đều đọc báo. Chủ yếu là để cố nghĩ xem có chuyện nào đang đi đến đây. Không phải vì tôi có thể ngăn chặn tốt chuyện này. Nó trở nên càng ngày càng khó khăn hơn. Nơi đây lúc trước có hai anh trai trẻ gặp nhau, một anh đến từ California, anh kia từ Florida. Họ gặp nhau ở đâu đấy giữa hai nơi. Và rồi họ cùng nhau đi giết chóc khắp nơi trên đất nước. Tôi không còn nhớ họ giết mấy người. Bây giờ liệu có còn chuyện như thế hay không? Chắc là không có nhiều người như họ. Tôi không nghĩ vậy. À, chúng ta không biết. Ở đây ngày nọ có một phụ nữ tống đưa trẻ của bà ta vào máy ép rác. Ai lại nghĩ xảy ra chuyện này cơ chứ? Vợ tôi

không còn muốn đọc báo nữa. Có lẽ bà ấy nghĩ đúng.

Bell bước lên các bậc thang của trụ sở tòa án và đi dọc hành lang về văn phòng mình. Ông xoay vòng chiếc ghế và nhìn đến máy điện thoại. Ông bấm: “Cứ gọi đi. Tôi đang ở đây.”

Chuông điện thoại reo. Ông nhắc ống nghe lên. “Cảnh sát trưởng Bell đây.”

Ông lắng nghe. Ông gật đầu.

“Bà Downie ạ, tôi tin nó sẽ đi xuống thôi. Xin bà chốc nữa gọi lại. Vâng, thưa bà.”

Ông dỡ chiếc mũ ra, đặt trên bàn rồi ngồi nhắm hai mắt lại, bóp lấy sống mũi. Ông nói: “Vâng, thưa bà. Vâng, thưa bà.”

“Bà Downie, tôi chưa thấy con mèo nào chết trên cây. Tôi nghĩ nó sẽ tự đi xuống nếu bà cứ để mặc nó. Chốc nữa bà gọi lại cho tôi, bà nghe không?”

Ông gác máy và ngồi nhìn máy điện thoại. Ông bấm: “Đấy là do tiền bạc. Bạn có đủ tiền nên không cần phải nói với người ta về việc con mèo leo lên cây.”

“À, mà có lẽ bạn cũng nói.”

Bộ đàm phát âm thanh rè rè. Ông nhắc ống nghe, nhấn nút và đặt hai chân lên mặt bàn. Ông nói: “Bell đây.”

Ông lắng nghe. Ông hạ hai chân xuống sàn rồi ngồi thẳng dậy.

“Đi lấy chìa khóa và tìm trong hộc. Được rồi. Tôi sẽ đến.”

Ông gõ mấy ngón tay trên mặt bàn.

“Được rồi. Giữ đèn hiệu. Tôi sẽ đến trong vòng năm mươi phút. Còn Torbert? Đóng cái thùng lại.”

Ông và Wendell lái chiếc xe vào vệ đường lát nhựa phía trước

chiếc xe, đỗ xe lại rồi bước ra. Torbert bước ra và đứng kế cánh cửa xe mình. Viên Cảnh sát trưởng gật đầu. Ông đi dọc bờ rìa của con đường, xem xét vết bánh xe. Ông nói: “Tôi đoán anh đã thấy dấu vết này.”

“Vâng, thưa sếp.”

“Thế thì nên nhìn kỹ đi.”

Torbert mở cửa hòm xe. Họ đứng nhìn cái xác. Phần trước áo sơ-mi đầm máu, một phần đã khô. Cả khuôn mặt đều vấy máu. Bell cúi người, đưa tay vào bên trong, lấy ra món gì đẩy từ túi áo xác chết và mở ra. Đây là tờ biên nhận vấy máu ghi tiền đồ xăng của một trạm xăng ở Giao lộ Texas. Ông nói: “À, đây là đoạn cuối đường đối với Bill Wyrick.”

“Tôi đã không xem ông ấy có mang ví tiền trên người hay không.”

“Chả sao. Ông ấy không mang ví. Đây chỉ là sự may mắn ngốc nghếch.”

Ông xem xét lỗ đạn trên trán xác chết. “Trông giống như một viên .45. Gọn gàng. Gần giống như đạn bắn tập. Anh có chìa khóa không?”

“Thưa sếp, có.”

Bell đóng cửa hòm xe. Ông nhìn quanh. Những chiếc xe bán tải trên xa lộ liên tiểu bang gài số nhỏ khi chạy đến gần. “Tôi đã nói chuyện với Lamar. Bảo ông ấy có thể nhận lại xe của ông ấy trong ba ngày. Tôi gọi Austin và họ đang tìm anh ngay sớm ngày mai. Tôi không muốn đưa ông này vào một trong những xe của ta và chắc chắn ông ta không cần đến trực thăng*. Anh đưa xe của Lamar về

Sonora khi xong việc rồi gọi cho tôi hoặc Wendell để đón anh. Anh có tiền không?”

“Thưa sếp, có.”

“Viết báo cáo như bất kỳ báo cáo nào khác.”

“Dạ, thưa sếp.”

“Đàn ông da trắng, gần bốn mươi tuổi, người tàn tật.”

“Sếp đánh vần Wyrick như thế nào?”

“Anh không cần đánh vần. Ta không biết ông ấy tên gì*.”

“Dạ, thưa sếp.”

“Có thể ông ta có gia đình ở đâu đấy.”

“Dạ. Này sếp.”

“Hò?”

“Ta có manh mối gì về thủ phạm không?”

“Không có. Trao cho Wendell mấy chiếc chìa khóa kéo anh quên.”

“Chìa khóa ở trong xe.”

“Thế thì đừng để lại chìa khóa trong xe.”

“Dạ, thưa sếp.”

“Hẹn gặp lại anh trong hai ngày nữa.”

“Dạ, thưa sếp.”

“Tôi mong cái thằng khốn kiếp đó đang ở California.”

“Dạ, thưa sếp. Tôi hiểu ý sếp muốn nói gì.”

“Tôi có linh cảm hắc không ở đây.”

“Dạ, thưa sếp. Tôi cũng nghĩ thế.”

“Wendell, sẵn sàng chưa?”

Wendell dựa người và nhổ nước bọt: “Thưa sếp, tôi đã sẵn sàng.” Anh nhìn qua Torbert. “Nếu anh bị cái tên già ấy chặn lại thì chỉ cần bảo họ anh không biết gì cả. Bảo họ có ai đấy hẳn đã tổng ông ta vào trong đó trong khi anh đang uống cà phê.”

Torbert gật đầu. “Anh và cảnh sát trưởng sẽ đi xuống để cứu tôi thoát tội hờ?”

Bell nói: “Nếu chúng tôi không thể giúp anh thoát ra thì chúng tôi sẽ cùng vào đấy với anh. Tất cả các anh không nên coi thường.”

Wendell gật đầu: “Vâng, sếp nói đúng. Ngày nào đấy có thể là chính tôi.”

Lái xe ra khỏi quốc lộ 90 đến ngã rẽ ở Dryden, ông thấy một con điều hâu nằm chết ở giữa đường. Ông thấy mấy cánh lông vũ phát phơ trong gió. Ông dừng xe lại, bước ra, đi trở lại, ngồi xồm trên hai gót giày mà xem xét con điều hâu. Ông nắm một cánh lên rồi thả cho rơi xuống. Con mắt vàng lạnh lùng.

Đấy là một con đuôi đỏ lớn. Ông nắm lấy đầu cánh nhắc con chim lên, mang đến gần con rãnh, đặt trên nền cỏ. Loại chim này đậu trên cột điện cao, quan sát con xa lộ dài nhiều ki-lô-mét theo hai hướng. Quan sát bất kỳ con vật nhỏ nào phiêu lưu qua đây. Bay theo con mồi ngược theo ánh nắng. Không tạo ra bóng. Đang mãi mê đuổi theo con mồi. Đáng lẽ đã không bị xe cán chết.

Ông đứng đấy, nhìn qua bãi sa mạc. Thật là yên ắng. Tiếng gió rì rào. Từng bụi cây cao dọc con đường. Dãy núi đá thô ráp in bóng trong ánh chiều muộn, về hướng đông, bình nguyên sa mạc lung linh dưới bầu trời với những màn mưa treo đen thẫm. Ông quay lại

chiếc xe tuần tra, bước vào và lái đi.

Khi chạy đến phía trước văn phòng cảnh sát trưởng ở Sonora, cái đầu tiên ông trông thấy là dải băng* màu vàng kéo dọc bãi đỗ xe. Một nhóm người đang tụ tập. Ông bước ra khỏi xe, đi băng qua đường.

“Chuyện gì vậy, Cảnh sát trưởng?”

Bell nói: “Tôi không biết. Mới đến đây.”

Ông cúi người đi qua dải băng, bước lên các bậc thang. Lamar nhìn lên khi ông gõ cửa: “Vào đi, Ed Tom. Vào đi. Chúng tôi đang rối cả lên đây.”

Họ đi ra bãi cỏ của trụ sở tòa án. Vài người đi theo.

Lamar nói: “Tất cả các anh cứ đi. Tôi và Cảnh sát trưởng đây cần nói chuyện.”

Lamar trông hốc hác. Ông nhìn qua Bell rồi nhìn xuống đất. Ông lắc đầu rồi quay phía khác. “Khi còn nhỏ tôi thường chơi đùa ở đây. Ngay ở chỗ này. Tôi nghĩ bọn trẻ bây giờ không hề biết trò chơi ấy là gì. Ed Tom, đấy là một tên cuồng trí khôn kiếp.”

“Tôi nghe anh. Anh có gì nói tiếp không?”

“Thật sự là không.”

Lamar nhìn đi nơi khác. Ông lau đôi mắt với ống tay áo. “Bây giờ tôi nói cho anh nghe. Cái thằng chó chết đó không thể sống ngày nào để trình diện trước tòa án. Nếu tôi tóm được hắn.”

“Thế thì trước nhất phải tóm được hắn.”

“Anh con trai đó đã lấy vợ.”

“Trước đây tôi không biết.”

“Hai mươi ba tuổi. Anh con trai trong sạch. Sạch như tờ giấy trắng. Bây giờ tôi phải đến nhà cậu ấy kéo vợ cậu ấy nghe tin qua đài phát thanh chó chết.”

“Tôi không hề muốn làm việc của anh. Thực tình là không.”

“Ed Tom, tôi nghĩ tôi sẽ bỏ nghề.”

“Anh muốn tôi đi cùng không?”

“Không. Cảm ơn. Tôi phải đi.”

“Được rồi.”

“Tôi có linh cảm ta đang trông thấy cái gì đó ta chưa từng thấy trước đây.”

“Tôi cũng cảm thấy thế. Để tối nay tôi gọi anh.”

“Cảm ơn.”

Ông dõi theo Lamar đi qua bãi cỏ, leo lên các bậc thang dẫn đến văn phòng ông này. Ông thầm thì: “Tôi mong anh đừng bỏ nghề. Tôi nghĩ chúng ta sẽ cần đến tất cả các anh.”

Khi chiếc xe buýt dừng lại trước quán café, đồng hồ chỉ 1 giờ 20 phút khuya. Chỉ có ba hành khách trên xe.

Tài xế xe buýt loan báo: “Trạm Sanderson.”

Moss bước về phía đầu xe. Anh đã thấy tài xế liếc nhìn mình qua kính chiếu hậu trong xe. Anh nói: “Này ông ơi. Ông có thể cho tôi xuống ở Desert Aire được không? Chân tôi bị đau; tôi sống ở dưới đó nhưng không có ai đến đón tôi.”

Tài xế đóng cánh cửa xe lại. Ông nói: “Được. Tôi đưa ông đến đó.”

Khi anh bước vào, cô đứng dậy khỏi ghế bành, chạy đến quàng hai cánh tay qua cổ anh. Cô nói: “Em nghĩ anh đã chết rồi.”

“À, anh không chết, thế nên em đừng sụt sướt.”

“Em không sụt sướt.”

“Em làm cho anh ít thịt ba chỉ và trứng trong khi anh đi tắm.”

“Để em xem vết cắt trên đầu anh. Chuyện gì xảy ra vậy? Chiếc xe đâu?”

“Anh cần đi tắm. Làm cho anh cái gì đó để ăn. Dạ dày anh nghĩ họng anh đã bị cắt đứt.”

Anh bận chiếc quần soot lúc bước ra khỏi buồng tắm. Khi anh ngồi ở chiếc bàn lót formica trong gian bếp, câu đầu tiên cô hỏi là: “Phía sau cánh tay anh có cái gì vậy?”

“Bao nhiêu quả trứng đây?”

“Bốn.”

“Em có thêm bánh mì nướng không?”

“Có thêm hai miếng đang nướng. Chuyện gì vậy, Llewelyn?”

“Em muốn nghe gì?”

“Sự thật.”

Anh hóp một ngúm cà phê; bắt đầu rắc muối lên món trứng.

“Anh không muốn kể cho em nghe hả?”

“Đúng vậy.”

“Chân anh làm sao vậy?”

“Bị thương khi anh sơ ý.”

Cô phết bơ lên hai miếng bánh mỳ mới, đặt lên đĩa và ngồi trên chiếc ghế đối diện. Anh nói: “Anh thích ăn điểm tâm trong buổi tối. Làm anh nhớ lại những ngày còn độc thân.”

“Đã xảy ra chuyện gì, anh Llewelyn?”

“Carla Jean, chuyện như thế này. Em cần thu xếp đồ đạc để sẵn sàng rời khỏi nơi đây rạng sáng mai. Bất kỳ món nào em để lại thì em sẽ không thấy nó nữa, vì vậy nếu cần món gì thì phải mang theo. Có chuyến xe buýt rời khỏi nơi đây lúc bảy giờ mười lăm. Anh muốn em đi Odessa* và chờ anh ở đó cho đến lúc anh có thể gọi cho em.”

Cô ngả người trên chiếc ghế nhìn anh: “Anh muốn em đi Odessa?”

“Đúng vậy.”

“Anh không đùa đấy chứ?”

“Anh à? Không. Anh không đùa chút nào. Mình còn mứt không?”

Cô đứng dậy lấy mứt trong tủ lạnh đặt trên bàn, rồi lại ngồi xuống. Anh mở nắp lọ mứt, phết một ít lên miếng bánh mỳ.

“Trong chiếc cặp anh mang về có gì vậy?”

“Anh đã nói với em trong đó có gì.”

“Anh đã nói là có đầy tiền.”

“À, vậy thì anh nghĩ nó là thế đó.”

“Nó ở đâu?”

“Ở dưới gầm giường.”

“Ở dưới gầm giường?”

“Đúng vậy, thưa cô.”

“Em vào xem được không?”

“Em là con gái da trắng tự do và hai mươi một tuổi, nên anh nghĩ em có thể làm bất cứ việc gì em muốn.”

“Em không phải hai mươi một tuổi.”

“À, thế thì sao cũng được.”

“Và anh muốn em lên xe buýt đi Odessa.”

“Em sẽ phải lên xe buýt đi Odessa.”

“Liệu em sẽ nói với Mẹ ra sao?”

“À, thử đứng trước cửa nhà và hô lên: Mẹ ời, con đã về.”

“Chiếc xe anh đâu?”

“Tiêu rồi. Không có gì là mãi mãi.”

“Làm thế nào chúng ta đi đến đó vào buổi sáng?”

“Gọi cô Rosa ở đằng kia. Cô ấy không bận bịu gì cả.”

“Llewelyn, anh đã làm gì?”

“Anh đánh cướp nhà băng ở Fort Stockton.”

“Anh nói dối táo tợn.”

“Nếu không tin anh thì hỏi anh làm gì? Em cần sửa soạn đồ đạc. Mình chỉ còn có bốn tiếng đồng hồ trước khi trời sáng.”

“Cho em xem cái gì trên cánh tay anh.”

“Em đã thấy.”

“Để em thoa thứ thuốc gì đó.”

“Ừ, anh nghĩ còn thuốc mỡ trong tủ thuốc. Em đi đi và đừng quấy rầy anh nữa nhé! Anh đang cố ăn.”

“Anh bị bỏng hở?”

“Không. Anh vừa nói là em phải đi lo sửa soạn. Bây giờ đi đi.”

Hắn lái xe vượt qua cầu Sông Pecos ở phía bắc Sheffield Texas rồi đi theo đường 349 Nam. Khi hắn ghé vào trạm xăng ở Sheffield thì trời đã sụp tối. Hắn xin người chủ trạm xăng đổi tiền lẻ, gọi điện thoại, đổ đầy bình xăng rồi trở vào trả tiền.

Người chủ hỏi: “Anh có bị mắc mưa trên đường đi không?”

“Đường nào?”

“Tôi thấy anh đến từ Dallas.”

Chigurh thu tiền lẻ trên mặt quầy: “Việc tôi đến từ đâu có mắc mớ gì đến anh, hả anh bạn?”

“Tôi không có ý gì.”

“Anh không có ý gì.”

“Tôi chỉ muốn bắt chuyện vậy mà.”

“Tôi nghĩ cái tật đó khiến cho anh có tư cách lời thôi.”

“Thưa ông, tôi xin lỗi. Nếu ông không nhận lời xin lỗi của tôi thì tôi không biết phải làm gì hơn.”

Chigurh hỏi: “Bao nhiêu cho phần này?”

“Xin lỗi?”

“Tôi hỏi bao nhiêu cho phần này.”

“Sáu mươi chín cent.”

Chigurh đặt tờ một đô la lên mặt quầy. Người chủ sắp xếp những đồng tiền lẻ trước mặt mình giống như người chia bài trong sòng bạc sắp xếp tiền hồ. Chigurh vẫn để mắt nhìn ông ta. Ông quay mặt hướng khác. Ông ho một tiếng. Chigurh dùng răng xé một gói điều lộn hột, đổ một phần ba gói vào lòng bàn tay rồi đứng đấy mà ăn.

Người chủ trạm xăng hỏi: “Ông cần gì nữa không?”

“Tôi không biết. Có gì nữa không?”

“Có vấn đề gì không?”

“Về cái gì?”

“Về mọi thứ.”

“Anh hỏi tôi như thế hả? Có vấn đề gì về mọi thứ không hả?”

Người chủ quay mặt đi, đặt bàn tay lên che miệng và lại ho. Ông nhìn qua Chigurh và Chigurh nhìn chỗ khác. Hắn nhìn qua khung cửa sổ ở phía trước cửa hiệu. Những máy bơm xăng và chiếc xe đang đỗ ở đấy. Chigurh ăn thêm một vốc hạt điều.

“Ông cần gì thêm không?”

Chigurh nói: “Anh đã hỏi tôi câu đó rồi.”

“À, tôi cần lo đóng cửa.”

“Lo đóng cửa.”

“Vâng, thưa ông.”

“Mấy giờ anh đóng cửa?”

“Bây giờ. Chúng tôi đóng cửa bây giờ.”

“Bây giờ không phải là giờ. Mấy giờ anh đóng cửa?”

“Thường là khoảng chập tối. Lúc trời tối.”

Chigurh chậm chậm nhai hạt điều: “Anh không biết mình đang nói gì, phải không?”

“Thưa ông?”

“Tôi bảo anh không biết mình đang nói gì, phải không?”

“Tôi nói về việc đóng cửa. Đó là điều tôi muốn nói.”

“Mấy giờ anh đi ngủ?”

“Thưa ông?”

“Anh hơi điếc, phải không? Tôi hỏi mấy giờ anh đi ngủ.”

“À, khoảng chín giờ rưỡi. Phòng chừng chín giờ rưỡi.”

Chigurh đổ thêm hạt điều vào lòng bàn tay: “Thế thì tôi có thể trở lại.”

“Lúc đó chúng tôi đã đóng cửa.”

“Được thôi.”

“Thế thì tại sao ông trở lại? Chúng tôi sẽ đóng cửa.”

“Anh đã nói vậy rồi.”

“Vâng, chúng tôi sẽ đóng cửa.”

“Anh ngụ trong căn nhà phía sau đó, phải không?”

“Vâng, đúng vậy.”

“Anh sống ở đây từ nhỏ hả?”

Người chủ ngân ngữ rồi đáp: “Đây là cơ sở của cha vợ tôi. Lúc đầu là vậy.”

“Anh kết hôn với cơ sở này.”

“Trong nhiều năm chúng tôi đã sống ở Temple Texas. Tạo dựng gia đình ở đó. Ở Temple. Khoảng bốn năm trước chúng tôi dời đến đây.”

“Anh kết hôn với cơ sở này.”

“Tùy ông muốn nói cách nào cũng được.”

“Tôi không có cách nói nào. Sự việc là vậy.”

“À, tôi cần đóng cửa bây giờ.”

Chigurh đồ phần hột điều cuối cùng vào lòng bàn tay, vò cái túi nhỏ và đặt lên mặt quầy. Hắn đứng thẳng trông kỳ quặc, miệng vẫn nhai hột điều.

Người chủ nói: “Có vẻ như ông muốn hỏi nhiều. Đó là đối với người không muốn nói mình đến từ đâu.”

“Khi thấy đồng xu thì anh từng thua nặng nhất là bao nhiêu?”

“Thưa ông?”

“Tôi hỏi khi thấy đồng xu thì anh từng thua nặng nhất là bao nhiêu.”

“Thấy đồng xu hả?”

“Thấy đồng xu.”

“Tôi không biết. Thường người ta không đánh cược với nhau khi thấy đồng xu. Thường đó là để quyết định việc gì khác.”

“Anh đã từng thấy quyết định việc gì lớn nhất?”

“Tôi không biết.”

Chigurh lấy từ túi áo một đồng 25 cent, thả tung lên giữa ánh sáng xanh của đèn néon. Hắn bắt lấy đồng xu, úp trên lưng bàn tay. Hắn nói: “Đoán sắp ngửa đi.”

“Đoán hả?”

“Vâng.”

“Để làm gì?”

“Cứ đoán đi.”

“Tôi cần biết đoán để được gì.”

“Điều đó có thay đổi gì không?”

Lần đầu tiên, người chủ nhìn vào mắt Chigurh. Xanh như da trời. Vừa long lạnh vừa vẫn đục. Như là đá ướt. Chigurh nói: “Anh phải đoán. Tôi không thể đoán thế anh. Như vậy là không công bằng. Thậm chí là không đúng mực. Chỉ cần đoán.”

“Tôi không đặt cược gì cả.”

“Có đó. Anh đã đặt cược cả đời mình. Có điều là anh không biết. Anh biết năm ghi trên đồng xu này không?”

“Không.”

“Đó là một nghìn chín trăm năm mươi tám. Đồng xu này đã lưu hành hai mươi hai năm mới đến đây. Bây giờ nó ở đây. Và tôi ở đây. Và tôi làm chủ nó. Hoặc là sắp hoặc ngựa. Anh phải nói. Đoán đi.”

“Tôi không biết mình sẽ thắng cái gì.”

Trong ánh sáng xanh, khuôn mặt người chủ lăm tấm mồ hôi. Ông liếm môi trên.

Chigurh nói: “Anh sẽ thắng mọi thứ. Mọi thứ.”

“Ông ạ, ông nói không đúng lý gì cả.”

“Đoán đi.”

“Thế thì là ngựa.”

Chigurh nhắc bàn tay che đồng xu, xoay cổ tay kia cho người chủ xem. Hắn nói: “Tốt lắm.”

Hắn cầm lấy đồng xu và trao cho người chủ.

“Tôi làm gì với nó?”

Chigurh nói: “Nhận đi. Đó là đồng xu may mắn của anh.”

“Tôi không cần.”

“Anh cần mà. Nhận đi.”

Người chủ trạm xăng nhận lấy đồng xu. Ông nói: “Bây giờ tôi phải đóng cửa.”

“Đừng cất trong túi.”

“Thưa ông?”

“Đừng cất trong túi.”

“Ông muốn tôi cất ở đâu?”

“Đừng cất trong túi. Anh sẽ không biết nó là đồng nào.”

“Được rồi.”

Chigurh nói: “Mọi thứ có thể là một vật dụng. Những thứ vụn vặt. Chuyển từ tay này qua tay khác. Người ta không để ý tới. Và rồi tới một ngày có vụ tính sổ. Sau đó, mọi thứ đều thay đổi. Anh nói đó chỉ là một đồng xu. Giả dụ vậy. Không có gì đặc biệt cả. Nhưng nó là một vật dụng như thế nào? Anh thấy ra vấn đề. Để phân biệt hành động với món vật. Như thế những phần của một thời khắc trong lịch sử có thể hoán đổi với những phần của một thời khắc khác. Làm thế nào có thể được như vậy? À, đấy chỉ là một đồng xu. Ủ. Đúng vậy. Phải không?”

Chigurh thu tiền thối từ mặt quầy vào lòng bàn tay, cho vào túi rồi quay người bước qua cánh cửa. Người chủ trạm xăng nhìn hẩn đi. Nhìn hẩn bước vào xe. Chiếc xe rồ máy rồi chạy ra xa lộ về hướng nam. Không hề bật đèn. Ông đặt đồng xu lên mặt quầy và nhìn nó. Ông đặt cả hai bàn tay lên mặt quầy và chỉ đứng tựa ở đấy, đầu cúi xuống.

Hắn đến Dryden khoảng tám giờ tối. Hắn dừng lại ở ngã tư trước cửa hàng thực phẩm Condra's, máy xe vẫn nổ nhưng đèn xe vẫn tắt. Rồi hắn bật đèn xe lên và rẽ vào xa lộ 90 để đi về hướng đông.

Những vệt sơn trắng bên vệ đường trông giống vệt ghi dấu của trắc đạt viên nhưng không có con số mà chỉ là những vạch hình chữ V. Hắn để ý ghi nhận khoảng đường đi bằng đồng hồ khoảng cách trên xe, chạy thêm hơn một ki-lô-mét rưỡi, chậm lại rồi tách ra khỏi xa lộ. Hắn tắt đèn xe, vẫn để xe nổ máy, bước ra, mở cánh cổng rồi quay lại. Hắn lái xe dọc hàng rào chặn bò, bước ra và đứng nghe ngóng. Rồi hắn bước vào xe và lái đi trên con đường mòn có nhiều vệt bánh xe lún.

Hắn chạy dọc theo hàng rào chạy về hướng nam, chiếc Ford cổ nuốt đoạn đường gồ ghề. Hàng rào là tàn tích từ ngày xưa, chỉ có ba sợi dây chằng dọc những hàng cột phủ dây leo gai góc. Được khoảng hơn một ki-lô-mét rưỡi, hắn đi đến một khu sỏi đá bằng phẳng, nơi có một chiếc Dodge Ramcharger đang đỗ hướng về phía hắn. Hắn chậm chậm cho xe chạy kế bên chiếc xe ấy rồi tắt máy.

Chiếc Dodge Ramcharger có kính thật đậm đến nỗi trông như có màu đen. Chigurh mở cửa và bước ra. Một người đàn ông bước ra phía đối diện tay lái của chiếc Dodge, gấp chiếc ghế về phía trước rồi bước vào phía sau. Chigurh đi vòng quanh chiếc xe, bước vào và đóng cửa xe lại. Hắn nói: "Đi đi."

Người lái xe hỏi: "Anh nói chuyện với anh ta chưa?"

"Chưa."

"Anh ta không biết chuyện gì xảy ra hả?"

"Không biết. Đi đi."

Chiếc xe lăn bánh qua vùng sa mạc trong bóng tối.

Người lái xe hỏi: “Khi nào anh định cho anh ta biết?”

“Khi tôi biết phải nói với anh ta chuyện gì.”

Khi họ đi đến chiếc xe bán tải của Moss, Chigurh nghiêng người tới trước để quan sát.

“Có phải chiếc xe của hấn không?”

“Phải. Bảng số xe đã được tháo gỡ.”

“Đậu lại ở đây. Anh có cây vặn vít không?”

“Tìm trong cái hộp dụng cụ đó.”

Chigurh bước ra khỏi xe với cây vặn vít, đi đến bên chiếc xe bán tải và mở cửa ra. Hấn cạy ra tấm thẻ kiểm tra bằng nhôm phía bên trong cửa xe, cho vào túi, rồi bước quay về, lên xe và đặt cây vặn vít vào hộp dụng cụ. Hấn nói: “Ai đã cắt bánh xe?”

“Không phải là bọn ta.”

Chigurh gật đầu, nói: “Đi thôi.”

Cách một quãng đường, họ đỗ xe lại, bước xuống nhìn về phía các chiếc xe. Chigurh đứng nhìn một hồi lâu. Đáy thùng lưng se lạnh, hấn không có áo khoác nhưng dường như hấn không màng. Hai người kia đứng chờ. Hấn bật lên chiếc đèn bấm trong tay, đi vòng quanh các chiếc xe và các thi thể. Hai người kia đi theo sau hấn.

Chigurh hỏi: “Con chó của ai vậy?”

“Bọn tôi không rõ.”

Hấn đứng nhìn người đàn ông gục chết trước tay lái chiếc Bronco. Hấn rọi đèn vào khoang hành lý phía sau hàng ghế.

Hắn hỏi: “Cái hộp ở đâu?”

“Trên chiếc xe tải. Anh muốn xem hả?”

“Anh tìm ra gì từ nó không?”

“Không.”

“Không có gì hết hả?”

“Không có tiếng nào.”

Chigurh quan sát người chết. Hắn chiếu ngọn đèn lên xuống cái xác.

Hắn bước lui lại, đứng nhìn lòng chảo núi lửa dưới ánh trăng. Hoàn toàn im ắng. Phóng chừng như người đàn ông trên chiếc Bronco đã chết chưa được ba ngày. Hắn rút khẩu súng lục từ thắt lưng, xoay người đến nơi hai người kia đang đứng, tuần tự bắn vào đầu mỗi người một phát, rồi giắt khẩu súng lại vào thắt lưng. Người thứ hai thật ra đã nhìn thoáng qua người thứ nhất khi người này ngã xuống. Chigurh bước đến giữa hai người, cúi xuống tháo ra dây đeo vai từ người thứ hai, lấy ra khẩu Glock chín mi-li-mét. Rồi hắn đi trở lại chiếc xe, bước vào, nổ máy xe, lái ra khỏi lòng chảo núi lửa và chạy về hướng xa lộ.

Chương III

Tôi không rõ các cơ quan công quyền có được lợi nhiều từ công nghệ mới hay không. Những khí tài nằm trong tay chúng tôi thì cũng rơi vào tay bọn chúng. Không phải ý tôi nói là chúng ta có thể quay trở lại thời xa xưa. Hoặc liệu chúng ta có muốn quay trở lại hay không. Lúc trước chúng tôi được trang bị bộ đàm kiểu Motorola hai chiều. Bây giờ chúng tôi có máy cao tần số. Nhiều thứ đã thay đổi. Nhưng cảm nhận thông thường thì không đổi. Đôi lúc tôi bảo thuộc hạ mình rằng cứ xài những thứ quen thuộc. Tôi vẫn còn thích các khẩu Colt .44-40. Nếu không hạ được hãn thì cứ vút nó mà chạy. Tôi thích khẩu Winchester kiểu 97. Tôi thích nó vì nó có cần lên cò. Tôi không thích phải mò mẫm tìm chốt an toàn. Dĩ nhiên là có nhiều thứ tệ hại hơn. Chiếc xe tuần tra của tôi đã cũ bảy năm. Nó có máy 454. Bạn không còn tìm ra được loại máy đó. Tôi đã dùng vài kiểu xe mới. Nó không thể bắt kịp một người béo phì. Tôi bảo mình muốn dùng những thứ hiện có. Không phải lúc nào đấy cũng là sách lược hay. Nhưng đấy cũng không phải là sách lược tồi.

Còn việc kia thì tôi không biết. Người ta nhiều lúc hỏi tôi về việc kia. Tôi không thể nói ra vì tôi muốn loại bỏ hãn nó. Đấy không phải là việc mà tôi muốn thấy nữa. Để chứng kiến. Những người thật sự phải chờ nhận thi hành án tử hình sẽ không bao giờ thấy được. Tôi tin vào điều ấy. Bạn sẽ còn nhớ đôi điều về việc như thế. Người ta không biết phải ăn mặc ra sao. Có một vài người mặc màu đen, mà tôi nghĩ như thế là được. Vài người đàn ông mặc áo tay cộc và tôi thấy phiền hà vì việc này. Tôi không biết mình có thể nói với bạn tại sao.

Nhưng có vẻ như họ biết phải làm gì và điều này làm cho tôi ngạc nhiên. Tôi biết phần lớn bọn họ chưa từng dự khán việc thi hành án tử hình. Khi xong xuôi, họ kéo lại tấm màn chung quanh phòng hơi ngạt trong khi tử tội ngồi chết gục và người ta đứng dậy ra về. Giống như đi ra khỏi nhà thờ hoặc đại loại như thế. Việc này có vẻ như là kỳ quặc. Mà nó đúng là kỳ quặc. Tôi phải nói rằng có lẽ đây là một ngày bất thường nhất mà tôi đã kinh qua.

Khá nhiều người không tin vào việc này. Ngay cả những người làm việc thi hành án. Bạn hẳn lấy làm ngạc nhiên. Tôi nghĩ có vài người trong bọn họ vào lúc nào đấy đã ngạc nhiên. Trong nhiều năm họ đã thỉnh thoảng trông thấy ai đó, và rồi đến một ngày họ dẫn người ấy đi dọc hành lang và mang người này đến cũi chết. Ra thế. Việc này khiến cho hầu như ai cũng không biết nói sao. Tôi không màng người ấy là ai. Và dĩ nhiên vài người trong bọn trẻ không được thông minh lắm. Ông cha cố Pickett kể cho tôi nghe về một tử tội ông giúp làm thánh lễ. Anh này dùng bữa ăn cuối cùng rồi yêu cầu món tráng miệng, bất kỳ món gì. Rồi đến giờ phải dẫn anh ta đi, và cha Pickett hỏi anh ta tại sao không ăn món tráng miệng. Anh ta nói mình muốn để dành cho đến khi trở lại. Tôi không biết nói về chuyện này ra sao. Cha Pickett cũng thế.

Tôi chưa từng phải giết ai và tôi lấy làm vui về điều này. Thậm chí vài cảnh sát đã phục vụ lâu năm không muốn mang vũ khí. Nhiều người ngạc nhiên về chuyện này, nhưng đấy là sự thật. Jim Scarborough chưa bao giờ mang vũ khí. Đấy là anh trai trẻ Jim. Gaston Boykins cũng không mang vũ khí. Ở tận trên hạt* Comanche. Lúc nào tôi cũng muốn nghe về những ngày xưa cũ. Không bao giờ bỏ qua cơ hội như thế. Mỗi quan tâm ngày xưa mà các cảnh sát viên mang trong lòng đối với cư dân trong khu vực

của họ thì bây giờ đã bớt đi. Bạn hẳn đã nhận ra điều ấy. Cái anh da đen Hoskins ở hạt Bastrop nhớ năm lòng số điện thoại của mọi người trong cả hạt.

Quả là điều kỳ quặc khi bạn nghĩ đến điều ấy. Ở đâu cũng có cơ hội cho người ta lạm dụng. Trong Hiến pháp bang Texas không có ghi yêu cầu gì đối với cảnh sát. Chẳng có yêu cầu gì cả. Không có luật của hạt. Cảnh sát nghĩ về nhiệm vụ của họ ở nơi chốn mà họ có quyền uy như Thượng đế và không có yêu cầu gì áp đặt lên mình cả. Họ được phân nhiệm vụ gìn giữ luật lệ vốn đã không có, thế nên bạn bảo cho tôi biết như vậy có phải là kỳ quặc hay không. Bởi vì tôi nói nó là như thế. Nó có làm chức năng tốt không? Có chứ. Chín mươi phần trăm thời gian là tốt. Không cần gì nhiều để quản lý người tốt. Chỉ cần rất ít. Còn người xấu thì không thể quản lý được. Hoặc nếu được thì tôi chưa từng nghe qua.

Chiếc xe buýt chạy vào Fort Stockton lúc chín giờ mười lăm. Moss đứng dậy, nắm lấy chiếc túi từ ngăn hành lý phía trên đầu, nhặt lên chiếc cặp da từ ghế ngồi và nhìn xuống cô.

Cô nói: “Đừng bước lên máy bay với cái đó. Họ sẽ giam anh vào ngục.”

“Mẹ anh không dạy bảo các con thành người ngu dốt.”

“Khi nào anh gọi điện cho em?”

“Ít ngày nữa anh sẽ gọi.”

“Thế thì được.”

“Em bảo trọng.”

“Em có linh cảm không hay, Llewelyn ạ.”

“À, anh thì có linh cảm tốt. Vậy là hai linh cảm hóa giải cho nhau.”

“Em mong vậy.”

“Anh chỉ có thể gọi cho em từ máy điện thoại công cộng.”

“Em biết. Anh nhớ gọi cho em.”

“Anh sẽ gọi. Đừng có lo lắng mọi thứ.”

“Llewelyn?”

“Cái gì?”

“Không có gì cả.”

“Chuyện gì vậy?”

“Không có gì. Em chỉ buột miệng thế thôi.”

“Em bảo trọng.”

“Llewelyn?”

“Cái gì?”

“Đừng làm hại ai. Anh nghe chứ?”

Anh đứng đấy với chiếc túi quàng qua vai. Anh nói: “Anh không hứa gì cả. Nếu hứa thì sẽ bị làm hại.”

Bell vừa nâng chiếc nĩa để bắt đầu dùng bữa tối thì chuông điện thoại reo. Ông hạ chiếc nĩa xuống. Loretta vừa kéo chiếc ghế của mình ra phía sau thì ông lau miệng với chiếc khăn rồi đứng dậy. Ông nói: “Để anh nghe.”

“Được rồi.”

“Làm cái quái gì mà họ biết mình đang ăn? Mình chẳng bao giờ ăn muộn như thế này.”

Loretta nói: “Đừng chửi rửa.”

Ông nhắc máy lên: “Cảnh sát trưởng Bell đây.”

Ông lắng nghe một lúc. Rồi ông nói: “Tôi đang dùng bữa tối cho xong. Tôi sẽ đến gặp anh ở đây trong vòng bốn mươi lăm phút. Chỉ cần để đèn hiệu trên xe của anh.”

Ông đặt điện thoại xuống, trở lại ghế ngồi, nhắc chiếc khăn lau miệng trải lên đùi rồi cầm lấy chiếc nĩa. Ông nói: “Có người gọi về việc một chiếc xe bốc cháy. Ở bên này vực núi Lozier.”

“Anh nghĩ có chuyện gì?”

Ông lắc đầu.

Ông ăn tiếp. Ông uống ngụm cà phê cuối cùng. Ông nói: “Đi với anh.”

“Để em đi lấy áo choàng.”

Khi xe chạy đến cánh cổng, họ lái qua hàng rào ngăn bò và đậu sau xe của Wendell. Anh này tiến lại và Bell kéo cửa kính xe xuống.

Wendell nói: “Cách đây khoảng nửa dặm*, sắp chỉ cần đi theo tôi.”

“Tôi thấy mà.”

“Dạ, thưa sếp. Khoảng một giờ trước ở đây nhìn thấy rất rõ. Người gọi điện báo nhìn thấy nó từ trên đường.”

Họ cho xe đỗ lại cách một quãng, bước ra khỏi xe và đứng nhìn. Họ có thể cảm thấy hơi nóng phả lên mặt. Bell đi vòng qua chiếc xe, mở cánh cửa và nắm lấy bàn tay vợ mình. Loretta bước ra đứng nhìn, hai cánh tay khoanh phía trước thân người. Có một chiếc xe bán tải đậu cách một khoảng ngắn; hai người đang đứng đấy trong ánh lửa đỏ bập bùng. Họ gật đầu chào nhau và kêu lên: “Cảnh sát trưởng.”

Loretta nói: “Đáng lẽ mình nên mang theo xúc xích để nướng.”

“Ừ. Hay là kẹo dẻo.”

“Anh hẳn nghĩ một chiếc xe không tự bốc cháy như thế.”

“Đúng, không ai nghĩ thế. Các anh có thấy gì không?”

“Không, thưa sếp. Chỉ thấy lửa.”

“Có trông thấy ai hoặc cái gì không?”

“Thưa sếp, không thấy gì.”

“Wendell, anh thấy nó giống như chiếc Ford đời 77 không?”

“Có thể.”

“Tôi nói nó giống như thế.”

“Có phải đó là chiếc cái anh già kia vẫn lái không?”

“Phải. Biển số Dallas*.”

“Đây không phải là ngày may mắn cho hẳn, phải không hở sếp?”

“Đúng hẳn rồi.”

“Sếp nghĩ tại sao họ đốt chiếc xe?”

“Tôi không biết.”

Wendell quay người, nhổ nước bọt. “Đó có phải là chuyện hấn nghĩ đến khi rời Dallas không?”

Bell lắc đầu: “Không. Tôi đoán hấn không hề nghĩ đến chuyện này.”

Vào buổi sáng khi ông đi đến văn phòng thì chuông điện thoại đang reo. Torbert chưa trở lại. Cuối cùng, lúc chín giờ rưỡi anh này gọi về. Bell phái Wendell đi đón anh. Rồi ông ngồi đưa hai chân lên mặt bàn, nhìn chăm chăm đôi giày cao cổ của mình. Ông ngồi như thế một hồi lâu. Rồi ông lấy bộ đàm gọi Wendell.

“Anh đang ở đâu?”

“Vừa mới đi qua vực núi Sanderson.”

“Quay trở về.”

“Được. Còn Torbert thì sao?”

“Gọi bảo hấn cảnh giác. Tôi sẽ đến đón hấn chiều nay.”

“Dạ, thưa sếp.”

“Đi lấy xâu chìa khóa của chiếc xe bán tải Loretta đang giữ và nối toa rơ-moóc. Đóng yên cho ngựa của tôi và ngựa của Loretta rồi đưa lên toa. Tôi sẽ đến gặp anh ngoài đó trong khoảng một tiếng đồng hồ.”

“Dạ, thưa sếp.”

Ông treo ống nói lên, đứng dậy rồi đi xuống kiểm soát nhà giam.

Họ lái chiếc xe qua cánh cổng, đóng cánh cổng lại, chạy tiếp khoảng một trăm mét dọc hàng rào rồi dừng xe. Wendell mở hai cánh cửa toa rơ-moóc, dẫn hai con ngựa ra. Bell nắm lấy dây cương con ngựa của vợ ông, nói: “Anh cưới con Winston.”

“Sếp chắc không?”

“Còn hơn cả chắc nữa. Nếu có chuyện gì xảy đến cho ngựa của Loretta thì bây giờ tôi có thể cho anh biết là chắc chắn anh sẽ không hề muốn mình là người cưới nó.”

Ông trao cho Wendell một trong những khẩu súng trường ông mang theo, nhảy lên yên ngựa và kéo vành mũ xuống. Ông hỏi: “Sẵn sàng chưa?”

Họ phi ngựa song song bên nhau. Bell nói: “Ta đã chạy qua vết bánh xe của họ nhưng anh vẫn có thể nhìn ra. Loại bánh xe rộng để chạy bằng đồng.”

Khi hai người đến nơi, chiếc xe chỉ còn là một cái khung cháy nám đen.

Wendell nói: “Anh đã nói đúng về cái biển số xe.”

“Nhưng tôi đã nói dối về bánh xe.”

“Nói dối thế nào?”

“Tôi đã nói các bánh xe lúc đó còn đang cháy.”

Chiếc xe nằm giữa bốn vệt trông giống như hắc ín, những sợi kim loại quấn quanh niềng bánh xe rồi nụi như bong bóng. Họ tiếp tục phóng ngựa đi. Thỉnh thoảng Bell chỉ xuống đất. Ông nói: “Anh có thể phân biệt vệt bánh xe chạy ban ngày hoặc ban đêm. Họ đã lái xe trong đêm tối mà không bật đèn. Có thấy vệt bánh xe chạy xiên xẹo

không? Giống như họ không thể nhìn được xa nên không kịp tránh lùm bụi phía trước. Hoặc có thể để lại vết sơn trên vách đá như ở đằng kia.”

Đến một bãi cát, ông xuống ngựa, đi tới đi lui rồi nhìn ra xa về hướng nam. “Có cùng những dấu bánh xe khi chạy đến và chạy đi. Gần như cùng một lúc. Anh có thể thấy những vết gai lốp xe rất rõ. Đó là đường họ chạy đi. Tôi có thể nói mỗi chiều có hai hoặc ba chuyến đi.”

Wendell vẫn ngồi trên lưng ngựa, hai tay bắt chéo nhau nắm lấy núm chiếc yên. Anh nghiêng người phun nước bọt. Anh nhìn về hướng nam cùng với Cảnh sát trưởng. “Sếp đoán ta tìm thấy gì ở đây?”

Bell đáp: “Tôi không rõ.” Ông đặt một chân lên bàn đạp bên hông ngựa, nhẹ nhàng nhắc người lên yên rồi phóng con ngựa nhỏ chạy tới. Ông lại nói: “Tôi không rõ. Chưa thể nói nếu chưa thấy gì.”

Khi họ chạy đến chiếc xe bán tải của Moss, viên Cảnh sát trưởng quan sát rồi cho ngựa đi chậm chậm vòng quanh. Cả hai cánh cửa chiếc xe đều mở.

Ông nói: “Có ai đấy đã nạy ra tấm thẻ kiểm tra.”

“Các con số thì nằm trên khung.”

“Ừ. Tôi nghĩ đấy không phải là lý do họ muốn lấy đi.”

“Tôi biết chiếc xe này.”

“Tôi cũng biết.”

Wendell nghiêng người lấy tay vỗ cổ con ngựa. “Anh này tên là Moss.”

“Ừ.”

Bell cho ngựa chạy vòng phía sau chiếc xe rồi quay đầu ngựa lại, nhìn Wendell. “Anh biết anh ta ngụ ở đâu không?”

“Thưa sếp, không.”

“Anh ta có vợ, phải không?”

“Tôi nghĩ vậy.”

Viên Cảnh sát trưởng nhìn chiếc xe bán tải. “Tôi vừa nghĩ ra rằng quả là điều kỳ lạ nếu anh ta mất tích hai hoặc ba ngày mà không nghe ai nói năng gì cả.”

“Quả là kỳ lạ.”

Bell nhìn xuống lòng chảo núi lửa. “Tôi nghĩ mình thật sự có mỗi tai họa ở đây.”

“Tôi tin sếp.”

“Anh nghĩ anh này buôn ma túy hờ?”

“Tôi không biết. Tôi không nghĩ vậy.”

“Tôi cũng vậy. Đi xuống kia mà xem cái đám bầy hầy còn lại.”

Hai người cưỡi ngựa chạy xuống lòng chảo núi lửa, giữ khẩu súng trường Winchester tựa trên yên ngựa trước mặt. Bell nói: “Tôi hy vọng anh ta không nằm chết ở dưới đó. Anh ta là người tử tế; tôi đã trông thấy anh ta một, hai lần. Vợ anh ta cũng đẹp.”

Họ cưỡi ngựa qua các thi thể nằm trên mặt đất và dừng lại, xuống ngựa và để rơi dây cương. Hai con ngựa dậm chân bồn chồn.

Bell nói: “Anh dẫn lũ ngựa ra đằng xa kia. Chúng không cần phải nhìn cảnh này.”

“Dạ, thưa sếp.”

Khi Wendell trở lại, Bell đưa cho anh ta hai chiếc ví ông lấy từ các thi thể. Ông nhìn về phía những chiếc xe bán tải.

Ông nói: “Hai người này chết chưa lâu như đàn kia.”

“Họ từ đâu tới?”

“Dallas.”

Bell trao cho Wendell khẩu súng lục ông vừa nhặt lên rồi ngồi xôm tựa vào khẩu súng trường ông mang theo. Ông nói: “Hai anh này bị hành quyết. Tôi có thể nói do một đồng bọn. Anh già chưa hề mở chốt an toàn của khẩu súng lục này. Cả hai đều bị bắn giữa hai con mắt.”

“Người kia không có súng hay sao?”

“Có lẽ tên sát nhân đã lấy đi. Hoặc có lẽ anh ta không có súng.”

“Cách tôi tề để đấu súng như vậy.”

“Đúng là tôi tề.”

Họ đi giữa những chiếc bán tải. Wendell nói: “Mấy kẻ săn mồi này say máu như lợn rừng.”

Bell liếc qua anh.

Wendell nói: “Dạ. Tôi nghĩ ta nên cẩn thận mà đừng nguyên rửa người chết.”

Bell nói: “Tôi chỉ nói ít nhất có lẽ ta sẽ gặp chuyện không may khi làm thế.”

“Đó chỉ là một đám Mễ buôn ma túy.”

Bell nói: “Trước đây họ buôn ma túy. Bây giờ thì hết rồi.”

“Tôi không rõ sắp muốn nói gì.”

“Ý tôi chỉ nói dù họ đã là gì chẳng nữa thì giờ đây họ chỉ là những xác chết.”

“Tôi sẽ gác chuyện đó qua một bên.”

Viên Cảnh sát trưởng nghiêng người đến ghế chiếc Bronco và nhìn về phía sau. Ông thấm nước bọt trên đầu ngón tay, quệt xuống mặt thảm rồi giơ ngón tay ra ánh sáng. “Đây là một loại ma túy nâu của Mexico.”

“Bây giờ thì biến mất từ lâu, phải không sếp?”

“Lâu rồi.”

Wendell ngồi xồm, quan sát mặt đất dưới cánh cửa. “Trông như có thêm một ít trên mặt đất. Có thể ai đó đã cắt một trong mấy cái túi. Để xem bên trong là thứ gì.”

Bell nói: “Có thể là để kiểm tra chất lượng. Đang chuẩn bị giao dịch.”

“Họ không giao dịch. Họ bắn giết nhau.”

Bell gật đầu.

“Thậm chí tiền bạc có lẽ cũng không có.”

Bell nói: “Có lẽ đúng.”

“Nhưng sếp không tin.”

Bell đã nghĩ đến điều này. Ông nói: “Không. Có lẽ tôi không tin.”

“Có thêm chuyện lời thôi thứ hai ở đằng kia.”

Bell nói: “Đúng. Ít nhất là thế.”

Ông đứng dậy, đẩy chiếc ghế về chỗ cũ. “Người công dân tốt này cũng bị bắn giữa hai mắt.”

“Ừa.”

Họ đi vòng quanh chiếc xe.

Bell lấy tay chỉ: “Đấy là súng máy, bắn thẳng từ đằng kia.”

“Tôi cũng thấy như vậy. Thế thì sếp nghĩ người lái xe đi đâu?”

“Có lẽ là một người trong bọn họ đang nằm đằng kia.”

Bell rút ra chiếc khăn tay đưa lên mũi, thò tay vào lấy ra một số vỏ đạn nằm trên sàn xe, nhìn qua các con số khảm trên mặt đáy vỏ.

“Đạn cỡ bao nhiêu vậy, hờ sếp?”

“Chín mi-li-mét. Một vài viên thuộc loại .45 ACP*.”

Ông thả các vỏ đạn trở lại trên sàn xe, lui về sau, nhắc lấy khẩu súng trường ông đã để dựa vào chiếc xe. “Xem ra thì thấy ai đó đã dùng súng shotgun.”

“Sếp nghĩ các lỗ đạn là lớn hay sao?”

“Tôi nghĩ đạn bi cỡ số bốn thì đúng hơn.”

“Kẻ cũng đáng đồng tiền.”

Bell nói: “Anh nói thế cũng đúng. Nếu muốn quét sạch cả một con hẻm thì đấy là cách được việc.”

Wendell nhìn qua lòng chảo núi lửa. Anh nói: “À, có người đi ra khỏi đây.”

“Đúng thế.”

“Sếp nghĩ làm thế nào chó rừng không thịt bọn họ?”

Bell lắc đầu, nói: “Tôi không biết. Có lẽ chúng không thích ăn thịt bọn Mẽ.”

“Bọn nằm đằng kia không phải là Mẽ.”

“À, đúng thế.”

“Ngoài này trông giống như chiến trường Việt Nam.”

Viên Cảnh sát trưởng nói: “Việt Nam!”

Họ bước ra giữa các chiếc xe. Bell nhặt lấy vài vỏ đạn, quan sát rồi lại thả cho rơi xuống. Ông nhặt lấy một bộ nạp đạn* bằng nhựa màu lam. Ông đứng nhìn qua quang cảnh, nói: “Để tôi nói cho anh nghe.”

“Sếp nói đi.”

“Không có lý do nào mà người cuối cùng không hề bị bắn.”

“Tôi đồng ý.”

Bell nói: “Tại sao mình không lấy ngựa đi tiếp lên một quãng và nhìn chung quanh? Có thể tìm thấy một vài chứng cứ.”

“Được ạ.”

“Anh có thể cho tôi biết họ muốn làm gì với một con chó ở đây?”

“Tôi không biết.”

Khi họ tìm ra người chết cạnh vách đá cách một dặm về phía đông bắc, Bell chỉ ngồi trên lưng con ngựa của vợ ông. Ông ngồi đấy một hồi lâu.

“Sếp đang nghĩ gì?”

Viên Cảnh sát trưởng lắc đầu. Ông xuống ngựa, bước đến bên người đàn ông đang ngồi gục chết. Ông đi quanh, khẩu súng trường lủng lẳng trên vai. Ông ngồi xồm, quan sát đám cỏ.

“Có thêm một vụ hành quyết hả sếp?”

“Không, tôi tin đây là cái chết do nguyên nhân tự nhiên.”

“Nguyên nhân tự nhiên hả?”

“Tự nhiên theo loại công việc hấn đã làm.”

“Hấn không có súng.”

“Đúng thế.”

Wendell nghiêng người nhổ nước bọt. “Có người đã đến đây trước ta.”

“Tôi cũng thấy thế.”

“Sếp có nghĩ người đó lấy đi số tiền không?”

“Tôi nói là có khả năng đó.”

“Thế thì chúng ta vẫn chưa tìm ra người cuối cùng, phải không?”

Bell không trả lời. Ông đứng lên, nhìn ra phía vùng đồng trống.

“Đây là một vụ quá phức tạp, phải không sếp?”

“Nếu ban đầu chưa phải là phức tạp thì có người đã đến gây chuyện phức tạp.”

Wendell hỏi: “Thế thì sếp nghĩ cái anh già hữu hảo đó đang ở đâu?”

“Tôi không biết.”

“Tôi nghĩ đi tìm ra anh ta là việc ưu tiên hàng đầu của sếp.”

Viên Cảnh sát trưởng gật đầu: “Ưu tiên hàng đầu.”

Họ quay về thị trấn. Viên Cảnh sát trưởng phái Wendell mang trả toa rờ-moóc và hai con ngựa.

“Nhớ gõ cửa cảm ơn Loretta.”

“Tôi nhớ. Dù sao tôi cũng phải mang trả chìa khóa.”

“Chính quyền hạt này không trả thù lao vì đã dùng ngựa của bà

ấy.”

“Tôi nghe rồi.”

Ông gọi cho Torbert qua điện thoại di động. “Tôi sẽ đến đón anh. Cứ chờ đây.”

Khi ông đi đến trước văn phòng của Lamar, dải băng cảnh sát vẫn còn giăng ngang sân cỏ của tòa án. Torbert đang ngồi trên các bậc thang. Anh đứng dậy, bước về phía chiếc xe.

Bell hỏi: “Anh ổn chứ?”

“Dạ, thưa sếp.”

“Cảnh sát trưởng Lamar đâu?”

“Ông ấy được gọi đi ra ngoài.”

Họ lái xe ra xa lộ. Bell kể cho người trợ lý về vụ việc ở vùng lòng chảo núi lửa. Torbert im lặng lắng nghe. Anh nhìn ra bên ngoài cửa sổ xe. Sau một lúc, anh nói: “Tôi đã nhận được báo cáo từ Austin*.”

“Họ nói gì?”

“Không nói gì nhiều.”

“Anh ta bị bắn bằng súng gì?”

“Họ không biết.”

“Họ không biết à?”

“Đúng vậy, thưa sếp.”

“Làm thế nào mà họ không biết? Vết thương không có miệng trở ra.”

“Đúng, thưa sếp. Họ sẵn lòng nhìn nhận việc đó.”

“Sẵn lòng nhìn nhận hử?”

“Dạ, thưa sếp.”

“Thế thì họ nói cái quái gì, Torbert?”

“Họ nói có vẻ như một viên đạn cỡ lớn gây ra vết thương trên trán, và nói là vết thương đó đi sâu vào hộp sọ hơn năm phân đến thùy trán của bộ óc, nhưng họ không tìm ra viên đạn.”

“Họ nói đấy là vết thương.”

“Dạ, thưa sếp.”

Bell rẽ ra đường xa lộ liên tiểu bang. Ông gõ các ngón tay lên tay lái. Ông nhìn qua người trợ lý: “Torbert, việc anh vừa nói chẳng đúng lý gì cả.”

“Tôi đã nói với họ như vậy.”

“Họ trả lời ra sao?”

“Họ chẳng trả lời gì cả. Họ đang gửi báo cáo qua đường chuyển phát nhanh FedEx. Phim X quang và mọi thứ. Họ bảo sếp sẽ nhận được ở văn phòng sáng mai.”

Hai người im lặng. Sau một lúc, Torbert nói: “Cả vụ việc này rồi rầm quá, phải không sếp?”

“Ừ, đúng thế.”

“Tất cả có bao nhiêu người chết?”

“Câu hỏi hay. Tôi không chắc mình đã đếm. Tám. Cộng thêm phụ tá Haskins là chín.”

Torbert nhìn ra vùng đồng trống bên ngoài. Những bóng dài đổ trên mặt đường. Anh nói: “Bọn họ là đám người quái nào vậy?”

“Tôi không biết. Tôi thường nói họ là hạng người lúc nào mình cũng phải lo xử lý. Cùng hạng người mà ông nội tôi đã phải xử lý.

Lúc đó họ đi ăn trộm bò. Bây giờ họ buôn bán ma túy. Nhưng tôi không biết bây giờ còn như thế hay không. Tôi giống anh. Tôi không chắc mình đã từng gặp bọn họ trước đây. Không rõ họ là hạng người nào. Thậm chí tôi không biết phải đối phó với họ ra sao. Nếu mình giết hết bọn họ thì địa ngục phải xây thêm cơ sở mới.”

Chigurh lái xe đến Desert Aire lúc gần giữa trưa, đỗ lại gần nhà di động của Moss rồi tắt máy xe. Hấn bước ra, đi qua khoảng sân trước, bước lên các bậc thang rồi gõ lên khung cửa nhôm. Hấn chờ một lúc. Rồi hấn lại gõ cửa. Hấn quay lưng về căn nhà di động, quan sát khu vườn nhỏ. Không có gì cử động. Không có con chó nào. Hấn quay lại, cầm lấy nắm cửa, dùng khẩu súng bắn bò* bắn cho xy-lanh ống khóa rơi ra, mở cánh cửa, đi vào rồi đóng cánh cửa lại.

Hấn đứng, lăm lăm trên tay là khẩu súng lúc trước hấn đã cướp của viên cảnh sát. Hấn nhìn vào gian bếp. Hấn đi vào phòng ngủ. Hấn đi qua phòng ngủ, mở cánh cửa nhà tắm rồi đi vào phòng ngủ thứ hai. Quần áo trên sàn nhà. Cửa tủ mở. Hấn mở ngăn kéo trên cùng rồi đóng lại. Hấn giắt khẩu súng vào lưng quần, kéo vạt áo phủ lên rồi bước vào gian bếp.

Hấn mở tủ lạnh, lấy ra một hộp giấy sữa tươi, mở ra, ngửi rồi uống. Hấn đứng đấy, chiếc hộp giấy trên một tay, nhìn ra ngoài khung cửa sổ. Hấn uống tiếp, đặt chiếc hộp giấy trở lại vào tủ lạnh, rồi đóng cánh cửa.

Hấn đi ra phòng khách, ngồi trên ghế bành. Có một TV 21 inch còn mới đặt trên mặt bàn. Hấn nhìn bóng mình phản chiếu trên màn

hình xám đen.

Hắn đứng dậy, nhặt lấy thư từ trên sàn nhà, lại ngồi xuống xem xét từng phong thư. Hắn chọn lấy ba trong số các phong thư, bỏ vào túi áo, đứng dậy rồi bước ra ngoài.

Hắn lái xe đến đỗ phía trước văn phòng rồi đi vào. Người đàn bà nói: “Chào ông.”

“Tôi muốn tìm Llewelyn Moss.”

Người đàn bà quan sát hắn: “Ông có đi đến nhà di động của anh không?”

“Tôi có đến.”

“Thế thì tôi nghĩ anh đang đi lo làm ăn. Ông có muốn để lại tin nhắn không?”

“Anh ấy làm việc ở đâu?”

“Thưa ông, tôi không muốn tự tiện tiết lộ thông tin về cư dân của chúng tôi.”

Chigurh nhìn quanh văn phòng nhỏ đóng bằng ván ép.

“Anh ấy làm việc ở đâu?”

“Xin lỗi ông?”

“Tôi hỏi anh ấy làm việc ở đâu.”

“Ông không nghe tôi nói sao? Chúng tôi không thể tiết lộ thông tin.”

Tiếng dội nước bồn cầu ở đâu đấy. Tiếng chốt cửa kéo ra. Chigurh lại nhìn người đàn bà. Rồi hắn đi ra, bước vào chiếc Ramcharger và lái đi.

Hắn đỗ lại trước quán café, rút ra ba phong thư từ túi áo, mở ra

rồi đọc các lá thư bên trong. Hấn mở ra hóa đơn điện thoại, nhìn qua các giá tiền. Có các cuộc gọi đi Del Rio* và đi Odessa.

Hấn đi vào, xin đổi tiền lẻ, bước ra tủ điện thoại công cộng, quay số ở Del Rio nhưng không có tiếng trả lời. Hấn quay số ở Odessa, giọng một phụ nữ trả lời, và hấn xin nói chuyện với Llewelyn. Người phụ nữ nói anh ấy không có ở đây.

“Tôi cố đi tìm anh ấy ở Sanderson nhưng tôi nghĩ anh ấy không còn ở đó nữa.”

Một khoảnh khắc im lặng. Rồi người phụ nữ nói: “Tôi không biết anh ấy ở đâu. Ông là ai?”

Chigurh gác máy, đi đến quầy bar, ngồi xuống và gọi một ly cà phê. Hấn hỏi thầm: “Liệu Llewelyn đã từng ở đây không?”

Khi hấn đỗ xe phía trước ga-ra, có hai người đàn ông đang ngồi ăn trưa, lưng dựa vào tường. Hấn bước vào. Có một người đàn ông ở bàn giấy, đang uống cà phê và nghe máy thu thanh. Anh nói: “Chào ông.”

Chigurh nói: “Tôi muốn tìm Llewelyn.”

“Anh không có ở đây.”

“Khi nào anh ấy đến?”

“Tôi không biết. Anh không báo trước, nên anh có thể đoán giỏi như tôi.” Anh khẽ nghiêng đầu. Như thể anh muốn nhìn Chigurh rõ hơn. “Tôi có thể giúp ông việc gì không?”

“Tôi nghĩ là không.”

Bên ngoài, hấn đứng trên mặt đường mấp mô dính dầu máy.

Hắn nhìn đến hai người đàn ông đang ngồi ở đầu cuối của tòa nhà.

“Hai anh có biết Llewelyn ở đâu không?”

Họ lắc đầu. Chigurh bước vào chiếc Ramcharger, lái trở về thị trấn.

Chiếc xe buýt chạy vào Del Rio sau giữa trưa. Moss xách lấy chiếc túi, bước xuống xe. Anh bước đến bên xe taxi, mở cánh cửa sau của một chiếc taxi đang đỗ ở đấy rồi bước vào. Anh nói: “Đưa tôi đến một motel*.”

Tài xế taxi nhìn anh qua kính chiếu hậu: “Ông có chủ định đi đến chỗ nào không?”

“Không. Chỉ cần anh đưa tôi đến nơi nào đó giá rẻ.”

Chiếc taxi chạy đến một nơi có tên Trail Motel. Moss bước ra với chiếc túi xách và chiếc cặp da, trả tiền cho tài xế, rồi đi đến quầy lễ tân. Một phụ nữ đang ngồi xem TV. Cô đứng dậy đi vòng phía sau bàn giấy.

“Cô có phòng trống không?”

“Tôi có vài phòng trống. Ông ở mấy đêm?”

“Tôi chưa biết.”

“Lý do tôi hỏi là vì chúng tôi có giá tuần. Ba mươi lăm đô cộng một đô bảy mươi lăm cent thuế. Tổng cộng ba mươi sáu đô bảy mươi lăm cent.”

“Ba mươi sáu đô bảy mươi lăm cent.”

“Thưa ông, đúng vậy.”

“Giá một tuần?”

“Thưa ông, đúng vậy. Giá một tuần.”

“Đó là giá rẻ nhất hả?”

“Vâng, thưa ông. Giá tuần thì không giảm bớt.”

“Thế thì cứ tính theo từng ngày.”

“Được, thưa ông.”

Anh nhận chìa khóa, đi vào phòng, đóng lại cánh cửa, đặt hai chiếc túi trên mặt giường. Anh kéo lại các màn cửa, đứng nhìn qua tấm màn hướng mắt đến khoảng sân nhỏ bên thềm. Im ắng đến chết người. Anh cài sợi dây xích qua chốt khóa cửa, rồi đến ngồi trên giường. Anh mở khóa kéo của cái túi, lấy ra khẩu súng lục tự động đặt trên tấm trải giường rồi nằm xuống kế bên.

Khi anh thức giấc thì trời đã về chiều. Anh vẫn nằm đấy, nhìn lên tấm trần amiăng hoen ố. Anh ngồi dậy, tháo ra đôi giày cao cổ và đôi bít tất, xem xét miếng băng trên gót chân. Anh đi vào nhà tắm, nhìn mình qua tấm gương, cởi chiếc áo sơ-mi, xem xét phía sau cánh tay. Vùng da tái lại từ bả vai xuống đến cùi tay. Anh đi trở ra, lại ngồi trên chiếc giường. Anh nhìn khẩu súng đang nằm đấy. Sau một lúc, anh leo lên mặt bàn gỗ rẻ tiền, dùng con dao nhíp mở các con ốc vít của tấm vỉ che ống dẫn hơi máy lạnh, tuần tự đặt từng con ốc vít ngậm vào miệng. Rồi anh dỡ tấm vỉ xuống, đặt trên mặt bàn, nhón chân lên để nhìn vào bên trong ống dẫn hơi.

Anh cắt một đoạn dây kéo rèm cửa sổ, cột một đầu dây vào chiếc cặp da. Rồi anh mở nắp cặp, đếm ra một nghìn đô, gấp các tờ giấy bạc cho vào túi áo, đóng nắp cặp lại và cột lại hai sợi dây buộc.

Anh gỡ cái ống trong tủ quần áo, để các chiếc mắc áo trên sàn, rồi

lại đứng trên mặt bàn đẩy chiếc cặp da vào bên trong ống dẫn hơi. Anh cầm cái ống đẩy chiếc cặp da sâu thêm vào bên trong cho đến khi tay anh chỉ còn nắm được đầu sợi dây. Anh lắp lại tám vít, siết lại các ốc vít, đi vào phòng tắm để tắm dưới vòi hoa sen. Khi bước ra, anh nằm trên giường, chỉ mặc chiếc quần đùi, kéo tấm chăn phủ lên mình và phủ luôn khẩu súng tự động kế bên. Anh mở chốt an toàn của khẩu súng. Rồi anh ngủ thiếp đi.

Khi anh tỉnh dậy thì trời đã tối. Anh vung hai chân xuống, ngồi lắng nghe động tĩnh. Anh đứng dậy, bước đến khung cửa sổ, kéo tấm màn qua một chút và nhìn ra ngoài. Những bóng tối thăm thẳm. Hoàn toàn yên lặng. Không có gì cả.

Anh mặc quần áo, đặt khẩu súng đã mở chốt an toàn dưới nệm, ngồi trên giường mà nhấc điện thoại gọi taxi.

Anh phải trả thêm mười đô cho tài xế taxi đưa anh qua cây cầu dẫn đến Ciudad Acuña*. Anh bước dọc hè phố, nhìn vào khung kính các cửa hàng. Trời chiều ấm dịu; sáo đá đang gọi nhau trên những cành cây. Anh bước vào một hiệu giày, nhìn qua các sản phẩm hiếm lạ - làm bằng da cá sấu, đà điểu hoặc voi - nhưng chất lượng các đôi giày cao cổ kém xa đôi giày hiệu Larry Mahans anh đang mang. Anh đi vào một hiệu thuốc, mua một hộp băng, rồi đến ngồi ở công viên để băng lại gót chân bị thương. Đôi bút tất đã vậy máu. Nơi một góc đường, một tài xế taxi hỏi anh có muốn đi tìm gái không. Moss giơ bàn tay lên cho anh tài xế thấy chiếc nhẫn cưới, rồi đi tiếp.

Anh ngồi ăn trong nhà hàng có khăn phủ bàn trắng và người phục vụ mặc áo veston trắng. Anh gọi một ly rượu vang đỏ và một

đĩa bít-tết. Giờ này vẫn còn sớm, cả nhà hàng chỉ có anh ngồi ăn. Anh nhấm nháp rượu vang và khi đĩa bít-tết được dọn lên, anh ăn một cách chậm rãi và suy nghĩ về cuộc đời mình.

Sau mười giờ tối, anh trở về motel, ngồi trên taxi trong khi xe còn nổ máy để đếm tiền. Anh trao những tờ giấy bạc qua băng ghế trước, chuẩn bị bước ra nhưng rồi dừng lại. Anh vẫn ngồi đấy, bàn tay đặt lên tay cầm cửa xe. Anh nói: “Cho tôi đi vòng qua bên hông.”

Tài xế taxi sang số. Anh hỏi: “Phòng nào?”

“Chỉ cần lái đi vòng. Tôi muốn xem có ai ở đó không.”

Chiếc xe chậm chậm chạy qua phòng của anh. Màn cửa mở hé ra một khoảng nhỏ mà anh nhớ khá rõ mình đã không để như thế. Khó mà nói được. Nhưng không khó lắm. Chiếc taxi chậm chậm chạy qua. Không có chiếc xe nào trên bãi đỗ mà anh không thấy lúc trước. Anh nói: “Chạy tiếp đi.”

Tài xế taxi nhìn anh qua kính chiếu hậu.

Moss nói: “Anh đi tiếp. Dừng dừng.”

“Tôi không muốn vướng vào chuyện lôi thôi nào cả, anh bạn ạ.”

“Cứ đi tiếp.”

“Tôi muốn thả anh xuống đây và ta sẽ không cãi vã gì hết.”

“Tôi muốn anh đưa tôi đến một motel khác.”

“Ta phải sòng phẳng với nhau.”

Moss nghiêng người đến trước, cầm tờ một trăm đô đưa qua băng ghế trước. Anh nói: “Bạn vướng vào chuyện lôi thôi rồi. Tôi đang giúp bạn thoát ra. Bây giờ đưa tôi đến một motel.”

Tài xế taxi cầm lấy tờ giấy bạc, cho vào túi áo, cho xe chạy vòng quanh rồi chạy ra đường.

Anh qua đêm ở khách sạn Ramada Inn nằm kế xa lộ. Đến sáng, anh xuống ăn sáng và đọc báo. Rồi anh cứ ngồi đấy.

“Bọn họ không thể ở trong phòng khi có người vào làm vệ sinh.”

“Giờ trả phòng là mười một giờ sáng.”

“Có thể bọn họ đã tìm ra số tiền và đã bỏ đi.”

Dĩ nhiên ngoại trừ trường hợp là có hai nhóm đang truy lùng anh, và nếu một nhóm đã bỏ đi thì nhóm kia vẫn còn đó.

Đến lúc phải đứng dậy, anh biết rằng có lẽ mình phải giết một ai đấy. Có điều là anh không biết người ấy là ai.

Anh gọi taxi đi đến thị trấn, vào một cửa hàng bán đồ thể thao, mua một khẩu shotgun hiệu Winchester cỡ nòng 12 và một hộp đạn có sức công phá tương đương một quả mìn claymore*. Anh yêu cầu cửa hàng gói khẩu súng rồi đi bộ dọc phố Pecan đến một cửa hiệu bán đồ sắt. Anh mua một cửa sắt, một chiếc dũa và vài món vụn vặt. Một cây nhíp và kèm cắt. Một cây vặn vít. Đèn bấm. Một cuộn băng keo.

Anh đứng trên vỉa hè với các món vừa mua được. Rồi anh quay người đi trở lại dọc hè phố.

Trong cửa hàng bán đồ thể thao, một lần nữa anh hỏi cùng người bán hàng lúc trước để tìm mua cọc nhôm chẳng lều. Anh cố giải thích rằng mình không cần biết lều loại gì; anh chỉ cần các cây cọc.

Người bán hàng quan sát anh. Anh này nói: “Dù cho loại lều nào thì chúng tôi vẫn có loại cọc đặc biệt. Ông cần cho biết tên nhà sản

xuất và mã số kiểu.”

“Anh bán lều, phải không?”

“Chúng tôi có ba kiểu khác nhau.”

“Kiểu nào có nhiều cọc nhất?”

“À, tôi nghĩ đây là kiểu lều tường, cao ba mét. Ông có thể đứng thẳng trong lều. Ý tôi nói là một số người có thể đứng thẳng trong đó. Ở đỉnh lều có độ tĩnh không là gần hai mét.”

“Tôi muốn mua một bộ.”

“Vâng, thưa ông.”

Người bán hàng đi vào nhà kho mang ra chiếc lều đặt trên mặt quầy, trong một túi nhựa màu cam. Moss đặt khẩu shotgun và gói dụng cụ trên mặt bàn, tháo ra các sợi dây, kéo chiếc lều cùng với các cọc và dây nhợ ra khỏi túi nhựa.

Anh bán hàng nói: “Đây là trọn bộ.”

“Bao nhiêu?”

“Một trăm bảy mươi chín, cộng thêm thuế.”

Anh đặt hai tờ trăm đô lên mặt quầy. Các cọc nằm trong một túi khác. Anh rút chiếc túi này ra đặt cùng các món kia. Người bán hàng trao tiền thối cùng hóa đơn. Moss thu lấy khẩu shotgun, các món anh đã mua cùng với các cọc căng lều, ngỏ lời cảm ơn rồi bước ra ngoài. Người bán hàng gọi theo: “Còn lều thì sao?”

Trong phòng khách sạn, Moss rút ra khẩu shotgun rồi chèn vào ngăn kéo đang mở, nắm chặt nòng súng rồi cưa cho ngăn lại ngay phía trước ổ đạn. Anh dũa vết cưa cho láng rồi dùng chiếc khăn mặt ẩm lau đầu nòng súng. Rồi anh cưa bớt bóng súng theo một đường

để tạo thành khẩu súng lục. Anh ngồi trên giường dừa lảng vảng cửa bóng súng. Xong xuôi, anh kéo phần thân súng từ trước ra sau và kéo lại về phía trước, rồi kéo cò súng qua một bên để quan sát phía trong. Anh thấy khẩu súng vận hành khá hoàn hảo. Anh mở hộp đạn, nạp từng viên vào ổ đạn. Cuối cùng, anh đặt khẩu súng trên lòng. Chiều dài khẩu súng chỉ còn có 60 xen-ti-mét.

Anh gọi điện cho Trail Motel, yêu cầu giữ phòng cho anh ở tiếp. Rồi anh giấu khẩu súng và các viên đạn dưới tấm nệm và lại đi ra ngoài.

Anh đi đến trung tâm bách hóa Wal-Mart, mua vài bộ quần áo cùng một cái túi có khóa kéo để đựng. Một quần jeans, vài áo sơ mi và vài đôi bít tất.

Vào buổi chiều, anh đi dọc bờ hồ, mang theo đoạn nòng súng đã được cửa rời ra và các món linh tinh đựng trong cái túi. Anh ném đoạn nòng thật xa xuống mặt hồ và chôn các món linh tinh dưới lớp đá phiến sét. Có những con nai chạy nhảy qua những lùm bụi trên sa mạc. Anh nghe tiếng chúng khụt khịt và có thể thấy chúng khi chúng chạy ra, đứng trên một chỏm đồi cách anh gần một trăm mét mà nhìn đến anh. Anh ngồi trên một bãi sỏi với cái túi trống không đặt trên lòng, nhìn mặt trời lặn. Nhìn vùng đất trở màu xanh và se lạnh. Một con chim ưng bay lướt xuống mặt hồ. Rồi tất cả chìm vào bóng tối.

Chương IV

Tôi làm Cảnh sát trưởng của hạt này từ tuổi hai mươi lăm. Khó mà tin được. Cha tôi không phải là nhân viên công quyền. Ông nội tôi tên Jack. Tôi và ông nội tôi làm Cảnh sát trưởng cùng thời gian, ông ấy làm ở Plano còn tôi ở đây. Tôi nghĩ ông rất hãnh diện về việc này. Tôi biết rằng tôi hãnh diện. Tôi mới trở về từ cuộc chiến. Tôi có vài tấm huân chương và dĩ nhiên là người ta nghe đến tôi. Tôi phải làm việc khá căng. Ai cũng thế. Tôi cố tỏ ra công bằng. Ông nội tôi thường nói rằng mỗi khi mình đánh mất bản chất của mình thì mình cũng mất chân đứng, và tôi nghĩ ông ấy đã không đánh mất bản chất. Không nói xấu ai. Và tôi bao giờ cũng muốn làm giống ông. Tôi và vợ tôi đã cưới nhau được ba mươi một năm. Không có con. Chúng tôi mất một đứa con gái nhưng tôi không muốn nói thêm về chuyện này. Tôi phục vụ hai nhiệm kỳ rồi chúng tôi chuyển đến Denton*, Texas. Ông nội tôi thường nói rằng làm Cảnh sát trưởng là một trong những nghề tốt nhất và làm cựu Cảnh sát trưởng là một trong những điều tồi tệ nhất. Có lẽ nhiều việc cũng giống như thế. Chúng tôi ở rồi đi và đi rồi ở. Tôi đã làm qua nhiều việc. Có lúc làm thanh tra trên một tuyến tàu hỏa. Lúc ấy vợ tôi không thích thú lắm với việc chúng tôi trở về nơi đây. Với việc tôi ra ứng cử*. Nhưng Loretta thấy tôi muốn trở về, và thế là chúng tôi trở về. Loretta là một con người tốt hơn tôi, mà tôi nhìn nhận với tất cả mọi người là bà ấy luôn lắng nghe. Nhưng điều này không nói lên tất cả. Loretta là người tốt hơn tất cả những người tôi biết. Đơn giản là thế.

Thiên hạ thường nghĩ họ biết mình muốn gì, nhưng thường là họ không biết. Đôi lúc nếu do may mắn thì họ đạt được. Riêng tôi thì luôn may mắn. Cả đời tôi. Nếu không thì tôi không được như thế này. Tôi đã từng kinh

qua hoàn cảnh khổ ải. Nhưng đến ngày tôi trông thấy Loretta bước ra khỏi cửa hàng Kerr's, băng qua đường, đi ngang tôi, tôi khẽ dờ mũ chào và thoáng thấy nụ cười cô đáp lại, đấy là điều may mắn nhất cho tôi.

Thiên hạ thường phàn nàn về những chuyện xấu xảy đến cho họ mà họ nghĩ mình không đáng phải nhận, nhưng họ ít khi nhắc đến chuyện tốt. Tôi không nhớ mình đã làm điều gì hay khiến cho Thượng đế nhân từ với tôi. Nhưng tôi đã nhận được sự nhân từ.

Khi Bell bước vào quán café vào buổi sáng thứ Tư thì trời vừa hừng đông. Ông nhận lấy tờ báo rồi đi về bàn mình ở một góc. Những người ngồi ở chiếc bàn to đều gật đầu với ông, nói “Chào Cảnh sát trưởng.” Cô hầu bàn mang cà phê đến cho ông rồi đi vào bếp đặt làm món trứng. Ông ngồi khuấy ly cà phê với một chiếc muỗng dù rằng không có gì để khuấy vì ông uống cà phê đen không đường. Bức ảnh đứa con trai của Haskins được đăng trên trang nhất của tờ báo ở Austin. Bell đọc bài báo mà lắc đầu. Vợ của Haskins mới hai mươi tuổi. “Bạn có biết mình phải làm gì giúp cô ấy không? Chẳng giúp được cái quái gì cả.” Đã hơn hai mươi năm nay, Lamar chưa từng mất một người dưới quyền. Ông vẫn nhớ điều này. Điều này làm cho người ta nhớ mãi đến ông.

Cô hầu bàn mang món trứng đến. Bell gấp tờ báo lại, đặt qua một bên.

Bell dẫn Wendell theo. Họ lái xe xuống Desert Aire, đứng trước thềm nhà của Moss khi Wendell gõ cửa.

Bell nói: “Hãy nhìn ổ khóa.”

Wendell rút ra khẩu súng lục, mở cánh cửa. Anh gọi: “Sở Cảnh sát.”

“Không có ai ở đây.”

Bell nói: “Không có lý do để sơ suất.”

“Đúng vậy. Chẳng có lý do nào trên đời này.”

Họ bước vào. Wendell định tra khẩu súng lại vào bao súng nhưng Bell ngăn lại. Ông nói: “Phải theo thói quen cẩn thận.”

“Dạ, thưa sếp.”

Ông bước đến, cúi nhặt một thỏi đồng nhỏ trên thảm và gio lên.

Wendell hỏi: “Cái gì vậy?”

“Cái xy-lanh từ ổ khóa.”

Bell xoa tay trên mặt tấm ván ép ngăn đôi căn phòng. Ông nói: “Đây là chỗ nó va vào.” Ông nắm thỏi đồng trong bàn tay và nhìn ra phía cánh cửa. “Anh có thể cân món này, đo khoảng cách, chiều cao và tính ra vận tốc.”

“Tôi nghĩ mình tính được.”

“Vận tốc khá cao.”

“Dạ, thưa sếp. Vận tốc khá cao.”

Họ bước qua các phòng.

“Sếp nghĩ gì?”

Bell nói: “Tôi tin là họ đã bỏ đi rồi.”

“Tôi cũng nghĩ vậy.”

“Có vẻ như rất vội vã nữa.”

“Dạ.”

Ông bước vào gian bếp, mở cánh cửa tủ lạnh, nhìn vào, rồi đóng lại. Ông nhìn vào tủ đông.

“Vậy anh ta đã ở đây khi nào, hờ sếp?”

Bell nói: “Khó mà nói được. Có lẽ mình vừa vượt mất anh ta.”

“Sếp nghĩ anh chàng này có biết mấy tên khốn kiếp đang truy lùng mình là hạng người nào không?”

“Tôi không rõ. Anh ta hẳn phải biết. Anh ta đã thấy mọi thứ như tôi đã thấy và tôi có ấn tượng mạnh.”

“Họ đang bị rắc rối to, phải không?”

“Đúng thế.”

Bell bước trở ra phòng khách. Ông ngồi trên ghế bành. Wendell đứng giữa lối đi. Anh vẫn còn cầm khẩu súng trên tay. Anh hỏi: “Sếp đang nghĩ gì?”

Bell lắc đầu. Ông không nhìn lên.

Đến ngày thứ Tư, như thể phân nửa nhân sự của bang Texas đã đổ về Sanderson. Bell đang ngồi ở bàn ông trong quán café và đọc tin. Ông hạ tờ báo xuống và nhìn lên. Một người trạc ba mươi tuổi mà ông chưa từng quen biết đang đứng trước mặt ông. Anh này tự giới thiệu là phóng viên cho tờ báo *San Antonio Light*. Anh hỏi: “Có chuyện gì thế hở ông Cảnh sát trưởng?”

“Có vẻ như là tai nạn săn bắn.”

“Tai nạn săn bắn à?”

“Đúng.”

“Làm thế nào đó lại là tai nạn săn bắn? Ông giấu cọt tôi!”

“Cho tôi hỏi anh một chuyện.”

“Được.”

“Năm rồi có mười chín vụ trọng án được mang ra xử ở Tòa án hạt Terrell. Anh biết có bao nhiêu vụ không liên quan đến ma túy?”

“Tôi không biết.”

“Hai vụ. Trong khi đó tôi đang phụ trách một hạt rộng bằng Delaware* với đầy những người cần đến tôi trợ giúp. Anh nghĩ sao về điều này?”

“Tôi không biết.”

“Tôi cũng không biết. Bây giờ, ở đây tôi phải dùng bữa sáng. Tôi có cả một ngày tất bật trước mặt.”

Bell đi cùng Torbert trên chiếc xe bán tải hai cầu của anh này. Tất cả đều giống như khi họ rời đi lúc trước. Hai người đỗ xe cách chiếc xe của Moss một quãng. Torbert nói: “Là mười.”

“Cái gì?”

“Là mười. Người chết. Chúng ta đã quên ông già Wyrick. Mười người chết.”

Bell gật đầu. Ông nói: “Đấy là con số mình được biết.”

“Vâng, sếp. Đấy là mình được biết.”

Chiếc trực thăng bay đến, lượn vòng rồi đáp xuống giữa đám bụi xoáy quanh trên khoảng đồng bằng lũ tích. Chưa có ai bước xuống. Họ còn chờ cho đám bụi bay đi. Bell và Torbert nhìn cánh quạt quay chậm dần.

Đặc vụ DEA* tên là McIntyre. Bell biết sơ qua ông này và cũng có phần mến ông nên thấy đáng để gật đầu chào. McIntyre bước về phía hai người, tấm bìa kẹp giấy tờ ghi chú trong tay. Ông mang giày cao cổ, đội mũ, mặc áo vét vải dày, trông đầu vào đấy cho đến khi mở miệng.

“Chào Cảnh sát trưởng Bell.”

“Chào Đặc vụ McIntyre.”

“Đây là xe gì thế?”

“Xe bán tải Ford đời 72.”

McIntyre đứng nhìn ra khoảng đồng bằng lũ tích. Ông cầm tấm

bìa đập vào ống chân. Ông nhìn qua Bell: “Tôi vui mà được biết thế. Màu trắng.”

“Tôi có thể nói màu trắng. Đúng.”

“Có thể dùng một bộ lốp xe.”

Ông bước vòng quanh chiếc xe. Ông ghi chú trên tấm bìa. Ông nhìn vào phía trong. Ông gấp chiếc ghế về phía trước và nhìn phía sau.

“Ai đã cắt các lốp xe?”

Hai tay bỏ vào túi quần, Bell đứng nghiêng người nhổ nước bọt. “Phụ tá Hays đây tin là do băng nhóm thù nghịch.”

“Băng nhóm thù nghịch?”

Bell nói: “Đúng thế.”

McIntyre nói: “Tôi đã nghĩ mấy chiếc xe này bị bắn.”

“Đúng là bị bắn.”

“Nhưng chiếc này thì không.”

“Chiếc này thì không.”

McIntyre nhìn về phía chiếc trực thăng và nhìn xuống khoảng đồng bằng lũ tích hướng về phía các chiếc xe kia. “Tôi có thể đi nhờ xe cùng anh đến đấy được không?”

“Được chứ.”

Hai người đi về phía chiếc xe của Torbert. Viên đặc vụ nhìn qua Bell, lại cầm tấm bìa đập vào ống chân. “Anh nhất quyết làm cho ra lẽ chuyện này, phải không?”

Bell nói: “Chết thật, McIntyre ạ. Tôi đang dây dưa vào việc của anh.”

Họ đi vòng quanh trên khoảng đồng bằng lũ tích, quan sát các chiếc xe đã bị bắn. McIntyre đưa một chiếc khăn tay lên mũi. Các xác chết đã trương sình. Ông nói: “Đây gần như là cảnh tượng kinh khủng nhất mà tôi từng thấy.”

Ông đứng ghi chú trên tấm bìa. Ông bước ra xa, vẽ phác quang cảnh, ghi chép các bảng số xe.

Ông hỏi: “Không có súng ở đây à?”

Bell nói: “Không nhiều đến mức đáng lẽ phải có. Chúng tôi thu được hai khẩu làm vật chứng.”

“Anh nghĩ họ đã chết được bao lâu?”

Bell nói: “Bốn hoặc năm ngày.”

“Hẳn có người đã thoát đi.”

Bell gật đầu: “Có một xác khác cách đây khoảng một dặm.”

McIntyre nói: “Có bạch phiến đổ ra phía sau chiếc Bronco đó.”

Bell nói: “Vâng.”

Torbert nói: “Loại bạch phiến của Mexico.”

Bell nhìn qua Torbert. Torbert nghiêng người nhổ nước bọt, rồi nói: “Nếu bạch phiến biến mất và tiền biến mất thì tôi đoán có một người nào đó cũng biến mất.”

McIntyre nói: “Tôi thấy anh đoán đúng lý.”

McIntyre tiếp tục ghi chép. Ông nói: “Đừng lo. Tôi biết các anh chưa nắm hết tình tiết.”

Bell nói: “Tôi không lo.”

McIntyre chỉnh lại chiếc mũ, đứng nhìn về các chiếc xe. “Dân vệ* có đến đây không?”

Bell nói: “Họ đang đến. Hoặc là đơn vị chống ma túy.”

“Tôi nhận ra các loại đạn .380, .45, chín mi-li-mét dùng cho loại kíp đạn Parabellum*, cỡ 12 và loại đặc biệt .38. Còn gì nữa không?”

“Tôi nghĩ chỉ có thế.”

McIntyre gật đầu. “Tôi đoán những người đang chờ nhận ma túy bây giờ thấy rằng hàng không đến. Còn Lực lượng Biên phòng thì sao?”

Bell nói: “Theo tôi biết thì các đơn vị đều đang đến. Tôi nghĩ sẽ náo nhiệt đây. Có thể còn đông hơn trong trận lụt vào năm 65.”

“Ừ.”

“Cái ta cần là để mang mấy xác chết ra khỏi đây.”

McIntyre cầm tấm bìa đập vào ống chân. Ông nói: “Không phải chiếc xe đằng kia.”

Torbert nói: “Chín mi-li-mét parabellum.”

Bell gật đầu: “Anh cần ghi vào hồ sơ chi tiết này.”

Chigurh nhận được tín hiệu từ thiết bị định vị* phát qua nhịp dài của cầu Sông Devil phía tây Del Rio. Đã gần nửa khuya. Không có chiếc xe nào chạy trên xa lộ. Hắn đưa tay qua băng ghế kế bên, chậm chậm vặn chiếc nút qua lại, lắng nghe.

Ánh đèn pha soi rọi một con chim lớn nào đấy đang đậu trên hàng rào chắn của cây cầu phía trước. Chigurh bấm cái nút để hạ tấm kính cửa xe xuống. Gió lạnh lùa vào từ mặt hồ. Hắn rút ra khẩu súng lục, lên cò rồi chìa ra ngoài cửa sổ, để nòng súng tựa lên kính chiếu hậu. Khẩu súng được trang bị bộ phận hãm thanh ở phía cuối

nòng. Bộ phận hãm thanh được làm bằng vôi khí đốt lắp trong một cái lon xịt tóc, tất cả được nhồi với vật liệu cách âm sợi thủy tinh và được sơn màu đen tuyền. Hấn nổ một phát khiến cho con chim chúc xuống và giang rộng đôi cánh.

Con chim xòe cánh trong vùng ánh sáng, thật trắng, đảo vòng rồi cất mình lên trong khoảng tối tăm. Viên đạn bắn trúng hàng rào chắn, bật đi trong đêm đen. Hàng rào chắn vang tiếng trầm trầm rồi tắt hẳn. Chigurh đặt khẩu súng trên nệm ghế rồi đẩy tấm kính cửa xe lên.

Moss trả tiền cho tài xế, bước ra phía trước văn phòng motel, quàng chiếc túi ngang vai, đóng lại cửa xe rồi quay người bước vào. Người phụ nữ đang ở phía sau quầy. Anh đặt chiếc túi xuống sàn, đứng tựa vào quầy. Cô có vẻ phấn khởi. Cô nói: “Chào ông. Ông định lưu lại một thời gian phải không?”

“Tôi cần một phòng khác.”

“Ông muốn đổi phòng hay muốn có thêm một phòng ngoài phòng ông đang ở?”

“Tôi muốn giữ phòng đang có và nhận thêm một phòng khác.”

“Được rồi.”

“Cô có bản đồ của motel không?”

Cô gái lục tìm phía dưới quầy. “Có một tấm loại như thế. Chờ một phút. Tôi nghĩ nó đây.”

Cô đặt một tờ bướm cũ kỹ lên mặt quầy. Tờ bướm cho thấy một chiếc xe thời thập niên năm mươi đỗ phía trước. Anh mở tờ bướm

ra, vuốt cho thẳng thơm rồi nghiên cứu.

“Phòng một trăm bốn mươi hai được không?”

“Nếu muốn, ông có thể nhận phòng kế bên phòng hiện giờ. Một trăm hai mươi.”

“Được rồi. Phòng một trăm bốn mươi hai thì sao?”

Cô vói lấy chìa khóa từ tấm bảng phía sau. Cô nói: “Ông còn thiếu tiền phòng hai đêm.”

Anh trả tiền, nhắc lấy chiếc túi, bước ra và đi dọc hành lang ra phía sau motel. Cô đứng tựa mặt quỳ nhìn anh bước đi.

Trong phòng, anh ngồi trên giường với tấm bản đồ trải rộng. Anh đi vào phòng tắm, đứng trong bồn tắm, đặt tai sát bức tường. Âm thanh TV vọng đến từ đâu đấy. Anh bước ra, ngồi xuống mở khóa kéo chiếc túi, lấy ra khẩu shotgun đặt qua một bên, rồi trút các món khác ra trên mặt giường.

Anh lấy cây vụn vít, dời chiếc ghế bên bàn đến, đứng lên, mở tấm vỉ che ống dẫn hơi, bước xuống, đặt tấm vỉ trên giường. Rồi anh lại đứng lên, đặt tai vào ống dẫn hơi, lắng nghe. Anh bước xuống, lấy đèn bấm rồi lại đứng lên.

Có một điểm giao cắt trong đường ống, và cách quãng hơn ba mét anh có thể thấy phần cuối của chiếc túi nhô ra. Anh tắt đèn, đứng lắng nghe. Anh nhắm hai mắt lại để cố thu nhận mọi âm thanh.

Anh bước xuống, cầm lấy khẩu shotgun đi đến cánh cửa, tắt đèn, đứng trong bóng tối nhìn qua màn cửa đến khoảnh sân bên ngoài. Rồi anh trở lại, đặt khẩu shotgun trên giường, bật đèn bấm lên.

Anh mở cái túi nhựa, trút các cây cọc ra. Đây là những ống nhẹ bằng nhôm, dài gần một mét. Anh ráp ba ống lại với nhau, dùng băng dính dán quanh các điểm nối. Anh đi đến tủ quần áo lấy ba chiếc móc áo rồi đến ngồi trên giường, dùng kèm cắt ba cái móc rồi dùng băng keo dán để ghép ba cái móc lại với nhau. Anh dán cả ba cái móc vào đầu cây cọc, đứng lên luồn cây cọc vào ống dẫn hơi.

Anh tắt đèn bấm, đặt lên giường, trở lại cửa sổ nhìn ra bên ngoài. Tiếng rầm rì của một chiếc xe tải chạy trên xa lộ. Anh chờ cho chiếc xe chạy khuất. Một con mèo chạy ngang khoảnh sân, dừng lại rồi chạy tiếp.

Anh đứng lên chiếc ghế với đèn bấm trong tay, bật đèn lên, đặt ngọn đèn chữa vào thành kim loại mạ của ống dẫn hơi để giảm ánh sáng, đẩy cây cọc vào ống dẫn hơi đi qua chiếc cặp, xoay vòng rồi kéo cây cọc lại. Cái móc vướng vào chiếc cặp một chút rồi sút ra. Anh làm đi làm lại vài lần, cuối cùng cái móc móc vào dây quai của chiếc cặp. Anh nhẹ nhàng kéo cái cọc ra cho đến lúc anh nắm được chiếc cặp.

Anh bước xuống, ngồi trên ghế, lau lớp bụi trên chiếc cặp, mở hai chốt cài, tháo lỏng hai sợi dây buộc, mở nắp chiếc cặp và xem xét các xấp giấy bạc. Anh lấy ra một xấp, lật qua các tờ giấy bạc. Rồi anh xếp xấp giấy bạc trở lại vào chiếc cặp, tháo sợi dây buộc, tắt đèn bấm và ngồi nghe ngóng. Anh đứng lên, đẩy các cây cọc vào ống dẫn hơi, đẩy tấm vỉ lại, thu xếp các vật dụng. Anh đặt chiếc chìa khóa trên bàn, đặt khẩu shotgun và các vật dụng vào chiếc túi, cầm lấy chiếc túi và chiếc cặp da và bước ra khỏi cửa, để lại mọi thứ ở cùng tình trạng như lúc trước.

Chigurh lái xe chậm chậm dọc theo dãy phòng motel trong khi cửa kính xe được kéo xuống và bộ thu sóng nằm trên lòng. Đến đoạn cuối, hắn quay xe chạy trở lại. Hắn dừng xe, lùi chiếc Ramcharger lại một tí rồi dừng. Cuối cùng, hắn lái xe vòng quanh văn phòng, đỗ xe lại và bước vào.

Đồng hồ trên tường văn phòng chỉ mười hai giờ bốn mươi hai phút. TV vẫn mở nhưng người phụ nữ có vẻ như ngái ngủ. Cô hỏi: “Thưa ông, tôi có thể giúp gì được không?”

Hắn nhận chiếc chìa khóa cho vào túi áo, đi ra khỏi văn phòng, bước vào chiếc Ramcharger, lái vòng quanh tòa nhà, đỗ lại, bước đến căn phòng với chiếc túi đựng bộ thu sóng và các khẩu súng. Khi vào phòng, hắn đặt chiếc túi lên giường, tháo ra đôi giày cao cổ, trở ra với bộ thu sóng, bộ pin và khẩu shotgun lấy từ chiếc xe. Khẩu shotgun thuộc loại Remington bán tự động với cỡ nòng mười hai và báng súng bằng nhựa. Đầu nòng súng được gắn ống hãm thanh thô sơ dài ba tấc và đường kính lớn bằng lon bia. Hắn mang đôi bít tất bước dọc hành lang, lắng nghe tín hiệu khi đi qua các phòng.

Hắn quay lại căn phòng, đứng ở cánh cửa mở dưới ánh sáng trắng bệch từ một ngọn đèn ở bãi đỗ xe. Hắn đi vào phòng tắm, bật bóng đèn ở đây. Hắn nhìn quanh phòng, quan sát các đồ vật, tính toán vị trí công tắc điện. Rồi hắn đứng giữa phòng quan sát tất cả chung quanh một lần nữa. Hắn ngồi, mang vào đôi giày cao cổ, nhắc lấy lọ khí vắt qua vai, cầm lấy khẩu súng hơi bắn bò rồi bước ra đi đến phòng kia.

Hắn đứng nghe ngóng ngoài cánh cửa. Rồi hắn dùng khẩu súng hơi bắn bò bắn ổ khóa cho xy-lanh rơi xuống rồi đá cánh cửa mở ra.

Một người Mẽ ngồi bật dậy trên giường, tay vói lấy khẩu súng máy bên cạnh. Chigurh bắn anh ta ba phát liên tiếp nhanh đến nỗi nghe như một tiếng nổ dài khiến cho nửa thân trên anh Mẽ bị nát vương vãi trên đầu giường và bức tường phía sau. Khẩu shotgun tạo ra tiếng bình bịch trầm nghe lạ kỳ. Giống như có người ho trong một cái thùng. Hắc bật đèn lên, bước ra lối đi, đứng tựa lưng vào bức tường phía ngoài. Hắc nhìn nhanh vào bên trong. Cánh cửa phòng tắm lúc trước đã đóng nhưng bây giờ mở ra. Hắc bước vào trong phòng, bắn hai phát vào cánh cửa và một phát qua bức tường, rồi lại bước ra. Một luồng ánh sáng lọt ra từ phía cuối căn phòng. Chigurh đứng chờ. Rồi hắc lại nhìn vào trong phòng. Cánh cửa đã bị bắn thành từng mảnh ván ép vỡ vụn còn dính vào bản lề, và một dòng máu đã bắt đầu chảy trên sàn gạch phòng tắm màu hồng.

Hắc bước vào lối đi, bắn thêm hai phát qua bức tường phòng tắm, rồi bước vào với khẩu shotgun cầm ngang thắt lưng. Người đàn ông đang nằm gục dựa bồn tắm, tay cầm khẩu AK-47. Anh ta bị bắn vào ngực và cổ, đang chảy máu xối xả. Hắc khò khè nói: “Đừng giết tôi. Đừng giết tôi.” Chigurh bước lùi lại để tránh mảnh vụn của bồn tắm bằng men rồi bắn vào mặt anh ta.

Hắc bước ra, đứng trên vỉa hè. Không có bóng người. Hắc đi vào, lục soát căn phòng. Hắc nhìn vào tủ quần áo, nhìn dưới gầm giường, mở ra tất cả ngăn kéo. Hắc nhìn vào phòng tắm. Khẩu súng lục tự động H&K của Moss nằm trong bồn rửa mặt. Hắc vẫn để khẩu súng ở đấy. Hắc chùi hai chân tới lui trên mặt thảm để lau lớp máu vấy dưới đế đôi giày cao cổ, đứng nhìn khắp căn phòng. Rồi đôi mắt hắc bắt gặp ống dẫn hơi.

Hắn nhắc cây đèn kế bên giường ngủ, giật dây điện rời ra, bước lên bàn ngủ, lấy đáy đèn đập cho thùng tắm vỡ, kéo tấm vải xuống rồi nhìn vào bên trong. Hắn có thể nhìn thấy dấu vết của một vật gì đấy được kéo đi. Hắn bước xuống, đứng đấy. Chiếc áo hắn vấy máu và những mảnh mô của cơ thể người từ bức tường. Hắn cởi áo ra, đi vào phòng tắm, cọ rửa rồi dùng một khăn tắm lau người. Rồi hắn nhúng ướt chiếc khăn để lau đôi giày, gấp chiếc khăn lại để lau hai ống quần. Hắn nhắc khẩu shotgun lên, bước ra, vắn mình trần, chiếc áo được vo vào một cuộn trong tay. Hắn lại lau đế giày trên thảm, nhìn quanh căn phòng một lần cuối rồi bước ra.

Khi Bell bước vào văn phòng, Torbert ngồi ở bàn viết nhìn lên, đứng dậy, bước vòng và đặt một tờ giấy trước mặt Bell.

Bell hỏi: “Chỉ có thế hở?”

“Dạ, thưa sếp.”

Bell ngả người trên ghế để đọc, ngón tay trở chậm chậm khó môi dưới. Sau một lúc, ông đặt bản báo cáo xuống. Ông không nhìn đến Torbert. Ông nói: “Tôi biết những gì đã xảy ra ở đây.”

“Dạ.”

“Anh đã từng đi đến lò sát sinh chưa?”

“Có, thưa sếp.”

“Thế thì anh biết ra sao rồi.”

“Tôi đến đó khi còn nhỏ.”

“Dẫn một đứa trẻ vào đó là chuyện lạ đời.”

“Tôi tự đi. Lén vào.”

“Họ giết con bò thịt như thế nào?”

“Họ có một người đứng ngang cái máng, rồi họ dẫn từng con bò vào, và người này cầm một cây vồ đập vào đầu con bò. Ông ta làm việc này cả ngày.”

“Nghe gần đúng thế. Bây giờ họ không làm như vậy nữa. Họ dùng một khẩu súng hơi để bắn ra một thanh thép. Chỉ bắn ra xa đến chừng này. Họ chĩa miệng súng giữa hai mắt con bò rồi bóp cò và con bò gục xuống. Nhanh là thế.”

Torbert đang đứng kế một góc bàn của Bell. Anh chờ một phút cho viên Cảnh sát trưởng nói tiếp, nhưng ông im lặng. Torbert vẫn đứng đấy. Rồi anh quay mặt đi. Anh nói: “Ước gì ông đừng kể cho tôi nghe.”

Bell nói: “Tôi biết. Trước khi anh nói ra tôi đã biết anh sẽ nói gì.”

Moss đi đến Eagle Pass* lúc hai giờ khuya kém mười lăm. Anh đã ngủ trong phần lớn chặng đường trên chiếc taxi, và chỉ thức dậy khi chiếc xe tách ra khỏi xa lộ và chạy xuống phố Main*. Anh nhìn bầu ánh sáng trắng nhạt của những ngọn đèn đường chạy dọc rìa trên cửa kính xe.

Tài xế hỏi: “Ông muốn đi qua sông phải không?”

“Không. Chỉ cần đưa tôi đến trung tâm thị trấn.”

“Ông đang ở trung tâm thị trấn.”

Moss nghiêng người tới trước với hai khuỷu tay tựa trên băng ghế.

“Cái gì ở đây vậy?”

“Đó là Tòa án hạt Maverick.”

“Không. Ngay ở đây, chỗ có tấm bảng.”

“Đó là Khách sạn Eagle.”

“Cho tôi xuống đây.”

Anh trả cho tài xế năm mươi đô như hai người đã đồng ý lúc trước, nhắc lấy hai chiếc túi, đi lên các bậc thang đến cửa chính rồi bước vào. Người nhân viên lễ tân đứng ở quầy như đang chờ đợi anh.

Anh trả tiền, cho chìa khóa vào túi áo, bước lên các bậc thang, đi dọc theo hành lang cũ kỹ của khách sạn. Bầu không khí im lặng chết chóc. Không có ánh sáng từ các ô cửa nhỏ. Anh tìm đến căn phòng, tra chìa khóa vào ổ khóa, mở cửa ra, bước vào rồi đóng cánh cửa lại. Ánh sáng từ các ngọn đèn đường soi rọi qua các tấm màn cửa bằng the ở khung cửa sổ. Anh đặt hai chiếc túi trên mặt giường, trở ra phía cánh cửa để bật lên bóng đèn trên trần. Công tắc đèn theo kiểu cũ, có nút bấm vào. Bàn ghế bằng gỗ sồi theo kiểu đầu thế kỷ trước. Tường sơn màu nâu. Cũng tấm trải giường bằng vải dày.

Anh ngồi trên giường suy nghĩ về những sự việc vừa qua. Anh đứng dậy, bước đến khung cửa sổ nhìn ra bãi đỗ xe, rồi đi vào phòng tắm lấy một ly nước, trở vào và lại ngồi trên giường. Anh hóp một ít nước rồi đặt ly nước trên mặt bàn nhỏ bằng gỗ cạnh đầu giường. Anh lẩm bẩm: “Không có cách chết tiệt nào tốt toàn vẹn.”

Anh tháo lỏng hai sợi dây buộc của chiếc cặp da, mở hai chốt cài, lấy ra các xấp giấy bạc đặt trên mặt giường. Khi chiếc cặp đã rỗng, anh xem xét tìm kiếm ngăn bí mật ở đáy và hai bên, rồi đặt chiếc cặp qua một bên. Anh nhắc từng xấp giấy bạc, lật nhanh qua từng

xấp rồi đặt lại tất cả vào trong chiếc cặp. Anh vừa chất đầy được một phần ba chiếc cặp thì tìm thấy thiết bị định vị.

Các tờ giấy bạc ở phần giữa của một xấp đã được cắt ở khoảng trung tâm để chứa thiết bị định vị lớn bằng chiếc bật lửa Zippo*. Anh tháo tấm băng keo, nhấc thiết bị ra, đặt trong lòng bàn tay. Rồi anh đặt nó vào ngăn kéo, đứng dậy, mang các tờ giấy bạc bị cắt và dải băng keo vào phòng tắm, cho vào bồn cầu, dội nước, rồi trở ra ngoài. Anh gấp lại các tờ giấy bạc rồi, cho vào túi, xếp lại các xấp giấy bạc vào chiếc túi, đặt chiếc túi trên ghế, rồi ngồi mà nhìn chiếc cặp da. Anh nghĩ ngợi nhiều điều, nhưng một điều luôn vương vấn anh là đến một lúc nào đấy anh sẽ không thể trốn lánh nhờ may mắn được nữa.

Anh rút khẩu shotgun từ chiếc túi ra, để trên giường và vặn đèn ngủ lên. Anh đi đến cánh cửa, tắt bóng đèn trên trần, quay lại, nằm duỗi người trên giường mà nhìn lên trần nhà. Anh biết chuyện gì sẽ đến. Có điều anh không biết lúc nào. Anh đứng dậy, đi vào phòng tắm, nắm sợi dây để bật bóng đèn phía trên bồn rửa mặt, nhìn bóng hình mình trong gương. Anh rút một chiếc khăn treo trên thanh ngang bằng kính, vặn nước nóng tắm ướt chiếc khăn, vắt bớt nước, rồi lau mặt và phía sau cổ. Anh tắt đèn, đi ra ngoài ngồi trên giường. Anh đã có ý nghĩ rằng có lẽ mình sẽ chẳng bao giờ được an thân trong đời, và tự hỏi có phải đấy là điều mà mình sẽ quen dần hay không. Và nếu mình quen dần thì sao?

Anh trút mọi thứ trong chiếc túi ra, đặt khẩu shotgun vào, kéo, dây khóa lại, cầm lấy cùng với chiếc cặp da đi xuống quầy lễ tân. Anh người Mỹ lúc trước theo dõi anh giờ đã đi, thế chỗ là một

người thư ký khác, người mỏng manh, da xám. Anh ta đang hút một điếu thuốc và đọc tạp chí quyền Anh Ring, ngược mắt lên nhìn Moss mà không có vẻ gì là sẵn đón, mắt nheo nheo qua làn khói thuốc. Anh ta nói: “Thưa ông?”

“Anh mới vừa vào hả?”

“Dạ, thưa ông. Tôi làm ca này cho đến mười giờ sáng.”

Moss đặt tờ một trăm đô lên mặt quầy. Anh nhân viên lễ tân buông tờ tạp chí xuống.

Moss nói: “Tôi không yêu cầu anh làm việc gì bất hợp pháp hết.”

Anh nhân viên lễ tân: “Tôi đang chờ ông cho biết chi tiết.”

“Có một người đang đi tìm tôi. Tôi chỉ yêu cầu anh gọi cho tôi nếu có bất kỳ người nào đến nhận phòng. Ý tôi nói là có ai đó đến dò xét. Anh giúp tôi được không?”

Anh nhân viên lễ tân bỏ điếu thuốc trên môi ra đặt trên một gác tòn nhỏ, dùng ngón tay nhỏ gạt tro ở đầu điếu thuốc, rồi nhìn lên Moss. Anh nói: “Dạ, thưa ông. Tôi làm được.”

Moss gạt đầu rồi bước trở lên phòng.

Điện thoại trong phòng anh không hề reo. Có một cái gì khác khiến cho anh thức giấc. Anh ngồi dậy, nhìn đồng hồ trên mặt bàn ngủ. Bốn giờ ba mươi bảy phút. Anh vung hai chân xuống một bên giường, mang đôi giày cao cổ vào, rồi ngồi nghe ngóng.

Anh đi đến đặt tai vào sát cánh cửa, khẩu shotgun trong tay. Anh đi vào phòng tắm, kéo qua tấm màn nhựa phía trên bồn tắm, vặn nước, kéo lên chiếc nút chặn. Rồi anh kéo lại tấm màn nhựa chung quanh bồn tắm, đi ra và đóng cửa phòng tắm lại.

Anh lại đứng nghe ngóng kể bên cánh cửa. Anh lôi ra tấm nhựa dưới gầm giường rồi đặt trên mặt ghế ở góc phòng. Anh đi vòng bật ngọn đèn ở bàn ngủ rồi đứng đấy suy nghĩ. Anh đoán điện thoại có thể reo nên anh nhắc ống nghe lên đặt trên mặt bàn. Anh kéo tấm trải giường ra, vò nhàu các chiếc gối trên mặt giường. Anh nhìn đồng hồ. Bốn giờ bốn mươi ba phút. Anh nhìn ống nghe điện thoại trên mặt bàn. Anh nhắc ống nghe lên, rút sợi dây ra rồi gác ống nghe xuống. Rồi anh đi vòng đến cánh cửa, ngón tay trên cò súng. Anh nằm sấp xuống, đặt tai lên mặt sàn gần cánh cửa. Một luồng gió lạnh. Như thể một cánh cửa ở đâu đấy đã mở ra. Anh lẩm bẩm: “Mình đã làm gì? Mình đã quên làm gì?”

Anh đi qua phía bên kia giường, chui vào nằm sấp dưới gầm giường, mũi súng của khẩu shotgun chĩa ra phía cánh cửa. Vừa đủ khoảng cách dưới các tấm bản gỗ. Tim đập thình thịch trên mặt thảm. Anh chờ đợi. Hai cái cột đen ngăn ánh sáng phía dưới cánh cửa và đứng yên đấy. Kế tiếp, anh nghe tiếng chìa khóa tra vào ổ khóa. Rất nhẹ nhàng. Rồi cánh cửa mở ra. Anh có thể nhìn ra hành lang. Không có ai ở ngoài đấy. Anh chờ đợi. Anh cố giữ cho mắt không chớp nhưng không được. Rồi có một đôi giày da đà điệu đặt tiền ở khung cửa. Quần jeans. Người đàn ông đứng ở đấy. Rồi anh ta bước vào. Rồi anh ta bước chậm chậm đến buồng tắm.

Đúng vào lúc ấy, Moss nhận ra rằng anh ta không định mở cửa buồng tắm. Anh ta định quay người lại. Và lúc ấy sẽ là quá muộn. Quá muộn nên không kịp có sai lầm gì hoặc làm việc gì cả, và anh ta sẽ chết. “Mở đi. Cứ mở đi.”

Moss nghĩ thầm: “Đừng quay lại. Nếu mày quay lại, tao bắn mày

chết tốt.”

Người đàn ông không cử động. Moss đang trườn mình tới trước trên hai khuỷu tay giữ khẩu súng. Anh chỉ có thể nhìn đến thắt lưng người đàn ông và không biết anh ta mang súng gì. Anh nói: “Buông súng xuống. Buông xuống ngay.”

Một khẩu shotgun rơi xuống sàn. Moss nhắc người lên. Anh nói: “Giơ hai tay lên. Bước tránh ra khỏi cửa.”

Anh ta lùi hai bước, hai bàn tay nâng lên cao bằng vai. Moss bước vòng qua chân giường. Người đàn ông chỉ cách ba mét. Cả gian phòng như ngưng đọng. Có một mùi kỳ lạ trong không khí. Giống như mùi nước hoa của nước ngoài. Có phần như mùi dược phẩm. Moss giữ khẩu shotgun ngang hông, cò súng đã gài để sẵn sàng nhả đạn. Không chuyện gì có thể xảy ra làm cho anh ngạc nhiên. Anh cảm thấy như thể thân hình mình nhẹ tênh. Cảm thấy như thể mình bay bổng. Người đàn ông không màng nhìn đến anh. Hắn trông bình tĩnh một cách kỳ lạ. Như thể chuyện này là một phần của đời sống trong ngày của anh ta.

“Lui lại. Thêm một chút.”

Anh ta làm theo. Moss nhặt lấy khẩu shotgun của anh ta, ném lên giường. Anh bật ngọn đèn trên trần và đóng cánh cửa lại. Anh nói: “Nhìn đây.”

Người đàn ông quay đầu, nhìn chăm chăm Moss. Đôi mắt xanh. Trầm tĩnh. Tóc đen. Anh ta có vẻ gì đấy trông xa lạ. Moss chưa từng thấy trong đời.

“Mày muốn gì?”

Anh ta không trả lời.

Moss bước qua căn phòng, nắm lấy một chân giường kéo qua một bên. Chiếc cặp da nằm đấy dưới lớp bụi. Anh nhặt lên. Người đàn ông có vẻ như không để ý đến. Đầu óc anh ta dường như vương bận chuyện khác.

Anh nhặt lấy cái túi nhựa trên mặt ghế, quàng lên vai, vớ lấy khẩu shotgun với ống hãm thanh to tướng giống như cái hộp đặt dưới cánh tay rồi lại cầm chiếc cặp da. Anh nói: “Ta đi.” Người đàn ông hạ hai cánh tay xuống rồi bước ra hành lang.

Chiếc hộp nhỏ đựng thiết bị định vị vẫn nằm trên sàn, ngay bên ngoài cánh cửa. Moss vẫn để nó ở đấy. Anh có cảm tưởng mình đã trông cậy quá nhiều vào may mắn. Anh đi xuống hành lang với khẩu shotgun chĩa vào thắt lưng người đàn ông, nắm trong một tay như thể người ta thủ khẩu súng lục. Anh định ra lệnh cho anh ta giao hai tay lên nhưng lại nghĩ dù anh ta để hai bàn tay ở đâu thì vẫn thế thôi. Cửa phòng tắm vẫn mở, vòi hoa sen vẫn phun nước.

“Tao sẽ bắn mày nếu mày nhô mặt lên ở đầu cầu thang này.”

Người đàn ông không trả lời. Theo như Moss thấy, anh ta giống như là người câm.

Moss nói: “Đứng ở đấy. Đừng bước thêm bước nào.”

Anh ta đứng lại. Moss lùi lại cầu thang, nhìn người đàn ông lần cuối đứng đấy giữa vùng ánh sáng màu vàng nhợt nhạt trong những chân đèn dọc bờ tường, rồi quay đầu đi mỗi bước hai nấc xuống cầu thang. Anh không biết mình phải đi đâu. Anh không nghĩ xa đến thế.

Ở tiền sảnh, hai chân người nhân viên lễ tân ló ra từ phía sau chiếc ghế. Moss không dừng lại. Anh chạy vụt qua khung cửa cái và

chạy xuống các bậc thang. Đến lúc anh đã băng ngang qua đường, Chigurh đang đứng trên ban công phía trên anh. Moss cảm thấy có cái gì đấy kéo lấy cái túi trên vai anh. Phát đạn súng lục chỉ vang một tiếng “bụp” nhỏ khô khan trong bầu không khí yên tĩnh của thị trấn. Anh quay đầu vừa kịp nhìn phát đạn thứ hai bắn ra từ nòng súng trông mờ nhạt dưới ánh đèn bảng hiệu neon màu hồng của khách sạn. Anh không cảm thấy gì cả. Viên đạn xuyên qua áo anh, máu bắt đầu chảy từ cánh tay, và anh vẫn đang chạy trốn chết. Sau phát đạn kế tiếp, anh có cảm giác đau nhói ở bên hông. Anh ngã xuống rồi lại đứng dậy, để khẩu shotgun của Chigurh nằm trên mặt đường. Anh nghĩ: “Mẹ kiếp. Quả là phát đạn!”

Anh nhăn nhó chạy loạng choạng dọc vỉa hè, ngang qua nhà hát Aztec. Khi anh chạy ngang qua kiốt bán vé, tất cả các mảnh kính vỡ tung ra. Anh không hề nghe tiếng phát đạn này. Anh vung khẩu shotgun, kéo chốt cò súng và bóp cò. Viên đạn suýt qua một chấn song ban công trên tầng hai rồi bắn nát mảnh kính của một cửa sổ. Khi anh quay người lại, một chiếc ô tô chạy dọc xuống phố Main, chiếu đèn pha đến anh, chạy chậm lại rồi chạy nhanh tiếp. Anh chạy qua phố Adams. Chiếc ô tô chạy trượt qua một bên ở ngã tư giữa một làn khói lốp xe cháy, rồi dừng lại. Máy xe đã tắt, và người lái đang cố nổ máy lại. Moss xoay người, dựa lưng vào bức tường gạch của tòa nhà. Hai người đã từ chiếc ô tô bước ra, đang chạy nhanh băng qua đường. Một người nổ súng với một khẩu bán tự động nòng nhỏ. Anh nổ hai phát về phía họ, rồi lại chạy loạng choạng với dòng máu nóng chảy lan xuống háng. Anh nghe tiếng chiếc ô tô rồ máy lại.

Khi chạy đến phố Grande, từng loạt đạn giòn giã vang lên phía sau. Anh nghĩ mình không thể tiếp tục chạy được nữa. Anh thấy mình đang chạy khập khễnh dọc khung cửa kính của một cửa hiệu, một tay ôm sát một bên hông, cái túi quàng qua vai, tay kia cầm khẩu shotgun và chiếc cặp da, bóng người anh đen mờ in hình trên mặt kính, trông hoàn toàn kỳ quặc. Khi anh nhìn lần nữa thì anh đang ngồi trên vỉa hè. Anh lẩm bẩm: “Cái thằng tôi chết tiệt phải đứng dậy. Đừng có ngồi đây mà chịu chết. Phải đứng dậy thôi.”

Anh chạy qua phố Ryan với dòng máu đã chảy xuống giày cao cổ. Anh kéo cái túi qua một bên, mở khóa kéo, luồn khẩu shotgun vào trong rồi đóng khóa kéo lại. Anh đứng khập khễnh. Rồi anh đi qua cây cầu. Anh cảm thấy lạnh, run rẩy, và anh nghĩ mình sắp nôn.

Có một ô cửa kính để đổi tiền lẻ và một cửa kính xoay ở đầu cầu phía Mỹ. Anh đặt một đồng mười cent vào khe rồi đẩy cánh cửa, loạng choạng đi qua, nhìn đoạn đường hẹp trước mặt. Trời vừa hừng sáng. Mờ xám phía trên vùng bình nguyên dọc theo bờ đông của con sông.

Khi đi được nửa đoạn đường, anh gặp một nhóm người đi ngược chiều. Bốn trai trẻ, có lẽ mười tám tuổi, đang ngà ngà say. Anh đặt chiếc cặp da trên vỉa hè, lấy ra từ trong túi áo một xấp trăm đô. Máu đầm ướt trên xấp giấy bạc. Anh cầm xấp giấy lau lên ống quần, rút ra năm tờ rồi đặt xấp còn lại vào túi.

Đứng tựa vào hàng rào chắn bằng dây xích, anh nói: “Xin lỗi. Xin lỗi.”

Bốn thanh niên bước khỏi vỉa hè xuống lòng đường để đi vòng qua anh.

“Xin lỗi, tôi muốn một áo choàng của các anh.”

Họ đi ngang qua anh rồi mới dừng lại. Rồi một người quay đầu lại. Anh ta nói: “Ông cần gì?”

“Người đứng phía sau anh. Người có áo choàng dài.”

Người đang mặc chiếc áo choàng dài đứng lại cùng ba người kia.

“Bao nhiêu?”

“Tôi trả anh năm trăm đô.”

“Vớ vẩn.”

“Mình đi thôi, Brian. Hấn xin rồi.”

Brian nhìn ba người bạn rồi nhìn qua Moss. Anh nói: “Cho xem tiền.”

“Ở đây này.”

“Cho tôi xem.”

“Cho tôi nhận cái áo.”

“Đi thôi, Brian.”

“Anh nhận trăm đô này và cho tôi cầm cái áo. Rồi tôi trả anh phần tiền còn lại.”

“Được rồi.”

Anh ta cởi chiếc áo ra, trao cho Moss, và Moss trao anh ta tờ một trăm đô.

“Có cái gì đây?”

“Máu.”

“Máu hả?”

Anh ta đứng cầm tờ một trăm đô. Anh nhìn máu trên các ngón

tay mình. “Có chuyện gì xảy ra cho anh vậy?”

“Tôi bị bắn.”

“Mình đi thôi, Brian. Vớ vẩn.”

“Trao tiền cho tôi.”

Moss đưa cho anh ta số tiền còn lại, đặt cái túi có khóa kéo xuống lề đường và vật lộn với việc mặc chiếc áo khoác. Người thanh niên gấp các tờ trăm đô la lại, cho vào túi và bước đi.

Anh ta bước theo ba người bạn, rồi bọn họ bước đi tiếp. Rồi họ dừng lại. Họ trao đổi với nhau và nhìn ngoái lại. Anh cài các chiếc cúc áo choàng, cho tiền vào túi bên trong, quàng cái túi lên vai và nhắc lấy chiếc cặp da. Anh nói: “Các anh đi đi. Tôi không muốn nói lần thứ hai.”

Họ quay người bước đi. Chỉ có ba người. Anh lấy tay dụi mắt. Anh cố nhìn xem người thứ tư đã đi đâu. Rồi anh nhận ra rằng không có người thứ tư. Anh lẩm bẩm: “Được rồi. Chỉ cần mình nhắc một chân trước chân kia.”

Khi đi đến đoạn cầu băng ngang ngay phía trên con sông, anh dừng lại, nhìn xuống dòng nước, cổng nhà bảo vệ bên phần đất của Mexico nằm ngay phía trước. Anh nhìn ngoái lại nhưng không thấy ba người nữa. Ánh sáng nhạt nhòa ở hướng đông. Trên những ngọn đồi đen thấp. Dòng nước đen lặng lẽ chảy phía dưới chân anh. Tiếng chó sủa đâu đấy. Rồi im lặng. Không có gì cả.

Có một đám cây bụi mọc dọc bờ Mỹ của con sông phía dưới anh. Anh đặt cái túi có khóa kéo xuống, nắm lấy tay cầm của chiếc cặp da, vung về sau lưng rồi ném nó qua lan can cầu.

Con đau xé thịt. Anh ôm lấy một bên người, nhìn chiếc cặp da bay chậm chậm trong ánh sáng mờ mờ từ các ngọn đèn đường, rơi xuống đám cây bụi không một tiếng động, rồi mất hút. Rồi anh chuôi xuống trên lòng đường, ngồi đấy giữa vũng máu. Anh nhủ thầm: “Đứng dậy. Mẹ kiếp, mình phải đứng dậy.”

Khi anh đi đến cổng, không có ai khác ở đấy. Anh đẩy cánh cổng qua, đi vào thị trấn Piedras Negras*, bang Coahuila của Mexico.

Anh lần theo con đường dẫn đến một công viên nhỏ. Những con sáo đá trên các cây bạch đàn riu rít kêu nhau. Các gốc cây được phủ màu trắng, từ xa khu công viên trông như có những cây cọc trắng cắm không theo hàng lối. Ở giữa là một vọng lâu hoặc nhà chơi nhạc* xây bằng gang. Anh vật người xuống một trong những băng ghế bằng sắt, cái túi đặt trên băng ghế kế bên, ngồi cúi người tới trước. Từng vùng ánh sáng tròn tỏa ra từ các cột đèn. Thế giới chung quanh như lùi ra xa. Phía bên kia đường là một ngôi nhà thờ. Trông dường như ở xa xa. Những con sáo đá kêu lên ken két và nhảy múa trên cành cây. Ngày sáng dần.

Anh đặt một tay lên băng ghế kế bên. Cảm giác buồn nôn. “Đừng có nằm xuống.”

Không có mặt trời. Chỉ có ánh sáng xám đang ló dạng. Đường sá ẩm ướt. Những cánh cửa chớp bằng sắt. Một người đàn ông già đang đẩy cây chổi. Ông dừng lại. Rồi lại đi tiếp.

Moss kêu: “*Señor.**”

Người đàn ông đáp: “*Bueno.**”

“Ông nói tiếng Anh được không?”

Ông già quan sát Moss, hai tay nắm lấy cán chổi. Ông nhún vai.

“Tôi cần bác sĩ.”

Ông già chần chừ. Moss cố gượng ngồi dậy. Băng ghế đẫm máu. Anh nói: “Tôi bị bắn.”

Ông già nhìn khắp người Moss. Ông khụt khịt trong cổ họng. Ông quay mặt nhìn về hướng hừng đông. Những tán cây và tòa nhà đang dần lộ rõ đường nét. Ông già nhìn Moss và ra dấu với cái cằm. Ông nói: “*Puede andar?*”

“Cái gì?”

“*Puede caminar?*” Ông dùng các ngón tay làm cử động như bước đi, bàn tay lúng lằng.

Moss gật đầu. Anh cảm thấy một đợt bóng đen ập xuống. Anh đợi cho đến khi nó qua đi.

“*Tiene dinero?*” Ông già quét đường xoa ngón cái và các ngón tay khác vào nhau.

Moss nói: “*Sí. Sí.*” Anh đứng dậy, người ngả nghiêng. Anh rút ra một xấp giấy bạc dính máu từ túi trên của áo choàng, trao cho ông già một tờ trăm đô. Ông già cầm lấy với vẻ tôn kính. Ông nhìn Moss rồi gác cây chổi chống vào băng ghế.

Khi Chigurh đi xuống các bậc thang và qua cánh cửa trước của khách sạn, hắn có một chiếc khăn tắm quấn quanh đùi phải và được cột bằng sợi dây kéo màn cửa. Chiếc khăn thấm đẫm máu. Hắn mang một cái túi trên một tay, khẩu súng lục trên tay kia.

Chiếc Cadillac chạy đến ngã tư; tiếng súng nổ trên đường phố.

Hắn bước trở vào lối đi của hiệu cắt tóc. Tiếng súng trường bán tự động nổ đi đoàn cùng với tiếng shotgun vang ầm ầm. Đám người trên đường phố mặc áo mưa và giày đánh quần vợt. Họ trông không giống bất cứ ai ta quen thấy ở vùng này. Chigurh đi loạng choạng lên các bậc thang, đặt khẩu súng lục tựa trên lan can mà bắn trả đám người.

Đến lúc đám người nhận ra loạt đạn bắn trả từ hướng nào thì hắn đã bắn chết một người và làm bị thương một người khác. Người bị thương đến nấp sau chiếc xe để bắn lên khách sạn. Chigurh đứng tựa lưng vào bức tường gạch, lấp một băng đạn mới vào khẩu súng. Đạn bắn vỡ các khung cửa kính và kính trượt cửa sổ. Đèn ở tiền sảnh tắt ngúm. Đường phố vẫn còn tối nên người ta có thể thấy những đốm lửa phụt ra từ các họng súng. Có một lúc tiếng súng ngưng lại; Chigurh nhân cơ hội quay người đi vào tiền sảnh của khách sạn, những mảnh kính vỡ kêu rảng rặc dưới bước chân. Hắn đi tập tễnh dọc hành lang, bước xuống các bậc thang ở phía sau khách sạn rồi đi ra bãi đỗ xe.

Hắn băng qua đường, đi lên phố Jefferson dọc bờ tường các tòa nhà phía bắc, cố rảo bước lê theo cái chân được băng bó. Hắn đi được một dãy phố từ Tòa án hạt Maverick, và dự đoán cùng lắm chỉ vài phút sau thì những người tăng viện cho bên kia sẽ kéo đến.

Khi hắn đi đến góc phố, chỉ có một người đứng trên đường. Anh này núp sau một chiếc xe lõ chổ vết đạn, tất cả kính xe đều bị bắn vỡ. Có ít nhất một xác chết bên trong. Người đàn ông đang dôi mắt nhìn về phía khách sạn. Chigurh nâng khẩu súng lục bắn hai phát; người đàn ông ngã xuống đường. Chigurh bước lui lại, nấp sau góc

tòa nhà, chờ đợi với khẩu súng tựa lên vai. Mùi thuốc súng nồng nồng trong khí lạnh ban mai. Giống như mùi pháo hoa. Không có tiếng động nào khác.

Khi hắn lê bước ra đường, một trong những người đã bị hắn bắn từ cửa khách sạn đang bò ra lề đường. Chigurh nhìn anh ta. Rồi hắn bắn vào lưng anh ta. Người kia đang nằm phía trước đầu xe. Anh này đã bị bắn qua đầu, vũng máu chung quanh anh ta đã đen sánh. Khẩu súng của anh ta nằm kế bên nhưng Chigurh không màng đến. Hắn đi đến phía sau chiếc xe, cúi xuống nhắc khẩu súng tự động anh này đã sử dụng. Đây là khẩu tiểu liên Uzi nòng ngắn với ổ đạn tròn chứa hai mươi lăm viên. Chigurh lục soát các túi của áo choàng anh này, lấy ra thêm ba ổ đạn, một ổ còn đầy. Hắn cho ba ổ đạn vào túi áo, giắt khẩu súng lục vào dây lưng, kiểm soát các viên đạn trong ổ gắn vào khẩu Uzi. Rồi hắn đưa khẩu súng lên vai và lê bước về vỉa hè. Người đàn ông bị hắn bắn vào lưng đang nằm đấy, nhìn lên hắn. Chigurh nhìn lên con đường, hướng về tòa nhà khách sạn và tòa án. Những cây cọ cao to. Hắn nhìn người đàn ông. Anh ta nằm giữa vũng máu đang lan rộng dần. Anh ta nói: “Giúp tôi.” Chigurh rút ra khẩu súng lục từ dây lưng. Hắn nhìn vào đôi mắt anh ta. Người đàn ông quay mặt hướng khác.

Chigurh nói: “Nhìn tao đây.”

Người đàn ông nhìn hắn rồi lại quay mặt.

“Mày nói tiếng Anh được không?”

“Được.”

“Đừng quay mặt. Nhìn tao đây.”

Anh ta nhìn Chigurh. Anh ta nhìn ánh sáng nhợt nhạt của ngày

mới chung quanh. Chigurh bắn một phát vào trán anh ta rồi đứng nhìn. Nhìn các mạch máu nhỏ vỡ ra trong mắt anh ta. Ánh sáng mờ dần. Hăn lại giắt khẩu súng lục vào dây lưng rồi lại nhìn lên con đường. Hăn nhặt lấy chiếc túi, vác khẩu Uzi qua vai, băng qua đường, đi khập khễnh về phía bãi đỗ xe của khách sạn, nơi hăn để lại chiếc xe của mình.

Chương V

Chúng tôi từ Georgia đến đây. Cả gia đình chúng tôi đều đến. Ngựa và xe goòng. Tôi biết rõ sự việc như thế. Tôi biết có nhiều chuyện xảy ra trong lịch sử của gia đình chỉ đơn giản như thế. Bất kỳ gia đình nào. Các câu chuyện được truyền miệng và sự thật được truyền miệng. Như người ta nói thế. Mà tôi đoán có người hiểu theo nghĩa không có gì chống lại sự thật. Nhưng tôi không tin thế. Tôi nghĩ rằng khi đã kể ra rồi quên đi những chuyện dối trá, sự thật vẫn còn đấy. Sự thật không di chuyển từ nơi này đến nơi khác và không thay đổi từ lúc này qua lúc khác. Bạn không thể làm rối sự thật vì nó vẫn thế. Đây là chuyện mà người ta đang nói đến. Tôi nghe người ta so sánh nó với phiến đá - có thể là trong Thánh Kinh - và tôi không phủ nhận. Nhưng sự thật vẫn còn đây khi phiến đá đã vỡ*. Tôi tin chắc người ta sẽ không đồng ý. Thật ra, họ không đồng ý về nhiều điều. Nhưng tôi không hề hiểu được họ không đồng ý điều gì.

Bạn luôn cố gắng tham dự vào những sự kiện xã hội và tôi luôn làm những việc như quét tước nghĩa địa. Không sao cả. Các phụ nữ sẽ lo nấu nướng cho bữa tối và dĩ nhiên đây là cách mở cuộc vận động nhưng bạn đang phục vụ người khác trong những việc mà tự họ không làm được. À, tôi nghĩ bạn nghi ngờ điều này và bảo rằng mình không muốn họ lẫn quẩn trong đêm tối. Nhưng tôi nghĩ việc này còn sâu xa hơn. Dĩ nhiên đây là cộng đồng, đây là sự tôn trọng, nhưng bạn có bốn phận với người chết nhiều hơn là bạn muốn nhìn nhận hoặc thậm chí nhiều hơn cái mà bạn đã biết, và bốn phận có thể rất quan trọng. Thật sự rất quan trọng. Bạn có cảm tưởng họ không chịu buông tha. Thế nên bất kỳ việc làm nhỏ nhất nào cũng hữu ích.

Hôm trước tôi có nói đến tin tức báo chí. Tuần rồi, ở đây họ tìm ra cặp nọ ở California cho người già thuê phòng rồi giết họ, chôn họ sau vườn, mang ngân phiếu trợ cấp của họ đi lĩnh tiền. Hai người tra tấn họ trước. Tôi không hiểu tại sao. Có lẽ cái TV của hai người bị hỏng. Bây giờ báo chí đã tường thuật. Tôi trích báo chí. Nói rằng những người hàng xóm hoảng sợ khi thấy một người đàn ông chạy ra khỏi nhà, trên người chỉ mang vòng cổ cho chó. Bạn không thể bịa ra một chuyện như thế. Tôi thách bạn thử bịa xem.

Nhưng câu chuyện lại ăn khách, và bạn sẽ chú ý đến. Còn việc la hét và đào đất ở vườn sau thì không ai quan tâm.

Không sao cả. Tôi thấy buồn cười khi đọc bản tin này. Bạn không thể làm gì khác.

Phải mất ba tiếng đồng hồ ông mới đến Odessa, khi ấy trời đã sẩm tối. Ông lắng nghe tiếng nói của các tài xế xe tải qua bộ đàm. Ông có thẩm quyền ở đây không? “Thôi nào. Biết thì chết liền. Mình nghĩ nếu ông ta thấy mình vi phạm thì cứ để ông ta thấy. Thế thì mình là tội phạm hoàn lương.”

Ông tìm mua bản đồ thành phố, trải rộng trên băng ghế của chiếc xe tuần tra trong khi uống cà phê từ một cái ly nhựa xộp. Ông lấy cây bút ghi dấu màu vàng để vẽ đường đi trên tấm bản đồ, xếp tấm bản đồ lại, đặt trên nệm ghế kế bên, tắt ngọn đèn trần rồi cho nổ máy xe.

Khi ông gõ cửa, cô vợ của Llewelyn ra trả lời. Vừa lúc cô mở cửa thì ông giở mũ ra và lập tức lấy làm tiếc về hành động này*. Cô đặt một tay lên miệng, tay kia vươn tới chốt chặn cửa.

Ông nói: “Thưa bà, tôi xin lỗi. Ông ấy vẫn bình an. Chồng bà vẫn khỏe. Tôi chỉ muốn nói chuyện với bà nếu bà cho phép.”

“Ông không nói dối với tôi đấy chứ?”

“Không, thưa bà. Tôi không nói dối.”

“Ông từ Sanderson đi đến đây phải không?”

“Vâng, thưa bà.”

“Ông muốn gì?”

“Tôi chỉ muốn ghé qua gặp bà một tí. Hỏi chuyện về chồng bà.”

“À, ông không thể vào đây. Ông sẽ làm cho mẹ tôi sợ chết khiếp. Để tôi mặc áo choàng.”

“Vâng, thưa bà.”

Hai người đi đến quán Sunshine Café, ngồi vào ô ở phía cuối rồi

gọi cà phê.

“Bà biết ông nhà hiện đang ở đâu, phải không?”

“Không, tôi không biết.”

“Tôi nghĩ bà biết.”

Ông giở chiếc mũ ra, đặt bên cạnh mình rồi đưa bàn tay xoa mái tóc. “Bà không nghe tin ông ấy à?”

“Không, tôi không nghe.”

“Không có tin gì sao?”

“Không có lấy một chữ.”

Cô phục vụ mang đến hai cốc cà phê dày bằng sứ trắng. Bell dùng chiếc thìa khuấy cà phê. Ông nhắc chiếc muống lên, nhìn vào lòng chiếc cốc đang tỏa hơi. “Ông nhà để lại cho bà bao nhiêu tiền?”

Cô vợ không trả lời. Bell mỉm cười. Ông nói: “Bà muốn bắt đầu bằng chuyện gì? Bà có thể nói ra.”

“Tôi muốn nói rằng đó là việc của ông, phải không?”

“Tại sao bà không giả vờ xem tôi không phải là Cảnh sát trưởng?”

“Vậy thì giả vờ xem ông là gì?”

“Bà biết đấy, ông nhà đang bị rắc rối.”

“Llewelyn không làm chuyện gì xấu cả.”

“Không phải ông ấy bị rắc rối với tôi.”

“Thế thì anh ấy bị rắc rối với ai?”

“Với những người khá là xấu.”

“Llewelyn có thể tự lo cho anh ấy được.”

“Tôi có thể gọi bà bằng tên Carla được không?”

“Tôi thích được gọi là Carla Jean.”

“Carla Jean. Được chứ?”

“Được. Tôi vẫn gọi ông là Cảnh sát trưởng được chứ?”

Bell mỉm cười: “Được. Ổn thôi.”

“Được rồi.”

“Carla Jean, những người đó sẽ giết ông nhà. Họ không bỏ cuộc đâu.”

“Anh ấy cũng không bỏ cuộc. Không bao giờ.”

Bell gật đầu. Ông hóp ngum cà phê. Khuôn mặt lay động trên mặt chất lỏng đen trong chiếc cốc đường như là điềm báo cho những sự việc sẽ xảy đến. Những thứ mất đi hình hài. Mang mình đi theo. Ông đặt chiếc cốc xuống, nhìn người phụ nữ. “Ước gì tôi có thể nói ông nhà gặp thuận lợi. Nhưng tôi phải nói rằng không phải thế.”

“À, anh ấy là anh ấy và lúc nào vẫn thế. Vì vậy mà tôi cưới anh ấy.”

“Nhưng trong một thời gian bà đã không nhận tin gì về ông nhà.”

“Tôi không trông mong nhận tin.”

“Cả hai ông bà có vấn đề gì không?”

“Chúng tôi không có vấn đề gì cả. Khi có vấn đề, tự chúng tôi lo giải quyết.”

“À, hai ông bà là người tốt số.”

“Đúng vậy.”

Cô nhìn ông. Cô hỏi: “Tại sao ông hỏi câu đó?”

“Về việc có vấn đề hờ?”

“Về việc có vấn đề.”

“Tôi chỉ tự hỏi bà có vấn đề gì không.”

“Có chuyện gì xảy ra mà ông biết nhưng tôi không biết?”

“Không có. Tôi có thể hỏi lại bà cùng câu hỏi ấy.”

“Nhưng tôi sẽ không nói cho ông biết.”

“Vâng.”

“Ông nghĩ anh ấy bỏ tôi, phải không?”

“Tôi không rõ. Có đúng thế không?”

“Không. Anh ấy không bỏ tôi. Tôi biết rõ anh ấy.”

“Lúc trước bà biết rõ.”

“Bây giờ tôi còn biết rõ. Anh ấy không thay đổi.”

“Có thể.”

“Nhưng ông không tin như thế.”

“À, tôi phải thật tình mà nói rằng tôi chưa từng biết hoặc nghe nói ai không bị đồng tiền làm cho thay đổi. Chắc ông nhà là người thứ nhất như thế.”

“Thế thì anh ấy là người thứ nhất.”

“Tôi mong điều đó là đúng.”

“Ông có thật sự mong như thế không, hờ Cảnh sát trưởng?”

“Vâng, có.”

“Anh ấy không bị buộc tội gì chứ?”

“Không. Bây giờ thì không bị buộc tội gì cả.”

“Không có nghĩa là sau này sẽ không bị buộc tội.”

“Đúng vậy. Nếu ông nhà còn sống được lâu.”

“À, anh ấy chưa chết.”

“Tôi mong điều ấy giúp cho bà được nhẹ nhõm hơn là giúp tôi.”

Ông uống thêm một ngụm cà phê rồi đặt chiếc cốc xuống mặt bàn. Ông nhìn cô. “Ông nhà cần đem nộp số tiền. Báo chí sẽ đăng tin này. Lúc ấy, có lẽ bọn người kia sẽ tha cho ông nhà. Tôi không đảm bảo. Nhưng họ có thể tha. Đó là cơ hội duy nhất cho ông nhà.”

“Dù sao thì ông cũng có thể đăng tin trên báo.”

Bell quan sát cô. Ông nói: “Tôi không làm được.”

“Hoặc là không muốn làm.”

Bell nói: “Thế thì tôi không muốn làm. Số tiền là bao nhiêu?”

“Tôi không hiểu ông đang nói chuyện gì.”

“Được rồi.”

Cô hỏi: “Tôi hút thuốc được không?”

“Tôi nghĩ ta vẫn còn ở trên đất Mỹ.”

Cô rút ra một điếu thuốc, châm lửa, quay mặt đi, thổi ra làn khói. Bell nhìn cô: “Bà nghĩ liệu chuyện này sẽ kết thúc như thế nào?”

“Tôi không biết. Tôi không biết chuyện gì sẽ kết thúc như thế nào. Ông có biết không?”

“Tôi biết nó sẽ không kết thúc ra sao.”

“Như là sẽ sống mãi hạnh phúc bên nhau?”

“Đại loại như vậy.”

“Llewelyn rất là tinh khôn.”

Bell gật đầu. “Tôi muốn nói là bà cần lo lắng nhiều hơn về ông nhà.”

Cô rút một hơi thuốc dài. Cô quan sát Bell. “Cảnh sát trưởng, có lẽ tôi đang lo lắng đúng mực.”

“Ông nhà sẽ phải giết ai đấy. Bà có nghĩ đến việc này chưa?”

“Anh ấy chưa từng giết ai.”

“Ông ấy chiến đấu ở Việt Nam.”

“Ý tôi nói chưa giết ai khi là dân thường.”

“Ông nhà sẽ phải giết người.”

Cô không trả lời.

“Bà muốn dùng thêm cà phê không?”

“Tôi quá đủ rồi. Lúc đầu tôi không muốn dùng cà phê.”

Cô nhìn quanh quán cà phê. Những chiếc bàn trống vắng. Người thu ngân là một thanh niên khoảng mười tám tuổi, đang nghiêng người qua mặt quầy thủy tinh đọc một tờ tạp chí. Cô nói: “Mẹ tôi bị ung thư, bà nói thế. Không sống được bao lâu nữa.”

“Tôi rất tiếc nghe chuyện này.”

“Tôi gọi bà là Mẹ. Thật ra bà là bà ngoại tôi. Bà nuôi tôi và tôi may mắn mà có bà. May mắn mà không phải nói ra như thế.”

“Vâng, thưa bà.”

“Bà ấy không ưa Llewelyn lắm. Tôi không hiểu tại sao. Không có lý do cụ thể. Anh ấy luôn đối xử tốt với bà. Tôi nghĩ sau khi bà được chẩn bệnh thì sẽ sống dễ chịu hơn với bà, nhưng không phải thế. Bà càng khó tính hơn.”

“Tại sao bà sống với bà ấy?”

“Tôi không sống với bà ấy. Tôi không mê muội đến thế. Đây chỉ là tạm thời.”

Bell gật đầu.

Cô nói: “Tôi phải trở về.”

“Được rồi. Bà có súng không?”

“Có. Tôi có súng. Tôi đoán ông nghĩ tôi chỉ là con mồi ở đây.”

“Tôi không rõ.”

“Nhưng ông nghĩ thế.”

“Tôi không thể nào tin hoàn cảnh này là tốt đẹp.”

“Ừ.”

“Tôi chỉ mong bà bàn bạc với ông nhà.”

“Tôi cần suy nghĩ về việc này.”

“Được rồi.”

“Nếu tôi chỉ điếm anh ấy thì tôi sẽ chết và xuống địa ngục. Tôi mong ông hiểu cho.”

“Tôi hiểu.”

“Tôi không hề hiểu được những khúc mắc trong chuyện như thế này. Tôi mong mình chẳng bao giờ hiểu.”

“Vâng, thưa bà.”

“Nếu ông muốn nghe, tôi kể cho ông một chuyện.”

“Tôi muốn nghe.”

“Có thể ông nghĩ tôi là con người kỳ quặc.”

“Có thể.”

“Hoặc dù gì thì ông vẫn nghĩ như thế.”

“Không, không phải.”

“Khi học xong trung học, tôi mới mười sáu tuổi, tìm được việc làm ở Wal-Mart. Tôi không biết làm việc gì khác. Chúng tôi cần tiền. Chỉ kiếm được ít thôi. Dù sao chẳng nữa, đêm trước tôi nằm mơ như thế này. Hoặc nó giống như là giấc mơ. Tôi nghĩ mình chỉ mới nửa mê nửa tỉnh. Nhưng chuyện này đến với tôi trong giấc mơ đó, hoặc dù là cái gì chẳng nữa, nếu tôi làm ở đấy anh ấy sẽ tìm thấy tôi. Ở Wal-Mart. Tôi chỉ biết rằng nếu tôi trông thấy anh ấy thì tôi sẽ nhận ra. Tôi giữ một tấm lịch và đánh dấu ngày tháng. Giống như khi người ta ngồi tù. Ý tôi nói là tôi chưa từng ngồi tù, nhưng giống như thế. Và đến ngày thứ chín mươi, anh ấy bước vào, hỏi tôi đồ thể thao ở đâu, và đó là chính anh ấy. Tôi chỉ cho anh ấy nơi trưng bày đồ thể thao, anh ấy nhìn tôi rồi bước đi. Rồi anh ấy quay lại, nhìn thẻ tên tôi và hỏi: Máy giờ cô xong việc? Chỉ có thể. Trong đầu óc tôi không có suy nghĩ gì cả. Lúc đó không có, bây giờ cũng không, không bao giờ.”

Bell nói: “Quả là câu chuyện hay ho. Tôi mong có hồi kết cục tốt.”

“Chuyện đã xảy ra như thế.”

“Tôi biết như thế. Tôi mừng mà thấy bà chuyện trò với tôi. Tôi nghĩ mình nên từ giã bà, đã muộn rồi.”

Cô dụi điều thuốc. “À, tôi lấy làm tiếc ông cất công đi đến đây mà không được việc.”

Bell nhắc chiếc mũ, đặt lên đầu, sửa vị trí cho ngay ngắn. “À, tôi chỉ làm hết sức mình. Đôi lúc sự việc biến chuyển thành tốt đẹp.”

“Ông có thật sự quan tâm không?”

“Quan tâm đến chồng bà hở?”

“Vâng. Quan tâm đến chồng tôi.”

“Có, thưa bà. Tôi quan tâm. Ở hạt Terrell người ta thuê tôi để bảo vệ họ. Đây là công việc của tôi. Tôi được trả lương để trở thành người thứ nhất bị thương. Hoặc bị giết, trong cái nghề này. Thế nên tôi phải quan tâm.”

“Ông yêu cầu tôi phải tin lời ông nói. Nhưng chính ông là người nói ra.”

Bell mỉm cười. “Vâng, thưa bà. Tôi chỉ mong bà suy nghĩ về những gì tôi nói. Tôi không đặt điều về việc ông nhà bị rắc rối. Nếu ông nhà bị giết thì tôi sẽ ân hận. Nhưng tôi có thể chịu đựng được. Tôi chỉ mong bà suy nghĩ nếu có thể được.”

“Được rồi.”

“Tôi có thể hỏi bà một việc được không?”

“Ông có thể hỏi.”

“Tôi biết không nên hỏi tuổi phụ nữ, nhưng tôi không dặng dưng vì tính hiếu kỳ.”

“Được thôi. Tôi mười chín tuổi. Tôi trông trẻ hơn tuổi này.”

“Hai người kết hôn được bao lâu rồi?”

“Ba năm. Gần ba năm.”

Bell gật đầu. “Khi chúng tôi kết hôn, vợ tôi mười tám tuổi. Vừa tròn mười tám. Cưới Loretta là việc ngu xuẩn nhất mà tôi từng làm. Thậm chí tôi nghĩ mình còn chút ít trong tài khoản ngân hàng. Tôi nghĩ tôi bị đen đui trong chuyện này. Ta đi chứ?”

Cô cầm lấy chiếc ví và đứng lên. Bell cầm lấy hóa đơn, chỉnh sửa

lại chiếc mũ. Cô cho gói thuốc lá vào ví, nhìn ông: “Cảnh sát trưởng, để tôi nói ông nghe điều này. Ở tuổi mười chín, người ta đã đủ già dặn để biết rằng nếu mình có cái gì đó đáng giá bằng cả thế giới thì mình dễ mất nó. Thật ra đấy là lúc tôi mười sáu tuổi. Tôi sẽ suy nghĩ về chuyện này.”

Bell gật đầu. “Carla Jean, tôi không lạ gì với những ý nghĩ này. Những ý nghĩ này đều là quen thuộc đối với tôi.”

Ông đang ngủ trên giường, trời gần sáng tối thì chuông điện thoại reo. Ông nhìn đồng hồ trên bàn ngủ, rồi nhấc máy. Ông nói: “Cảnh sát trưởng Bell đây.”

Ông lắng nghe độ hai phút. Rồi ông nói: “Cảm ơn anh gọi cho tôi. Đúng. Chiến tranh đã bùng nổ. Tôi không biết gọi bằng từ ngữ gì khác.”

Lúc chín giờ mười lăm phút sáng, ông lái xe đến trước văn phòng Cảnh sát Trưởng ở Eagle Pass. Hai viên Cảnh sát trưởng ngồi dùng cà phê trong văn phòng, nhìn những bức ảnh đã được chụp cách hai dặm phố ba tiếng đồng hồ trước.

“Trong mấy ngày này, tôi thiên về ý nghĩ trả lại cho họ cái vùng chết tiệt này.*”

Bell nói: “Tôi nghe anh rồi.”

“Xác chết đầy đường. Cơ sở làm ăn của dân chúng đều bị bắn nát xe cộ của thiên hạ. Ai đã từng nghe qua chuyện như thế này chứ?”

Bell nói: “Ta đi xem một vòng được không?”

“Ừ. Ta có thể đi một vòng.”

Con phố vẫn còn được giăng dải băng để ngăn chặn người ngoài vào, nhưng không còn gì nhiều để xem. Mặt tiền của khách sạn bị bắn lỗ chỗ, những mảnh vụn kính vương vãi hai bên lề đường. Lốp xe và kính bị bắn văng khỏi các chiếc xe, những lỗ đạn xuyên qua thành xe với những vòng thép trần trụi chung quanh. Chiếc Cadillac đã được kéo đi; người ta đang quét dọn các mảnh thủy tinh và xịt nước rửa các vết máu trên mặt đường.

“Anh nghĩ ai ở trong khách sạn?”

“Tên Mẽ buôn ma túy nào đó.”

Viên Cảnh sát trưởng Eagle Pass đứng hút thuốc. Bell đi xa ra một quãng đứng nhìn. Rồi ông trở lại vỉa hè, gót giày nghiền trên các mảnh thủy tinh. Viên Cảnh sát trưởng Eagle Pass búng mẩu tàn thuốc ra đường. “Anh đi lên đường Adams này khoảng nửa dặm phố sẽ thấy mấy vết máu.”

“Tôi đoán đây là đường tẩu thoát.”

“Nếu hấn khôn ngoan. Tôi nghĩ bọn ngồi trong xe bị kẹt giữa hai lần đạn. Tôi thấy có vẻ như họ bắn về phía khách sạn và bắn lên con đường.”

Bell hỏi: “Anh nghĩ chiếc xe của bọn họ đã làm gì ở giữa ngã tư đường đằng kia?”

“Ed Tom à, tôi không biết.”

Hai người bước lên khách sạn.

Bell hỏi: “Anh nhặt được những loại vỏ đạn gì?”

“Phần lớn là chín mi-li-mét, thêm vài vỏ shotgun và nòng .380. Chúng tôi thu được một shotgun và hai súng tự động.”

“Hoàn toàn tự động hử?”

“Đúng vậy. Tại sao không?”

“Tại sao không.”

Họ bước lên các bậc thềm. Ngạch cửa đầy những mảnh kính vỡ, còn phần khung gỗ bị bắn lỗ chỗ.

“Người trực ca đêm bị giết. Quả là vận rủi. Bị trúng đạn lạc.”

Bell hỏi: “Bị bắn ở đâu?”

“Giữa hai con mắt.”

Hai người bước vào tiền sảnh rồi đứng nhìn. Ai đấy đã ném vài tấm khăn lau lên vũng máu trên mặt thảm phía sau quầy, nhưng máu đã thấm qua các tấm khăn. Bell nói: “Anh ta không bị bắn.”

“Ai không bị bắn?”

Bell nói: “Người trực ca đêm.”

“Anh ta không bị bắn hả?”

“Đúng thế.”

“Cái gì khiến anh nói vậy?”

“Anh đọc báo cáo của phòng thí nghiệm thì sẽ rõ.”

“Ed Tom, anh nói gì? Anh nói họ khoan hộp sọ anh ta bằng Black and Decker* hả?”

Khi Bell trở về Sanderson thì tuyết bắt đầu rơi. Ông đi đến tòa án làm vài công việc bàn giấy rồi ra về ngay trước khi trời sấm tối. Khi ông lái chiếc xe lên ô đỗ xe phía sau nhà, vợ ông đang nhìn qua khung cửa sổ nhà bếp. Loretta mỉm cười với ông. Những lọn tuyết bay lả tả trong ánh sáng màu vàng ấm cúng.

Họ ngồi ăn trong phòng ăn nhỏ. Bà mở nhạc, một bản concerto cho vĩ cầm. Điện thoại không reo.

“Em có nhắc ông nghe ra không?”

Loretta đáp: “Không.”

“Hắn là cột điện thoại bị đổ.”

Loretta mỉm cười. “Em nghĩ đây là do tuyết. Em nghĩ việc này giúp cho người ta ngưng công việc lại mà suy nghĩ.”

Bell gật đầu: “Thế thì anh mong có bão tuyết.”

“Anh có nhớ lần cuối tuyết rơi ở đây không?”

“Không, anh không thể nói mình nhớ. Còn em?”

“Có, em nhớ.”

“Lúc nào vậy?”

“Anh sẽ nhớ ra.”

“Ồ.”

Loretta mỉm cười. Họ tiếp tục ăn.

Bell nói: “Tuyệt quá!”

“Cái gì?”

“Âm nhạc. Món xúp. Được trở về nhà.”

“Anh có nghĩ cô ấy nói sự thật không?”

“Có. Anh nghĩ thế.”

“Anh có nghĩ anh nhóc kia còn sống không?”

“Anh không biết. Anh hy vọng thế.”

“Có thể anh không còn nghe tin gì về chuyện này nữa.”

“Có thể lắm. Nhưng đây sẽ không phải là hồi kết cục, phải

không?”

“Đúng thế.”

“Anh không nghĩ họ sẽ giết chóc lẫn nhau mãi như thế này. Nhưng anh đoán chẳng chóng thì chầy một băng đảng nào đấy sẽ ra tay và cuối cùng họ sẽ dàn xếp với chính phủ Mexico. Có quá nhiều tiền liên quan trong vụ này. Họ sẽ cho ra rìa mấy tên nhóc quê mùa đó. Mà cũng không lâu đâu.”

“Anh nghĩ anh ta có bao nhiêu tiền?”

“Cái anh Moss hờ?”

“Vâng.”

“Khó nói được. Có thể lên đến vài triệu. À, không quá nhiều triệu. Anh ta đi bộ mang theo món tiền này.”

“Anh muốn dùng cà phê không?”

“Anh muốn.”

Loretta đứng dậy, đến rút dây điện của máy pha cà phê, mang bình cà phê đến bàn ăn rót cho ông rồi lại ngồi xuống. Bà nói: “Đừng có một tối nào đó về nhà thành xác chết. Em không chịu nổi đâu.”

“Thế thì anh không nên chết.”

“Anh nghĩ liệu anh ta có kêu cô vợ đến không?”

Bell khuấy cà phê. Ông ngồi cầm chiếc thìa đang tỏa hơi nước, rồi đặt xuống chiếc đĩa. “Anh không biết. Anh chỉ biết anh ta là đứa ngu ngốc nếu không làm thế.”

Văn phòng nằm trên tầng mười bảy, nhìn ra đường chân trời của thành phố Houston* và vùng bình nguyên trải rộng cho đến luồng tàu và khu đầm lầy xa hơn. Rải rác nhiều bồn chứa sơn màu bạc. Những ngọn lửa khí thiên nhiên bùng sáng, ban ngày thì mờ nhạt hơn*. Khi Wells xuất hiện, người đàn ông bảo Wells bước vào và đóng cánh cửa lại. Ông không cần quay người. Ông có thể trông thấy Wells phản chiếu qua tấm kính. Wells đóng cánh cửa, đứng với hai bàn tay phía trước, bắt chéo nhau ở cổ tay. Theo cung cách của một giám đốc nhà tang lễ.

Cuối cùng người đàn ông quay lại và nhìn Wells. “Ông biết mặt Anton Chigurh, đúng không?”

Wells nói: “Vâng, đúng, thưa ông.”

“Lần cuối ông thấy hắn là lúc nào?”

“Ngày hai mươi tám tháng Mười một năm rồi.”

“Làm thế nào ông nhớ được ngày?”

Wells nói: “Tôi không làm thế nào cả. Tôi nhớ ngày. Nhớ những con số.”

Người đàn ông gật đầu. Ông đang ngồi phía sau bàn giấy của mình. Bàn giấy làm bằng thép không gỉ và gỗ óc chó, trên mặt bàn không có gì cả. Không có một tấm ảnh hoặc một mẫu giấy. Không có gì.

“Ta có một đội quân đang tung hoành ở đây. Còn sản phẩm thì biến mất và số tiền lớn thì không thấy đâu.”

Wells nói: “Vâng, thưa ông. Tôi hiểu chuyện này.”

“Ông hiểu chuyện này?”

“Vâng, thưa ông.”

“Thế thì tốt. Tôi vui thấy mình đã khiến ông chú ý.”

Wells nói: “Vâng, thưa ông. Ông làm cho tôi chú ý.”

Người đàn ông kéo ngăn kéo của bàn giấy, mang ra một chiếc hộp bằng thép, rút ra một tấm thẻ rồi đẩy chiếc hộp lại. Ông cầm tấm thẻ giữa hai ngón tay, nhìn Wells, và Wells bước đến cầm lấy.

“Nếu tôi nhớ không lầm, ông tự trả các khoản chi phí.”

“Vâng, thưa ông.”

“Hóa đơn này chỉ trả một nghìn hai trăm đô cho hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Cao hơn mức một nghìn đô.”

“Vâng, thưa ông.”

“Ông có biết Chigurh rõ không?”

Wells nói: “Vừa đủ rõ.”

“Đó không phải là câu trả lời.”

“Ông muốn biết gì?”

Người đàn ông gõ các đốt khớp ngón tay lên mặt bàn. Ông nhìn lên: “Tôi chỉ muốn biết ông có nhận xét gì về tên đó. Nói chung chung. Cái tên Chigurh bất khả chiến bại.”

Wells nói: “Không ai là bất khả chiến bại.”

“Có người là vậy.”

“Tại sao ông nói ra điều này?”

“Ở đâu đó trên quả đất này có người bất khả chiến bại giỏi nhất. Cũng như ở đâu đó trên quả đất này có người dễ bị thiệt thân nhất.”

“Ông tin như thế à?”

“Không. Đây gọi là thống kê. Tên đó nguy hiểm như thế nào?”

Wells nhún vai. “So với cái gì? Bệnh dịch hạch hở? Hẳn phải là người xấu đến nỗi ông gọi tôi đến. Hẳn là kẻ sát nhân bệnh hoạn về tâm thần, nhưng rồi sao nào? Có nhiều người như hẳn.”

“Hẳn tham gia cuộc độ súng ở Eagle Pass hôm qua.”

“Cuộc độ súng hở?”

“Cuộc độ súng. Nhiều người chết trên đường phố. Ông không đọc báo hả?”

Wells nói: “Đúng vậy, thưa ông. Tôi không đọc.”

Ông quan sát Wells: “Ông Wells, có vẻ như ông sống một cuộc đời khá may mắn, phải không?”

“Thật tình mà nói, may mắn không can dự nhiều trong đời tôi.”

Người đàn ông nói: “Vâng. Còn gì nữa?”

Wells nói: “Chỉ có thế. Bọn họ là người của Pablo phải không?”

“Phải.”

“Ông biết chắc chứ?”

“Không phải theo ý ông nghĩ. Nhưng khá chắc. Họ không thuộc phe chúng tôi. Vài ngày trước hẳn giết hai người khác và hai người đó thuộc bọn tôi. Cùng với ba người khác vài ngày trước. Đủ chưa?”

Wells nói: “Đủ rồi. Tôi nghĩ thế là xong.”

“Cuộc đi săn được nhiều chiến lợi phẩm, theo cách chúng tôi thường nói. Ngày xưa ngày xưa. Lâu lắm rồi.”

Wells nói: “Cảm ơn ông. Tôi xin hỏi ông một việc nhé?”

“Được mà.”

“Tôi không thể trở lại đi lên thang máy đó, phải không?”

“Lên tầng này thì không được. Tại sao?”

Wells nói: “Tôi chỉ muốn biết. An ninh. Lúc nào cũng hay ho.”

Người đàn ông nói: “Sau mỗi chuyến đi lên, thang máy đổi sang mã số khác. Một chuỗi số gồm năm con số được tạo ra ngẫu nhiên. Tôi gọi điện cho một số rồi nó đọc cho tôi mã số đó. Tôi cho ông biết mã số để ông bấm vào. Như thế đã trả lời câu hỏi của ông chưa?”

“Hay quá!”

“Đúng.”

Wells nói: “Tôi đếm số tầng lầu từ ngoài đường.”

“Rồi sao?”

“Có một tầng lầu bị bỏ sót.”

“Tôi sẽ xem xét việc này.”

Wells mỉm cười.

Người đàn ông nói: “Ông tự tìm đường đi ra được chứ?”

“Được.”

“Được rồi.”

“Có một việc khác.”

“Việc gì?”

Wells nói: “Tôi tự hỏi liệu thẻ gửi xe của tôi có thể được chứng nhận hay không*.”

Người đàn ông khẽ lắc đầu. “Tôi nghĩ đó là câu nói đùa.”

“Xin lỗi.”

“Xin chào, ông Wells.”

“Vâng.”

Khi Wells đi đến khách sạn, dải băng của cảnh sát không còn nữa, còn các mảnh vụn kính và gỗ đã được quét dọn khỏi tiền sảnh, khách sạn đang hoạt động lại bình thường. Ván ép được đóng lên các khung cửa cái và hai khung cửa sổ. Một nhân viên lễ tân mới đang đứng ở quầy thế chỗ người cũ. Anh này nói: “Thưa ông?”

Wells nói: “Tôi cần thuê phòng.”

“Dạ, thưa ông. Chỉ có mình ông phải không?”

“Phải.”

“Ông ở mấy đêm?”

“Có lẽ chỉ một đêm.”

Nhân viên lễ tân đẩy tập giấy về phía Wells rồi quay lại phía các chìa khóa treo trên tấm bảng. Wells điền vào mẫu phiếu. Ông nói: “Tôi biết anh chán phải nghe người ta hỏi han, nhưng chuyện gì xảy ra ở khách sạn?”

“Tôi không được phép bàn luận.”

“Được thôi.”

Nhân viên lễ tân đặt chìa khóa lên mặt quầy. “Ông trả tiền mặt hay thẻ tín dụng?”

“Tiền mặt. Bao nhiêu?”

“Mười bốn, cộng thêm thuế.”

“Bao nhiêu? Tổng cộng.”

“Thưa ông?”

“Tôi hỏi tổng cộng là bao nhiêu. Anh phải nói cho tôi biết bao nhiêu. Cho tôi một con số. Tất cả gộp chung.”

“Dạ, thưa ông. Cộng lại là mười bốn đô bảy mươi.”

“Khi vụ việc xảy ra, anh có mặt ở đây không?”

“Thưa ông, không. Tôi chỉ mới bắt đầu làm việc ở đây ngày hôm qua. Bây giờ là ca thứ hai của tôi.”

“Vậy thì anh không được phép bàn luận là như thế nào?”

“Thưa ông?”

“Mấy giờ thì anh xong việc?”

“Thưa ông?”

“Để tôi hỏi cách khác. Ca của anh chấm dứt lúc mấy giờ?”

Nhân viên lễ tân có vóc người cao, mảnh khảnh, có thể là người Mỹ mà cũng có thể không phải. Cặp mắt anh ta đảo nhanh qua tiền sảnh của khách sạn. Như thể là có cái gì đấy ngoài kia trợ giúp được anh ta. Anh nói: “Tôi mới đến lúc sáu giờ. Ca làm việc chấm dứt lúc hai giờ.”

“Rồi ai đến làm việc lúc hai giờ?”

“Tôi không biết tên. Ảnh làm lễ tân ban ngày.”

“Anh ấy không có mặt ở đây đêm hôm kia.”

“Thưa ông, không. Ảnh làm việc ban ngày.”

“Còn người làm việc đêm hôm kia? Anh ấy đâu?”

“Anh kia không còn làm việc với chúng tôi nữa.”

“Anh có tờ báo hôm qua ở đây không?”

Nhân viên lễ tân bước lùi lại, tìm kiếm phía dưới bàn. Anh nói:

“Thưa ông, không có. Tôi nghĩ họ đã quẳng đi hết.”

“Được rồi. Mang đến cho tôi hai con điếu và một chai whisky với ít nước đá.”

“Thưa ông?”

“Tôi đùa đấy mà. Tôi cần thư giãn. Bọn họ sẽ không trở lại đâu. Tôi có thể hầu như đảm bảo như thế.”

“Dạ, thưa ông. Tôi rất mong vậy. Thực ra tôi đã không muốn nhận công việc này.”

Wells mỉm cười rồi đi lên cầu thang.

Ông ngạc nhiên nhìn thấy dải băng của cảnh sát vẫn còn giăng qua hai phòng. Ông vào phòng mình, đặt cái túi lên ghế, lấy máy cạo râu rồi đi vào phòng tắm bật đèn lên. Ông chải răng và rửa mặt rồi trở lại nằm dài trên giường. Được một lúc ông trở dậy, đi đến chiếc ghế, lật một bên túi, mở dây kéo ở một ngăn đáy và lấy ra một bao súng bằng da. Ông mở bao da rút khẩu súng ngắn ổ quay .357 bằng thép không gỉ và trở lại giường, cởi giày và lại nằm dài với khẩu súng ngắn bên cạnh.

Khi ông tỉnh dậy thì trời hầu như đã tối hẳn. Ông đứng dậy tiến tới cửa sổ và dựa lưng vào tấm rèm cửa cũ kỹ. Ánh sáng ngoài đường phố. Những dải mây dài màu đỏ nhòn nhọt giăng trên chân trời hướng tây. Những mái nhà thấp và tồi tàn nối nhau dọc dài. Ông giắt khẩu súng lục vào thắt lưng, kéo vạt áo phía ngoài quần để che lấp, rồi đi ra hành lang mà chân chỉ mang bít tất.

Chỉ cần mất mười lăm giây là đến phòng của Moss. Ông đóng cánh cửa lại và tránh làm xáo trộn dải băng của cảnh sát. Ông đứng dựa tường, ngửi mùi trong phòng. Rồi ông đứng đấy chỉ để nhìn

khấp cùng.

Việc đầu tiên ông làm là bước đi một cách cẩn thận trên tấm thảm. Khi đi đến khoảng trống nơi đã đặt chiếc giường, ông kéo chiếc giường trở vào phòng. Ông quỳ xuống, thổi mạnh trên lớp bụi và quan sát lớp sợi của tấm thảm. Ông đứng dậy, nhấc các chiếc gối đưa lên mũi ngửi rồi lại đặt xuống. Ông bước đến tủ áo, mở hai cánh cửa, nhìn vào rồi đóng cửa lại.

Ông đi vào buồng tắm. Ông dùng ngón tay trở quét dọc thành bồn rửa mặt. Một tấm khăn lau người và một khăn lau tay đã được sử dụng, nhưng cục xà phòng vẫn còn mới nguyên. Ông quét ngón tay dọc thành bồn cầu rồi lau lên ống quần. Ông ngồi trên rìa miệng bồn cầu và đập hai chân lên sàn gạch.

Phòng kia mang số 227. Ông đi vào, đóng cánh cửa lại, quay người và đứng nhìn. Mặt giường vẫn còn y nguyên. Cửa phòng tắm đang mở. Một chiếc khăn lau dính máu nằm trên sàn.

Ông bước đến, đẩy cánh cửa lại. Có một khăn lau dính máu nằm trong bồn rửa mặt. Tấm khăn kia đã biến mất. Dấu tay dính máu. Một dấu tay dính máu trên rìa tấm màn vòi hoa sen. Ông lẩm bẩm: “Tôi mong anh đã không bò đi trong một cái lỗ ở đâu đó. Chắc chắn là tôi muốn lĩnh tiền.”

Lúc trời vừa sáng, ông đi ra đường phố, ghi nhận các sự kiện trong đầu. Mặt đường đã được xịt nước rửa sạch nhưng người ta vẫn còn thấy những vết máu trên nền bê-tông của vỉa hè, nơi Moss bị bắn. Ông đi trở lại phố Main và bắt đầu lại. Những mảnh vụn kính vỡ trong cống thoát nước và dọc vỉa hè. Một số là kính cửa sổ, một số là kính cửa các ô tô dọc lề đường. Ván ép đã được đóng lên

những khung cửa sổ bị bắn vỡ; nhưng người ta vẫn có thể thấy những lỗ đạn trên tường gạch hoặc những vết trầy do đạn bắn từ khách sạn xuống.

Ông đi trở lại khách sạn, ngồi trên các bậc thang mà nhìn ra đường phố. Mặt trời đang lên phía trên nhà hát Aztec. Có cái gì đấy ở tầng thứ hai làm cho ông chú ý. Ông đứng dậy, bước xuống, băng qua đường rồi leo lên các bậc thang. Hai lỗ đạn trên kính cửa sổ. Ông gõ cửa và chờ đợi. Rồi ông mở cánh cửa, đi vào.

Căn phòng tối tăm. Phảng phất mùi ẩm mốc. Ông đứng cho đến khi đôi mắt đã quen với ánh sáng lò mờ. Một lối đi. Một chiếc dương cầm hoặc một đàn oóc-gan nhỏ. Một áo ngủ bằng hàng the. Một phụ nữ già gục trên chiếc ghế xích đu gần cửa sổ.

Wells bước đến quan sát người phụ nữ. Bà đã bị bắn qua trán, người chúi về phía trước, một phần xương sọ phía sau và một ít mô não khô dính trên thân ghế sau lưng. Một tờ báo trên lòng. Bà mặc một chiếc áo ngủ bằng vải bông dính nhiều vết máu đen quánh. Không khí lạnh lẽo trong căn phòng. Wells nhìn quanh. Một viên đạn thứ hai bắn trúng tấm lịch treo tường. Ông nhìn quanh quất những phía khác trong phòng. Ông rút ra chiếc máy ảnh nhỏ từ túi áo, chụp vài tấm ảnh của người phụ nữ đã chết rồi lại cất máy ảnh vào túi. Ông nói với bà: “Trong đầu bà không ngờ có việc này, phải không hở bà già thân mến?”

Moss thức giấc trong phòng bệnh với tấm màn giăng giữa giường anh nằm và giường bên tay trái anh. Bóng người thấp thoáng. Những tiếng nói trong ngôn ngữ Tây Ban Nha. Âm thanh

lao xao từ đường phố. Một chiếc xe gắn máy. Một con chó. Anh quay đầu đang kê trên gối, nhìn vào đôi mắt của một người đàn ông đang ngồi trên một chiếc ghế kim loại dựa vào tường, tay đang cầm một bó hoa. Người đàn ông nói: “Anh cảm thấy thế nào?”

“Tôi thấy khỏe hơn. Anh là ai?”

“Tôi là Carson Wells.”

“Anh là ai?”

“Tôi nghĩ anh biết tôi là ai. Tôi mang hoa đến tặng anh.”

Moss nằm nhìn lên trần nhà. “Các anh có bao nhiêu người ở đây?”

Wells nói: “À, tôi nghĩ chỉ có một người mà anh nên quan tâm.”

“Đó là ông.”

“Phải.”

“Còn cái tên đi đến khách sạn thì sao?”

Wells nói: “Ta có thể nói về hắn.”

“Thế thì nói đi.”

“Tôi có thể khiến cho hắn mất hút.”

Moss nói: “Tự tôi có thể làm việc đó.”

“Tôi không nghĩ vậy.”

“Anh có quyền nghĩ theo ý mình.”

Wells nói: “Nếu người của Acosta không xuất hiện đúng nơi đó thì tôi nghĩ anh đã không thoát.”

Moss nói: “Tôi đã không thoát.”

“Anh đã thoát được. Anh làm khá lắm.”

Moss quay đầu lại nhìn người đàn ông: “Anh đến đây được bao lâu rồi?”

“Khoảng một tiếng đồng hồ.”

“Chỉ ngồi đó hay sao?”

“Đúng.”

“Anh không bận bịu công việc nhiều, phải không?”

Wells nói: “Tôi thích làm từng việc một, nếu đó là điều anh nghĩ.”

“Anh trông đại dột khi ngồi ở đây.”

Wells mỉm cười.

“Tại sao anh không đặt mấy cánh hoa chết tiệt đó xuống?”

“Được rồi.”

Wells đứng dậy, đặt bó hoa lên bàn ngủ, rồi lại đến ngồi trên chiếc ghế. Ông hỏi: “Anh có biết hai xen-ti-mét là gì không?”

“Biết. Đó là sự đo lường.”

“Đó là khoảng ba phần tư của một inch*.”

“Được rồi.”

Wells nói: “Viên đạn nằm cách lá gan anh một khoảng đó.”

“Bác sĩ nói với anh như vậy hả?”

“Đúng. Anh biết lá gan có chức năng gì không?”

“Không.”

Wells nói: “Không có nó thì anh chết. Anh có biết người bắn anh không?”

“Có lẽ hẳn không cố ý bắn tôi. Có lẽ đó là một trong những người Mẽ.”

“Anh có biết người đó là ai không?”

“Không. Tôi cần biết hay sao?”

“Bởi vì đó không phải là người mà anh thật sự muốn biết. Những người hắn đã gặp thường có tương lai rất ngắn. Thật ra là chẳng có tương lai gì cả.”

“À, thế thì tốt cho hắn.”

Wells nói: “Anh không chịu lắng nghe. Anh cần chú ý hơn. Người này sẽ không ngừng truy lùng anh. Ngay cả nếu hắn nhận lại được số tiền. Đối với hắn thì chuyện này không có khác biệt gì cả. Dù cho anh đi tìm hắn mà trao lại số tiền, hắn vẫn sẽ giết anh. Chỉ vì đã gây phiền toái cho hắn.”

“Tôi nghĩ mình đã gây nhiều hơn là phiền toái cho hắn.”

“Ý anh nói gì?”

Moss nói: “Tôi nghĩ mình đã hạ hắn.”

“Tại sao anh nghĩ vậy?”

“Tôi rưới trên người hắn hàng loạt đạn bi nhỏ. Tôi không tin hắn được ổn.”

Wells ngồi ngả người lại, quan sát Moss: “Anh nghĩ anh giết được hắn rồi hay sao?”

“Tôi không biết.”

“Bởi vì anh đã không giết được hắn. Hắn đi ra đường phố giết tất cả người Mỹ rồi trở vô khách sạn. Giống như anh đi ra ngoài để mua một tờ báo hay đại loại như thế.”

Moss nói: “Hắn không giết tất cả người Mỹ.”

“Hắn giết tất cả người Mỹ còn sót.”

“Có phải ý anh nói hấn không bị bắn hả?”

Wells nói: “Tôi không biết.”

“Nói cho tôi biết tại sao.”

“Nếu anh muốn.”

Moss hỏi: “Hấn là bạn của anh hả?”

“Không.”

Moss nói: “Tôi đã nghĩ có lẽ hấn là bạn anh.”

“Không, anh không nghĩ vậy. Làm thế nào anh tin hấn không tìm đường đến Odessa?”

“Hấn đi đến Odessa để làm gì?”

“Để giết vợ anh.”

Moss không trả lời. Anh nằm trên tấm trải giường thô ráp, nhìn lên trần nhà. Anh cảm thấy đau nhức thêm. “Anh không biết mình đang nói cái chết tiệt gì cả.”

Wells nói: “Tôi mang đến vài tấm ảnh cho anh xem.”

Ông đứng dậy, đặt hai tấm ảnh lên giường rồi lại ngồi xuống. Moss liếc qua hai tấm ảnh. Anh nói: “Tôi phải hiểu sự tình ra sao đây?”

“Tôi chụp hai ảnh này sáng nay. Bà già sống trong một căn hộ trên tầng hai trong tòa nhà mà anh bắn lên. Xác bà vẫn còn ở đó.”

Moss nói: “Anh thật là thú thối tha.”

Wells quan sát Moss, rồi quay người nhìn qua khung cửa sổ. “Anh không có liên can gì đến việc này chứ?”

“Không.”

Wells nói: “Anh chỉ tình cờ tìm thấy các chiếc xe ở chỗ đó.”

“Tôi không biết anh đang nói gì.”

“Anh không lấy đi sản phẩm, phải không?”

“Sản phẩm gì?”

“Bạch phiến. Anh không giữ bạch phiến.”

“Đúng. Tôi không giữ.”

Wells gật đầu, có vẻ suy tư: “Có lẽ tôi nên hỏi anh định làm gì.”

“Có lẽ tôi nên hỏi anh.”

Wells nói: “Tôi chẳng định làm gì cả. Tôi không cần phải làm gì. Anh sẽ đến tìm tôi. Không sớm thì muộn. Anh không có chọn lựa nào khác. Tôi sẽ cho anh số điện thoại di động.”

“Điều gì làm cho anh nghĩ tôi sẽ không biến đi?”

“Anh có biết tôi mất thời gian bao lâu để tìm ra anh không?”

“Không.”

“Khoảng ba tiếng đồng hồ.”

Moss nói: “Anh sẽ không được may mắn như thế nữa.”

“Có lẽ đúng. Nhưng khi đó anh sẽ gây ra tin dữ.”

Moss nói: “Tôi đoán anh đã từng làm việc cho hắn.”

“Ai?”

“Cái tên đó.”

Wells nói: “Đúng. Có lúc tôi đã từng làm việc cho hắn.”

“Tên hắn là gì?”

“Chigurh.”

“Sugar hả?”

“Chigurh. Anton Chigurh.”

“Làm thế nào mà anh biết tôi sẽ không dàn xếp với hănh?”

Wells ngồi nghiêng người về phía trước, hai cánh tay chéo nhau trên hai đầu gối, các ngón tay đan vào nhau. Ông lắc đầu. “Anh chẳng chịu chú ý gì cả.”

Moss nói: “Có thể là vì tôi không tin lời anh nói.”

“Có, anh tin.”

“Hoặc là tôi sẽ xử hănh.”

“Anh bị đau lắm không?”

“Có đau. Ờ.”

“Anh bị đau nhiều. Nó làm cho anh khó suy nghĩ. Để tôi gọi y tá.”

“Tôi không cần anh ban ơn.”

“Được rồi.”

“Hănh là người như thế nào, một kẻ thủ ác cùng cực hả?”

Wells nói: “Tôi không muốn nhận xét hănh như thế.”

“Anh nhận xét hănh như thế nào?”

Wells suy nghĩ về điều này. “Tôi đoán hănh không phải là típ người có óc khôi hài.”

“Người như vậy không phải là phạm nhân.”

“Tôi không nói theo ý đó. Tôi muốn nói với anh một việc.”

“Nói cho tôi nghe.”

Wells nói: “Anh không thể dàn xếp với hănh. Để tôi nói lần nữa. Ngay cả nếu anh trao lại số tiền cho hănh thì hănh vẫn giết anh. Ai lời

thôi với hắn một tiếng là không sống được. Bọn họ đều đã chết. Không có cơ may nào cả. Hắn là con người kỳ quặc. Thậm chí anh có thể nói hắn có những nguyên tắc. Nguyên tắc trong việc giao dịch tiền bạc hoặc giao dịch ma túy hoặc đại loại như vậy."

Moss nói: "Thế thì tại sao anh kể về hắn cho tôi nghe?"

"Anh hỏi tôi về hắn."

"Tại sao anh lại nói ra?"

"Có lẽ bởi vì nếu tôi giải thích cho anh hiểu được thì công việc của tôi sẽ dễ dàng hơn. Tôi không biết gì về anh. Nhưng tôi biết anh không phải là người có bản lĩnh trong mấy chuyện này. Anh nghĩ anh có bản lĩnh. Nhưng không phải vậy."

"Chúng ta sẽ thấy, được không?"

"Vài người trong bọn tôi sẽ thấy. Anh đã làm gì với số tiền?"

"Tôi đã xài khoảng hai triệu đô cho mấy con điếm và whisky, phần còn lại tôi chỉ việc phung phí hết."

Wells mỉm cười. Ông ngồi ngả người ra sao, hai chân chéo nhau. Ông mang một đôi giày da cá sấu hiệu Lucchese đắt tiền. "Anh nghĩ hắn đã tìm ra anh bằng cách nào?"

Moss không trả lời.

"Anh đã nghĩ đến việc này không?"

"Tôi biết hắn đã tìm ra tôi. Sau này hắn sẽ không tìm tôi được nữa."

Wells mỉm cười. "À, thế thì tốt cho anh."

"Đúng. Tốt cho tôi."

Có một chiếc vại nhỏ đựng nước đặt trên khay nhựa trên bàn

ngủ. Moss nhìn đến đấy.

Wells hỏi: “Anh có muốn uống nước không?”

“Nếu tôi cần gì nơi anh thì anh sẽ là kẻ khốn kiếp đầu tiên được biết.”

Wells nói: “Cái đó gọi là thiết bị định vị.”

“Tôi biết cái đó gọi là gì.”

“Đó là cách duy nhất hấn truy lùng ra anh.”

“Ừ.”

“Tôi có thể cho anh biết đôi điều hữu ích.”

“À, tôi lặp lại câu tôi vừa nói. Tôi không cần anh ban ơn.”

“Anh không thấy hiếu kỳ muốn biết tại sao tôi nói cho anh nghe, hả?”

“Tôi biết tại sao anh muốn nói.”

“Nói gì?”

“Anh thích dàn xếp với tôi hơn là với cái tên Sugar* đó.

“Đúng. Để tôi rót nước cho anh.”

“Mặc xác tôi.”

Wells ngồi im lặng, hai chân vẫn bắt chéo nhau.

Moss nhìn người đàn ông, nói: “Anh nghĩ anh có thể làm cho tôi sợ tên đó đến chết khiếp. Anh chẳng biết mình đang nói gì cả. Nếu anh muốn, tôi dẫn anh đến gặp hấn.”

Wells mỉm cười, khẽ nhún vai. Ông nhìn xuống mũi giày mình, thả hai chân rời ra, cọ mũi giày dưới ống quần jeans để lau bụi rồi bắt chéo hai chân trở lại. Ông hỏi: “Anh làm gì?”

“Hả?”

“Anh làm nghề gì?”

“Tôi nghỉ hưu.”

“Anh làm gì trước khi nghỉ hưu?”

Moss nói: “Tôi làm thợ hàn.”

“Hàn bằng khí acetylene hoặc bằng khí gì?”

“Mọi thứ. Nếu thứ gì hàn với nhau được thì tôi làm được.”

“Hàn gang được chứ?”

“Được.”

“Ý tôi không nói tới đồng thau.”

“Tôi không nói đồng thau.”

“Anh đã chiến đấu ở Việt Nam hả?”

Moss nói: “Đúng. Tôi chiến đấu ở Việt Nam.”

“Tôi cũng vậy.”

“Thế thì việc đó ảnh hưởng tới tôi ra sao? Biến tôi thành chiến hữu của anh hả?”

“Lúc trước tôi ở trong Lực lượng Đặc biệt*.”

Moss nói: “Tôi nghĩ anh làm tôi nhầm lẫn với ai đó mà họ có cần biết anh thuộc lực lượng nào.”

“Lúc trước tôi là trung tá.”

“Nhảm nhí.”

“Tôi không nghĩ vậy.”

Moss nói: “Còn bây giờ anh làm gì?”

“Tôi lo tìm kiếm người. Dàn xếp chuyện ân oán. Đại loại như

vậy.”

“Anh là tay sát thủ.”

Wells mỉm cười: “Tay sát thủ!”

Moss nói: “Tùy anh muốn gọi là gì cũng được.”

Wells nói: “Những người thuê tôi muốn giữ kín tung tích. Họ không muốn can dự vào các vụ việc để gây chú ý. Họ không muốn báo chí đăng tải.”

“Tôi biết mà.”

Wells nói: “Chuyện này sẽ không chấm dứt đâu. Ngay cả nếu anh may mắn hạ được một, hai người - mà việc này khó xảy ra - thì họ chỉ việc phái người khác. Họ vẫn sẽ truy lùng ra anh. Không có chốn nương thân. Anh còn gặp thêm chuyện lôi thôi nữa bởi vì phe đi giao hàng cũng bị mất hàng. Thế nên thử đoán xem họ đang truy lùng ai? Chưa kể đặc vụ DEA và vài cơ quan công quyền khác. Danh sách truy lùng của mỗi nhóm đều ghi cùng một cái tên. Và đó là cái tên duy nhất. Anh phải cho tôi một ân huệ. Tôi thực sự không có lý do gì để bảo vệ anh.”

“Anh sợ cái tên đó phải không?”

Wells nhún vai: “Nói tôi oải vì hắ thì đúng hơn.”

“Anh đã không nhắc tới Bell.”

“Bell? Thì sao nào?”

“Tôi đoán anh không nghĩ nhiều về ông này.”

Wells nói: “Tôi không nghĩ gì về ông ấy. Ông ta là cảnh sát trưởng lỗ mãng trong một thị trấn dân dã của một hạt dân dã. Trong một bang dân dã. Để tôi gọi y tá. Cúi bộ anh không được

thoải mái lắm. Đây là số điện thoại của tôi. Tôi mong anh suy nghĩ thêm, về những điều ta trao đổi.”

Wells đứng lên, đặt tấm danh thiếp cạnh bó hoa trên mặt bàn. Ông nhìn Moss: “Anh nghĩ không muốn gọi cho tôi, nhưng anh sẽ gọi. Chigurh là kẻ sống ngoài vòng pháp luật. Thời gian không đứng về phía anh. Chúng ta có thể níu kéo thêm ít thời gian cho anh. Nhưng nếu tôi phải lấy lại số tiền từ tay Chigurh thì lúc đó là quá muộn cho anh. Chưa nói đến vợ anh.”

Moss không trả lời.

“Được rồi. Có thể anh muốn gọi cho vợ anh. Khi tôi nói chuyện với cô ấy thì cô tỏ vẻ rất lo lắng.”

Khi Wells đã ra đi, Moss lật lên hai tấm ảnh trên mặt giường. Giống như người chơi bài lật lên con bài chủ của mình. Anh nhìn đến chiếc vại đựng nước, nhưng cô y tá đã bước vào.

Chương VI

Hình như đám người trẻ bây giờ gặp khó khăn để trưởng thành. Tôi không rõ tại sao. Có lẽ vì người ta trưởng thành không kịp về tinh thần so với cách họ lớn lên về thể chất. Tôi có một người em họ làm cảnh sát ở tuổi mười tám. Lúc ấy nó đã có vợ và một con. Tôi có một người bạn làm cha cố đạo Báp-tít ở cùng tuổi ấy. Làm mục sư cai quản nhà thờ ở một hạt nhỏ. Sau khoảng ba năm, anh ta dời đến Lubbock và khi anh ta nói với họ mình sắp ra đi, họ chỉ ngồi trong nhà thờ đó mà khóc đỏ cả mắt. Đàn ông lẫn đàn bà cũng vậy. Anh ấy đã chủ trì các lễ cưới, lễ rửa tội và lễ tang cho họ. Lúc đó anh hai mươi một tuổi, có lẽ hai mươi hai. Khi anh ấy thuyết giảng, họ đứng ngoài sân lắng nghe. Việc này làm cho tôi ngạc nhiên. Trong trường học, anh ấy luôn ít nói. Khi lên hai mươi một tôi gia nhập quân ngũ và tôi là một trong những người lớn tuổi nhất trong trại tân binh. Sáu tháng sau, tôi được điều đến chiến địa Pháp, bắn giết người với khẩu súng trường. Thậm chí lúc ấy tôi không nghĩ việc này là kỳ quặc. Bốn năm sau, tôi là cảnh sát trưởng của hạt này. Tôi không hề nghĩ ngợi mình phải là như thế nào. Những người mà tôi nói mấy chuyện phải quấy thì mỉm cười với tôi. Nhưng tôi không hề băn khoăn nhiều về những việc như thế. Trong tâm tư tôi không có những băn khoăn như thế. Tôi mong mình chẳng bao giờ vương bận.

Loretta nói với tôi là đã nghe qua đài về tỷ lệ phần trăm con trẻ ở nước này được ông bà nội ngoại nuôi nấng. Tôi quên mất tỷ lệ là bao nhiêu. Tôi nghĩ là khá cao. Cha mẹ không nuôi nấng con cái. Hai vợ chồng tôi nói về việc này. Chúng tôi nghĩ khi thế hệ kế tiếp lớn lên, nếu họ không muốn nuôi nấng con cái thì ai nuôi nấng? Chúng tôi không trả lời được. Vào

những ngày còn tốt đẹp lúc trước tôi nghĩ có cái gì đấy mà mình không hiểu thấu hoặc có cái gì khác mà mình bỏ sót. Nhưng ít khi tôi nghĩ đến. Đôi lúc tôi thức giấc trong đêm và tôi nghĩ chắc chắn rằng không có gì làm chậm lại xu hướng đó, trừ khi Chúa sống lại. Tôi không biết mình thao thức thì có ích gì. Nhưng tôi vẫn thao thức.

Tôi nghĩ nếu không có một người vợ thì khó mà làm công việc này. Kể ra cũng là một người vợ khá bất thường. Biết nấu ăn và làm người canh tù và tôi không biết hết bà ấy làm những gì. Bọn con trai đó không biết mình đã được đối xử tốt ra sao. Mà có lẽ bọn chúng biết. Tôi không hề lo lắng về sự an nguy của Loretta. Nhiều tháng trong năm họ thu hoạch được sản phẩm tốt tươi từ khu vườn. Bắp ngô tươi ngon. Đậu nấu xúp. Loretta cũng biết làm cho họ bánh mì kẹp thịt và khoai tây rán. Ngay cả nhiều năm sau chúng tôi mời họ trở về trong khi họ đã lập gia đình ổn định. Mang vợ đi theo. Thậm chí còn dẫn theo con cái. Họ trở về không phải để gặp lại tôi. Tôi chỉ gặp họ để nghe giới thiệu vợ hoặc người yêu của họ rồi đi chơi bowling. Những người đàn ông trưởng thành. Họ đã làm vài chuyện xấu. Loretta biết mình phải làm gì. Lúc nào cũng biết. Thế là mỗi tháng chúng tôi rà soát ngân quỹ của trại giam nhưng liệu chúng tôi có thể làm được gì? Bạn không thể làm được gì cả. Bạn chỉ làm được đến thế.

Khi đến giao lộ 131, Chigurh lái xe rời khỏi xa lộ rồi dừng lại, mở ra quyển niên giám điện thoại đặt trên lòng, gấp lại các trang vấy máu cho đến khi tìm đến trang liệt kê bác sĩ thú y. Có một phòng mạch thú y bên ngoài Bracketville, cách khoảng ba mươi phút đi ô tô. Hắn nhìn qua tấm khăn quần quanh đùi. Tấm khăn thấm đẫm máu, và máu thấm lên băng gesso. Hắn ném quyển niên giám xuống sàn xe, rồi ngồi với hai bàn tay đặt trên bánh lái. Hắn ngồi như thế trong khoảng ba phút, rồi sang số xe và lái trở lại trên xa lộ.

Hắn đi đến giao lộ ở La Pryor rồi theo đường dẫn đến Uvalde. Chân hắn nhức nhối. Bên ngoài Uvalde, hắn đỗ xe trước cửa hàng Cooperative, tháo sợi dây quần chân ra và rút tấm khăn ra. Rồi hắn bước ra cửa xe và khập khễnh đi vào.

Hắn mua một túi đựng vật liệu cho ngành thú y. Bông gòn, keo dán và băng quần vết thương. Một ống tiêm và một chai nước ôxy già để rửa vết thương. Một chiếc kẹp. Một cái kéo. Một hộp băng thấm mười xen-ti-mét và một chai Betadine*. Hắn trả tiền, trở ra bước vào chiếc Ramcharger, nổ máy rồi ngồi quan sát tòa nhà qua kính chiếu hậu. Như thế hắn đang nghĩ về cái gì đấy mình cần đến, nhưng không phải. Hắn luồn các ngón tay vào bên trong ống tay áo, cẩn thận lau mồ hôi đọng trên hai mắt. Rồi hắn sang số chiếc xe, lùi ra khỏi bãi đỗ xe, chạy ra xa lộ để hướng về thị trấn.

Hắn lái qua phố Main, đến phố Getty thì rẽ về hướng bắc, đến phố Nopal thì rẽ về hướng đông rồi đỗ xe lại, tắt máy. Chân hắn vẫn chảy máu. Hắn rút ra cây kéo và băng keo dán, cắt ra một miếng tròn từ chiếc hộp giấy cứng đựng bông gòn. Hắn đặt miếng giấy cứng cùng băng keo dán vào túi áo. Hắn lấy cái móc áo nằm

trên sàn xe phía sau ghế ngồi, vặn tháo ra hai đầu và bẻ cho thẳng. Rồi hắn cởi áo ra, dùng cái kéo cắt rời một tay áo, xếp lại, đặt trong túi áo, trả cái kéo vào cái bao của cửa hàng Cooperative, mở cửa xe, bước ra, đặt hai bàn tay dưới một đầu gối để nhắc cái chân bị thương lên. Hắn đứng đấy, vịn lấy cửa xe. Rồi hắn cúi người, đầu sát xuống ngực, để yên như thế trong gần một phút. Rồi hắn đứng thẳng người lại, đóng cửa xe và bắt đầu đi xuống con phố.

Bên ngoài cửa hiệu thuốc trên phố Main, hắn dừng lại, quay người tựa bên một chiếc ô tô đang đỗ ở đấy. Hắn kiểm tra đường phố. Không có ai đi đến. Hắn mở nắp bình xăng ở khuỷu tay, móc tay áo vào cái mắc áo, nhúng vào bình xăng rồi lại nhắc lên. Hắn dán miếng giấy cứng lên nắp bình xăng đang mở, cuộn tròn tay áo thấm ướt xăng phía trên, dán dài xuống, đốt một đầu rồi đi khập khễnh vào hiệu thuốc. Hắn chỉ mới đi được nửa chiều dài hành lang dẫn đến hiệu thuốc thì chiếc ô tô bên ngoài nổ tung thành một khối cầu lửa, phá nát phần lớn khung kính phía trước hiệu thuốc.

Hắn chui qua một ô trống nhỏ, đi dọc lối đi của dược sĩ. Hắn tìm thấy một bao kim tiêm, một chai thuốc viên Hydrocodone rồi đi lên lối đi tìm penicillin. Hắn chỉ tìm được tetracycline và sulfa. Hắn nhét các món thuốc này vào túi rồi từ phía sau quầy tính tiền bước ra giữa ánh lửa màu cam, đi xuống hành lang, chọn lấy một đôi nạng bằng nhôm, đẩy cánh cửa phía sau, khập khễnh đi qua bãi đỗ xe trải sỏi phía sau hiệu thuốc. Chuông báo động ở cửa sau vang lên nhưng không ai chú ý đến. Thậm chí Chigurh không nhìn ngoái lại phía trước cửa hiệu lúc này đang chìm trong ngọn lửa.

Hắn lái xe đến một motel bên ngoài Hondo, thuê một phòng ở

cuối tòa nhà, bước vào và đặt cái túi trên giường. Hấn nhét khẩu súng lục dưới nệm giường, đi vào phòng tắm với cái túi của cửa hàng Cooperative, trút các thứ vào bồn rửa mặt. Hấn lấy ra các món trong túi đặt lên mặt kính - chìa khóa, hóa đơn, các lọ trụ sinh và ống tiêm. Hấn ngồi trên rìa bồn cầu, cởi đôi giày ra, cúi xuống đặt cái nút chặn lỗ thoát nước trong bồn tắm, rồi mở vòi nước. Rồi hấn cởi quần áo và luồn người xuống bồn tắm trong khi nước đang dâng lên.

Vết thương nơi chân trở màu xanh và đen, sưng phồng to. Trông giống như vết rắn cắn. Hấn xoay chân, xem xét vết đạn trở ra. Những mảnh vụn của vải quần dính vào vết thương. Miệng vết thương rộng bằng ngón tay cái.

Khi hấn bước ra khỏi bồn tắm, nước đã trở thành màu hồng nhạt, hai vết thương trên chân vẫn còn rỉ máu. Hấn thả đôi giày vào nước, ngồi trên bàn cầu, nhắc lấy chai Betadine và hộp băng bông trên bồn rửa mặt. Hấn dùng răng cắn để mở ra hộp băng và nút chai rồi rót chậm chậm trên vết thương. Rồi hấn đặt cái chai xuống, dùng khăn băng bông và kẹp nhặt ra những mảnh vụn của vải quần. Hấn rửa cái kẹp trong vòi nước đang chảy vào bồn rửa mặt rồi lại tiếp tục công việc làm vệ sinh vết thương.

Xong xuôi, hấn khử trùng vết thương một lần cuối, mở ra các miếng bông đặt trên hai vết thương, rồi dùng miếng băng dành cho dê cừu mà cột lại. Rồi hấn đứng lên, lấy cái cốc bằng nhựa trên bồn rửa mặt hứng lấy nước từ vòi mà uống. Hấn lại hứng nước và uống cốc thứ hai. Rồi hấn đi trở ra phòng ngủ, nằm duỗi dài trên giường với cái chân bị thương gác lên chiếc gối. Ngoài những giọt mồ hôi

lấm tấm trên trán, không có dấu hiệu gì khác cho thấy hắn đã chịu vất vả về thể chất.

Khi đi trở vào phòng tắm, hắn rút ra một ống kim tiêm, cắm đầu kim vào một chai tetracycline để rút thuốc, đưa ống tiêm lên ánh sáng, đẩy pít-tông lên cho đến khi một giọt thuốc xuất hiện trên đầu mũi kim. Rồi hắn lấy ngón tay búng hai cái vào thân ống tiêm, cúi xuống cắm mũi kim vào bắp cơ chân, chậm chậm bơm thuốc.

Hắn lưu lại khách sạn trong năm ngày. Chống nạng đi xuống phòng ăn rồi lại đi lên. Hắn mở TV, ngồi trên giường xem và không bao giờ đổi đài. Hắn xem bất cứ chương trình gì. Hắn xem phim truyện rẻ tiền nhiều tập, thời sự, bình luận tin tức. Hắn thay bông băng trên vết thương mỗi ngày hai lần, lau vết thương bằng epsom salt* và uống trụ sinh. Ngày đầu tiên khi người làm phòng đến, hắn đứng ở cửa bảo cô không cần làm dịch vụ nào cả. Chỉ cần thay khăn tắm và xà phòng. Hắn cho cô mười đô. Cô nhận lấy tiền, đứng đấy có vẻ băn khoăn. Hắn lặp lại câu nói bằng tiếng Tây Ban Nha. Cô gật đầu, dúm tờ bạc vào túi áo choàng, đẩy chiếc xe đi dọc hành lang. Hắn đứng đấy, nhìn qua những chiếc xe ngoài bãi đỗ xe rồi đóng lại cánh cửa.

Vào đêm thứ năm, khi hắn đang ngồi trong quán café, hai viên cảnh sát từ văn phòng Cảnh sát trưởng hạt Valdez bước vào, giờ mũ ra đặt trên hai chiếc ghế trống hai bên, mở tờ thực đơn ra xem. Một trong hai người nhìn qua hắn. Chigurh quan sát tất cả mà không cần quay người và chăm chú nhìn. Họ trò chuyện với nhau. Rồi người kia nhìn qua hắn. Rồi người hầu bàn đi đến. Hắn uống nốt cốc cà phê, đứng dậy, để tiền trên mặt bàn rồi bước ra. Hắn đã để đôi nạng

trong phòng; hắn đi chậm chậm và vững chãi qua khung cửa kính quán café, cố gắng không để lộ bước khập khễnh. Hắn bước qua phòng mình, đi đến vòm cây cảnh ở cuối tòa nhà rồi quay lại. Hắn nhìn chiếc Ramcharger ở cuối bãi đỗ xe. Người ngồi ở văn phòng hoặc bên trong nhà ăn không thể nhìn thấy chiếc xe. Hắn đi trở vào phòng, thu nhặt bộ cạo râu và khẩu súng lục vào chiếc túi, đi qua bãi đỗ xe, bước vào chiếc Ramcharger, nổ máy, chạy qua bãi đỗ xe của cửa hàng điện tử kế bên rồi chạy lên xa lộ.

Wells đứng trên cầu trong khi ngọn gió từ mặt sông thổi tung mái tóc. Ông quay người, đứng tựa lan can, giờ chiếc máy ảnh rế tiền lên chụp một bức ảnh mà không nhắm đến mục tiêu gì rõ ràng, rồi lại hạ máy ảnh xuống. Ông đang đứng chính ở nơi Moss đã đứng bốn đêm trước. Ông đã quan sát vết máu trên đường đi. Ở nơi vết máu mất dấu, ông dừng lại, hai cánh tay gấp lại và một bàn tay xoa cằm. Ông không màng chụp bức ảnh cụ thể nào. Không có ai nhòm ngó. Ông nhìn xuống dòng nước màu xanh lục chảy chậm chậm. Ông đi xuống hơn chục bước rồi đi trở lại. Ông băng qua bên kia đường. Một chiếc xe tải chạy qua. Thân cầu khẽ rung động. Ông đi dọc lối dành cho người đi bộ rồi dừng lại. Một dấu giày mờ mờ dính máu. Thêm một dấu mờ mờ nữa. Ông xem xét hàng rào chắn xem có vết máu nào không. Ông rút chiếc khăn tay từ túi quần, thấm ướt với nước bọt rồi chùi dọc thành lan can. Ông đứng nhìn xuống dòng nước. Một con đường chạy dọc phần đất Mỹ. Giữa con đường và con sông là một đám lau sậy cao, khẽ đong đưa lao xao trong ngọn gió thổi từ mặt sông. Ông thầm nghĩ: “Nếu hắn mang số

tiền vào Mexico thì số tiền đã mất. Nhưng hắn không mang theo.”

Wells bước lùi, lại nhìn hai dấu giày. Vài người Mẽ đang đi trở về dọc thành cầu, cầm rõ rã và túi xách. Ông rút ra máy ảnh chụp trời mây, con sông, chụp cả quang cảnh chung quanh.

Bell ngồi ở bàn giấy ký các tờ ngân phiếu, tính toán các con số qua máy tính cầm tay. Khi xong xuôi, ông ngả người trên ghế, nhìn qua khung cửa sổ đến khoảnh sân cỏ hoang vắng của tòa nhà tòa án. Ông kêu: “Molly.”

Cô đi vào, đứng ở khung cửa.

“Cô tìm thấy gì về mấy chiếc xe đó chưa?”

“Thưa Cảnh sát trưởng, tôi tìm ra được tất cả những gì hiện có. Mấy chiếc xe đó được cầm cố, được đăng ký dưới tên những người đã chết. Chủ nhân chiếc Blazer đó đã chết cách đây hai mươi năm. Ông có muốn tôi tìm thêm về mấy người Mẽ không?”

“Không cần. Ôi Trời, không. Đây là mấy tấm ngân phiếu cho cô.”

Cô bước đến, nhận lấy tập ngân phiếu trên mặt bàn rồi kẹp dưới nách. “Đặc vụ DEA đó gọi lần nữa. Ông không muốn nói chuyện với ông ấy sao?”

“Tôi muốn tránh nếu có thể được.”

“Ông ấy nói sẽ đi ra đó lần nữa và muốn biết ông có muốn đi cùng không.”

“À, kể ra ông ấy cũng thân thiện. Tôi nghĩ ông ấy có thể đi bất cứ nơi nào nếu muốn. Ông ấy là đặc vụ được chứng nhận của Chính phủ Hoa Kỳ.”

“Ông ấy muốn biết ông định làm gì với mấy chiếc xe đó.”

“Ừ. Tôi sẽ thu hồi và đem bán đấu giá. Thêm tiền của hạt đồ sông đồ biển. Một chiếc xe có động cơ khá tốt. Ta có thể bán được dăm ba đô. Không có tin gì từ bà Moss sao?”

“Thưa ông, không có.”

“Được rồi.”

Ông nhìn lên đồng hồ treo trên tường ngoài cửa văn phòng. “Cô làm ơn gọi cho Loretta, nói với bà ấy tôi đi Eagle Pass và khi đến đấy tôi sẽ gọi về. Tôi đã gọi nhưng bà ấy muốn tôi trở về nhà và tôi có thể trở về.”

“Ông muốn tôi chờ cho đến khi ông rời khỏi văn phòng phải không?”

“Đúng thế.”

Ông đẩy chiếc ghế lùi ra, đứng lên, nhấc lấy dây súng từ giá áo phía sau bàn giấy, vắt qua vai, nhặt lấy chiếc mũ rồi đội lên đầu.

“Torbert có nói gì thế? Về sự thật và công lý hử?”

“Chúng ta khánh thành một tờ nhật báo mới. Đại loại như vậy.”

“Tôi nghĩ mình sẽ bắt đầu khánh thành chính mình một ngày hai lần. Có thể là ba lần trước khi vụ này xong xuôi. Gặp lại cô sáng mai.”

Ông dừng lại ở quán café, mua một cốc cà phê để mang theo rồi đi đến chiếc xe tuần tra thì một chiếc xe tải không mui chạy đến trên con đường. Chiếc xe phủ đầy bụi đất xám của sa mạc. Ông dừng lại, nhìn chiếc xe tải rồi bước vào chiếc xe tuần tra, chạy vòng, vượt qua chiếc xe tải rồi ra hiệu cho tài xế đỗ lại. Khi ông bước ra khỏi xe

mình và đi lại, người tài xế ngồi trước tay lái đang nhai kẹo cao su, nhìn ông với vẻ kiêu ngạo hiền lành.

Bell đặt một tay lên thành xe, nhìn người tài xế. Anh này gật đầu: “Chào Cảnh sát trưởng.”

“Lúc gần đây anh có xem qua những gì anh chở không?”

Anh tài xế nhìn qua kính chiếu hậu. “Cảnh sát trưởng, có chuyện gì vậy?”

Bell lui lại. Ông nói: “Anh bước ra đây.”

Anh tài xế mở cửa xe bước ra. Bell hất hàm về phía mặt sàn chất hàng. Ông nói: “Đây là sự xúc phạm trắng trợn.”

Anh tài xế bước về phía sau xem xét. Anh nói: “Một sợi dây buộc bị lỏng.”

Anh nắm lấy một góc tấm vải bạt kéo lại để che phủ những xác chết nằm đấy, mỗi xác chết được quấn trong lớp nhựa dày màu xanh và được bịt kín bằng băng keo. Có tám xác chết như thế. Được bó chặt và bịt kín.

Bell hỏi: “Anh còn lại bao nhiêu xác?”

“Thưa Cảnh sát trưởng, tôi không bị mất cái xác nào.”

“Anh có lấy đi chiếc xe nào không?”

“Tụi tôi không thấy chiếc xe bán tải hai cầu nào.”

Anh ta cột lại góc tấm vải bạt rồi đứng đấy.

Bell nói: “Được rồi.”

“Ông không phạt tôi vì lỗi chuyên chở thiếu an toàn chớ?”

“Anh xéo đi khỏi nơi đây.”

Bell đi đến cầu Sông Devil lúc trời chạng vạng tối. Khi đến giữa

cầu, ông dừng xe lại, mở đèn hiệu trên nóc xe, bước ra, đóng cửa xe lại, bước quanh phía trước chiếc xe, đứng dựa vào ống nhôm làm hàng rào chắn. Nhìn mặt trời đang lặn xuống mặt hồ màu xanh lam bên kia cầu xe lửa. Một chiếc xe tải chạy về hướng tây vòng quanh đoạn đường cong dài. Tài xế sang số thấp khi nhận ra ánh sáng đèn hiệu từ chiếc xe tuần tra. Anh nhào người ra khỏi cửa sổ xe. “Cảnh sát trưởng, đừng nhảy xuống. Bà ấy không đáng giá cho ông làm thế.” Rồi chiếc xe tải chạy đi kéo theo làn gió, động cơ diesel nổ dòn lên, người tài xế sang số cao. Bell mỉm cười. Ông lẩm bẩm: “Sự thật là, bà ấy đáng giá.”

Cách giao lộ đường số 481 và đường số 57 hơn ba ki-lô-mét, chiếc hộp nằm trên nệm ghế kế bên phát lên một tiếng “bíp” rồi lại im lặng. Chigurh lái xe vào bên lề đường rồi dừng lại. Hấn nhắc lấy chiếc hộp, xoay đi xoay lại. Hấn điều chỉnh cái nút. Không có gì cả. Hấn lại cho xe chạy trên xa lộ. Mặt trời thấp thoáng qua dãy đồi thấp phía sau. Một bầu ánh sáng lạnh lạnh và mờ mờ phủ trên sa mạc. Hấn gỡ ra đôi kính mắt cho vào hộp chứa găng tay và bật đèn pha lên. Đúng lúc ấy, chiếc hộp vang lên một tiếng “bíp”.

Hấn đỗ xe phía sau khách sạn, bước ra, đi cà nhắc quanh chiếc xe tải với chiếc hộp, khẩu shotgun và khẩu súng lục - tất cả nằm trong cái túi có khóa kéo. Hấn đi qua bãi đỗ xe và bước lên các bậc cầu thang của khách sạn.

Hấn ghi tên thuê phòng, nhận chìa khóa, bước thấp bước cao lên cầu thang và dọc hành lang đến căn phòng, bước vào, khóa cánh cửa, nằm trên giường với khẩu shotgun đặt trên ngực mà nhìn lên

trần nhà. Hấn không thể nghĩ ra lý do tại sao thiết bị định vị nằm ở khách sạn này. Hấn loại trừ Moss bởi vì hấn nghĩ Moss hầu như chắc chắn đã chết. Còn lại là cảnh sát. Hoặc nhân viên nào đấy của Tập đoàn Dầu hỏa Matacumbe. Người ta hấn nghĩ rằng trong ý nghĩ của hấn thì họ cho rằng hấn xem họ là rất ngu xuẩn. Hấn đã nghĩ về điều này.

Khi hấn thức giấc thì đã là mười giờ rưỡi tối. Hấn nằm trong bóng tối mờ mờ và yên tĩnh, nhưng hấn đã tìm ra câu trả lời. Hấn đứng dậy, đặt khẩu shotgun phía sau mấy chiếc gối, giắt khẩu súng lục vào thắt lưng quần. Rồi hấn bước ra, đi cà nhắc xuống các bậc thang để đến quầy lễ tân.

Nhân viên lễ tân đang ngồi đọc một tờ tạp chí. Khi thấy Chigurh, anh nhét tờ tạp chí dưới bàn và đứng dậy, nói: “Chào ông.”

“Tôi muốn xem sổ đăng ký.”

“Ông có phải là cảnh sát không?”

“Không. Không phải.”

“Tôi e không cho ông xem được.”

“Được mà.”

Khi trở lên, hấn dừng lại, nghe ngóng ở hành lang bên ngoài phòng mình. Hấn bước vào, cầm lấy khẩu shotgun và máy thu sóng rồi bước xuống căn phòng với dải băng cảnh sát quấn quanh, cầm chiếc hộp đặt cạnh cánh cửa và bật lên. Hấn đi xuống tầng hai và cố bắt lấy tín hiệu. Rồi hấn trở lại căn phòng đầu tiên, mở cánh cửa bằng chìa khóa lấy ở quầy lễ tân, bước lui lại, đứng dựa tường hành lang.

Hắn có thể nghe tiếng xe cộ lưu thông bên ngoài bãi đỗ xe nhưng hắn vẫn nghĩ cửa sổ đã đóng kín. Không có luồng gió nào. Hắn nhìn nhanh vào trong căn phòng. Chiếc giường được kéo ra xa khỏi chân tường. Cửa phòng tắm đang mở. Hắn kiểm tra chốt an toàn của khẩu shotgun. Hắn bước qua phòng, đi đến đầu kia.

Không có ai trong phòng. Hắn cầm chiếc hộp quét quanh và tìm thấy thiết bị định vị nằm trong ngăn kéo của bàn ngủ bên giường. Hắn ngồi trên giường xoay xoay thiết bị định vị. Đây là một thỏi kim khí sáng bóng có kích thước bằng quân cờ domino. Hắn nhìn qua khung cửa sổ đến bãi đỗ xe. Chân hắn đau nhức. Hắn bỏ thỏi kim khí vào túi, tắt máy thu tín hiệu, đứng dậy và bước ra, đóng cửa phòng lại. Bên trong phòng, chuông điện thoại reo. Hắn nghĩ ngợi trong khoảng một phút. Rồi hắn đặt thiết bị định vị trên ngạch cửa sổ ở đầu hành lang, quay người và đi trở lại tiền sảnh.

Hắn chờ đợi Wells ở đây. Không ai khác lại làm thế. Hắn ngồi trên chiếc ghế bành bằng da được đẩy vào góc phòng, nơi hắn có thể quan sát cả cửa trước và hành lang phía sau.

Wells bước vào lúc mười một giờ rưỡi. Chigurh đứng dậy, đi theo ông lên các bậc thang, khẩu shotgun được gói một cách lỏng lẻo trong tờ báo hắn đang đọc. Nửa đường giữa cầu thang, Wells quay người nhìn lại. Chigurh buông rơi tờ báo, nâng khẩu shotgun ngang thắt lưng. Hắn nói: “Chào, Carson.”

Họ ngồi trong phòng của Wells; Wells trên giường và Chigurh trên ghế đặt gần cửa sổ. Wells nói: “Anh không cần phải làm thế. Tôi chỉ là người chạy việc vặt. Tôi có thể trở về nhà luôn.”

“Đúng là anh có thể.”

“Tôi có thể đem lợi lộc đến cho anh. Dẫn anh đến máy rút tiền tự động. Ai nấy đều tản đi. Có khoảng mười bốn nghìn đô trong đó.”

“Khoản thù lao khá.”

“Tôi nghĩ thế.”

Chigurh nhìn qua khung cửa sổ, khẩu shotgun gác lên đầu gối. Hắn nói: “Vết thương làm tôi thay đổi. Thay đổi cái nhìn của tôi. Tôi đã tiến bước, theo cách nào đó. Có cái gì đó sa vào chỗ trước kia không có nó. Tôi nghĩ là có, nhưng không phải. Cách diễn giải tốt nhất là tôi bị bất ngờ. Đây không phải là chuyện tồi tệ. Nhưng mà đã muộn rồi.”

Wells nói: “Nhưng vẫn là khoản thù lao khá.”

“Đúng vậy. Có điều là theo đồng tiền khác.”

Wells lấy mắt ước lượng khoảng cách giữa hai người. Điên rồ. Có lẽ hai mươi năm về trước. Thậm chí có lẽ không phải lúc đó*. Ông nói: “Anh cứ làm việc phải làm.”

Chigurh ngồi thông trên chiếc ghế, cầm tựa lên các đốt ngón tay. Nhìn đến Wells. Nhìn những ý nghĩ cuối cùng của ông này. Trước đây hắn đã thấy tất cả. Wells cũng thế.

Wells nói: “Chuyện này bắt đầu từ trước. Lúc ấy tôi không nhận ra. Khi đi xuống vùng ranh giới, tôi ghé vào một quán café ở thị trấn này. Có vài người đang uống bia ở đó; một người trong bọn nhìn lại tôi. Tôi không để ý đến hắn. Tôi gọi bữa ăn chiều. Nhưng khi tôi bước đến quầy thu ngân để trả tiền, tôi phải đi ngang qua họ, họ đều cười và hắn nói cái gì đó khiến cho tôi không thể bỏ qua. Anh có biết tôi đã làm gì không?”

“Có. Tôi biết anh đã làm gì.”

“Tôi phốt lò hẩn. Tôi trả tiền và vừa đi tới cửa thì hẩn lặp lại cũng câu nói ấy. Tôi quay lại nhìn hẩn. Tôi chỉ đứng đó xía răng bằng cây tăm, và tôi khẽ hất đầu ra hiệu cho hẩn. Để hẩn đi ra ngoài. Nếu hẩn muốn. Và rồi tôi đi ra ngoài. Tôi chờ ở bãi đỗ xe. Rồi hẩn và đám bạn đi ra; tôi giết hẩn ở bãi đỗ xe rồi bước vào xe mình. Bọn họ đều xúm lại quanh hẩn. Họ không biết chuyện gì đã xảy ra. Họ không biết rằng hẩn đã chết. Một người nói tôi đã ra một đòn đánh vào động mạch chủ, rồi cả bọn đều nói thế. Họ đang cố vực cho hẩn ngồi dậy. Họ đang lay tỉnh hẩn để ngồi dậy. Một tiếng đồng hồ sau, một cảnh sát viên chặn đường tôi bên ngoài Sonora Texas và còng tay tôi dẫn vào thị trấn. Tôi không hiểu tại sao mình chịu cho anh ta làm thế nhưng tôi nghĩ mình muốn xem liệu có thể tự mình thoát ra bằng một hành động tự nguyện hay không. Bởi vì tôi tin rằng người ta có thể làm được. Nhưng đấy là việc làm điên rồ. Việc làm vô vọng. Anh hiểu không?”

Chigurh nói: “Tôi hiểu không hả?”

“Ừ.”

“Anh có biết anh điên rồ đến chết tiệt như thế nào không?”

“Bản chất của cuộc trao đổi này hả?”

“Bản chất của chính anh.”

Chigurh ngả người về phía sau. Hẩn quan sát Wells, nói: “Cho tôi biết điều gì đi chứ.”

“Điều gì?”

“Nếu quy tắc dẫn anh đến tình thế này thì quy tắc có ích gì?”

Wells nói: “Tôi không hiểu anh muốn nói gì.”

“Tôi muốn nói về cuộc đời anh. Trong đó mọi thứ bây giờ đều được nhận rõ ngay.”

“Tôi không quan tâm đến cái vớ vẩn của anh, Anton.”

“Tôi nghĩ anh có thể tự giải thích.”

Wells nói: “Tôi không cần giải thích với anh.”

“Không phải giải thích với tôi. Mà với chính anh. Tôi đã nghĩ anh có thể muốn nói gì đấy.”

“Đồ chết tiệt anh.”

Chigurh nói: “Anh làm tôi ngạc nhiên, thế thôi. Tôi đã mong điều gì khác. Nó đặt ra nghi vấn về những sự kiện trong quá khứ. Anh có nghĩ vậy không?”

“Anh nghĩ tôi hoán đổi nghề nghiệp với anh hay sao?”

Chigurh nói: “Đúng. Tôi nghĩ vậy. Tôi ở đây và anh ở kia. Trong vài phút tới, tôi sẽ vẫn còn ở đây.”

Wells nhìn ra ngoài cửa sổ tối đen, nói: “Tôi biết số tiền ở đâu.”

“Nếu anh biết số tiền ở đâu thì anh đã thu được.”

“Tôi đang chờ cho đến khi không có ai ở đó. Chờ cho tới tối. Hai giờ sáng. Ấng chừng như thế.”

Chigurh nói: “Anh biết số tiền ở đâu hả?”

“Đúng.”

Chigurh nói: “Tôi biết nhiều hơn anh.”

“Gì vậy?”

“Tôi biết nó sẽ ở đâu.”

Wells nói: “Ở đâu?”

Chigurh nói: “Nó sẽ được mang đến cho tôi và đặt dưới chân tôi.”

Wells lau miệng với lưng bàn tay. “Anh không mất mát gì cả. Đi từ đây đến đó chỉ cần hai mươi phút.”

“Anh biết việc này sẽ không xảy ra. Đúng không?”

Wells không trả lời.

“Đúng không?”

Wells nói: “Đồ chết tiệt anh.”

“Anh nghĩ có thể lần nữa với đôi mắt của anh.”

Wells hỏi: “Anh có ý gì?”

“Anh nghĩ cứ lấy mắt nhìn tôi thì anh có thể lần nữa.”

“Tôi không nghĩ điều đó.”

Chigurh nói: “Có, anh có nghĩ. Anh phải nhận ra hoàn cảnh của mình. Còn có thêm phẩm giá trong đó. Tôi cố giúp anh.”

Wells nói: “Anh là đồ khốn kiếp.”

“Anh nghĩ mình sẽ không nhắm mắt lại. Nhưng anh sẽ nhắm mắt.”

Wells không trả lời. Chigurh nhìn ông, nói: “Tôi còn biết anh nghĩ tới cái gì khác.”

Wells nói: “Anh không biết tôi đang nghĩ gì.”

“Anh nghĩ tôi giống anh. Đó chỉ là lòng tham. Nhưng tôi không giống anh. Tôi sống một đời đơn giản.”

Wells nói: “Thì cứ sống như thế đi.”

“Anh không hiểu. Một người như anh thì không hiểu.”

“Cứ làm đi.”

Chigurh nói: “Ừ. Họ luôn nói như vậy. Nhưng họ không có ý đó, phải không?”

“Khốn kiếp anh.”

Chigurh nói: “Carson, thế là không ổn. Anh cần phải giữ bình tĩnh. Nếu anh không tôn trọng tôi thì anh phải nghĩ về chính anh như thế nào? Hãy nhìn vào vị thế của mình.”

Wells nói: “Anh nghĩ anh tránh được mọi thứ. Nhưng không đúng.”

“Không phải mọi thứ. Đúng vậy.”

“Anh không thể tránh khỏi cái chết.”

“Cái đúng với anh thì không đúng với tôi.”

Wells nói: “Anh nghĩ tôi sợ chết hả?”

“Đúng.”

“Cứ làm đi. Làm đi và chết tiệt anh.”

Chigurh nói: “Chuyện đó không giống nhau. Trong nhiều năm anh đã từ bỏ nhiều thứ để tới mức này. Tôi không hiểu nổi điều đó. Làm thế nào một người quyết định rời bỏ đời sống của mình theo hạng nào? Hai chúng ta đều làm ăn giống nhau. Cho đến một điểm. Anh khinh thường tôi như thế hả? Tại sao anh lại làm vậy? Làm thế nào anh lại để mình lâm vào nông nỗi này?”

Wells nhìn ra đường phố. Ông hỏi: “Mấy giờ rồi?”

Chigurh nâng cổ tay lên nhìn đồng hồ. “Mười một giờ năm mươi bảy phút.”

Wells gạt đầu. “Theo lịch của bà già kia, tôi có thêm ba phút. Mặc xác. Tôi nghĩ mình đã nhìn thấy mọi chuyện như thế này từ lâu rồi. Gần giống như một giấc mộng mị. *Déjà vu**.” Ông nhìn qua Chigurh, nói: “Tôi không quan tâm tới ý kiến của anh. Cứ làm đi. Anh là cái mẫu người bệnh tâm thần chết tiệt. Cứ làm và chết tiệt anh.”

Wells thật sự nhắm mắt. Ông nhắm đôi mắt lại, quay mặt đi, giơ một tay lên để gạt đi cái mà ông không gạt được. Chigurh bắn vào mặt ông. Mọi thứ mà Wells đã từng nhận biết hoặc suy nghĩ hoặc yêu thương đều thoát đi chậm chậm trên mặt tường phía sau ông. Khuôn mặt của mẹ ông, lễ ban Thánh thể đầu tiên, những người phụ nữ ông yêu. Gương mặt của những người khi họ quỳ chịu chết trước mặt ông. Xác của một đứa trẻ chết dưới một hẻm núi bên đường ở một nước khác. Ông ngồi trên giường với cái đầu vỡ toang một nửa, hai cánh tay thông ra ngoài, phần lớn bàn tay bên phải đã biến mất.

Chigurh đứng dậy, nhặt lấy vỏ đạn nằm trên thảm, đưa lên miệng thổi rồi cho vào túi áo và nhìn đồng hồ. Còn một phút nữa mới qua ngày mới.

Hắn đi xuống cầu thang phía sau, đi đến chiếc xe của Wells ở bãi đỗ xe, lục tìm chìa khóa trong chùm khóa của Wells, mở cửa xe, sục sạo phía trước, phía sau và bên dưới ghế. Đây là một chiếc xe cho thuê, chỉ có tờ hợp đồng thuê xe để trong túi ở cửa xe. Hắn đóng cửa xe lại, lặc lè đi đến thùng xe phía sau. Không có gì. Hắn đi vòng qua phía ghế người lái, mở cửa xe, bật nút nắp xe, mở nắp xe và nhìn vào buồng máy, đập lại nắp xe và đứng nhìn về phía khách

sạn. Trong khi hắ đang đứng đấ thì điện thoại di động của Wells reo. Hắ lục chiếc điện thoại trong túi quần, bấm nút và đưa lên tai. Hắ nói: “Vâng.”

Moss đi tới lui trong khu người bệnh, tay nú lấy cánh tay của cô y tá. Cô tỏ lời khuyến khích anh bằng tiếng Tây Ban Nha. Hai người đi đến đầu cuối rồi quay lại. Mồ hôi lấm tấm trên trán anh. Cô nói: “*Ándale. Qué bueno.**” Anh gật đầu, nói: “Đúng là *bueno* cái con khi gió.”

Lúc đêm khuya, anh thức dậy từ một giấc mộng mị, cố gắng đi xuống hành lang và yêu cầu cho sử dụng điện thoại. Anh quay số ở Odessa, nặng nề đứng tựa vào quầy và nghe tiếng chuông ở đầu bên kia. Chuông reo một hồi lâu. Cuối cùng, mẹ của cô trả lời.

Moss nói: “Con là Llewelyn đây.”

“Nó không muốn nói chuyện với anh.”

“Cô ấy muốn mà.”

“Anh có biết mấy giờ rồi không?”

“Con không cần biết mấy giờ. Mẹ đừng gác máy.”

“Mẹ đã nói với nó chuyện này sẽ xảy ra, đúng không? Nói rất rõ. Mẹ đã nói: Đây là chuyện sẽ đến để kết thúc. Bây giờ nó đã đến để kết thúc.”

“Mẹ đừng gác máy. Mẹ kêu cô ấy đến để nói chuyện với con.”

Khi nhận lấy ống nghe, cô nói: “Em đã không nghĩ anh lại làm thế.”

“Này em yêu, em khỏe không?”

“Llewelyn, anh yên ổn chứ? Chuyện gì đã xảy ra với lời hứa của họ? Anh đang ở đâu?”

“Piedras Negras.”

“Llewelyn, em phải làm gì đây?”

“Em ổn không?”

“Không, em không ổn. Em ổn sao được! Nhiều người gọi đến đây hỏi về anh. Có Cảnh sát trưởng hạt Terrell đến tìm em. Gõ tận cửa. Em nghĩ anh đã chết.”

“Anh không chết. Em trả lời ông ấy ra sao?”

“Em có thể nói được gì?”

“Ông ấy có thể lừa cho em nói ra gì đó.”

“Anh bị thương, phải không?”

“Cái gì khiến cho em nói vậy?”

“Em có thể nghe qua giọng nói của anh. Anh ổn không?”

“Anh ổn.”

“Anh đang ở đâu?”

“Anh đã nói với em rồi.”

“Anh nói như là đang ở trạm xe buýt.”

“Carla Jean, anh nghĩ em cần phải thoát ra khỏi nơi đó.”

“Khỏi nơi đâu?”

“Khỏi căn nhà đó.”

“Llewelyn, anh làm em sợ. Thoát khỏi nơi đây để đi đâu?”

“Đâu cũng được. Anh chỉ nghĩ em không nên ở đó. Em có thể vào một motel.”

“Rồi sẽ làm gì với Mẹ?”

“Bà sẽ ổn thôi.”

“Bà sẽ ổn à?”

“Đúng.”

“Anh không biết điều đó.”

Llewelyn không trả lời.

“Anh biết hả?”

“Anh chỉ nghĩ không ai sẽ đụng chạm đến bà ấy.”

“Anh nghĩ vậy sao?”

“Em phải thoát ra. Đưa bà đi theo.”

“Em không thể đưa bà vào motel. Anh quên là bà có thể ngã bệnh.”

“Ông Cảnh sát trưởng nói gì?”

“Nói đang tìm anh, chớ anh nghĩ ông ấy nói gì?”

“Ông ấy nói gì nữa?”

Cô không trả lời.

“Carla Jean?”

Dường như cô đang khóc.

“Ông ấy còn nói gì nữa, Carla Jean?”

“Ông ấy bảo việc anh làm dễ khiến cho người ta giết anh.”

Cô im lặng một hồi lâu.

“Carla Jean?”

“Llewelyn, dù là tiền em vẫn không muốn. Em chỉ muốn ta sống như lúc trước.”

“Ta sẽ như trước.”

“Không đúng. Em đã nghĩ về việc này. Đó là ơn phước giả tạo.”

“Ừ. Nhưng đó là tiền thật.”

Cô kêu tên anh lần nữa rồi lại bật khóc. Anh cố nói chuyện với cô nhưng cô không trả lời. Anh đứng đấy nghe tiếng cô thổn thức ở Odessa. Anh nói: “Em muốn anh làm gì?”

Anh gọi tiếp: “Carla Jean?”

“Em muốn cuộc sống như lúc trước.”

“Nếu anh nói với em anh sẽ cố gắng và dàn xếp mọi thứ thì em sẽ làm theo lời yêu cầu của anh không?”

“Được. Em sẽ làm.”

“Anh có một số điện thoại ở đây mà anh có thể gọi. Một người có thể giúp chúng ta.”

“Anh có thể tin cậy họ không?”

“Anh không biết. Anh chỉ biết mình không thể tin cậy ai khác. Ngày mai anh sẽ gọi lại cho em.”

Anh gác máy, rồi quay số di động mà Wells đã cho anh. Đến tiếng reo thứ hai thì có người trả lời nhưng đấy không phải là Wells. Anh nói: “Tôi gọi nhầm số.”

“Anh không nhầm số. Anh cần đến gặp tôi.”

“Ai đó?”

“Anh biết tôi là ai.”

Moss đứng tựa vào quầy, bàn tay bóp trán. “Wells đâu?”

“Bây giờ hẳn không thể giúp anh được nữa. Anh thỏa hiệp với

hắn ra sao?”

Moss nói: “Tôi không thỏa hiệp gì hết.”

“Có, anh có thỏa hiệp. Hắn định cho anh bao nhiêu?”

“Tôi không biết anh nói gì.”

“Tiền đang ở đâu?”

Moss hỏi: “Ông đã làm gì với Wells?”

“Chúng tôi có mâu thuẫn về quan điểm. Anh không cần quan tâm tới Wells. Hắn bây giờ là người ngoài cuộc. Anh cần phải nói chuyện với tôi.”

Moss nói: “Tôi không cần phải nói chuyện với anh.”

“Tôi nghĩ anh cần. Anh biết tôi đang đi đâu không?”

“Tại sao tôi lại quan tâm anh đang đi đâu?”

“Anh biết tôi đang đi đâu không?”

Moss không trả lời.

“Anh còn ở đó chứ?”

Moss nói: “Tôi còn ở đây.”

“Tôi biết anh đang ở đâu.”

“Vậy hả? Tôi đang ở đâu?”

“Anh đang nằm trong bệnh viện ở Piedras Negras. Nhưng tôi sẽ không đi tới đó. Anh biết tôi đang đi đâu không?”

Moss nói: “Biết. Tôi biết anh đang đi đâu.”

“Anh có thể thay đổi tình hình.”

“Làm thế nào tôi tin anh được?”

“Anh đã tin Wells.”

Moss nói: “Tôi không tin Wells.”

“Anh đã gọi cho hắn.”

Moss nói: “Ừ thì tôi gọi cho hắn.”

“Cho tôi biết anh muốn tôi làm gì.”

Moss thay đổi thế đứng. Mồ hôi đang vã ra trên trán. Anh không trả lời.

“Nói cho tôi biết. Tôi đang đợi.”

Moss đáp: “Tôi có thể đang chờ đón anh khi anh đi đến, anh biết đó. Thuê máy bay. Anh đã nghĩ đến việc này chưa?”

“Được thôi. Nhưng anh sẽ không đi.”

“Làm thế nào anh biết tôi sẽ không đi?”

“Vì đáng lẽ anh đã không nói cho tôi biết. Dù sao chẳng nữa, tôi phải đi.”

Moss nói: “Anh biết họ sẽ không ở đó.”

“Họ ở đâu thì cũng vậy thôi.”

“Thế thì anh đi lên đó để làm gì?”

“Anh biết tình thế sẽ chuyển biến như thế nào, phải không?”

Moss nói: “Không. Anh biết hả?”

“Vâng, tôi biết. Tôi nghĩ anh cũng biết. Có điều anh chưa chấp nhận. Tôi sẽ làm như thế này. Anh mang tiền đến cho tôi rồi tôi sẽ tha mạng sống cô ấy. Nếu không, cô ấy chịu trách nhiệm. Anh cũng vậy. Tôi không biết liệu anh có quan tâm đến chuyện này không. Nhưng đó là cách tốt nhất cho anh. Tôi sẽ không bảo anh rằng anh có thể tự cứu chính mình vì anh không cứu được.”

Moss nói: “Được, tôi sẽ mang đến cho anh cái gì đó. Tôi đã quyết định thực hiện một việc đối với anh. Anh sẽ không phải đi tìm tôi nữa.”

“Rất vui khi nghe anh nói thế. Anh bắt đầu làm cho tôi thất vọng.”

Moss nói: “Anh sẽ không thất vọng.”

“Tốt.”

“Anh sẽ không lo bị thất vọng.”

Moss ra đi trước khi trời sáng, mặc áo bệnh viện với áo choàng bên ngoài. Vạt áo choàng vấy máu đã khô cứng. Anh không có giày. Trong túi trong của áo choàng là xấp giấy bạc anh cất giấu, dính máu khô cứng.

Anh đứng ngoài đường nhìn về hướng các ngọn đèn. Anh không rõ mình đang ở đâu. Bê-tông lạnh dưới hai bàn chân anh. Anh đi đến một góc phố. Vài chiếc ô tô chạy qua. Anh đi đến góc phố kế tiếp, dừng lại và đứng tựa vào bức tường một tòa nhà. Anh còn hai viên thuốc trong túi chiếc áo choàng và bây giờ anh nuốt một viên. Anh nghĩ mình sẽ nôn mửa. Anh đứng đấy một hồi lâu. Có một ngách cửa sổ mà anh có thể ngồi lên, nhưng có những thanh sắt nhọn nhằm ngăn chặn người lảng vảng. Một chiếc taxi chạy qua, anh giơ một tay lên nhưng chiếc xe vẫn tiếp tục chạy. Sau một lúc, anh bước ra lòng đường. Anh đứng lảo đảo ở đấy một hồi, rồi một chiếc taxi chạy đến, anh giơ tay ra hiệu và chiếc xe dừng lại.

Tài xế taxi quan sát anh. Moss đứng tựa vào cửa kính xe, nói: “Anh đưa tôi đi qua cầu được không?”

“Qua bên kia cầu hả?”

“Đúng. Qua bên kia.”

“Ông có tiền không?”

“Có. Tôi có tiền.”

Tài xế ra vẻ nghi ngờ: “Hai mươi đô la.”

“Được.”

Ở cổng gác, một người lính biên phòng nhòai người ra quan sát anh đang ngồi trong ánh sáng mờ tối trên băng ghế sau. “Ông sinh ở nước nào?”

“Hoa Kỳ.”

“Ông có mang gì vào không?”

“Không có gì cả.”

Người lính biên phòng quan sát anh. “Xin ông cảm phiền bước ra ngoài.”

Moss kéo cần cửa xuống, tựa người vào băng ghế trước để bước ra khỏi chiếc taxi.

“Giày anh đâu?”

“Tôi không biết.”

“Anh không mặc quần áo phải không?”

“Tôi có quần áo.”

Người lính biên phòng đang ra hiệu các chiếc xe khác chạy qua. Anh này chỉ tay đến tài xế taxi: “Xin anh vui lòng đưa xe vào ô thứ hai ở đằng kia.”

Tài xế taxi di chuyển chiếc xe.

“Xin ông vui lòng đứng cách xa chiếc xe.”

Moss bước ra xa. Chiếc taxi chạy vào bến đỗ rồi tài xế tắt máy. Moss nhìn qua người lính biên phòng. Anh này có vẻ như định nói gì đấy, nhưng vẫn im lặng.

Họ dẫn anh vào bên trong, cho anh ngồi vào một chiếc ghế thép trong một văn phòng nhỏ. Một người khác bước vào, đứng tựa một bàn giấy bằng thép, quan sát Moss.

“Ông đã uống bao nhiêu rượu?”

Moss nói: “Tôi không uống gì cả.”

“Chuyện gì đã xảy ra với ông?”

“Ông có ý nói gì?”

“Chuyện gì đã xảy ra với quần áo ông?”

“Tôi không biết.”

“Ông có giấy tờ gì không?”

“Không.”

“Không có gì hả?”

“Đúng.”

Người đàn ông ngả người ra sau, hai cánh tay chéo nhau trước ngực. Ông ta nói: “Ông nghĩ ai được đi qua cổng này để vào Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ?”

Moss nói: “Tôi không biết. Công dân Mỹ.”

“Một số công dân Mỹ. Ông nghĩ ai có quyền quyết việc này?”

“Tôi nghĩ đó là ông.”

“Tôi thường đặt vài câu hỏi. Nếu tôi nghe câu trả lời đúng lý thì

họ được phép vào đất Mỹ. Nếu câu trả lời không đúng lý thì họ không được vào. Có những điều gì khác mà ông không rõ không?”

“Thưa ông, không.”

“Thế thì có lẽ ông muốn bắt đầu.”

“Được rồi.”

“Chúng tôi muốn nghe tại sao ông đi ra đây mà không mặc quần áo.”

“Tôi mặc áo choàng bên ngoài.”

“Ông định giỡn mặt với tôi hả?”

“Thưa ông, không.”

“Đừng giỡn mặt với tôi. Ông đang phục vụ trong quân ngũ hả?”

“Thưa ông, không. Tôi là cựu chiến binh.”

“Binh chủng nào?”

“Lục quân Hoa Kỳ.”

“Ông có chiến đấu ở Việt Nam không?”

“Thưa ông, có. Tôi phục vụ hai chuyến.”

“Đơn vị nào?”

“Sư đoàn Hai mươi lăm Bộ binh.”

“Ông làm nhiệm vụ vào thời gian nào?”

“Ngày bảy tháng Tám một nghìn chín trăm sáu mươi sáu đến ngày hai tháng Chín một nghìn chín trăm sáu mươi tám.”

Người đàn ông nhìn anh một lúc. Moss nhìn lại ông rồi quay mặt đi. Anh nhìn về phía cánh cửa, hành lang trống trơn. Ngồi gục về phía trước trong áo choàng, hai khuỷu tay đặt trên hai đầu gối.

“Ông ổn chứ?”

Moss nói: “Vâng, thưa ông. Tôi ổn. Vợ tôi sắp đi đến đón tôi nếu các ông để cho tôi đi qua.”

“Ông có mang theo tiền không? Ông có tiền lẻ để gọi điện thoại không?”

“Thưa ông, có.”

Anh nghe tiếng móng vuốt cào trên mặt sàn gạch. Một người lính biên phòng đang đứng đấy với con chó berger Đức có dây dắt. Người đàn ông hát hàm về phía người lính biên phòng. “Tìm ai đó để giúp ông này. Ông ấy cần đi vào thị trấn. Chiếc taxi đi rồi phải không?”

“Đúng, thưa sếp. Nó trong sạch.”

“Tôi biết. Tìm ai đó để giúp ông này.”

Ông nhìn qua Moss: “Ông cư ngụ ở đâu?”

Moss nói: “Tôi cư ngụ ở San Saba, Texas.”

“Vợ ông có biết ông đang ở đâu không?”

“Thưa ông, có. Tôi vừa nói chuyện với cô ấy mới ít phút gần đây.”

“Hai bên có xích mích với nhau không?”

“Ai xích mích với nhau?”

“Ông và bà nhà.”

“À. Tôi nghĩ có, theo cách nào đó. Thưa ông, có.”

“Ông cần nói với bà nhà rằng ông xin lỗi.”

“Thưa ông?”

“Tôi bảo ông cần nói với bà ông xin lỗi.”

“Vâng, thưa ông. Tôi sẽ nói.”

“Ngay cả nếu ông nghĩ đó là do lỗi của bà.”

“Vâng, thưa ông.”

“Đi đi. Xéo khỏi nơi đây.”

“Vâng, thưa ông.”

“Đôi lúc ông có một vấn đề nhỏ nhưng nếu ông không giải quyết thì bỗng dung nó không còn là vấn đề nhỏ nữa. Ông có hiểu tôi nói gì không?”

“Vâng, thưa ông.”

“Ông đi đi.”

“Vâng, thưa ông.”

Trời đã gần sáng và chiếc taxi đã đi từ lâu. Anh bước ra đường. Máu đang rỉ ra từ vết thương, chảy dọc bên trong ống chân anh. Không ai để ý đến.

Anh rẽ qua phố Adams, dừng lại trước một cửa hàng bán quần áo và ghé mắt nhìn vào. Đèn thấp sáng phía sau. Anh gõ cửa, chờ đợi rồi lại gõ cửa. Cuối cùng, một người có vóc dáng nhỏ thó, mặc áo sơ-mi màu trắng và mang cà vạt đến mở cửa, nhìn anh. Moss nói: “Tôi biết anh chưa mở cửa, nhưng tôi rất cần mua quần áo.”

Người đàn ông gạt đầu, mở rộng cánh cửa, nói: “Mời ông vào.”

Họ đi bên nhau dọc khu trưng bày giày cao cổ. Các hiệu Tony Lama, Justin, Nocona. Có vài chiếc ghế thấp. Moss ngồi xuống, hai tay nắm chặt thành ghế. “Tôi cần đôi giày cao cổ và ít bộ quần áo. Tôi có vài vấn đề về sức khỏe nên tôi không muốn đi lại nhiều nếu

không cần thiết.”

Người đàn ông gật đầu: “Vâng, thưa ông. Được rồi.”

“Anh có hiệu Larry Mahans không?”

“Không, thưa ông. Chúng tôi không có.”

“Được rồi. Tôi cần một quần jeans hiệu Wrangler số ba mươi hai, dài ba mươi bốn. Một áo sơ-mi cỡ lớn. Vài đôi bít tất. Và cho tôi xem vài đôi Nocona số mười rưỡi. Tôi còn cần một dây thắt lưng.”

“Vâng, thưa ông. Ông có muốn xem nón không?”

Moss nhìn qua cửa hàng. “Tôi nghĩ có một cái nón cũng tốt. Anh có loại nón cao bồi với vành hẹp không? Cỡ sáu và ba phần tám?”

“Vâng, chúng tôi có. Chúng tôi có nón ba X hiệu Resistol và có hiệu Stetson tốt hơn chút ít. Tôi nghĩ đó là loại năm X.”

“Cho tôi xem hiệu Stetson. Lấy màu bạc.”

“Được, thưa ông. Còn vớ màu trắng được không?”

“Tôi chỉ mang vớ màu trắng.”

“Còn nội y thì sao?”

“Có lẽ một quần soọt. Số ba mươi hai. Hoặc cỡ vừa.”

“Được, thưa ông. Ông cứ ngồi đây cho thoải mái. Ông ổn chứ?”

“Tôi ổn.”

Người đàn ông gật đầu và quay đi.

Moss hỏi: “Tôi hỏi anh một chuyện được không?”

“Được, thưa ông.”

“Anh có nhiều khách hàng vào đây mà không mặc quần áo không?”

“Không, thưa ông. Tôi có thể nói không có nhiều.”

Anh mang một đồng quần áo mới đến phòng thay đồ, cởi ra chiếc áo choàng rồi mắc lên cái móc sau cánh cửa. Một mảng máu khô phía trên miệng vết thương lõm xuống màu tái xám. Anh nhấn dọc rìa miếng băng dán xuống nhưng băng vẫn không dính. Anh ngồi xuống băng ghế, mang vào đôi bít tất, mở gói quần soọt, kéo hai ống quần lên đến đầu gối rồi đứng lên, kéo tiếp lên một cách cẩn thận qua vết thương. Anh lại ngồi xuống, mở ra chiếc áo sơ-mi từ những mảnh giấy bìa cứng và vô số kim cài.

Khi bước ra khỏi phòng thay đồ, anh mang chiếc áo choàng trên cánh tay. Anh bước lên xuống lối đi giữa hai quầy hàng lót ván kêu rảng rắc. Người bán hàng nhìn xuống đôi giày, nói: “Phải mất thời gian dài hơn mới cho con cá sấu vào khuôn phép.”

“Ừ. Cũng nóng vào mùa hè. Đôi giày này mang vừa. Để tôi thử cái mũ. Từ lúc rời quân ngũ, chưa khi nào tôi chưng diện như bây giờ.”

Viên Cảnh sát trưởng địa phương hóp một ngụm cà phê rồi đặt cái cốc xuống ở đúng dấu vết đáy cốc trên mặt kính mà ông đặt cốc lúc trước. Ông nói: “Họ đang lo chuẩn bị đóng cửa khách sạn.”

Bell gật đầu: “Tôi không lấy làm lạ.”

Viên Cảnh sát trưởng địa phương nói: “Họ đều nghỉ việc. Cái anh đó chỉ mới làm hai ca. Tôi tự trách mình. Không hề nghĩ rằng cái tên chó đẻ đó quay lại. Tôi không bao giờ tưởng tượng được chuyện này.”

Bell nói: “Có lẽ hắn không hề rời đi.”

“Tôi cũng nghĩ vậy.”

“Lý do không ai biết hắn trông ra sao là vì họ đều bị giết quá nhanh nên không khai báo kịp.”

“Ed Tom à, đó là cái tên sát nhân mất trí chết tiệt.”

Bell nói: “Ừ. Nhưng tôi nghĩ hắn không mất trí.”

“Thế thì anh gọi hắn là gì?”

Bell nói: “Tôi không biết. Khi nào họ chuẩn bị đóng cửa?”

“Trên thực tế đã đóng cửa rồi.”

Bell hỏi: “Anh có chìa khóa không?”

“Ừ. Tôi có chìa khóa. Đó là hiện trường vụ án.”

“Tại sao ta không đi đến đấy và xem xét lần nữa?”

Viên Cảnh sát trưởng địa phương nói: “Được thôi. Ta nên đi.”

Cái đầu tiên họ thấy là thiết bị định vị nằm trên ngạch cửa sổ ở hành lang. Bell nhắc lên, xoay xoay trong lòng bàn tay, nhìn qua mặt kính và các nút.

Viên Cảnh sát trưởng địa phương nói: “Đây không phải là quả bom chết tiệt hử Cảnh sát trưởng?”

“Không phải.”

“Ta chỉ mong có thế.”

Bell nói: “Đây là thiết bị định vị.”

“Thế thì họ đã tìm được cái mà họ muốn dò theo.”

“Có lẽ. Anh nghĩ nó nằm đây đã bao lâu rồi?”

“Tôi không biết. Tôi nghĩ mình có thể đoán được họ muốn tìm cái

gì.”

Bell nói: “Có lẽ. Có cái gì đấy trong cả vụ việc này nghe ra không ổn.”

“Đáng lẽ không phải thế.”

Bell nói: “Ở đây ta có một cựu trung tá quân đội bị bay mất phần lớn cái đầu khiến cho ta phải nhận dạng ông này qua dấu vân tay. Tức là vân tay của mấy ngón không bị bắn nát. Sĩ quan chính quy. Mười bốn năm phục vụ trong quân ngũ. Trên người không mang giấy tờ gì cả.”

“Ông ta đã bị trấn lột.”

“Ừ.”

Viên Cảnh sát trưởng địa phương hỏi: “Cảnh sát trưởng, còn chuyện gì khác anh biết mà anh chưa nói ra?”

Bell nói: “Anh nhận được tất cả dữ kiện như tôi đã nhận.”

“Tôi không nói về dữ kiện. Anh có nghĩ cả vụ việc hỗn loạn này đã di chuyển về Nam* không?”

Bell lắc đầu: “Tôi không biết.”

“Anh có chó trong chuyến đi săn này không*?”

“Không hẳn. Vài chú nhóc trong hạt tôi có thể tham gia phần nào.”

“Tham gia phần nào?”

“Ừ.”

“Ý anh nói đến dân trong nghề hả?”

Bell nói: “Không. Chỉ là dân ở hạt tôi. Những người tôi có nhiệm vụ bảo vệ.”

Bell trao thiết bị định vị cho viên Cảnh sát trưởng địa phương.

“Tôi phải làm gì với cái này?”

Bell nói: “Nó là tài sản của hạt Maverick. Chúng cứ hiện trường tội phạm.”

Viên Cảnh sát trưởng địa phương lắc đầu, nói: “Ma túy!”

“Ma túy?”

“Họ bán cái thứ chết tiệt đó cho con trẻ ở trường học.”

Bell nói: “Còn tệ hơn nữa.”

“Là sao?”

“Con trẻ ở trường học bỏ tiền ra mua nó.”

Chương VII

Tôi cũng sẽ không nói về chiến tranh. Người ta vinh danh tôi là anh hùng chiến tranh, và tôi mất nguyên một tiểu đội. Được trao tặng huân chương vì việc này. Họ chết và tôi nhận huân chương. Ngày nào tôi cũng nhớ đến chuyện này. Vài anh trai trẻ tôi quen biết trở về, đi học ở Austin nhờ học bổng cựu chiến binh, phê phán nặng nề người của họ. Vài người trong số họ phê phán như thế. Không thích đường lối chính trị của họ. Hai thế hệ trên đất nước này là quãng thời gian dài. Bạn đang nói về những di dân thời xa xưa. Tôi thường nói với họ rằng có vợ và mấy đứa con bị giết rồi bị lột da đầu, bị mổ bụng như là cá có khuynh hướng khiến một số người nổi giận, nhưng dường như họ không hiểu tôi đang nói gì. Tôi nghĩ các năm sáu mươi trên đất nước này làm cho họ tỉnh người. Tôi hy vọng thế. Có lúc tôi đọc trên báo ở đây nói một số thầy cô giáo biết qua một cuộc điều tra trong thập niên ba mươi ở một số trường học khắp cả nước. Các câu hỏi là về những vấn nạn trong việc dạy học ở trường. Và họ xem qua các mẫu, được gửi đi khắp nước để người ta điền vào câu trả lời. Những vấn nạn trầm trọng nhất họ có thể kể ra là nói chuyện trong lớp, chạy nhảy trong hành lang. Cóp lời giải của bài tập ở nhà. Đại loại những chuyện như vậy. Thế là họ lấy một trong các mẫu câu hỏi đó, sao ra một xấp rồi gửi lại cho cùng những trường đó. Bốn mươi năm sau. À, đây là vài câu trả lời gửi trả lại. Hiếp dâm, gây cháy để phá hoại, giết người. Ma túy. Tự tử. Thế là tôi suy nghĩ về tình trạng này. Bởi vì có nhiều khi tôi nói thế giới đang đi xuống địa ngục, người ta chỉ mỉm cười và nói tôi đang đến tuổi già. Một trong những triệu chứng của tuổi già là như thế. Nhưng cảm nghĩ của tôi về điều này là bất kỳ ai không thấy sự khác biệt giữa việc

hiếp dâm giết người với việc nhai kẹo cao su thì bản thân họ có nhiều vấn nạn trầm trọng hơn là các vấn nạn tôi phải đối phó hiện giờ. Bốn mươi năm cũng không phải là thời gian dài. Có lẽ bốn mươi năm kế tiếp một số trong bọn họ cũng sẽ suy sụp khỏi ảo tưởng sáng ngời. Nếu không phải quá muộn.

Ở đây, khoảng hơn một hay hai năm trước tôi và Loretta đi dự một hội nghị ở Corpus Christi và tôi ngồi kế người phụ nữ ấy, bà là vợ của ai đó. Và bà cứ nói về phe hữu thế này phe hữu thế nọ. Thậm chí tôi không rõ ý bà muốn nói gì. Những người tôi gặp phần đông là người bình thường. Bình thường như cát đá, theo cách người ta nói. Tôi nói với bà điều ấy và bà nhìn tôi trông buồn cười. Bà nghĩ tôi đang nói xấu về họ, nhưng dĩ nhiên đấy là lời khen ở phần thế giới của tôi. Bà cứ nói, nói tiếp. Cuối cùng, bà ấy bảo tôi: Tôi không ưa con đường đất nước này đang tiến. Tôi muốn cháu gái tôi được phép phá thai. Tôi nói thưa bà tôi nghĩ bà không có việc gì phải lo lắng về con đường đất nước này đang tiến. Theo những gì tôi thấy thì tôi tin chắc cô ấy sẽ được phá thai. Tôi muốn nói rằng không những cô ấy được phép phá thai, mà còn được phép giúp bà ngủ giấc nghìn thu*. Thế là cuộc đối thoại chấm dứt.

Chigurh đi cà nhắc lên mười bảy dãy bậc thang bê-tông trong cái giếng bê-tông lạnh lẽo. Khi đến cánh cửa thép, hắn dùng khẩu súng bắn bô để bắn xy-lanh rời khỏi ổ khóa, mở cánh cửa, bước vào hành lang rồi đóng cánh cửa lại. Hắn đứng dựa vào cánh cửa, hai tay cầm khẩu shotgun, nghe ngóng, vẫn thở nhẹ nhàng như thể vừa bước ra khỏi một chiếc ghế. Hắn đi dọc lối đi, nhặt lấy thanh xy-lanh đã bị nghiền dẹp nằm trên sàn cho vào túi, đi đến thang máy rồi lại đứng nghe ngóng. Hắn tháo ra đôi giày cao cổ, để kế bên cửa thang máy rồi chỉ mang đôi bít tất đi dọc lối đi, đi chậm chậm, cảm nhận chân mình đang bị thương.

Các cánh cửa của văn phòng mở ra lối đi. Hắn dừng lại. Hắn nghĩ có lẽ người đàn ông không nhìn thấy cái bóng của hắn trên mặt tường dọc lối đi phía ngoài, tuy mờ mờ nhưng vẫn hiện lên. Chigurh nghĩ đây là sự sơ sót kỳ lạ nhưng hắn biết nỗi sợ hãi về kẻ thù thường khiến cho người ta không nhìn ra những rủi ro khác, chưa nói gì đến khuôn mẫu mà họ tự tạo ra trên trần thế. Hắn tháo sợi dây đeo trên vai, đặt chiếc áo khoác trên mặt sàn. Hắn xem xét tư thế cái bóng của người đàn ông qua ánh sáng chiếu từ mặt kính mờ sau lưng hắn. Hắn mở ổ súng để xem xét buồng đạn rồi mở chốt an toàn.

Người đàn ông đang cầm một khẩu súng lục nhỏ ngang thắt lưng. Chigurh bước vào lối đi, bắn vào cổ họng anh ta một phát đạn chứa bi số mười*. Loại bi mà các nhà sưu tập dùng để thu thập mẫu vật chim. Người đàn ông ngã ra phía sau, kéo theo chiếc ghế xoay đổ vật xuống sàn, rồi nằm đấy dãy dụa, ồng ọc. Chigurh nhặt lên vỏ đạn từ mặt thảm cho vào túi, đi vào gian phòng trong khi họng

súng vẫn còn tỏa khói. Hắn đi vòng qua phía sau bàn giấy, đứng nhìn xuống người đàn ông. Người đàn ông đang nằm ngửa, một tay đưa lên chặn cổ họng nhưng máu vẫn đều đặn thoát ra giữa các khe ngón tay và chảy xuống mặt thảm. Khuôn mặt anh chỉ chít những lỗ nhỏ do đạn bi ghim vào nhưng con mắt phải dường như còn nguyên vẹn. Anh nhìn lên Chigurh cố nói gì đấy từ cổ họng đang sủi bọt. Chigurh quỳ một gối xuống, tựa vào khẩu shotgun, nhìn anh nói: “Cái gì? Mày muốn nói gì với tao?”

Đầu người đàn ông khẽ cử động. Máu đang phun ra ồ ạt từ cổ họng.

Chigurh hỏi: “Mày nghe tao nói không?”

Người đàn ông không trả lời.

“Tao là người mà mày phái Carson Wells đi giết. Đó có phải là điều mày muốn biết không?”

Chigurh nhìn người đàn ông. Anh đang mặc bộ đồ chạy thể thao bằng nhựa màu xanh và mang đôi giày da màu trắng. Máu đang đọng thành vũng quanh đầu anh, và anh đang run rẩy như thể bị lạnh.

“Lý do tao dùng loại đạn bắn chim là vì tao không muốn làm vỡ kính. Phía sau mày. Không muốn mảnh kính vỡ rơi trên người đi ngoài đường.” Hắn hất hàm về phía khung cửa sổ nơi cái bóng phần trên người đàn ông đã chiếu lên và những viên bi bằng chì tạo thành những lỗ nhỏ trên mặt kính. Chigurh đứng dậy, đóng chốt an toàn, bước qua người đàn ông đi đến cửa sổ xem xét các lỗ đạn bi chít chít. Khi hắn quay lại, người đàn ông đã tắt thở. Hắn đi ngang qua gian phòng, dừng lại ở cửa ra nghe ngóng. Hắn bước ra, đi dọc

lối đi, nhặt lấy chiếc áo khoác và khẩu súng bắn bò, mang vào đôi giày cao cổ. Rồi hắn đi dọc hành lang, đi qua cánh cửa thép, bước xuống các bậc thang bê-tông, đi đến nhà xe nơi chiếc xe của hắn đang đỗ.

Khi hai mẹ con đến bến xe buýt thì trời vừa hừng sáng, cơn mưa xám xịt và lạnh lẽo đang đổ xuống. Cô vươn người ra phía trước, trả tiền cho tài xế taxi cộng thêm hai đô tiền bo. Người tài xế bước xuống, đi vòng đến khoang hành lý lấy ra các chiếc túi của họ đặt lên ngạch cửa, rồi mang cái khung tập đi đến cho bà mẹ. Bà quay người, nhọc nhằn bước ra giữa cơn mưa.

“Mẹ ạ, chờ một chút. Con còn phải qua bên kia.”

Bà mẹ nói: “Mẹ biết sự thế sẽ như thế này. Ba năm trước mẹ đã nói vậy.”

“Chưa đến ba năm.”

“Mẹ đã từng nói nhiều lần.”

“Mẹ chờ con qua bên đó.”

Bà mẹ nói: “Chờ trong mưa.” Bà nhìn lên tài xế taxi. “Tôi bị ung thư. Bây giờ xem này. Thậm chí không có nhà để ở.”

“Vâng, thưa bà.”

“Chúng tôi đi El Paso, Texas. Anh có biết tôi quen bao nhiêu người ở El Paso, Texas không?”

“Không, thưa bà.”

Bà dừng lại, giơ bàn tay lên, ngón cái và ngón trỏ tạo thành con số zê-rô, nói: “Có bấy nhiêu người.”

“Vâng, thưa bà.”

Hai người ngồi trong quán café, chung quanh là mấy cái túi và gói, nhìn ra trời mưa và các chiếc xe buýt đang đỗ. Nhìn lên khung trời xám đang bắt đầu một ngày mới. Cô nhìn qua bà mẹ, hỏi: “Mẹ muốn dùng cà phê không?”

Người phụ nữ già không trả lời.

“Con nghĩ mẹ không thích nói.”

“Mẹ không biết nói chuyện gì.”

“Thế thì con nghĩ con cũng không biết.”

“Tất cả những gì hai con đã làm thì đã làm rồi. Mẹ không hiểu tại sao mình lại trốn lánh pháp luật.”

“Chúng ta không trốn lánh pháp luật, Mẹ ạ.”

“Con không thể yêu cầu họ giúp con hay sao?”

“Yêu cầu ai?”

“Pháp luật.”

“Không. Không được.”

“Mẹ cũng nghĩ thế.”

Người phụ nữ già đưa ngón tay cái chỉnh lại hàm răng và nhìn qua khung cửa sổ. Sau một lúc, chiếc xe buýt chạy đến. Tài xế xếp cái khung tập đi vào khoang hành lý phía dưới chiếc xe rồi họ đỡ bà bước lên và ngồi vào hàng ghế đầu. Bà nói với tài xế: “Tôi bị ung thư.”

Carla Jean đặt cái túi xách của cô vào ô hành lý trên đầu rồi ngồi xuống. Người phụ nữ già không nhìn đến cô. Bà nói: “Ba năm về trước. Không cần phải nằm mơ. Không cần có ai tiên tri. Mẹ không

muốn kể công. Ai cũng nói như thế.”

“À, con không nói thế.”

Người phụ nữ già lắc đầu. Nhìn qua khung cửa xe đến cái bàn họ vừa ngồi. “Mẹ không muốn kể công. Mẹ sẽ là người cuối cùng trên thế gian này kể công.”

Chigurh lái xe băng qua đường rồi tắt máy. Hấn tắt đèn xe, ngồi nhìn ngôi nhà tối tăm. Những con số đèn màu xanh trên đồng hồ xe chỉ 1:17. Hấn ngồi cho đến 1:22 rồi lấy ra đèn bấm từ hộc chứa găng tay, bước ra, đóng cánh cửa xe lại, và đi băng qua đường đến ngôi nhà.

Hấn mở cánh cửa lưới, bắn ra xy-lanh ổ khóa, bước vào, đóng cánh cửa lại và nghe ngóng. Có ánh sáng chiếu từ gian bếp. Hấn bước dọc lối đi, một tay cầm đèn bấm, tay kia nắm khẩu shotgun. Khi đến ngạch cửa, hấn dừng lại, nghe ngóng. Ánh sáng chiếu từ một bóng đèn gắn phía trên ngạch cửa sau. Hấn bước vào gian bếp.

Một chiếc bàn bằng nhựa formica ở giữa gian bếp, trên mặt bàn là một hộp ngũ cốc. Bóng của khung cửa sổ gian bếp in lên mặt sàn lót vải sơn. Hấn đi qua, mở cửa tủ lạnh rồi nhìn vào. Hấn lấy ra một lon soda cam, mở nắp rồi đứng uống, nghe ngóng bất cứ chuyện gì có thể xảy ra tiếp theo tiếng mở nắp nhôm. Hấn để cái lon còn phân nửa xuống mặt bàn, đóng cánh cửa tủ lạnh lại, đi qua phòng ăn rồi đến phòng khác, ngồi trên chiếc ghế bành ở góc phòng mà nhìn ra đường.

Sau một lúc, hấn đứng dậy, đi qua gian phòng và bước lên cầu thang. Hấn đứng nghe ngóng ở đầu cầu thang. Khi bước vào phòng

của người phụ nữ già, hẳn có thể ngửi được cái mùi mốc mốc ngọt dịu của bệnh tật và trong thoáng chốc hẳn nghĩ bà còn đang nằm trên giường. Hẳn bật đèn bấm lên, đi vào phòng tắm. Hẳn đứng đọc nhãn chỉ dẫn trên các chai thuốc. Hẳn đứng nhìn qua khung cửa sổ xuống con đường bên dưới, ánh sáng mùa đông mù mờ từ các ngọn đèn đường. Hai giờ sáng. Khô ráo. Lạnh lẽo. Yên ắng. Hẳn đi ra, bước dọc lối đi đến phòng ngủ nhỏ phía sau căn nhà.

Hẳn trút ra mặt giường mọi thứ trong ngăn kéo bàn của cô, ngồi xem qua từng món, thỉnh thoảng giơ lên cao vài món, xem xét dưới ánh sáng xanh nhạt của bóng đèn ngoài sân sau. Một chiếc lược chải tóc bằng nhựa. Một chiếc kẹp tóc rẻ tiền. Nắm các món này trong bàn tay như thể muốn tìm ra vài chi tiết về người phụ nữ chủ nhân. Hẳn lật qua các trang của tập ảnh. Bạn học ở trường. Gia đình. Một con chó. Một ngôi nhà không phải nhà này. Một người đàn ông có lẽ là cha cô. Hẳn lấy hai tấm ảnh của cô cho vào túi áo.

Buổi sáng, hẳn lại đi lên xuống trong căn nhà, rồi trở lại phòng tắm ở cuối lối đi để tắm dưới vòi bông sen. Hẳn để cho tắm màn kéo ra, nước tung tóe trên sàn. Cửa thông ra lối đi vẫn mở, khẩu shotgun chỉ nằm cách một bước.

Hẳn dùng máy sấy tóc để sấy khô bông băng trên vết thương ở chân, cạo râu, mặc quần áo, đi xuống gian bếp, vừa ăn một tô ngũ cốc rưới sữa tươi vừa bước qua căn nhà. Trong phòng khách, hẳn dừng lại, nhìn thư từ nằm trên sàn gần khe cửa cái. Hẳn đặt cái tô và chiếc muống lên mặt bàn, cúi nhặt xấp thư và xem qua từng phong bì. Hẳn ngồi trên ghế gần cửa cái, mở hóa đơn điện thoại.

Hẳn liếc nhanh danh sách các cuộc gọi. Ở phần giữa là văn

phòng Cảnh sát trưởng của hạt Terrell. Hắn xếp lại tờ hóa đơn, cho vào phong bì trở lại và đút phong bì vào túi áo. Rồi hắn lại nhìn qua xấp thư. Hắn đứng dậy, đi vào gian bếp, cầm lấy khẩu shotgun trên bàn, rồi trở lại đứng ở chỗ cũ. Hắn bước đến chiếc bàn gỗ xà cừ rẻ tiền, mở ngăn kéo trên cùng ra. Ngăn kéo chứa đầy thư từ. Hắn đặt khẩu shotgun xuống, ngồi trên chiếc ghế, rút các xấp phong bì ra đặt trên mặt bàn rồi bắt đầu xem qua.

Moss qua đêm trong một motel rẻ tiền ở rìa thị trấn, ngủ khỏa thân trên giường trong khi quần áo mới treo trong tủ. Khi anh thức giấc, mặt trời đang tạo những cái bóng dài trên bãi đỗ xe. Anh ngồi dậy, ngồi bên thành giường. Một vết máu đỏ nhạt lớn bằng bàn tay trên vải giường. Có một cái túi giấy trên bàn ngủ đựng mấy món anh mua ở nhà thuốc trong thị trấn. Anh nhấc lấy cái túi rồi cà nhấc đi vào phòng tắm. Anh tắm dưới vòi bông sen, cạo râu, chải răng lần đầu tiên trong năm ngày qua, rồi ngồi trên thành bồn cầu mà băng bó lại vết thương. Rồi anh mặc quần áo và kêu taxi.

Khi anh đang đứng đợi trước văn phòng motel, chiếc taxi chạy đến. Anh bước vào băng ghế sau, thở dốc, rồi đóng cửa xe lại. Anh nhìn khuôn mặt người tài xế taxi qua kính chiếu hậu, hỏi: “Anh có muốn kiểm tí tiền không?”

“Ồ. Tôi muốn kiểm tí tiền.”

Moss rút ra năm tờ trăm đô, xé tất cả ra làm hai rồi đưa phân nửa cho người tài xế. Anh ta đếm các tờ giấy bạc bị xé, nhét vào túi áo, nhìn Moss qua kính chiếu hậu rồi chờ đợi.

“Tên anh là gì?”

Người tài xế taxi đáp: “Paul.”

“Paul, anh có tác phong đúng mực. Tôi sẽ không gây rắc rối cho anh. Tôi chỉ muốn anh đừng bỏ tôi ở nơi mà tôi không muốn bị bỏ rơi.”

“Được rồi.”

“Anh có đèn bấm không?”

“Có. Tôi có đèn bấm.”

“Cho tôi mượn.”

Người tài xế taxi trao cho anh đèn bấm.

Moss nói: “Anh được lắm.”

“Ta đi đâu?”

“Đường đến bờ sông.”

“Tôi không muốn đón ai.”

“Ta không đón ai cả.”

Người tài xế taxi nhìn Moss qua kính chiếu hậu: “Không có *drogas** chứ?”

“Không có *drogas*.”

Tài xế chờ đợi.

“Tôi đi lấy một chiếc cặp. Nó là của tôi. Anh có thể nhìn bên trong nếu muốn. Không vi phạm pháp luật gì cả.”

“Tôi có thể nhìn bên trong?”

“Đúng, anh có thể.”

“Tôi mong anh đừng lừa tôi.”

“Không.”

“Tôi muốn có tiền nhưng càng muốn tránh xa nhà tù hơn.”

Moss đáp: “Đó cũng là cung cách của tôi.”

Chiếc taxi chạy chậm chậm trên con đường dẫn đến cây cầu. Moss nghiêng người về phía trước, nói: “Tôi muốn anh đậu xe bên dưới cầu.”

“Được rồi.”

“Tôi muốn tháo cái bóng đèn trên trần xe.”

Người tài xế taxi nói: “Người ta tuần tra con đường này đêm ngày.”

“Tôi biết.”

Người tài xế taxi đỗ xe bên vệ đường, tắt máy và đèn xe, nhìn Moss qua kính chiếu hậu. Moss tháo bóng đèn ra, trao cho tài xế rồi mở cửa xe. Anh nói: “Khoảng vài phút tôi sẽ quay lại.”

Bãi lau lách bám đầy bụi, các thân cây mọc dày đặc. Anh cẩn thận vạch lối đi, giữ đèn bấm ngang đầu gối, bàn tay che một phần mặt kính.

Chiếc cặp da vẫn còn nguyên như thể có người đặt nằm ở đấy. Anh tắt đèn bấm, nhắc lấy chiếc cặp, tìm đường quay lại trong bóng tối, dò dẫm hướng đi bằng nhịp cầu phía trên. Khi đến chiếc taxi, anh mở cửa xe, đặt chiếc cặp da trên băng ghế, cẩn thận luồn người vào rồi đóng cửa xe lại. Anh trao đèn bấm lại cho tài xế, ngả người ra sau, nói: “Ta đi.”

Người tài xế hỏi: “Cái gì trong đó?”

“Tiền.”

“Tiền hả?”

“Tiền.”

Người tài xế nổ máy, chạy lên đường.

Moss nói: “Bật đèn xe lên.”

Anh ta bật đèn xe lên.

“Bao nhiêu tiền?”

“Rất nhiều tiền. Anh tính bao nhiêu để đưa tôi tới San Antonio?”

Người tài xế suy nghĩ. “Ý ông nói là ngoài năm trăm đô hả?”

“Đúng.”

“Tất cả là một ngàn được không?”

“Tất cả hả?”

“Đúng.”

“Vậy thì được.”

Người tài xế gật đầu. “Còn phân nửa năm trăm kia thì sao?”

Moss móc trong túi ra phần còn lại của năm tờ trao cho tài xế.

“Nếu cóm *Migra** chặn xe lại thì sao?”

Moss đáp: “Họ sẽ không chặn xe.”

“Làm sao ông biết?”

“Có quá nhiều chuyện lồi thoi ở cuối đường mà tôi phải đối phó.
Nó sẽ không chấm dứt ở đây.”

“Tôi hy vọng ông đúng.”

Moss nói: “Cứ tin nơi tôi.”

Người tài xế nói: “Tôi ghét nghe câu đó.”

“Anh đã từng nói với người ta chưa?”

“Có. Tôi đã nói. Chính vì vậy mà tôi biết câu đó vô nghĩa ra sao.”

Moss qua đêm trong motel Rodeway Inn nằm kế xa lộ 90 ở ngoài hướng đông thị trấn. Buổi sáng, anh đi xuống mua một tờ báo rồi nhọc nhằn leo lên phòng mình. Anh không thể mua súng từ cửa hiệu vì không có giấy tờ, nhưng có thể mua qua quảng cáo trên báo. Khẩu Tec-9* thêm hai băng đạn và một hộp ruồi đạn. Anh trả tiền mặt cho người giao hàng. Anh xoay xoay khẩu súng trong lòng bàn tay. Lốp mạ màu xanh lục nhạt. Bán tự động. Anh hỏi: “Lần sau cùng anh bắn khẩu súng này là khi nào?”

“Tôi chưa từng bắn.”

“Anh có chắc nó bắn được không?”

“Sao lại không được?”

“Tôi không biết.”

“Vậy thì tôi cũng không biết.”

Sau khi người giao hàng ra về, Moss kẹp một chiếc gối của motel dưới nách, bước ra đồng cỏ phía sau. Anh quấn chiếc gối quanh họng súng rồi bắn ba phát. Anh đứng nhìn những cánh lông từ chiếc gối bay lả tả trên vùng đồng cỏ xám, nghĩ ngợi về đời mình, về những gì đã qua và những gì sắp đến. Rồi anh vứt chiếc gối trên đất, quay người bước chầm chậm về motel.

Anh dừng lại nghỉ mệt ở tiền sảnh rồi lại leo lên phòng mình. Anh ngâm mình trong bồn tắm, nhìn xuống lỗ thoát nước, trông thật xấu xí. Anh tháo bông băng của vết thương trên cánh tay, nhìn đường rãnh sâu do viên đạn khoét qua, rồi đẩy bông băng lại. Anh mặc quần áo, nhét thêm vài tờ giấy bạc vào túi quần sau, đặt khẩu súng và các băng đạn vào chiếc cặp da rồi đẩy nắp cặp lại. Anh gọi một chiếc taxi, nhắc lấy chiếc cặp rồi bước ra khỏi phòng và đi

xuống thang lầu.

Ở điểm bán ô tô trên đường North Broadway, anh mua một chiếc xe bán tải hai cầu hiệu Ford, đời 1978, có động cơ 460, trả bằng tiền mặt, nhận giấy chủ quyền được công chứng cho vào học chứa giấy tay, rồi lái đi. Anh về đến motel, trả phòng rồi lối đi, khẩu Tec-9 trên nệm ghế, chiếc cặp đựng tiền và túi đựng quần áo nằm trên sàn phía ghế ngồi hành khách.

Gần Boerne, có một cô gái vẫy tay xin đi nhờ. Moss đỗ lại, bấm còi xe, nhìn cô qua kính chiếu hậu. Cô chạy đến, ba lô bằng nhựa màu xanh lam đeo một bên vai. Cô bước vào xe, nhìn anh. Mười lăm hoặc mười sáu tuổi. Tóc đỏ. Cô hỏi: “Ông đi đến tận đâu?”

“Em lái xe được không?”

“Ừ. Em lái được. Không có cần sang số phải không?”

“Không có. Em bước qua bên này.”

Cô gái để ba lô trên nệm ghế, bước ra và đi ngang qua trước đầu xe. Moss nhét ba lô dưới nệm ghế, dịch thân người sang ghế kế bên. Cô bước vào rồi lái lên đường xa lộ liên tiểu bang.

“Em bao nhiêu tuổi?”

“Mười tám.”

“Vờ vẹt. Em làm gì ngoài này? Em có biết rằng đi nhờ xe là nguy hiểm không?”

“Ờ. Em biết.”

Anh giờ mũ xuống đặt trên nệm ghế kế bên, ngả người ra sau rồi nhắm mắt lại. Anh nói: “Đừng chạy quá tốc độ. Nếu không bọn cớm sẽ chặn xe lại rồi tôi và em sẽ bị rắc rối to.”

“Được rồi.”

“Tôi nói nghiêm túc đó. Nếu em chạy quá tốc độ tôi sẽ quăng em xuống đường.”

“Được rồi.”

Anh cố dỗ giấc ngủ nhưng không ngủ được. Anh bị đau nhức nhiều. Sau một lúc, anh ngồi dậy, nhặt lấy chiếc mũ đội lên đầu và nhìn qua đồng hồ tốc độ.

Cô gái nói: “Em có thể hỏi ông một việc được không?”

“Em có thể hỏi.”

“Có phải ông đang trốn lánh pháp luật không?”

Moss nhìn qua cô rồi lại nhìn ra bên ngoài xa lộ. “Cái gì khiến em hỏi như vậy?”

“Vì câu ông nói hồi nãy. Về việc bị cảnh sát chặn xe.”

“Nếu vậy thì sao?”

“Vậy thì em phải xuống xe ở đây.”

Moss nói: “Em không nghĩ vậy. Em chỉ muốn biết mình đang đứng ở đâu.”

Cô nhìn anh qua đuôi mắt. Moss nhìn ra quang cảnh bên ngoài. Anh nói: “Nếu em đi với tôi trong ba ngày, tôi có thể bắt em cướp tiền ở trạm xăng. Không có gì là khó.”

Cô cười mỉm, nửa nụ cười lạ lùng. “Ông làm chuyện đó hả? Cướp tiền trạm xăng hả?”

“Không. Tôi không cần làm vậy. Em có đói không?”

“Em ổn.”

“Em dùng bữa lần cuối lúc nào?”

“Em không thích người ta hỏi em dùng bữa lần cuối lúc nào.”

“Được rồi. Em dùng bữa lần cuối lúc nào?”

“Lúc bước lên xe, em đã biết liền ông là người lém lỉnh.”

“Ờ. Em rẽ ra đường kế tiếp. Khoảng bốn dặm. Và trao cho tôi khẩu súng máy đó ở dưới ghế.”

Bell lái xe chậm chậm qua cổng rào bò, bước ra, đóng lại cánh cổng, bước vào chiếc xe bán tải chạy qua đồng cỏ, đỗ lại gần cái giếng, bước ra rồi đi đến thùng chứa nước.

Ông nhúng tay vào nước, vốc nước lên trong lòng bàn tay rồi cho nước chảy xuống. Ông giờ mũ xuống, luồn bàn tay ướm qua mái tóc và nhìn lên cối xay gió. Ông nhìn các cánh đang quay chậm chậm giữa đồng cỏ khô xào xạc trong gió. Một bánh xe nhỏ bằng gỗ đang quay dưới chân ông. Rồi ông đứng đấy, các ngón tay vuốt quanh vành mũ. Giống như cử chỉ của một người vừa lo chôn cất ai. Ông lầm bầm: “Mình chẳng biết cái chết tiệt gì cả.”

Khi ông trở về nhà, bà đã nấu món xúp chờ ông. Ông ném xâu chìa khóa của chiếc xe vào ngăn kéo trong gian bếp rồi đi đến bồn rửa tay. Vợ ông trao cho ông một mảnh giấy, và ông đứng xem qua.

“Cô ấy có nói đang ở đâu không? Số điện thoại này là ở Texas.”

“Cô ấy chỉ nói tên là Carla Jean rồi cho số điện thoại này.”

Ông gọi điện cho cô. Carla Jean và bà ngoại đang ở trong một motel bên ngoài El Paso. Cô nói: “Tôi cần ông cho biết một chuyện.”

“Được rồi.”

“Lời nói của ông đáng tin không?”

“Đáng tin.”

“Ngay cả đối với tôi chứ?”

“Đặc biệt là đối với bà.”

Ông có thể nghe cô thở mạnh qua điện thoại. Tiếng xe cộ chạy xa xa.

“Cảnh sát trưởng?”

“Vâng, thưa bà.”

“Nếu tôi cho ông biết anh ấy gọi cho tôi từ đâu, thì ông có hứa là sẽ không làm hại anh ấy không?”

“Tôi hứa với bà là tôi sẽ không làm hại ông nhà.”

Sau một lúc, cô nói: “Được.”

Người đàn ông ngồi trên chiếc bàn nhỏ bằng ván ép lấy từ tấm tường đặt trên chân xếp. Anh ta đã viết xong trên một mảnh giấy. Anh ta bỏ ống nghe xuống, đặt trên bàn trước mặt mình rồi đưa hai bàn tay ra phía sau ôm lấy mái tóc đen. Anh ta quay người, nhìn đến người đàn ông thứ hai đang nằm dài trên giường. Ông này hỏi: “Listo?”

Người trên giường ngồi lên, rồi đứng dậy bước đến.

“Anh bắt được chứ?”

“Tôi bắt được.”

Anh ta rút trang giấy từ quyển tập đưa cho ông. Ông xem qua, gấp mảnh giấy lại, cho vào túi áo. Rồi ông mở cánh cửa tủ nhà bếp,

lấy ra một khẩu bán tự động sơn hoa văn nguyệt trang và hai băng đạn, đẩy cánh cửa bước ra rồi đóng cánh cửa lại. Ông bước qua khoảng sân trải sỏi đến một chiếc Barracuda Plymouth màu đen đang đỗ, mở cửa xe, đặt khẩu bán tự động lên nệm ghế kế bên, chui vào xe và mở máy. Ông bật đèn xe, chuyển sang số hai rồi chạy ra đường, lớp xe kêu ken két và để lại một đám khói phía sau.

Chương VIII

Trong vài năm sau này, tôi đã mất đi nhiều người bạn. Mà không phải tất cả bọn họ lớn tuổi hơn tôi. Một trong những điều bạn nhận ra mình già thêm là không phải ai cũng đang già thêm cùng với mình. Bạn cố giúp đỡ những người đang trả lương cho bạn và dĩ nhiên là bạn phải nghĩ đến thành tích của mình ra sao. Trong vòng bốn mươi một năm, hạt này không có vụ án mạng nào lâm vào cảnh bó tay. Bây giờ, chỉ trong một tuần chúng tôi có chín vụ. Liệu có thể tìm ra hung thủ không? Tôi không biết. Thời gian không đứng về phía của bạn. Nếu bạn được cho là chỉ đoán mò về một đám buôn ma túy thì chắc sẽ không có lời khen. Mà họ không phải khó nhọc gì khi đoán mò về chúng ta. Họ không tôn trọng luật pháp ư? Đây chỉ là một phần. Thậm chí họ còn không nghĩ đến luật pháp. Thậm chí họ còn không e dè luật pháp. Dĩ nhiên là lúc trước, ở San Antonio, họ bắn chết một thẩm phán liên bang. Tôi đoán ông làm cho họ lo ngại.

Thêm điều nữa là các nhân viên công quyền dọc biên giới này đang giàu lên nhờ ma túy. Đây là một chuyện nhức nhối, ít nhất nhức nhối cho tôi. Cách đây mười năm không có chuyện này. Một nhân viên công quyền biến chất là việc kinh tởm nhất. Đây là tất cả những gì bạn có thể nói về việc này. Hắn còn tệ hơn kẻ phạm tội gấp mười lần. Và việc này sẽ không chấm dứt được. Đây hầu như là điều duy nhất tôi biết. Nó sẽ không chấm dứt. Nó sẽ đi đến đâu?

Điều này nghe ra có vẻ như dốt nát, nhưng tôi nghĩ đôi với tôi điều tệ hại nhất là khi biết rằng có lẽ lý do duy nhất mà tôi còn sống là vì họ chẳng coi tôi ra gì. Đây là điều đau xót. Rất đau xót. Nó vượt quá những gì bạn

đã từng nghĩ chỉ vài năm trước. Cách đây ít lâu, họ tìm ra một chiếc máy bay DC-4 ở hạt Presidio. Nằm giữa sa mạc. Một đêm, bọn chúng đi đến đấy, cố ủi đất để tạo ra một đường băng, đốt mấy hàng thùng hắc ín làm đèn tín hiệu cho máy bay đáp xuống, nhưng bạn không có cách nào làm cho thứ máy bay đó cất cánh được. Tất cả nội thất máy bay bị tháo sạch hết. Chỉ còn độc nhất chiếc ghế cho phi công. Bạn có thể ngửi mùi cần sa; bạn không cần đến chó. Cái anh cảnh sát trưởng ở đó - mà tôi không muốn nêu tên - muốn canh me để chộp bọn kia trở lại chiếc máy bay, rồi cuối cùng có người nói với ông ta rằng chả có ai trở lại hết. Không hề có ai cả. Khi cuối cùng hiểu ra, ông ta chỉ làm thỉnh rồi bước lên xe chạy đi.

Khi xảy ra chiến tranh ma túy dọc đường biên giới, bạn không thể mua được hũ thủy tinh nửa lít ở đâu cả. Để đựng đồ chua hoặc đại loại như thế. Hoặc mứt. Không thể tìm mua được. Chỉ là vì họ dùng loại hũ ấy để đựng lựu đạn. Nếu bạn bay qua nhà hoặc trang trại của ai và muốn ném lựu đạn xuống thì lựu đạn sẽ nổ trước khi xuống đến mặt đất. Thế là họ rút cái chốt ra, nhét quả lựu đạn vào rồi vặn nắp hũ chặt lại. Rồi khi cái hũ chạm mặt đất, thủy tinh sẽ vỡ và bung cái miệng ra. Hoặc cái cần. Bọn họ làm cả thùng chứa những hũ lựu đạn như thế. Khó mà tin rằng người ta chịu lái một chiếc máy bay nhỏ với loại hàng hóa này, nhưng đấy là chuyện có thật.

Tôi nghĩ nếu bạn là quỷ Satan và bạn cố nghĩ ra một thứ gì đấy để thống trị nhân loại dưới gót chân mình, thì có lẽ bạn sẽ nghĩ ra thứ đó là ma túy. Có lẽ quỷ Satan đã nghĩ ra. Một ngày nọ khi ngồi ăn sáng, tôi nói chuyện này với một người thì họ hỏi tôi có tin quỷ Satan hiện hữu hay không. Tôi nói vấn đề không phải là ở chỗ ấy. Và họ nói tôi biết nhưng anh có biết không? Tôi phải suy nghĩ về điều này. Lúc còn trẻ tôi có nghĩ. Khi

lớn lên, niềm tin của tôi có phần tàn lụi. Bây giờ, tôi đang bắt đầu thiên về hướng khác. Ông ấy giải thích nhiều điều mà bình thường không có lời giải thích nào cả. Hoặc đôi với tôi thì những điều ấy chẳng giải thích gì cả.

Moss đặt chiếc cặp da vào chỗ ngồi của mình trước rồi ngồi vào ghế. Anh cầm lấy tờ thực đơn được giắt vào cái giá cùng với sốt hạt cải và sốt cà chua. Cô ngồi đối diện. Anh không nhìn lên, hỏi: “Em dùng gì?”

“Em không biết. Em chưa xem thực đơn.”

Anh xoay vòng tờ thực đơn, đặt trước mặt cô, rồi quay đầu tìm người phục vụ.

Cô gái hỏi: “Ông làm gì?”

“Tôi gọi món gì hả?”

“Không phải. Ông làm gì? Ông có phải là một người lập dị không?”

Anh quan sát cô. “Những người duy nhất tôi quen mà họ biết một người lập dị là gì, thì đó là những người lập dị khác.”

“Em chỉ là người đồng hành.”

“Người đồng hành?”

“Ờ.”

“À, bây giờ em đồng hành.”

“Ông đang bị đau, phải không?”

“Cái gì khiến em nói vậy?”

“Ông hầu như không đi được.”

“Có lẽ đó là một vết thương chiến trường cũ.”

“Em không nghĩ vậy. Chuyện gì xảy ra với ông?”

“Ý em muốn nói là gần đây hả?”

“Ờ. Gần đây.”

“Em không cần biết.”

“Tại sao không?”

“Tôi không muốn em bị phẫn khích vì tôi.”

“Cái gì khiến ông nghĩ em sẽ bị phẫn khích?”

“Bởi vì con gái hư cũng giống như con trai hư. Em gọi món gì?”

“Em không biết. Ông gọi món gì?”

“Ba tuần trước tôi còn là một công dân tuân thủ pháp luật. Làm việc theo ca từ chín giờ sáng đến năm giờ chiều. Đúng ra là tám giờ đến bốn giờ. Nếu chuyện gì xảy ra cho em thì nó xảy ra. Nó không hỏi em trước. Nó không cần em cho phép.”

Cô gái nói: “Nếu em từng nghe kể chuyện như vậy thì em tin.”

“Nếu đi theo tôi em sẽ được nghe thêm.”

“Ông nghĩ em là gái hư hả?”

“Tôi nghĩ em trông giống gái hư.”

“Cái gì trong chiếc cặp tài liệu đó?”

“Tài liệu.”

“Cái gì?”

“Tôi có thể nói cho em nghe, nhưng rồi tôi sẽ phải giết em.”

“Ông không được mang súng nơi công cộng. Ông không biết hay sao? Nhất là là khẩu súng như vậy.”

“Để tôi hỏi em một câu.”

“Hỏi đi.”

“Khi có vụ đấu súng xảy ra, em muốn được vũ trang hay được hợp pháp?”

“Em không muốn hiện diện nơi đấu súng.”

“Có, em muốn. Nhìn em là biết ngay. Chỉ có điều em không muốn dính đạn. Em gọi món gì?”

“Ông gọi món gì?”

“Bánh mì kẹp phó-mát và sữa sô-cô-la.”

Cô phục vụ đi đến; hai người gọi các món ăn và thức uống. Cô gái gọi bánh mì kẹp thịt bò nóng cùng khoai tây nghiền và nước sốt. Cô nói: “Ông không hỏi em đi đâu.”

“Tôi biết em đi đâu.”

“Vậy thì em đi đâu?”

“Đi dọc con đường.”

“Đó không phải là câu trả lời.”

“Đó còn hơn là câu trả lời.”

“Ông không phải biết hết mọi chuyện.”

“Đúng. Tôi không biết hết.”

“Ông có từng giết ai chưa?”

“Có. Còn em?”

Cô gái lộ vẻ bối rối. “Ông biết mà, em chưa từng giết ai.”

“Tôi không biết.”

“À, em chưa.”

“Vậy thì em chưa.”

“Ông chưa xong việc, phải không?”

“Xong việc gì?”

“Việc em mới nói.”

“Giết người hả?”

Cô gái nhìn quanh để xem có ai nghe lỏm hai người không.

Cô nói: “Đúng.”

“Khó nói được.”

Sau một lúc, người phục vụ mang các món ăn đến. Anh cắt một góc gói sốt mayonnaise, rưới sốt lên ổ bánh mì rồi đến sốt cà chua. Anh hỏi: “Quê em ở đâu?”

Cô hớp một ngụm nước trà đá, cầm khăn giấy lau miệng rồi nói: “Port Arthur.”

Anh gật đầu. Anh cầm ổ bánh mì trên hai tay, cắn một miếng rồi ngồi ngả về phía sau. “Tôi chưa từng đến Port Arthur.”

“Em chưa từng gặp ông ở đó.”

“Làm thế nào em có thể gặp tôi ở đó nếu tôi chưa từng đến đó?”

“Em không thể. Em vừa nói em chưa gặp ông. Em đồng ý với ông mà.”

Moss lắc đầu.

Hai người ăn tiếp. Anh quan sát cô. “Tôi đoán em đang trên đường đi California.”

“Làm thế nào ông biết?”

“Đó là hướng em đang đi.”

“À, đó là nơi em định đi tới.”

“Em có mang theo tiền không?”

“Có liên quan gì tới ông?”

“Chẳng có liên quan gì tới tôi cả. Em có tiền không?”

“Em có một ít.”

Anh ăn xong ổ bánh mì, lấy khăn giấy lau hai tay rồi uống nốt ly sữa. Rồi anh cho tay vào túi lấy ra cuộn giấy bạc trăm đô. Anh đếm và để một nghìn đô trên mặt bàn rồi đẩy về phía cô và cho phần còn lại vào túi. Anh nói: “Ta đi.”

“Phần này để làm gì?”

“Để đi California.”

“Em sẽ phải làm gì cho khoản này?”

“Em chẳng phải làm gì cả. Ngay cả mèo mù thỉnh thoảng vẫn vớ được cá rán. Nhận lấy rồi đi đi.”

Anh trả tiền rồi hai người bước đến chiếc xe. “Ông không phải nói em như là con mèo ở đằng kia, phải không?”

Moss tảng lờ. Anh nói: “Đưa cho tôi chìa khóa.”

Cô gái lấy ra xâu chìa khóa từ chiếc ví của mình và trao cho anh. “Em nghĩ có lẽ ông sẽ quên là em đang cầm chìa khóa.”

“Tôi ít khi quên.”

“Em có thể chạy trốn như đi vào nhà vệ sinh rồi lái xe đi, bỏ ông ở lại đây.”

“Không, chắc em không làm vậy.”

“Tại sao không?”

“Lên xe đi.”

Hai người lên xe. Anh đặt chiếc cặp da giữa hai người, rút khẩu Tec-9 khỏi thắt lưng đặt dưới ghế.

Cô hỏi: “Tại sao không?”

“Em đừng có dốt nát cả đời. Thứ nhất, tôi có thể nhìn xuyên suốt đến cửa trước qua bãi đỗ xe cho đến chiếc xe. Thứ hai, ngay cả nếu tôi có ngu xuẩn ngồi quay lưng ra cửa, tôi chỉ việc gọi một chiếc taxi, chặn em lại, kéo em xuống, đánh em một trận như tử rồi để mặc em nằm đó.”

Cô gái nín bật. Anh nổ máy xe rồi lái đi.

“Liệu ông sẽ làm vậy không?”

“Em nghĩ sao?”

Khi họ đi đến Van Horn thì đã bảy giờ tối. Cô đã ngủ trong phần lớn thời gian đi đường, ngồi thu mình lại với ba lô làm gối. Anh ghé vào bến xe tải, tắt máy, đôi mắt cô vụt mở tròn như mắt nai. Cô ngồi lên nhìn anh rồi nhìn ra bãi đỗ xe. Cô hỏi: “Chúng ta đang ở đâu đây?”

“Van Horn. Em đói không?”

“Em có thể ăn một chút.”

“Em muốn ăn gà rán diesel hơ?”

“Cái gì?”

Anh chỉ lên tấm biển trên đầu.

Cô nói: “Em không muốn ăn món nào như vậy.”

Cô đi vào nhà vệ sinh nữ một hồi lâu. Khi bước ra, cô hỏi anh đã gọi món gì chưa.

“Tôi gọi cho em món gà đó.”

Cô nói: “Ông không gọi món đó đâu.”

Họ gọi bít-tết. Cô hỏi: “Ông sống mãi như thế này hay sao?”

“Chắc hẳn rồi. Khi em là kẻ liều mạng tuyệt vọng thì bầu trời là

giới hạn.”

“Cái gì trên sợi dây chuyền đó?”

“Cái này hả?”

“Ờ.”

“Đó là nanh heo rừng.”

“Ông đeo thứ đó để làm gì?”

“Cái này không phải của tôi. Tôi chỉ giữ hộ một người nào đó.”

“Một người nào đó là phụ nữ hả?”

“Không, một người nào đó đã chết.”

Món bít-tết được mang ra. Anh ngắm cô ăn. Anh hỏi: “Có ai biết em đi đây không?”

“Cái gì?”

“Tôi hỏi có ai biết em đi đây không.”

“Như là ai?”

“Như là một người nào đó.”

“Ông.”

“Tôi không biết em tính gì bởi vì tôi không biết em là ai.”

“Vậy thì hai chúng ta đều giống nhau.”

“Em không biết em là ai hả?”

“Không, ngược oi! Em không biết ông là ai.”

“À, ta sẽ giữ như vậy và họ sẽ không biết ta là ai.”

“Được rồi. Ông hỏi em để làm gì?”

Moss lấy nửa miếng bánh mỳ vét nước sốt. “Tôi chỉ nghĩ có lẽ đó là sự thật. Đối với em là sự xa xỉ. Đối với tôi là sự cần thiết.”

“Tại sao? Bởi vì có ai đó đang truy theo ông hả?”

“Có lẽ.”

Cô nói: “Em thích vậy. Ông trông đúng là nhân vật như thế.”

“Không mất nhiều thời giờ để quen dần, phải không?”

“Đúng.”

“À, chuyện này không đơn giản như vậy. Em sẽ thấy.”

“Tại sao vậy?”

“Lúc nào cũng có ai đó biết ta đang ở đâu. Biết nơi nào và tại sao. Phần lớn là vậy.”

“Ông đang nói tới Chúa hả?”

“Không. Tôi đang nói tới em.”

Cô nói: “À. Ông gặp rắc rối to nếu không biết mình đang ở đâu.”

“Tôi không biết. Em có biết không?”

“Em không biết.”

“Giả sử em đang ở nơi nào đó mà em không biết ở đâu. Cái thực tế mà em không biết là nơi nào khác là ở đâu. Hoặc cách bao xa. Dù cho em ở đâu thì vẫn vậy thôi.”

Cô suy nghĩ về điều này. Cô nói: “Em cố không nghĩ đến chuyện như vậy.”

“Khi em đến California em nghĩ mình sẽ giống như bắt đầu lại.”

“Đó là ý định của em.”

“Tôi nghĩ chính yếu là chỗ đó. Có một con đường dẫn đến California và có một người đi trở lại. Nhưng cách tốt nhất là xuất hiện ở đó.”

“Xuất hiện ở đó?”

“Ờ.”

“Ý ông nói ông không biết mình đi đến đó như thế nào sao?”

“Ờ. Không biết mình đi đến đó như thế nào.”

“Em không hiểu làm thế nào ông làm như vậy.”

“Tôi cũng không hiểu. Đó là điểm chính yếu.”

Cô tiếp tục ăn. Cô nhìn quanh quất. “Em có thể dùng cà phê được không?”

“Em có thể có bất cứ thứ gì em muốn. Em có tiền mà.”

Cô nhìn anh. “Em e mình không hiểu điểm chính yếu là gì.”

“Điểm chính yếu là không có điểm chính yếu.”

“Không. Ý em là điều ông đã nói. Về việc ông không biết ông đang ở đâu.”

Anh nhìn cô. Sau một lúc, anh nói: “Đấy không phải là việc biết mình đang ở đâu. Đấy là về việc nghĩ rằng em đi tới đó mà không mang cái gì theo. Em nói về việc bắt đầu lại. Hoặc ai đó bắt đầu lại. Em không bắt đầu lại. Vấn đề là ở chỗ đó. Mỗi bước đi của em cứ như vô tận. Em không thể làm điều này tan biến. Chẳng tan biến gì cả. Em hiểu tôi nói gì không?”

“Em nghĩ mình hiểu.”

“Tôi biết em không hiểu, nhưng để tôi thử lần nữa. Khi thức dậy buổi sáng, em nghĩ ngày hôm qua là không quan trọng. Nhưng ngày hôm qua lại là tất cả những gì quan trọng. Ngoài ra còn có gì nữa? Cuộc đời em được tạo thành bởi những ngày nó được tạo thành. Không có gì khác. Em có thể nghĩ mình trốn lánh được, thay

tên đổi họ và tôi không biết còn những gì khác. Bắt đầu lại. Và rồi một buổi sáng em thức dậy nhìn lên trần nhà và đoán thử xem ai đang nằm ở đó?”

Cô gật đầu.

“Em hiểu tôi nói gì không?”

“Em hiểu điều này. Em đã từng ở đó.”

“Ừ, tôi biết em đã từng ở đó.”

“Vậy thì khi trở thành người sống ngoài vòng pháp luật, ông có tiếc không?”

“Tôi tiếc đã không bắt đầu lại sớm hơn. Em sẵn sàng chưa?”

Khi bước ra khỏi văn phòng của motel, anh trao cho cô một chìa khóa.

“Cái gì vậy?”

“Đó là chìa khóa của em.”

Cô nắm chìa khóa trong lòng bàn tay và nhìn anh. Cô nói: “À, tùy ông.”

“Đúng là tùy tôi.”

“Em đoán ông e ngại em sẽ thấy những gì chứa trong chiếc cặp.”

“Không hẳn vậy.”

Anh nổ máy chiếc xe bán tải, chạy vào bãi đỗ xe phía sau motel.

Cô hỏi: “Ông có phải là người đồng tính không?”

“Tôi ấy à? Ờ, tôi đồng tính giống như là ông thầy tu.”

“Ông trông không giống lắm.”

“Thật vậy sao? Em quen biết nhiều người đồng tính hả?”

“Em chỉ nói ông không hành động như người đồng tính.”

“Này, cung ời, em biết gì về việc này?”

“Em không biết.”

“Nói lại lần nữa đi.”

“Cái gì?”

“Nói lại lần nữa: Em không biết.”

“Em không biết.”

“Tốt lắm. Em cần luyện tập. Vậy là tốt cho em.”

Sau đấy, anh đi ra ngoài, lái xe đến một hiệu tạp hóa Quickstop*. Khi trở về motel, anh vẫn ngồi yên, xem xét những chiếc ô tô trong bãi đỗ xe. Rồi anh bước ra.

Anh đi đến phòng cô, gõ cửa. Anh chờ. Rồi gõ lần nữa. Anh thấy tấm màn lay động rồi cô mở cửa. Cô vẫn mặc cùng bộ quần jeans và áo thun. Cô trông như vừa thức dậy.

“Tôi biết em chưa đủ tuổi dùng bia rượu nhưng nếu em muốn uống bia tôi sẽ lo cho.”

Cô nói: “Ừ, em muốn uống bia.”

Anh nhắc lấy một chai bia lạnh từ cái túi giấy, trao cho cô. Anh nói: “Cái này cho em.”

Anh quay người bước đi. Cô bước ra, để cánh cửa đóng lại. “Ông không cần phải vội bỏ đi như vậy.”

Anh dừng lại ở bậc thang dưới cùng.

“Ông có thêm chai bia nào khác trong cái túi đó không?”

“Ừ. Tôi có hai chai khác. Và tôi sẽ uống hết hai chai.”

“Ý em nói ông có thể vào đây và uống một chai với em.”

Anh nheo mắt với cô. “Em có để ý thấy phụ nữ không muốn nghe tiếng ‘đừng’ không? Tôi nghĩ việc này bắt đầu lúc ba tuổi.”

“Còn đàn ông thì sao?”

“Họ quen rồi. Họ giỏi hơn.”

“Em sẽ không nói tiếng nào.”

“Em không nói tiếng nào?”

“Đúng.”

“Vậy thì đó đã là lời nói dối.”

“À, em sẽ thực sự im lặng.”

Anh ngồi trên một bậc cầu thang, rút ra một chai bia từ cái túi, vặn nắp, nghiêng chai bia lên miệng mà uống. Cô ngồi trên bậc cầu thang phía trên và cũng làm theo anh.

Anh hỏi: “Em ngủ nhiều lắm hả?”

“Ờ. Em ngủ khi có dịp. Còn ông?”

“Cả hai tuần nay không có đêm nào tôi ngủ yên giấc. Tôi không biết rồi nó sẽ như thế nào. Tôi nghĩ nó bắt đầu làm cho tôi ngốc nghếch.”

“Đối với em, ông trông không ngốc nghếch.”

“À, đó là theo sự hiểu biết của em.”

“Ông có ý gì?”

“Không có gì. Tôi chỉ trêu ghẹo em thôi. Thôi bỏ qua.”

“Ông không có ma túy trong cái túi đó, phải không?”

“Phải. Tại sao? Em dùng ma túy hả?”

“Em chỉ hút cần sa, nếu ông có.”

“À, tôi không có.”

“Cũng được thôi.”

Moss lắc đầu. Anh tiếp tục uống.

“Em chỉ có ý nói nếu chúng ta chỉ ngồi đây mà uống bia thì cũng được thôi.”

“À, tôi vui khi nghe em nói cũng được thôi.”

“Ông định đi đâu? Ông chưa hề nói ra.”

“Khó nói lắm.”

“Không phải ông đi California, đúng không?”

“Đúng. Tôi không đi California.”

“Em đã nghĩ vậy.”

“Tôi định đi El Paso.”

“Em đã nghĩ ông không biết mình đi đâu.”

“Có lẽ tôi vừa quyết định lúc gần đây.”

“Em không nghĩ vậy.”

Moss không đáp.

Cô nói: “Ngồi ngoài này dễ chịu quá!”

“Tôi đoán nó tùy thuộc vào nơi em đã ngồi lúc trước.”

“Không phải ông vừa ra tù hoặc đại loại như vậy, đúng không?”

“Tôi vừa thoát khỏi án tử hình. Họ đã cạo đầu tôi để dẫn tôi lên ghế điện. Em có thể thấy tóc tôi bắt đầu mọc lại.”

“Tóc ông vẫn còn nhiều.”

“Kể cũng nực cười nếu chuyện này là thật, phải không?”

“Có phải pháp luật đang truy lùng ông không?”

“Mọi người đều truy lùng tôi.”

“Ông đã làm gì vậy?”

“Tôi đã nhận cho các cô gái trẻ đi nhờ xe rồi chôn họ ở ngoài sa mạc.”

“Chuyện này không khôì hài chút nào.”

“Em nói đúng. Không khôì hài. Tôi chỉ ghẹo em thôi.”

“Ông nói ông đã bỏ qua.”

“Tôi sẽ bỏ qua.”

“Ông có từng nói thật không?”

“Có. Tôi nói sự thật.”

“Ông đã cưới vợ, phải không?”

“Ừ.”

“Vợ ông tên gì?”

“Carla Jean.”

“Bà ấy ở El Paso hả?”

“Ừ.”

“Cô ấy có biết ông làm nghề gì không?”

“Có. Cô ấy biết. Tôi làm thợ hàn.”

Cô nhìn anh, để xem anh nói gì thêm. Anh không nói gì.

Cô hỏi: “Ông không làm nghề hàn, phải không?”

“Tại sao tôi không làm?”

“Ông mang khẩu súng tự động đó để làm gì?”

“Bởi vì có kẻ xấu đang dõi theo tôi.”

“Ông đã làm gì họ?”

“Tôi lấy cái gì đó của họ và họ muốn lấy lại.”

“Như vậy em nghe không giống nghề hàn.”

“Không giống, phải không? Tôi đã không nghĩ đến điều này.”

Anh tiếp tục uống bia. Ngón cái và ngón trỏ nắm lấy cổ chai.

“Cái gì đó là thứ nằm trong chiếc túi, phải không?”

“Khó nói lắm.”

“Ông có phải là người chuyên mở tủ sắt không?”

“Mở tủ sắt hả?”

“Ờ.”

“Cái gì làm cho em nói vậy?”

“Em không biết. Có không?”

“Không.”

“Vậy thì ông là một người đáng kể.”

“Ai ai cũng là người đáng kể.”

“Ông đã từng sống ở California chưa?”

“Ừ. Tôi đã từng sống ở California. Tôi có một người em ở đó.”

“Ông ấy có thích sống ở đó không?”

“Tôi không biết. Nó sống ở đó.”

“Ông sẽ không sống ở đó, phải không?”

“Phải.”

“Ông nghĩ em nên đi đến đó hả?”

Anh nhìn cô và lại quay đi. Anh duỗi hai chân trên nền bê-tông, bắt chéo hai chiếc giày và nhìn qua bãi đỗ xe hướng đến xa lộ và

những ngọn đèn đường xa lộ. “Cưng ời, làm cái quái thế nào mà tôi biết em nên đi đến đâu?”

“Ờ. Mà này, em cảm ơn ông cho em món tiền đó.”

“Không có chi.”

“Ông không phải làm như vậy.”

“Tôi đã nghĩ em không muốn nói về việc này.”

“Được rồi. Dù sao đó là khoản tiền lớn.”

“Nó không đáng như em nghĩ. Em sẽ thấy.”

“Em sẽ không hoang phí. Em cần tiền để tìm một chỗ ở.”

“Em sẽ ổn thôi.”

“Em mong như vậy.”

“Cách tốt nhất để sống ở California là khi tìm cách xa lánh một nơi nào khác. Có lẽ cách tốt nhất là xa lánh Sao Hỏa.”

“Em mong không phải vậy. Bởi vì em không xa lánh.”

“Em sẽ ổn thôi.”

“Em hỏi ông một việc được không?”

“Ờ. Cứ hỏi.”

“Ông bao nhiêu tuổi?”

“Ba mươi sáu.”

“Vậy là khá già. Em không ngờ ông già như vậy.”

“Tôi biết. Chính tôi cũng lấy làm lạ về con người mình.”

“Em có cảm tưởng em phải sợ ông, nhưng em không sợ.”

“À, tôi không thể khuyên em về việc này. Nhiều người trốn lánh mẹ của họ để tìm đến Thần Chết. Họ không muốn chờ lâu.”

“Em đoán ông nghĩ em cũng làm như vậy.”

“Tôi không muốn biết em đang làm gì.”

“Em tự hỏi bây giờ mình đang ở đâu nếu sáng nay không gặp ông.”

“Tôi không biết.”

“Em luôn được may mắn. Về việc như thế này. Về việc gặp người lạ.”

“À, tôi không muốn nói quá sớm.”

“Tại sao? Ông định chôn em ở sa mạc hả?”

“Không. Nhưng ngoài kia có nhiều chuyện không may. Nếu em cứ nhón nhơ ở đây mãi thì em sẽ phải gánh chịu một phần.”

“Em nghĩ mình không đến nỗi vậy. Em tin đã đến lúc mình được thay đổi. Có thể đã là quá trễ.”

“Tại sao em nói vậy?”

Anh nhìn cô: “Em gái nhỏ, tôi muốn nói với em điều này. Nếu có một cái gì đó coi không giống em, thì đó là vận may đi lang thang.”

“Thiệt là đáng ghét.”

“Không, không phải. Tôi chỉ muốn em nên cẩn thận. Khi ta đến El Paso, tôi sẽ cho em xuống xe ở bến xe buýt. Em đã có tiền. Em không phải vẫy xe xin đi nhờ nữa.”

“Được rồi.”

“Được rồi.”

“Ông sẽ hành động như đã nói ở đằng kia không? Về việc nếu em lái xe ông bỏ đi?”

“Hành động gì?”

“Ông biết mà. Về hành động đánh em một trận như tử.”

“Không.”

“Em cũng không nghĩ vậy.”

“Em muốn chia chai bia cuối cùng này không?”

“Được rồi.”

“Chạy vào trong kia lấy ra cái ly. Tôi sẽ quay lại trong một phút.”

“Được rồi. Ông không đổi ý, phải không?”

“Về chuyện gì?”

“Ông biết chuyện gì.”

“Tôi không đổi ý. Tôi muốn làm đúng mục ngay từ lần đầu tiên.”

Anh đứng dậy, bước lên theo lối đi. Cô đứng ở khung cửa, nói: “Em muốn nói cho ông nghe một câu có lần em nghe trong một cuốn phim.”

Anh dừng lại, quay người: “Cái gì?”

“Có nhiều người bán hàng tốt quanh đây và ông có thể mua cái gì đó.”

“À, cưng ời, em đã muộn một chút. Bởi vì tôi đã mua xong. Và tôi nghĩ tôi muốn gắn bó với cái mình đang có.”

Anh đi đến đầu lối đi, leo lên các bậc thang rồi bước vào phòng mình.

Chiếc Barracuda chạy vào bến xe tải bên ngoài Balmorhea rồi ghé vào ô kế cận nhà rửa xe. Người tài xế bước xuống, đóng cửa xe lại

và đứng nhìn. Có những vết máu và vết gì khác chạy dọc trên mặt kính và thành xe. Anh ta lấy một số đồng hai mươi lăm cent từ máy đổi tiền, quay lại, cho tiền vào khe, lấy cây giẻ lau từ cái giá, xịt nước rửa chiếc xe, rồi bước vào xe và chạy lên xa lộ hướng về phía tây.

Bell ra khỏi nhà lúc bảy giờ ba mươi và lái theo đường 285 Bắc dẫn đến Fort Stockton. Đường đi đến Van Horn dài khoảng ba trăm sáu mươi ki-lô-mét. Ông tính toán mình có thể mất không đến ba tiếng đồng hồ. Ông bật đèn báo trên mui xe. Khoảng hơn mười sáu ki-lô-mét phía tây Fort Stockton trên xa lộ liên tiểu bang I-10, ông chạy qua một chiếc xe đang bốc cháy bên vệ đường. Có những chiếc xe cảnh sát nơi hiện trường, và một làn xe xa lộ bị phong tỏa. Ông không dừng lại, nhưng cảm thấy bất an. Ông dừng lại ở Balmorhea, cho đồ đầy chai cà phê rồi đi đến Van Horn lúc mười giờ hai mươi lăm.

Ông không biết mình phải tìm kiếm gì, nhưng ông không cần tìm kiếm. Trên bãi đỗ xe của một motel, có hai chiếc xe tuần tra của hạt Culberson và một xe cảnh sát chỉ huy của bang đang nhấp nháy đèn hiệu. Motel được phong tỏa bằng dải băng cảnh sát. Ông lái vào, đỗ lại và để đèn hiệu xe mình nhấp nháy.

Viên phụ tá không biết ông nhưng Cảnh sát trưởng hạt Culberson thì biết. Họ đang hỏi han một người đàn ông ngồi ở cửa sau một xe tuần tra. Cảnh sát trưởng hạt Culberson nói: “Chết tiệt tôi nếu tin xấu không lan nhanh. Anh đang làm gì ở đây, hờ Cảnh sát trưởng?”

Bell hỏi: “Marvin, xảy ra chuyện gì?”

“Có vụ đấu súng nhỏ. Anh biết gì về chuyện này không?”

“Tôi không biết. Có nạn nhân nào không?”

“Cách đây khoảng nửa tiếng họ được xe tải thương mang đi. Hai đàn ông và một cô gái. Cô gái chết, còn anh con trai tôi nghĩ cũng khó thoát. Người đàn ông kia thì có thể sống.”

Bell hỏi: “Anh biết họ là ai không?”

“Không. Một trong hai người đàn ông là dân Mỹ, và chúng tôi đang chờ truy lục đăng ký xe ở đằng kia. Không ai có giấy tờ tùy thân. Trên người hoặc trong phòng cũng không có.”

“Nhân chứng này khai gì?”

“Ông ta nói người Mỹ khởi đầu. Nói hấn lòi cô kia ra khỏi phòng và người kia cầm súng đi ra nhưng khi thấy anh Mỹ chĩa súng vào đầu cô thì buông súng xuống. Ngay khi đó tên Mỹ đẩy cô kia ra rồi bắn cô rồi quay sang bắn anh kia. Hấn đang đứng trước phòng 117, ở đằng kia. Bắn cả hai người với khẩu tự động chết tiệt. Theo nhân chứng đây, người kia ngã lăn xuống các bậc thang, rồi nhặt lấy súng của mình bắn tên Mỹ. Mà tôi không hiểu bằng cách nào anh ta làm được. Anh có thể thấy vết máu trên lối đi đằng kia. Chúng tôi phản ứng khá nhanh. Tôi nghĩ khoảng bảy phút. Cô kia bị bắn chết ngay.”

“Không giấy tờ tùy thân hay sao?”

“Không giấy tờ tùy thân. Chiếc xe của anh già kia có gắn thẻ bán xe.”

Bell gật đầu. Ông nhìn qua nhân chứng. Anh này đã xin một liều thuốc và đang ngồi hút. Anh ta có vẻ thoải mái. Như thể đã có lần

ngồi ở băng sau xe tuần tra rồi.

Bell hỏi: “Cô gái kia. Có phải là người phương Tây không?”

“Đúng. Cô ấy là người phương Tây. Có tóc bạch kim. Có lẽ hoe đỏ.”

“Anh có tìm ra ma túy gì không?”

“Chưa thấy. Chúng tôi vẫn đang tìm tiếp.”

Bell hỏi: “Có tiền bạc không?”

“Chúng tôi chưa tìm ra tiền bạc gì cả. Cô gái nhận phòng 121. Có một ba lô với ít quần áo và vật dụng.”

Bell nhìn xuống dãy các cửa cái của phòng motel. Nhiều người đứng thành từng nhóm nhỏ trao đổi với nhau. Ông nhìn qua chiếc Barracuda màu đen.

“Chiếc này có động cơ mạnh không?”

“Tôi có thể nói khá mạnh. Có máy thổi khí dưới nắp máy.”

“Máy thổi khí hỏ?”

“Ừ.”

“Tôi không thấy.”

“Nó nằm ở dưới nắp máy.”

Bell đứng nhìn chiếc xe. Rồi ông quay qua viên cảnh sát trưởng: “Anh có thể đi khỏi đây một phút không?”

“Được chứ. Anh có ý gì?”

“Tôi vừa nghĩ ra là muốn nhờ anh đưa tôi đến bệnh viện.”

“Được rồi. Đi với tôi.”

Bell nói: “Tốt lắm. Để tôi đỗ xe lại cho đảng hoàng.”

“Như thế tốt rồi, Ed Tom.”

“Để tôi đưa xe tới đây một chút cho khỏi ngáng đường. Bạn không hề biết mình sẽ trở lại nhanh như thế nào sau khi đã đi nơi khác.”

Tại quầy lễ tân, viên cảnh sát trưởng nói chuyện với cô y tá trực ca đêm, gọi tên cô một cách thân mật. Cô nhìn qua Bell.

Cảnh sát trưởng hạt Culberson nói: “Ông này đến đây để giúp nhận dạng.”

Cô gật đầu, đứng dậy, đặt cây bút chì giữa các trang giấy của quyển sách đang đọc. Cô nói: “Hai người là DOA*. Họ tử thương người Mỹ đó bằng trực thăng khoảng hai mươi phút trước. Có lẽ ông đã biết chuyện này.”

Cảnh sát trưởng hạt Culberson nói: “Cung ơi, không ai nói cho anh biết gì hết.”

Họ đi theo cô dọc lối đi. Có một vết máu mỏng chạy dọc sàn bê-tông. Bell nói: “Không khó để tìm ra họ, phải không?”

Ở cuối lối đi có tấm biển màu đỏ ghi Exit*. Trước khi họ đi đến đấy, cô quay ngang, tra chìa khóa vào một cánh cửa thép bên trái, mở cửa ra rồi bật đèn lên. Căn phòng là khối bê-tông thô, không có cửa sổ, trống không ngoại trừ ba cái bàn bằng thép loại dành cho thợ cơ khí, bốn chân bàn đặt trên bánh xe. Trên hai bàn là hai xác người được phủ bằng tấm nhựa. Cô y tá đứng quay lưng vào cửa trong khi hai viên cảnh sát trưởng bước qua.

“Ed Tom, anh ta không phải là bạn của anh chứ?”

“Không.”

“Anh ta bị bắn vài ba phát vào mặt nên tôi nghĩ anh ta trông không ổn lắm. Không phải là tôi đã thấy chuyện tệ hại hơn. Đường xa lộ ngoài kia là một bãi chiến trường chết tiệt, anh có thể nói thật như thế.”

Ông kéo tấm nhựa qua. Bell đi vòng cuối bàn. Không có tấm chêm dưới cổ của Moss; đầu anh nghiêng qua một bên. Một con mắt hé mở. Người ta đã lau máu trên người anh nhưng mặt anh có nhiều lỗ đạn và hàm răng bị bắn vỡ ra.

“Có phải anh ta không?”

Bell nói: “Ừ, chính là anh ta.”

“Anh nói nghe như anh mong không phải.”

“Tôi phải báo cho vợ anh ta hay.”

“Tôi rất lấy làm tiếc.”

Bell gật đầu.

Viên Cảnh sát trưởng hạt Culberson nói: “Này, anh không thể làm gì được cả.”

Bell đáp: “Phải. Nhưng bạn luôn muốn nghĩ là mình làm được.”

Viên cảnh sát trưởng hạt Culberson đẩy mặt Moss lại, bước qua kéo tấm nhựa ở bàn bên kia và nhìn Bell. Bell lắc đầu.

“Họ thuê hai phòng. Hoặc anh ta thuê. Trả tiền mặt. Anh không thể đọc ra tên ghi trên sổ đăng ký. Chỉ là nét nguệch ngoạc.”

Bell nói: “Anh ta tên Moss.”

“Được rồi. Chúng tôi sẽ ghi thông tin của anh ở văn phòng. Đứa con gái trông có vẻ như hạng người hôi hám.”

“Ừ.”

Ông che mặt cô gái lại. Ông nói: “Tôi nghĩ vợ anh ta sẽ không ưa vụ này.”

Bell nói: “Đúng. Tôi nghĩ bà ấy sẽ không ưa.”

Viên cảnh sát trưởng hạt Culberson nhìn cô y tá. Cô vẫn đang đứng tựa cánh cửa. Ông hỏi: “Cô ấy bị bắn mấy phát? Cô biết không?”

“Cảnh sát trưởng, tôi không biết. Ông có thể xem xét cô ấy nếu ông muốn. Tôi không phiền hà và tôi biết cô ấy cũng không phiền hà.”

“Được rồi. Để chuyện đó cho pháp y khám nghiệm. Ed Tom, sẵn sàng đi chưa?”

“Ừ. Tôi đã sẵn sàng trước khi đến đây.”

Ông ngồi một mình trong văn phòng cảnh sát trưởng với cánh cửa đóng kín, nhìn máy điện thoại trên mặt bàn. Cuối cùng ông đứng dậy, đi ra ngoài. Người phụ tá nhìn lên.

“Tôi đoán anh ấy đã đi về nhà.”

Người phụ tá nói: “Vâng, thưa ông. Tôi có thể giúp gì được cho ông không, Cảnh sát trưởng?”

“Từ đây đến El Paso bao xa?”

“Khoảng một trăm hai mươi dặm.”

“Nhờ anh nói tôi cảm ơn anh ấy và ngày mai tôi sẽ gọi điện cho anh ấy.”

“Vâng, thưa ông.”

Ông dừng ở đầu kia thị trấn để ăn rồi uống cà phê trong khi nhìn các ngọn đèn đường xa lộ. Có cái gì đấy không ổn. Ông không thể

nghe ra. Ông nhìn đồng hồ đeo tay. Một giờ hai mươi phút. Ông trả tiền, đi ra, bước lên chiếc xe tuần tra và ngồi đấy. Rồi ông lái đến giao lộ, rẽ về hướng đông và quay trở lại motel.

Chigurh đăng ký thuê phòng trong một motel nằm dọc xa lộ liên tiểu bang chạy về miền đông, rồi bước qua một đồng cỏ lộng gió trong bóng tối, đưa ống nhòm nhìn qua xa lộ. Những chiếc xe tải xuất hiện rõ to qua hai ống kính rồi nhỏ dần. Hắn ngồi xồm trên hai gót chân, hai khuỷu tay đặt trên hai đầu gối, quan sát. Rồi hắn quay trở lại motel.

Hắn đặt đồng hồ báo thức lúc một giờ. Khi đồng hồ reo, hắn đứng dậy, tắm rửa, mặc quần áo rồi bước ra chiếc xe bán tải của mình, cầm cái túi da nhỏ và đặt phía sau ghế ngồi.

Hắn đỗ xe trong bãi đỗ xe và ngồi đấy một hồi lâu. Ngả người trên ghế và nhìn qua kính chiếu hậu. Không có gì cả. Các chiếc xe cảnh sát đã chạy đi từ lâu. Dải băng cảnh sát màu vàng trước khung cửa đóng đưa trong gió. Những chiếc xe tải nổ máy rầm rì, hướng đến Arizona và California. Hắn bước ra, đi đến cánh cửa, dùng khẩu súng bắn bỏ phá vỡ ổ khóa, bước vào, rồi đóng cánh cửa lại. Hắn có thể quan sát căn phòng khá rõ nhờ ánh sáng xuyên qua các cửa sổ. Vài tia sáng nhỏ lọt qua các lỗ đạn trên cánh cửa ván ép. Hắn kéo chiếc bàn ngủ nhỏ đến bên tường, rút cây vện vít từ túi quần sau và bắt đầu vặn các con vít ra khỏi tấm vỉ bằng thép của ống dẫn hơi. Hắn đặt tấm vỉ trên mặt bàn, đưa tay vào kéo ra chiếc cặp da, bước xuống, đi đến cửa sổ nhìn ra bãi đỗ xe. Hắn rút khẩu súng lục từ lưng quần, mở cánh cửa, bước ra rồi đóng cánh cửa lại, cúi người

dưới dải băng, đi đến chiếc xe của mình và bước vào xe.

Hắn đặt chiếc cặp da lên sàn xe, vừa đúng lúc hắn rút chìa khóa để nổ máy thì hắn trông thấy chiếc xe tuần tra của hạt Terrell chạy vào cách văn phòng motel chưa đến một trăm mét. Hắn buông tay ra khỏi chìa khóa, ngả người ra phía sau. Chiếc xe tuần tra chạy vào một ô đỗ xe, rồi đèn xe tắt. Rồi máy xe tắt. Chigurh chờ đợi, khẩu súng lục đặt trên lòng.

Khi Bell bước ra, ông nhìn chung quanh bãi đỗ xe rồi bước đến cánh cửa phòng 117, thử vặn nắm cửa. Cửa không khóa. Ông cúi người dưới dải băng, đẩy cánh cửa vào, tay lần mò tìm đến công tắc, và bật đèn lên.

Vật đầu tiên mà ông nhìn thấy là tấm ví và các con vít nằm trên bàn. Ông đóng cánh cửa lại sau lưng, rồi đứng đấy. Ông bước đến cửa sổ, nhìn qua rìa tấm màn đến bãi đỗ xe. Ông đứng đấy một hồi. Không có gì động đậy. Ông thấy vật gì đấy nằm trên sàn, bước đến nhặt lên nhưng đã biết đấy là vật gì. Ông cầm xoay xoay trong lòng bàn tay. Ông bước đến ngồi trên giường, mảnh đồng thau nhỏ trong tay. Rồi ông bỏ nó vào cái gạt tàn thuốc trên mặt bàn. Ông nhắc điện thoại nhưng đường dây không có tín hiệu. Ông đặt ống nghe xuống. Ông rút ra khẩu súng lục từ bao súng, kiểm tra ổ đạn, rồi ngồi với khẩu súng đặt trên đầu gối.

Ông lầm bầm: “Mình không biết chắc hắn có ở ngoài đấy không.”

“Có, biết chắc. Lúc ngồi trong nhà hàng, mình đã biết. Vì thế mà mình quay lại đây.”

“Thế thì, mình định làm gì?”

Ông đứng dậy, bước đến tắt đèn. Năm lỗ đạn trên cánh cửa. Ông

đứng với khẩu súng lục trên tay, ngón tay trở đặt trên cò súng. Rồi ông mở cửa bước ra.

Ông đi đến chiếc xe tuần tra. Xem xét những chiếc xe trên bãi đỗ. Phần lớn là xe bán tải. Lúc nào mình cũng có thể thấy trước họng súng khắc lửa. Nhưng thấy trước vẫn chưa đủ. Khi có người đang rình rập thì mình có thể cảm nhận được không? Nhiều người nghĩ được. Ông mở cửa chiếc xe tuần tra bằng tay trái. Đèn trần xe bật sáng. Ông bước vào, đóng sập cửa xe, đặt khẩu súng trên nệm ghế kế bên, cho nổ máy xe. Rồi ông chạy ra khỏi bãi đỗ xe, bật đèn pha, chạy ra ngoài.

Khi motel đã khuất dạng, ông đỗ lại bên vệ đường, nhắc lấy bộ đàm gọi cho văn phòng cảnh sát trưởng. Họ đồng ý điều đến hai xe. Ông gác máy, trả hộp số về zê-rô, để chiếc xe lăn dọc vệ đường cho đến khi ông vừa nhìn thấy tấm biển của motel. Ông nhìn đồng hồ đeo tay. 1:45. Trong bảy phút sẽ là 1:52. Ông chờ đợi. Không có gì động đậy ở motel. Lúc 1:52, ông thấy hai xe chạy đến trên xa lộ, chạy xuống đường rẽ với còi hú và đèn nhấp nháy. Ông vẫn dõi mắt trông chừng về phía motel. Bất kỳ xe nào chạy ra khỏi bãi đỗ và chạy lên đường tiếp cận thì ông chủ định sẽ đâm vào xe hấn cho văng ra khỏi mặt đường.

Khi hai chiếc xe tuần tra chạy vào motel, ông khởi động xe mình, bật đèn lên, chạy vòng lại chữ U, chạy ngược chiều con đường vào bãi đỗ xe rồi bước ra.

Họ đi dọc bãi đỗ xe, đi ngang qua từng chiếc xe, đèn bấm và súng lục trên tay, rồi đi trở lại. Bell là người trở lại trước, đứng tựa vào xe của mình. Ông gật đầu với hai người phụ tá. Ông nói: “Này

quý vị, tôi nghĩ chúng ta đã bị qua mặt.”

Họ đút súng vào bao. Bell và người phụ tá trưởng đi vào căn phòng. Bell chỉ cho anh ta xem ổ khóa, ống dẫn hơi và xy-lanh ổ khóa.

Người phụ tá cầm xy-lanh trong tay, hỏi: “Cảnh sát trưởng, hẳn dùng cái gì để làm việc này?”

Bell nói: “Đây là câu chuyện dài. Tôi tiếc đã gọi các anh ra đây mà không được việc gì.”

“Không sao, Cảnh sát trưởng.”

“Các anh nói với cảnh sát trưởng khi đến El Paso tôi sẽ gọi về.”

“Vâng, tôi nhớ.”

Hai tiếng đồng hồ sau, ông thuê phòng của khách sạn Rodeway Inn ở phía đông thị trấn. Ông thức dậy lúc sáu giờ sáng như thường lệ, đóng các màn cửa lại rồi trở lại nằm trên giường nhưng không thể ngủ tiếp. Cuối cùng, ông đứng dậy, tắm rửa, mặc quần áo rồi đi xuống nhà ăn, dùng bữa sáng và đọc báo. Chưa có tin gì về Moss và cô vợ. Khi cô hầu bàn đến mang thêm cà phê, ông hỏi cô mấy giờ họ nhận được báo buổi chiều.

Cô nói: “Em không biết. Em đã bỏ đọc báo.”

“Tôi không chê trách em. Nếu có thể thì tôi cũng muốn bỏ.”

“Em bỏ đọc báo và em khuyên chồng em bỏ đọc báo.”

“Thế à?”

“Em không biết tại sao họ gọi đó là tin tức. Em không gọi mấy thứ đó là tin tức gì cả.”

“Đúng.”

“Lần cuối cùng mà ông đọc báo nói về Chúa Giê-su là khi nào?”

Bell lắc đầu: “Tôi không nhớ. Tôi phải nói là đã lâu lắm rồi.”

Cô nói: “Em cũng nghĩ vậy. Rất lâu rồi.”

Ông đã từng gõ nhiều cánh cửa khác cũng để báo tin như thế; chẳng có gì lạ đối với ông cả. Ông thấy rèm cửa sổ kéo qua rồi cánh cửa mở, cô đứng đấy, mặc quần jeans với áo bỏ ngoài lưng quần, nhìn ông. Không tỏ lộ cảm giác gì. Chỉ chờ đợi. Ông giờ mũ ra, và cô đứng dựa cánh cửa và quay mặt đi.

Ông nói: “Thưa bà, tôi rất tiếc.”

Cô kêu lên: “Ôi Chúa tôi!” Cô lao đảo đi vào phòng, ngồi sụp xuống sàn, hai tay ôm lấy đầu, giấu mặt giữa hai cánh tay. Bell đứng đấy, tay cầm chiếc mũ. Ông không biết phải làm gì khác. Ông không thấy dấu hiệu nào của bà cụ. Hai phụ nữ phục vụ người Mẽ đang đứng ở bãi đỗ xe nhìn vào và thăm thò với nhau. Ông bước vào và đóng cánh cửa lại.

Ông gọi: “Carla Jean.”

Cô kêu lên: “Ôi Chúa tôi!”

“Tôi rất lấy làm tiếc.”

“Ôi Chúa tôi!”

Ông đứng đấy, tay cầm chiếc mũ. “Tôi lấy làm tiếc.”

Cô ngẩng lên nhìn ông. Khuôn mặt nhăn nhúm. Cô nói: “Chết tiệt ông. Ông đứng đó mà nói với tôi ông lấy làm tiếc hả? Chồng tôi đã chết. Ông có hiểu không? Nếu ông nói lấy làm tiếc một lần nữa thì xin Chúa xá tội khi tôi lấy súng mà bắn ông.”

Chương IX

Tôi phải tin vào lời cô ấy. Tôi không thể làm được nhiều việc gì khác. Tôi không bao giờ gặp lại cô ấy. Tôi đã muốn nói với cô rằng tin đăng trên báo là không đúng, về anh ấy và cô gái kia. Sự thật là cô gái bỏ trốn khỏi nhà. Mười lăm tuổi. Tôi tin rằng anh ấy không có quan hệ gì với cô này cả và tôi rất khó chịu nếu vợ anh nghi ngờ. Mà bạn biết đấy, cô ấy vẫn nghi ngờ. Tôi gọi cho cô ấy vài lần nhưng cô đều gác máy, và tôi không trách cô. Rồi khi họ gọi cho tôi từ Odessa báo tin về chuyện vừa xảy ra, tôi không tin nổi. Nghe không có lý gì cả. Tôi lái xe đến đấy nhưng không thể làm được gì. Bà ngoại của cô cũng vừa qua đời. Tôi cố truy lục dấu vân tay của hắn trong cơ sở dữ liệu của FBI*, nhưng họ không tìm ra gì cả. Muốn biết tên hắn là gì, hắn làm nghề gì, đại loại như thế. Rốt cuộc mình như là thằng ngốc. Hắn là một bóng ma. Nhưng hắn hiện diện ngoài kia. Bạn không nên nghĩ rằng chuyện này chỉ tình cờ xảy ra rồi tan biến. Tôi tiếp tục chờ đợi được nhận tin báo gì khác. Có lẽ tôi sẽ nhận. Hoặc có lẽ không. Bạn dễ làm trò cười cho chính mình. Tự nhủ mình muốn nghe tin báo gì. Bạn thức dậy giữa đêm khuya và nghĩ ngợi nhiều chuyện. Tôi không còn tin chắc mình muốn nghe tin gì. Bạn tự nhủ rằng có lẽ vụ việc này đã qua đi. Nhưng bạn biết không phải thế. Bạn có thể mong ước bất cứ điều gì mình muốn.

Cha tôi luôn dạy bảo tôi chỉ cần làm theo cách tốt nhất mình biết và nói ra sự thật. Ông ấy bảo không có gì giúp tinh thần yên ổn bằng việc thức dậy buổi sáng mà không phải bận tâm nghĩ mình là ai. Và nếu bạn làm chuyện sai trái, chỉ cần đứng dậy nói tôi đã làm chuyện ấy và nói tôi lấy làm tiếc, rồi cho nó qua đi. Đừng để nhiều chuyện vương bận quanh mình. Tôi nghĩ trong thời buổi này cung cách ấy nghe đơn giản quá. Thậm chí

đôi với tôi. Càng có thêm lý do để suy nghĩ về nó. Ông ấy ít nói nên tôi thường nhập tâm những gì ông nói. Và tôi còn nhớ ông ấy không kiên nhẫn lắm để dạy bảo hai lần, thế nên tôi phải biết cách lắng nghe lần đầu tiên. Lúc còn trẻ hẳn tôi đã không làm theo vài điều ông dạy, nhưng khi trở lại con đường ấy tôi quyết định không bỏ cuộc và tôi đã không bỏ cuộc. Còn sự thật thì luôn đơn giản. Lúc nào cũng phải thế. Cần phải đơn giản để một đứa trẻ hiểu được. Nếu không thì sẽ quá muộn. Đến lúc bạn hiểu ra được thì là quá muộn.

Chigurh đứng trước quầy lễ tân, mặc bộ đồ vét và thắt cà-vạt.

Cô lễ tân hỏi: “Ông đánh vần tên ông thế nào?”

Hắn đánh vần cho cô.

“Có phải ông ấy đang chờ ông không?”

“Không. Không phải. Nhưng ông ấy sẽ vui mà gặp tôi.”

“Xin chờ một phút.”

Cô gọi máy cho phòng bên trong. Im lặng. Rồi cô gác máy, nói: “Mời ông vào.”

Hắn mở cánh cửa bước vào. Người đàn ông ngồi ở bàn giấy đứng lên nhìn hắn. Hắn bước vòng quanh bàn giấy, chìa bàn tay ra. Người đàn ông nói: “Tôi biết tên người ấy.”

Hai người ngồi xuống ghế bành đặt ở góc phòng. Chigurh đặt chiếc cặp da lên bàn cà-phê và gật đầu chỉ cho ông. Hắn nói: “Đó là cho ông.”

“Cái gì thế?”

“Một món tiền thuộc về ông.”

Người đàn ông ngồi nhìn chiếc cặp. Rồi ông đứng dậy, đi đến bàn giấy, cúi người nhấn một cái nút. Ông nói: “Có ai gọi đến thì bảo họ gọi lại sau.”

Ông quay người, đặt hai tay lên mặt bàn sau lưng, nghiêng người ra sau và quan sát Chigurh. Ông hỏi: “Làm thế nào anh tìm ra tôi?”

“Việc này có tạo khác biệt gì không?”

“Khác biệt đối với tôi.”

“Ông không cần phải lo lắng. Không có ai khác đến đây.”

“Làm sao anh biết?”

“Bởi vì tôi là người giải quyết việc ai đến được và ai không đến được. Tôi nghĩ chúng ta nên bàn trực tiếp vấn đề. Tôi không muốn mất nhiều thời giờ mà cố trấn an ông. Tôi nghĩ việc đó là vô ích và chẳng được khen ngợi gì cả. Thế thì nên nói chuyện tiền bạc.”

“Được rồi.”

“Thiếu một khoản tiền. Chừng một trăm ngàn đô. Một phần bị lấy trộm và một phần để trả các chi phí của tôi. Tôi phải khổ nhọc thu hồi tài sản của ông thế nên tôi không thích bị xem là người mang tin xấu đến cho ông. Có hai triệu ba trong chiếc cặp này. Tôi lấy làm tiếc không thể thu hồi tất cả, nhưng ông có khoản này.”

Người đàn ông không cử động. Sau một lúc, ông nói: “Anh là ai?”

“Tên tôi là Anton Chigurh.”

“Tôi biết rồi.”

“Vậy thì tại sao ông còn hỏi?”

“Anh muốn gì? Đó là câu hỏi của tôi.”

“À, tôi muốn nói mục đích tôi đến đây là để chứng tỏ tôi ngay tình. Như là một người chuyên làm công tác khó khăn. Như là người có thể hoàn toàn tin cậy được và hoàn toàn chân thật. Đại loại như thế.”

“Người mà tôi có thể cộng tác làm ăn.”

“Đúng.”

“Anh tỏ ra nghiêm túc.”

“Hoàn toàn nghiêm túc.”

Chigurh nhìn người đàn ông. Hắn nhìn đồng tử ông mở ra và động mạch cổ ông rung động. Nhịp thở của ông. Lúc mới đặt hai bàn tay lên mặt bàn phía sau lưng, ông có vẻ thanh thản phần nào. Ông vẫn còn giữ tư thế ấy nhưng không còn thanh thản nữa.

“Không có bom trong chiếc cặp đó chứ?”

“Không. Không có bom.”

Chigurh tháo lỏng hai sợi dây buộc, mở hai chốt cài, nhấc nắp lên và nghiêng chiếc cặp da về phía ông.

Người đàn ông nói: “Được. Anh để nó qua một bên.”

Chigurh đóng chiếc cặp lại. Người đàn ông đứng thẳng người lên. Ông lấy mu bàn tay chùi miệng.

Chigurh nói: “Tôi nghĩ ông cần rà soát làm thế nào mà ông bị mất khoản tiền này. Rà soát người báo tin cho ông và những chuyện gì xảy ra kế tiếp.”

“Vâng. Ta không thể nói chuyện ở đây.”

“Tôi hiểu. Dù sao chẳng nữa, tôi nghĩ ông không thể tiếp thu tất cả ngay lúc này. Sau hai ngày nữa, tôi sẽ gọi lại cho ông.”

“Được rồi.”

Chigurh đứng lên. Người đàn ông gật đầu ra dấu về chiếc cặp da. Ông nói: “Với món đó, anh có thể làm được nhiều việc.”

Chigurh mỉm cười. Hắn nói: “Ta có nhiều chuyện phải bàn. Bây giờ ta sẽ phải đối phó với những người mới. Sẽ không còn có vấn đề gì nữa.”

“Chuyện gì đã xảy ra với những người cũ?”

“Họ đã chuyển qua những chỗ khác. Không ai thích hợp với loại

công việc này. Khi có nhiều lợi lộc, người ta thường phóng đại năng lực của mình. Họ làm như thể mình kiểm soát được mọi tình hình nhưng sự thực có lẽ không đúng. Và khi có người va vào tình thế khó khăn thì luôn luôn bị kẻ thù chú ý. Hoặc muốn làm hại họ.”

“Còn anh? Những kẻ thù của anh thì sao?”

“Tôi không có kẻ thù. Tôi không cho phép chuyện như vậy.”

Hắn nhìn quanh. “Văn phòng trông được lắm. Khiêm tốn.” Hắn hất hàm chỉ một bức tranh trên tường. “Đó là nguyên bản phải không?”

Người đàn ông nhìn bức tranh. Ông nói: “Không. Không phải nguyên bản. Nhưng tôi có nguyên bản. Tôi cất trong hầm.”

Chigurh nói: “Rất hay!”

Lễ tang được cử hành vào một ngày lạnh lẽo và gió lộng tháng Ba. Cô đứng kế bên người em gái của bà ngoại cô. Chồng của người em gái ngồi trên một chiếc xe lăn trước mặt cô, lấy tay chống cằm. Bà ngoại cô có nhiều thân hữu hơn là cô nghĩ. Cô ngạc nhiên. Họ đến dự lễ tang với tấm voan đen che mặt. Cô đặt bàn tay lên vai ông cậu; ông choàng tay qua ngực vỗ lấy tay cô. Cô đã nghĩ có lẽ ông đang ngủ gục. Trong khi ngọn gió thổi và vị mục sư phát biểu, cô có cảm giác ai đấy đang quan sát mình. Hai lần, cô nhìn quanh.

Khi cô về nhà thì trời đã tối. Cô đi vào gian bếp, đặt ấm nước lên đun, rồi đến ngồi ở bàn ăn. Trước đây cô đã không muốn khóc. Bây giờ cô khóc. Cô vùi mặt vào hai cánh tay gấp lại. Cô kêu lên: “Ôi, Mẹ ơi!”

Khi cô lên tầng trên và bật đèn trong phòng ngủ, Chigurh ngồi ở chiếc bàn nhỏ đang đợi cô.

Cô đứng ở khung cửa, cánh tay từ công-tắc điện chầm chậm buông thông xuống. Hắn không hề cử động. Cô đứng đấy, tay cầm chiếc mũ của mình. Cuối cùng, cô nói: “Tôi biết chuyện này vẫn chưa chấm dứt.”

“Cô gái thông minh.”

“Tôi không có giữ nó.”

“Giữ cái gì?”

“Tôi cần ngồi xuống.”

Chigurh hất hàm về phía chiếc giường. Cô ngồi, đặt chiếc mũ xuống kế bên rồi lại nhấc lên và áp vào người.

Chigurh nói: “Muộn rồi.”

“Tôi biết.”

“Cái gì mà cô không giữ?”

“Tôi nghĩ ông biết tôi nói gì.”

“Cô có bao nhiêu?”

“Tôi không có gì cả. Tôi đã có khoảng bảy nghìn đô và tôi có thể nói cho ông biết tôi đã chi hết số tiền đó từ lâu và bây giờ còn nhiều hóa đơn chưa thanh toán. Hôm nay tôi vừa chôn cất mẹ tôi. Tôi cũng chưa trả phí tổn cho việc này.”

“Tôi không lo lắng về chuyện đó.”

Cô nhìn đến bàn ngủ.

Hắn nói: “Không có ở đó.”

Cô gục người về phía trước, giữ chiếc mũ trên tay. Cô nói: “Ông không có lý do gì mà làm hại tôi.”

“Tôi biết. Nhưng tôi phải giữ lời.”

“Giữ lời?”

“Đúng. Số phận chúng ta ở đây là do người chết định đoạt. Trong trường hợp này, đó là chồng cô.”

“Việc này chẳng có lý gì cả.”

“Tôi e rằng có lý.”

“Tôi không giữ món tiền ấy. Ông biết là tôi không giữ.”

“Tôi biết.”

“Ông giữ lời với chồng tôi mà giết tôi?”

“Đúng.”

“Anh ấy đã chết. Chồng tôi đã chết.”

“Đúng. Nhưng tôi không chết.”

“Ông không nợ nần gì với người chết.”

Chigurh khẽ nghiêng đầu: “Không hả?”

“Ông mang nợ sao được?”

“Sao lại không được?”

“Họ đã chết.”

“Đúng. Nhưng lời tôi cam đoan thì không chết. Không gì thay đổi được.”

“Ông có thể thay đổi.”

“Tôi không nghĩ thế. Ngay cả kẻ vô thần cũng có thể thấy hữu ích mà làm giống như Thượng đế. Đúng ra là rất hữu ích.”

“Ông chỉ là kẻ báng bố.”

“Nói nặng đó! Nhưng chuyện gì đã định đoạt rồi thì không gỡ ra được. Tôi nghĩ cô hiểu điều đó. Cô có thể đau khổ mà biết rằng chồng cô đã có cơ hội để cứu cô khỏi hiểm nguy, nhưng anh ấy đã không làm như vậy. Anh ấy đã có sự lựa chọn và câu trả lời của anh ấy là từ chối. Nếu không thì bây giờ tôi đã không đến đây.”

“Ông định giết tôi?”

“Tôi lấy làm tiếc.”

Cô đặt chiếc mũ xuống mặt giường, quay người nhìn qua khung cửa sổ. Tán lá xanh non trong ánh sáng đèn đường lay động qua lại trong ngọn gió đêm. Cô nói: “Tôi không biết mình đã làm nên tội tình gì. Tôi thật sự không biết.”

Chigurh gật đầu. Hắn nói: “Có lẽ cô biết. Mọi chuyện đều có lý do của nó.”

Cô lắc đầu. “Đã bao lần tôi nói rồi. Tôi sẽ không nói nữa.”

“Cô đã mất niềm tin.”

“Tôi đã mất nhiều thứ mình có. Chồng tôi có muốn giết tôi hay sao?”

“Có. Còn điều gì khác cô muốn nói không?”

“Nói với ai?”

“Tôi là người duy nhất ở đây.”

“Tôi không có gì để nói với ông.”

“Cô sẽ ổn thôi. Cố đừng lo lắng về chuyện này.”

“Cái gì?”

“Tôi thấy thái độ của cô. Cô biết mà, dù tôi là loại người thế nào

chẳng nữa thì cũng không có gì khác biệt. Cô không nên sợ hãi thêm về cái chết bởi vì cô nghĩ tôi là người xấu.”

“Khi tôi thấy ông ngồi đó, tôi đã biết ông là người điên rồ. Tôi biết rõ số phận của mình. Ngay cả khi tôi không thể nói ra.”

Chigurh mỉm cười. Hăn nói: “Khó mà hiểu chuyện này. Tôi thấy người ta cứ vật vã. Thái độ của họ. Cách họ lặp đi lặp lại một chuyện.”

“Họ nói gì?”

“Họ nói: ông không cần phải làm việc này.”

“Ông không cần.”

“Nhưng chẳng ích gì, phải không?”

“Phải.”

“Thế thì tại sao cô lại nói?”

“Trước đây tôi chưa từng nói thế.”

“Ai cũng như cô.”

“Chỉ có tôi. Không ai khác.”

“Đúng. Dĩ nhiên.”

Cô nhìn khẩu súng. Cô quay mặt đi. Cô ngồi gục đầu, hai vai run rẩy. Cô kêu lên: “Ôi, Mẹ ơi!”

“Cô không có lỗi gì cả trong chuyện này.”

Cô lắc đầu, rấm rứt khóc.

“Cô chẳng làm gì cả. Chỉ là do vận rủi.”

Cô gật đầu.

Hăn nhìn cô, tay chống cằm. Hăn nói: “Được rồi. Đây là việc tốt

nhất mà tôi làm được.”

Hắn duỗi chân ra, cho tay vào túi lấy ra một đồng xu và giơ lên. Hắn xoay xoay đồng xu. Để cô thấy công lý của đồng xu. Hắn giữ đồng xu giữa ngón cái và ngón trỏ rồi tung lên, nắm bắt lấy và giấu trên cổ tay. Hắn ra lệnh: “Đoán sắp ngựa đi.”

Cô nhìn hắn, nhìn cổ tay giơ lên. Cô hỏi: “Cái gì?”

“Đoán đi.”

“Tôi không muốn đoán.”

“Cô muốn mà. Đoán đi.”

“Chúa không muốn tôi chơi trò sắp ngựa.”

“Dĩ nhiên là muốn. Cô phải cố cứu lấy mình. Đoán đi. Đây là cơ hội cuối cùng dành cho cô.”

Cô nói: “Ngựa.”

Hắn nhấc bàn tay ra. Đồng xu lộ mặt sấp.

“Tôi lấy làm tiếc.”

Cô không đáp.

“Có lẽ tốt nhất là thế.”

Cô quay mặt đi. “Ông xem chuyện này giống như đồng xu. Nhưng chính ông là đồng xu.”

“Nó có thể cho mặt này hay mặt khác.”

“Đồng xu không quyết định. Chỉ là do ông.”

“Có lẽ. Nhưng hãy xem đó là cách của tôi. Tôi quyết định theo cách đồng xu chỉ ra.”

Cô ngồi khóc rầm rức. Cô không đáp.

“Đối với những việc cùng chung số phận thì có cùng chung con đường. Không phải lúc nào cũng dễ thấy. Nhưng nó là như vậy.”

Cô nói: “Mọi chuyện tôi đã từng nghĩ đến thì đều xảy ra ngược lại. Tôi không thể đoán ra cuộc đời mình như thế nào. Không đoán được một phần nào của cuộc đời này.”

“Tôi biết.”

“Ông không muốn tha cho tôi?”

“Tôi không quyết định chuyện này. Mỗi khoảnh khắc trong đời cô là một biến chuyển và mỗi biến chuyển có sự chọn lựa. Ở đâu đó cô đã chọn lựa. Tất cả đều đi theo chọn lựa này. Sự tính toán đều chi li. Số phận đã được vạch ra. Không xóa được gì. Tôi không tin cô có khả năng lật đồng xu theo ý mình. Cô làm sao được? Con đường mỗi người đi qua trong đời ít khi thay đổi và càng ít khi thay đổi bất ngờ. Đường đi của cô đã được vạch ra từ lúc đầu.”

Cô ngồi khóc rấm rứt. Cô lắc đầu.

“Tuy vậy, dù cho tôi có bảo cô sự thể sẽ kết thúc ra sao, tôi nghĩ không quá đáng mà yêu cầu cô nên giữ hy vọng cuối cùng trong đời nhằm vực tinh thần cô lên trước khi bóng tối phủ xuống. Cô thấy không?”

Cô kêu lên: “Ôi Chúa tôi! Ôi Chúa tôi!”

“Tôi lấy làm tiếc.”

Cô nhìn hẩn lần cuối. Cô nói: “Ông không cần làm thế. Không cần. Không cần.”

Hẩn lắc đầu. “Cô đòi hỏi tôi phải trở nên yếu hèn, đó là điều tôi không bao giờ muốn. Tôi chỉ có một đường sống. Không cho phép

trường hợp đặc biệt. Có thể là trò đồng xu sắp ngửa. Trong trường hợp này là vì mục đích nhỏ. Phần đông không tin rằng có người như tôi. Cô có thể thấy họ có vấn nạn như thế nào. Làm thế nào người ta có thể mong thắng thế cái gì đó trong khi phủ nhận sự hiện diện của nó? Khi tôi đi qua đời cô thì xem như đời cô chấm dứt. Có hồi bắt đầu, hồi trung chuyển và hồi kết cục. Đây là hồi kết cục. Cô có thể muốn nói rằng sự việc đáng lẽ phải khác đi. Rằng người ta có thể có cách khác. Nhưng có nghĩa lý gì? Không có cách khác. Chỉ có cách này. Cô yêu cầu tôi thay đổi thế giới. Cô thấy không?"

Cô vừa nói vừa nức nở: "Vâng. Tôi thấy. Tôi thật sự thấy."

Hắn nói: "Tốt. Thế là tốt." Rồi hắn bắn cô.

Chiếc xe đụng phải Chigurh ở giao lộ cách ngôi nhà ba góc phố là chiếc Buick cũ mười năm đã vượt đèn đỏ. Không có dấu phanh trên mặt đường, và chiếc ô tô không hề phanh lại. Chigurh không bao giờ cài dây an toàn khi lái xe trong thành phố bởi vì như thế gây nhiều rủi ro khác cho hắn. Mặc dù hắn đã thấy chiếc xe đang phóng đến và đã nhảy qua băng ghế kế bên, lườn xe bên tay lái vẫn bị đâm bẹp vào khiến cho cánh tay hắn gãy ở hai chỗ, vài xương sườn cũng bị gãy, đầu và chân bị nhiều vết cắt. Hắn bò ra khỏi xe, đi loạng choạng đến lề đường, ngồi trên bãi cỏ và nhìn xuống cánh tay. Xương nhô lên qua da. Không ổn. Một phụ nữ đang mặc bộ đồ ngủ vừa chạy đến vừa la hét.

Máu tiếp tục chảy xuống đôi mắt, nhưng hắn cố định thần suy nghĩ. Hắn xoay cánh tay để xem máu chảy như thế nào. Xem có động mạch lớn bị vỡ không. Hắn nghĩ là không. Đầu hắn đang vang

ong ong. Không cảm thấy đau. Chưa đau.

Hai đứa con trai đang đứng nhìn hấn.

“Ông có sao không?”

Hấn nói: “Được, không sao. Để tôi ngồi đây một chốc.”

Một chiếc xe tải thương đang chạy đến từ xa. Có người nào ở đâu đấy đã đi gọi.

“Được rồi.”

“Ông chắc ổn chứ?”

Chigurh nhìn hai đứa con trai. Hấn hỏi: “Em lấy bao nhiêu cho cái áo đó?”

Hai đứa nhìn nhau. “Cái áo nào?”

“Cái áo chết tiệt nào cũng được. Bao nhiêu?”

Hấn duỗi chân ra, tay mò trong túi quần và móc ra xấp giấy bạc. “Tôi cần cái gì đó để băng đầu và cần làm băng đeo cánh tay.”

Một trong hai đứa con trai bắt đầu cởi cúc áo. “Này ông, tại sao ông không nói ngay? Tôi cho ông áo tôi.”

Chigurh đón lấy chiếc áo, dùng răng xé dọc làm hai mảnh. Hấn quấn một mảnh quanh đầu như băng y tế, rồi xoắn mảnh kia làm thành một băng đeo và luồn cánh tay vào.

Hấn nói: “Cột lại cho tôi.”

Hai đứa nhìn nhau.

“Cứ cột lại.”

Đứa con trai mặc áo thun bước đến, quỳ xuống và cột lại băng đeo. Nó nói: “Tay ông bị thương nặng.”

Chigurh rút một tờ từ xấp giấy bạc, đút xấp còn lại vào túi, gio tờ giấy bạc ra.

“Này, ông ơi. Tôi chỉ muốn giúp đỡ. Số tiền này là quá nhiều.”

“Cứ cầm lấy. Cầm lấy rồi em quên tôi có hình dạng ra sao. Em nghe không?”

Đứa con trai nhận tờ giấy bạc. “Được, thưa ông.”

Hai đứa nhìn theo hắn đi dọc vỉa hè, có phần khập khễnh. Một đứa nói: “Một phần tiền là của tao.”

“Mày vẫn còn cái áo chết tiệt đó.”

“Nó không được tính tới.”

“Có thể, nhưng tao lại không có áo.”

Hai đứa con trai bước ra đường nơi hai chiếc xe đang tỏa hơi nước. Các ngọn đèn đường đang tỏa sáng. Khi hai đứa đi qua cánh cửa đang mở của xe Chigurh, đứa đang mặc áo thun kéo đứa kia dừng lại. “Mày có thấy không?”

“Mẹ kiếp!”

Hai đứa thấy khẩu súng lục của Chigurh nằm trên sàn xe. Có tiếng còi hụ từ đằng xa. Một đứa nói: “Lấy đi.”

“Tại sao lại là tao?”

“Tao không có áo để che. Lấy đi. Nhanh lên.”

Bell bước lên ba bậc cầu thang gỗ, đi đến gõ nhẹ cánh cửa. Ông giờ mũ ra, lấy tay áo lau trán rồi đội mũ lại.

Một giọng nói cất lên: “Vào đi.”

Ông mở cánh cửa, bước vào trong bóng tối lạnh lẽo. “Chú Ellis?”

“Chú ở đây. Đi vào phía sau.”

Ông bước qua gian bếp. Ông già đang ngồi trên chiếc ghế đặt kế bàn ăn. Căn phòng có mùi mỡ lợn cũ và mùi khói than củi ôi thiu phát ra từ lò nướng, pha trộn thoang thoảng mùi nước tiểu. Giống như mùi của mèo nhưng không hẳn là mùi mèo. Bell đứng ở khung cửa, giờ mũ ra. Ông già nhìn lên Bell. Một con mắt đục mờ vì bị ngã từ lưng ngựa nhiều năm trước. Ông nói: “Này, Ed Tom, chú không biết ai đến.”

“Chú thế nào?”

“Cứ nhìn chú thì rõ. Cháu vẫn khỏe chứ?”

“Vâng, thưa chú.”

“Ngồi xuống. Cháu uống cà phê không?”

Bell nhìn qua những món bữa bộn trên vải bàn. Những lọ thuốc. Những vụn bánh mỳ. Những tờ tạp chí nuôi ngựa. “Cảm ơn chú, cháu không uống.”

“Chú nhận một lá thư của vợ cháu.”

“Chú có thể gọi cô ấy là Loretta.”

“Chú biết. Cháu có biết cô ấy biên thư cho chú không?”

“Cháu được biết cô ấy biên thư cho chú một, hai lần.”

“Hơn cả một hoặc hai. Cô ấy biên thư khá thường xuyên. Cho chú biết tin tức gia đình.”

“Cháu không biết gì.”

“Cháu có thể ngạc nhiên.”

“Thế thì có gì đặc biệt về lá thư ấy?”

“Cô ấy chỉ nói cháu xin nghỉ việc, thế thôi. Ngồi xuống.”

Ông già không nhìn xem đứa cháu có ngồi xuống hay không. Từ cái túi thuốc lá, ông vắn một điếu. Ông vo đầu điếu thuốc trong miệng rồi bật lửa với cái Zippo đã sòn cho đến lớp đồng phía dưới. Ông ngồi hút, giữ điếu thuốc trong các ngón tay như cầm cây viết chì.

Bell hỏi: “Chú ổn chứ?”

“Chú ổn.”

Ông già kéo chiếc ghế qua một bên, nhìn Bell qua làn khói. “Chú phải nói là cháu trông già đi.”

“Cháu già thêm.”

Ông già gạt đầu. Bell kéo ra một chiếc ghế, ngồi xuống, đặt chiếc mũ lên mặt bàn. Bell nói: “Cháu muốn hỏi chú một việc.”

“Được thôi.”

“Điều tiếc nuối nhất trong đời chú là gì?”

Ông già nhìn Bell, dò xét câu hỏi. “Chú không biết. Chú không có nhiều tiếc nuối. Chú có thể tưởng tượng ra rất nhiều việc mà cháu có thể nghĩ làm cho người ta được vui hơn. Như là việc có thể đi đứng chỗ này chỗ nọ. Cháu có thể soạn ra một danh sách cho mình. Chú nghĩ vào lúc cháu đã trưởng thành cháu sẽ vui như cách được vui. Cháu sẽ có những lúc vui lúc buồn, nhưng cuối cùng cháu vẫn vui như ngày nào. Hoặc buồn như ngày nào. Chú biết có nhiều

người chẳng bao giờ thích ứng được với chuyện này.”

“Cháu hiểu ý chú.”

Ông già hút một hơi thuốc, “Nếu cái mà cháu muốn hỏi là cái khiến chú buồn nhất thì chú nghĩ cháu đã biết.”

“Vâng, thưa chú.”

“Đó không phải là chiếc ghế này. Đó không phải là con mắt này dưới vải che này.”

“Vâng, thưa chú. Cháu biết.”

“Cháu chọn con đường mà có lẽ cháu nghĩ mình ít nhất đã biết nó sẽ đi đến đâu. Nhưng có thể cháu không biết. Hoặc cháu đã bị lừa dối. Có lẽ lúc ấy không ai trách móc cháu. Nếu cháu xin thôi việc. Nhưng nếu sự thể có trở nên tồi tệ một chút hơn là cháu nghĩ, thì đấy lại là chuyện khác.”

Bell gật đầu.

“Chú nghĩ có nhiều việc mà tốt nhất là mình không nên thử nghiệm.”

“Cháu thấy đúng.”

“Chuyện gì đã khiến cho Loretta bỏ đi?”

“Cháu không biết. Cháu đoán mình đã làm chuyện gì đấy thật tồi tệ. Chắc chắn không phải vì có khó khăn. Cô ấy đã trải qua vài khó khăn.”

Ellis gật đầu. Ông gạt tàn thuốc vào cái lọ đặt trên bàn. “Chú tin lời cháu.”

Bell mỉm cười. Ông nhìn quanh. “Cà phê này mới pha phải không?”

“Chú nghĩ còn uống được. Chú thường pha cà phê mới mỗi tuần dù cho còn cà phê cũ.”

Bell lại mỉm cười, đứng dậy, cầm máy pha cà phê đến cắm điện.

Hai người ngồi ở bàn ăn, uống cà phê trong những chiếc cốc sành rạn đã được dùng từ trước khi Bell sinh ra. Ông nhìn chiếc cốc và nhìn quanh gian bếp. “À, cháu thấy có nhiều thứ vẫn không thay đổi.”

Ông già hỏi: “Thứ gì?”

“Cháu không biết.”

“Chú cũng không biết.”

“Chú có mấy con mèo?”

“Vài con. Tùy thuộc vào ý nghĩa ‘có’ của cháu. Vài con sống nửa hoang dã, mấy con còn lại sống ngoài vòng pháp luật. Chúng chạy ra khi nghe tiếng xe của cháu.”

“Chú có nghe tiếng xe không?”

“Sao cơ?”

“Cháu hỏi chú có... Chú đang trêu cháu!”

“Tại sao cháu có ý đó?”

“Đúng không?”

“Không. Chú thấy lũ mèo chạy tán loạn.”

“Chú muốn dùng thêm cà phê không?”

“Chú đủ rồi.”

Bell nói: “Người bắn chú đã chết trong tù.”

“Ở Angola. Ờ.”

“Chú sẽ làm gì nếu hắ được trả tự do?”

“Chú không biết. Không làm gì cả. Chẳng ích gì. Có ích lợi gì đâu. Chẳng gì cả.”

Bell nói: “Cháu có phần ngạc nhiên khi nghe chú nói thế.”

“Ed Tom, cháu đã quá mệt mỏi rồi. Khi cháu muốn vót vát lại những gì bị lấy đi thì có thêm nhiều thứ thoát ra khỏi cửa nhà. Sau một thời gian cháu chỉ còn lo băng bó cho vết thương thôi. Ông nội cháu không bao giờ nói chú đăng ký làm cảnh sát phụ tá với ông ấy. Chú tự mình làm thế. Có sao đâu, chú chẳng biết làm gì khác. Được trả lương như là người chăn bò. Dù sao chẳng nữa, khi gặp vận rủi thì cháu không hề biết nó đã cứu mình khỏi vận rủi nào tồi tệ hơn. Khi một cuộc chiến xảy ra thì chú còn quá trẻ, và với cuộc chiến kế tiếp thì chú đã quá già*. Nhưng chú đã nhìn thấy sự thể ra sao. Cháu không thể là người yêu nước mà vẫn tin rằng có vài thứ quá đắt giá so với giá trị đích thực. Hãy hỏi các Mẹ Sao Vàng* những gì họ đã mất và những gì họ được. Ta luôn luôn mất quá nhiều. Đặc biệt cho những lời hứa hẹn. Không có cái gì gọi là lời hứa được lợi. Cháu sẽ thấy. Có lẽ cháu đã thấy rồi.”

Bell không trả lời.

Người chú nhìn Bell. “Chú còn nhớ có lúc cháu đến thăm chú sau khi gia đình cháu dời đến Denton. Cháu bước vào nhìn quanh rồi hỏi chú định làm gì.”

“Đúng rồi.”

“Bây giờ cháu sẽ không hỏi chú, đúng không?”

Bell nói: “Có lẽ đúng.”

“Cháu sẽ không hỏi.”

Người chú hớp một ngụm cà phê đen khét lẹt.

Bell hỏi: “Có khi nào chú nghĩ về ông Harold không?”

“Harold hử?”

“Vâng.”

“Không nghĩ nhiều. Ông ấy có phần lớn tuổi hơn chú. Ông sinh năm chín mươi chín. Chú tin chắc thế. Điều gì khiến cho cháu nhớ đến Harold?”

Bell nói: “Cháu đang đọc vài bức thư của mẹ chú viết cho ông ấy, chỉ có thế. Cháu chỉ tự hỏi chú nhớ gì về ông ấy.”

“Có một lá thư nào của ông ấy không?”

“Không.”

“Cháu nên nghĩ về gia đình mình. Cố nhận ra ý nghĩ của tất cả sự kiện ấy. Chú biết chuyện gì xảy ra với mẹ chú. Bà ấy không bao giờ vượt qua được. Chú cũng không hiểu sự thể ra sao. Cháu có nhớ bài hát phúc âm đó không? Bài *We'll understand it by and by** ấy? Việc này cần nhiều đức tin. Cháu cứ nghĩ về việc ông ấy đi ra ngoài chiến trường kia* và chết trong một chiến hào ở đâu đó. Mười bảy tuổi. Cháu nói cho chú biết. Bởi vì chú chẳng biết gì cả.”

Bell nói: “Cháu nghe chú. Chú có muốn đi đâu không?”

“Chú không cần ai dìu mình đi đâu. Chú chỉ ngồi đây. Chú ổn thôi, Ed Tom ạ.”

“Thế là không có vấn đề.”

“Chú biết.”

Bell nhìn người chú. Ông già gạt tàn thuốc. Bell cố nghĩ về cuộc

đòi. Rồi ông cố không nghĩ nữa. “Chú đã không trở thành người vô thần, phải không chú Ellis?”

“Không. Không. Không có gì như thế.”

“Chú có nghĩ Chúa biết những gì đang xảy ra không?”

“Chú nghĩ Chúa biết.”

“Chú có nghĩ Chúa có thể chấm dứt chuyện ấy?”

“Không. Chú không nghĩ thế.”

Hai người ngồi im lặng. Sau một lúc, ông già nói: “Bà ấy nói có nhiều bức ảnh cũ và kỷ vật của gia đình. Hỏi phải làm gì với những thứ này. À, không có gì phải làm mà chú không nghĩ ra. Đúng không?”

Bell nói: “Đúng. Cháu không nghĩ ra việc gì.”

“Chú bảo bà ấy gửi huy hiệu Cinco Peso* cũ và khẩu súng trường cổ lỗ sĩ của ông Mac cho Lực lượng Đặc biệt. Chú nghĩ họ có một nhà bảo tàng. Nhưng chú không biết nói sao với bà ấy. Có nhiều món ở đây. Trong tủ áo đằng kia. Ngăn kéo đó chứa đầy giấy tờ.” Ông nghiêng chiếc cốc, nhìn vào đáy.

Bell nói: “Ông ấy không bao giờ đến Coffee Jack. Cái ông Mac ấy. Toàn là bọn lười thôi. Cháu không biết ai khởi đầu. Ông ấy bị bắn chết gần mái hiên nhà ở hạt Hudspeth.”

“Chú vẫn nghe chuyện này.”

“Khoảng bảy hoặc tám người bọn họ đi đến. Hạch sách cái này cái kia. Ông ấy đi vào nhà rồi trở ra với khẩu shotgun nhưng họ ra tay trước, bắn ông ấy ngay tại ngạch cửa. Bà ấy chạy ra, cố cầm máu. Cố kéo ông ấy vào nhà. Nói ông cố giữ lấy khẩu shotgun. Bọn

họ chỉ ngồi đẩy trên lưng ngựa. Cuối cùng bỏ đi. Cháu không rõ tại sao. Cháu nghĩ họ sợ cái gì đấy. Một người trong bọn họ nói gì đấy bằng tiếng người da đỏ, rồi tất cả bọn họ quay người bỏ đi. Họ không hề bước vào nhà. Bà ấy cố kéo ông ấy vào nhà nhưng ông người to lớn nên bà không có cách nào đỡ cho ông nằm trên giường. Bà cố làm một chỗ ngủ tạm trên sàn cho ông ấy. Không biết phải làm gì khác. Bà ấy luôn nói đáng lẽ phải để ông nằm đó và phi ngựa đi cầu cứu nhưng cháu không biết bà phải phi ngựa đi đâu. Ông ấy sẽ không để cho bà đi. Ít khi cho bà đi vào nhà bếp. Ông ấy bị bắn vào lá phổi bên phải. Chỉ có thế. Theo người ta nói.”

“Ông ấy chết lúc nào?”

“Ngày mười tám, năm bảy mươi chín.”

“Không, ý chú hỏi ngay lúc đó hay đêm ấy hay khi nào.”

Bell nói: “Cháu nghĩ đêm ấy. Hoặc sáng sớm. Bà ấy tự lo chôn cất ông. Cố đào xuống lớp đất vôi cứng ấy. Rồi bà chất đồ đạc lên xe goòng, buộc ngựa vào, chạy đi và chẳng bao giờ trở lại. Ngôi nhà ấy đã bị cháy vào lúc nào đó trong thập niên hai mươi. Nhưng không sụp đổ. Hôm nào cháu có thể dẫn chú đến đấy. Lúc ấy ống khói xây bằng đá vẫn còn đứng và có lẽ bây giờ vẫn còn. Đất chung quanh khá rộng. Tám hay mười lô, nếu cháu nhớ không lầm. Bà không thể trả thuế. Không thể bán. Chú còn nhớ bà ấy không?”

“Không. Chú thấy một tấm ảnh chụp chú và bà ấy khi chú lên bốn. Bà đang ngồi trên xích đu gần mái hiên còn chú đứng kế bên. Chú mong mình còn nhớ bà ấy, nhưng chú không nhớ.”

“Bà ấy không bao giờ tái hôn. Vài năm sau, bà làm giáo viên. San Angelo. Đất nước này khắc nghiệt với con người. Nhưng có vẻ như

họ không màng. Nghe lạ lùng. Hãy nghĩ về những gì đã xảy ra chỉ với một gia đình. Cháu không biết mình đang làm gì ở đây. Tất cả bọn trẻ. Thậm chí chúng ta không biết phân nửa trong số họ được chôn cất ở đâu. Người ta hẳn phải bắn khoản rằng như thế thì tốt lành ở chỗ nào. Làm thế nào người ta không nghĩ đất nước này phải giải đáp nhiều câu hỏi? Họ không nghĩ. Người ta có thể nói quốc gia chỉ là quốc gia, nó không tích cực làm gì cả, nhưng điều này không có nghĩa gì. Có một lần cháu thấy một người đàn ông lấy khẩu shotgun bắn chiếc xe bán tải của mình. Ông ấy có thể nghĩ nó đã làm gì đấy. Cái đất nước này có thể giết người như chớp mà người ta vẫn yêu mến nó. Chú hiểu cháu nói gì không?”

“Chú nghĩ chú hiểu. Cháu có yêu mến đất nước này không?”

Bell nói: “Cháu có thể nói là có. Nhưng cháu sẽ là người đầu tiên nói với chú rằng cháu dốt nát như là gỗ đá để chú đừng tin những gì cháu nói.”

Bell mỉm cười. Ông đứng dậy bước đến bồn rửa. Ông già quay nhẹ chiếc ghế để nhìn theo Bell. “Cháu làm gì đấy?”

“Cháu rửa mấy cái đĩa.”

“Cứ để đó, Ed Tom. Buổi sáng Lupe sẽ đến đây.”

“Chỉ mất một phút thôi.”

Nước chảy từ vòi là nước nhiễm thạch cao. Ông cho nước chảy đầy bồn rồi đổ vào một muống bột xà phòng. Rồi ông đổ thêm một muống.

Bell nói: “Cháu còn nhớ lúc trước chú có một cái TV ở đây.”

“Lúc trước chú có nhiều thứ.”

“Sao chú không cho cháu biết? Cháu sẽ tặng chú một cái.”

“Chú không cần.”

Bell nói: “Để chú đỡ buồn.”

“Nó không để cho chú yên. Chú ném nó đi rồi.”

“Chú không xem thời sự sao?”

“Không. Cháu có xem không?”

“Xem ít thôi.”

Bell tráng mấy chiếc đĩa, để cho ráo nước rồi đứng nhìn qua khung cửa sổ đến khoảnh sân nhỏ mọc đầy cỏ. Một nhà hun khói đồ nát. Một toa moóc ngựa kéo. Bell nói: “Lúc trước chú nuôi gà.”

Ông già đáp: “Ừ.”

Bell lau tay, trở về ngồi cạnh bàn. Ông nhìn người chú. “Chú đã từng làm việc gì mà chú cảm thấy xấu hổ đến nỗi chú không bao giờ nói cho ai nghe không?”

Người chú ngẫm nghĩ. “Chú phải nói là có. Chú có thể nói hầu như mọi người đều như thế. Cháu đã tìm thấy gì về chú?”

Bell nói: “Cháu nói nghiêm túc.”

“Được rồi.”

“Ý cháu nói là việc gì đấy tệ hại.”

“Tệ hại như thế nào?”

“Cháu không biết. Tệ hại đến nỗi chú cứ ray rút mãi.”

“Giống như việc gì đấy khiến cho mình có thể ngồi tù phải không?”

Bell nói: “À, có thể việc gì đấy như thế. Nhưng không nhất thiết

phải thế.”

“Chú phải suy nghĩ về việc này.”

“Không, chú không nghĩ.”

“Cháu muốn nói gì? Chú sẽ không mời cháu đến đây nữa.”

“Lần này chú có mời cháu đâu!”

“À, đúng thế.”

Bell ngồi chống khuỷu tay trên mặt bàn, hai bàn tay chắp lại với nhau. Người chú nhìn Bell. Ông nói: “Chú hy vọng cháu không định thú nhận một tội kinh khủng. Có thể chú không muốn nghe.”

“Chú có muốn nghe không?”

“Muốn. Nói đi.”

“Được rồi.”

“Đấy không phải là chuyện tình dục chứ?”

“Không.”

“Thế là tốt. Cứ nói đi.”

Bell nói: “Đấy là về chuyện trở thành một anh hùng chiến tranh.”

“Được rồi. Đấy là cháu phải không?”

“Phải. Chính là cháu.”

“Nói tiếp đi.”

Bell nói: “Cháu sẽ cố gắng kể. Đây là chuyện thực sự xảy ra. Chuyện khiến cho cháu nhận tám huân chương ấy.”

“Nói tiếp đi.”

“Chúng cháu ở vị trí tiền tiêu để theo dõi tín hiệu phát sóng, đang trú ẩn trong một trang trại. Chỉ là căn nhà xây bằng đá có hai

phòng. Chúng cháu đã ở đấy hai ngày và mưa không hề dứt. Mưa như trút nước. Chừng đến giữa ngày thứ hai, anh lính trực máy giò tai nghe ra, nói: Nghe này. Thế là chúng cháu lắng nghe. Khi có ai bảo nghe thì mình phải lắng nghe. Nhưng chúng cháu chẳng nghe được gì cả. Rồi cháu hỏi: Cái gì thế? Anh ta nói: Chẳng có gì cả.

“Cháu nói: Mày nói cái quái gì thế? Mày nghe được gì? Hấn nói: Ý tớ là mình không thể nghe gì cả. Nghe này. Và anh ta nói đúng. Không có âm thanh gì cả. Chỉ nghe tiếng mưa rơi. Và đấy gần như là sự việc cuối cùng mà cháu còn nhớ. Khi thức dậy cháu thấy mình đang nằm ngoài mưa và không biết nằm đấy đã bao lâu. Cả người cháu ướt sũng, lạnh buốt, hai tai ù cả lên, và khi ngồi dậy cháu thấy căn nhà đã biến mất. Chỉ còn lại một bức tường ở đầu cuối. Một quả đạn đã xuyên qua bức tường và bắn nát mọi thứ. Vậy mà cháu chẳng nghe gì cả. Cháu cũng chẳng nghe tiếng mưa rơi. Nếu có nói gì, cháu có thể nghe tiếng nói mình trong đầu nhưng chỉ có thế. Cháu đứng lên, đi đến vị trí căn nhà lúc trước. Có những mảng mái nhà vương vãi khắp nơi. Cháu thấy một người lính chúng cháu bị chôn vùi giữa đồng đá và gỗ. Cháu cố đào bới để xem có thể cứu anh ta lên được không. Cả đầu cháu cảm thấy tê liệt. Trong khi đang đào bới, cháu đứng lên thấy mấy tên lính Đức đang đi qua đồng cỏ. Bọn nó đã xuất hiện từ một bìa rừng cách gần hai trăm mét và đi qua đồng cỏ. Cháu gần như sững sờ. Cháu thụp xuống ẩn nấp gần bức tường, và cái đầu tiên mà cháu nhận ra là khẩu .30* của Wallace nhú lên giữa đồng gỗ. Loại súng này được làm nguội bằng không khí, có gắn một hộp đạn. Cháu dự tính nếu để chờ bọn Đức chạy đến gần, cháu có thể bắn bọn nó giữa đồng trống và bọn nó

không thể gọi pháo bắn quả thứ hai vì đã quá gần. Cháu bới móc và cuối cùng mang được khẩu súng ấy lên cùng với chân chống, rồi cháu tìm được thêm hộp đạn. Cháu đặt khẩu súng phía sau bức tường đó, phủi bụi đất khỏi nòng súng, lên cò, thế là sẵn sàng.

“Khó mà nói mấy viên đạn đã bắn trúng chỗ nào bởi vì mặt đất còn ướt, nhưng cháu biết mình bắn giỏi. Cháu bắn xong hai loạt đạn dài, rồi quan sát bên ngoài. Sau một, hai phút tĩnh lặng, một tên lính Đức nhảy lên cố chạy về bìa rừng, nhưng cháu đã chuẩn bị. Cháu làm cho bọn còn lại phải nằm bẹp dí, trong khi đó cháu nghe vài người chúng cháu rên rỉ. Cháu không biết sẽ làm gì khi đêm xuống. Và vì thế mà họ tặng thưởng cháu Huân chương Sao Bạc*. Ông thiếu tá gắn tấm huân chương cho cháu tên là McAllister, quê ở Georgia. Cháu nói với ông ấy mình không muốn nhận huân chương. Ông ấy ngồi đấy, bảo cháu: Tôi đang chờ anh nói cho tôi nghe lý do anh muốn từ chối một sự tưởng thưởng của quân đội. Thế là cháu kể cho ông ấy nghe. Khi cháu kể xong, ông ấy nói: Này Trung sĩ, anh phải nhận. Cháu đoán là vì họ muốn tuyên dương cho sự việc. Như thế tạo ý nghĩa gì đấy. Để che giấu việc gì đấy. Việc để mất vị trí đóng chốt. Ông ấy nói anh phải nhận, còn nếu anh lan truyền chuyện này thì tôi sẽ nghe được, khi ấy anh sẽ ước mình xuống địa ngục thì hay hơn. Rõ chưa? Cháu nói rõ. Câu chuyện là thế.”

“Thế là bây giờ cháu định kể cho chú nghe cháu đã làm gì.”

“Vâng, thưa chú.”

“Khi đêm xuống.”

“Khi đêm xuống. Thưa chú, đúng.”

“Cháu đã làm gì?”

“Cháu chạy trốn.”

Ông già ngẫm nghĩ. Sau một lúc, ông nói: “Chú phải nghĩ rằng đây có vẻ như là ý tưởng khá hay trong tình huống này.”

Bell nói: “Vâng, đúng thế.”

“Nếu cháu ở lại thì chuyện gì có thể đã xảy ra?”

“Bọn nó sẽ thừa đêm tối tiến đến ném lựu đạn lên cháu. Hoặc quay về để gọi pháo binh bắn thêm.”

“Ừ.”

Bell nhìn người chú. Ông già nói: “Chú không rõ cháu muốn hỏi chú điều gì.”

Bell nói: “Cháu cũng không rõ.”

“Cháu bỏ rơi các đồng đội.”

“Vâng.”

“Cháu không có chọn lựa nào khác.”

Bell nói: “Cháu có chọn lựa. Cháu có thể ở lại.”

“Cháu không thể giúp gì họ.”

Bell nói: “Có lẽ đúng. Cháu đã nghĩ đến việc mang khẩu .30 ra ngoài khoảng dăm ba chục mét rồi chờ cho đến khi bọn nó ném lựu đạn. Chờ cho bọn nó tiến đến. Cháu có thể hạ thêm một vài đứa. Ngay cả trong đêm tối. Cháu không biết. Cháu ngồi đấy mà chờ cho đêm xuống. Trời chiều đẹp. Lúc ấy trời khá trong. Mưa đã tạnh. Người ta đã trồng lúa mạch trên cánh đồng ấy và bây giờ chỉ còn những gốc rạ. Mùa thu trong năm. Cháu nhìn màn đêm buông xuống, và trong một thời gian cháu không còn nghe tiếng ai dưới

đống đổ nát. Có lẽ tất cả đã chết rồi. Nhưng lúc ấy cháu không rõ. Ngay khi đêm xuống, cháu bỏ đi. Thậm chí cháu không có súng phòng thân. Đương nhiên là cháu không muốn vác theo khẩu .30 ấy. Đầu cháu đã bết nhức và cháu có thể nghe một ít. Mưa đã tạnh nhưng cháu vẫn ướt đầm, lạnh run đến nổi hai hàm răng đánh lập cập. Cháu có thể nhận ra chòm sao Hùng tinh*, nên cháu đi về hướng tây càng xa càng tốt và tiếp tục đi. Cháu đi ngang qua một, hai ngôi nhà nhưng không trông thấy ai. Vùng này là bãi chiến trường. Người dân đã di tản. Khi trời sáng, cháu nằm nấp trong một cánh rừng. Ý cháu nói khi xưa là rừng. Cả vùng giống như là khu hỏa hoạn. Chỉ còn thân cây. Đêm kế tiếp, cháu đi đến một vị trí quân Mỹ còn khá nguyên vẹn. Cháu đã nghĩ sau nhiều năm, vị trí này đã biến mất. Không hiểu tại sao cháu lại nghĩ thế. Rồi cháu nghĩ mình có thể bịa chuyện, và cháu đã cố làm thế.”

Hai người ngồi im lặng. Sau một lúc, người chú nói: “Thật lòng mà nói, chú không thấy việc này là tồi tệ. Có lẽ cháu không nên quá khắt khe với chính mình.”

Bell nói: “Có lẽ. Nhưng cháu đã đi ra trận với lời thề xương máu là phải chăm sóc đồng đội, và cháu không hiểu tại sao mình không làm thế. Cháu muốn làm thế. Khi đối diện với tình huống như vậy, người ta phải dặn lòng là sẽ chịu trách nhiệm về hậu quả. Nhưng người ta không biết hậu quả sẽ là thế nào. Thế là người ta bị chất chứa nhiều chuyện trong lòng mà trước đó đã không tính đến. Nếu cháu có phải chết ở đấy sau khi đã làm theo lời thề thì cháu phải làm. Chú có thể nói theo ý mình, nhưng đấy là việc phải làm. Đáng lẽ cháu phải làm, nhưng cháu không làm. Và một phần trong tâm tư

cháu không ngừng thôi thúc cháu nên quay lại. Nhưng cháu đã không quay lại. Cháu đã không biết mình có thể đánh mất cuộc đời mình và cháu đã không biết rằng việc này không đem lại lợi ích gì lớn hơn so với việc đánh mất bất kỳ món nào khác. Cháu nghĩ mình đã làm việc tốt nhất theo cách mình biết, nhưng cách ấy vẫn không phải là theo bản chất cháu. Nó chẳng bao giờ là bản chất của cháu.”

Người chú ngồi im lặng hồi lâu. Ông ngồi hơi nghiêng người, nhìn xuống sàn. Rồi ông gật đầu. “Chú biết mình đã rõ chuyện này đang dẫn đến đâu.”

“Vâng, thưa chú.”

“Nếu là người khác, cháu nghĩ anh ta hẳn đã làm gì?”

Bell nói: “Cháu biết anh ta hẳn đã làm gì.”

“Ừ. Chú cũng biết.”

“Hẳn sẽ ngồi đấy cho đến khi lạnh cóng rồi ngồi tiếp trên mặt băng.”

“Cháu có nghĩ rằng làm thế sẽ khiến cho anh ta thành một con người tốt hơn cháu không?”

“Vâng, thưa chú. Cháu nghĩ thế.”

Ông già nói: “Chú có thể kể cho cháu đôi điều về con người như thế để cháu thay đổi ý nghĩ. Chú hiểu con người ấy khá rõ.”

“Thưa chú, cháu không tin chú có thể hiểu. Với tất cả lòng tôn trọng chú. Hơn nữa, cháu không tin chú sẽ hiểu.”

Ông già nói: “Chú không hiểu. Nhưng mà chú muốn nói rằng con người ấy sống trong thời đại khác. Nếu ông nội cháu sinh ra muộn năm mươi năm, ông ấy có thể nhìn sự việc theo cách khác.”

“Chú có thể nói thế, nhưng không một ai trong phòng này tin chú.”

“Ừ, có lẽ đúng.” Người chú nhìn lên Bell: “Cháu kể cho chú chuyện đó để làm gì?”

“Cháu nghĩ mình cần thổ lộ cho tâm tư được nhẹ nhõm.”

“Cháu đã chờ quá lâu rồi mới nói ra.”

Bell nói: “Đúng, thưa chú. Có lẽ cháu cần lắng nghe chính mình. Cháu không phải là người thuộc về ngày xưa cũ như họ nói. Cháu muốn được thế. Nhưng cháu là người của thời đại này.”

“Hoặc đấy chỉ là cách tập sống.”

“Có lẽ.”

“Cháu định kể với vợ cháu chứ?”

“Vâng, thưa chú. Cháu sẽ kể.”

“Tốt.”

Bell hỏi: “Chú nghĩ vợ cháu sẽ nói gì?”

“À, chú mong cháu sẽ thoát ra khỏi tình cảnh này và cảm thấy nhẹ nhõm hơn.”

“Vâng, thưa chú. Cháu thật lòng mong như thế.”

Chương X

Người chú đã nói tôi quá khắt khe với chính mình. Nói đấy là dấu hiệu của sự già cỗi. Cố chu toàn mọi việc. Tôi nghĩ có phần nào sự thật. Nhưng không phải là tất cả sự thật. Tôi đồng ý với người chú rằng không có nhiều điều tốt đẹp để nói về tuổi già. Ông nói ông biết một điều và tôi hỏi điều gì. Tôi chờ cho ông mỉm cười nhưng ông không cười. Tôi nói như thế thì nản quá! Ông bảo không nản hơn là chính sự việc buồn nản. Thế thì nội vụ là như thế nào? Dù sao chẳng nữa, tôi biết ông ấy sẽ nói gì. Nói rằng ta phải quan tâm đến người khác và giúp đỡ dân gánh nặng cho họ. Ngay cả khi phải tự quyết. Có một điều khác trong tâm trí tôi mà tôi không bao giờ dứt bỏ được nhưng tôi nghĩ nó có liên quan, bởi vì tôi tin rằng trong cuộc đời con người ta làm việc gì thì việc đó sẽ quay lại vận vào mình. Nếu ta còn sống lâu thì nó sẽ vận vào ta. Và tôi không thể nghĩ ra lý do nào cái tên cô gái ấy muốn giết cô gái. Cô đã làm gì hấn? Sự thật là đáng lẽ tôi không nên đi lên đó. Bây giờ người ta đã bắt giam cái tên Mế ở Huntsville vì tội bắn chết một hiến binh* và đốt cháy chiếc xe của ông ấy, mà tôi không tin hấn đã làm các việc này. Nhưng vì vụ này mà hấn sẽ bị án tử hình. Thế thì trách nhiệm của tôi là gì? Tôi nghĩ giống như mình đã chờ đợi cho chuyện như thế này qua đi bằng cách nào đấy, và dĩ nhiên nó không qua đi. Tôi nghĩ mình đã biết điều này khi nó mới khởi đầu. Tôi có linh cảm như thế. Giống như tôi đang mang ma túy vào một khu vực nơi mà đường về sẽ êm xuôi.

Khi ông ấy hỏi tôi tại sao sau nhiều năm, bây giờ chuyện này xuất hiện, thì tôi trả lời rằng nó đã hiện diện từ lâu. Chỉ có điều là tôi đã phớt lờ nó. Nhưng ông ấy nói đúng, nó không xuất hiện. Tôi nghĩ đôi lúc người ta

muốn rằng thà có một câu giải đáp tồi tệ về sự việc hơn là không có câu giải đáp nào cả. Khi tôi nói nó đã định hình theo cách tôi đã không đoán ra, thì ông ấy cũng nói đúng. Đây giống như là một cầu thủ bóng đá có lúc nói với tôi rằng nếu anh ta bị chấn thương nhẹ và anh không cảm thấy đau đớn lắm, thì thường anh chơi hay hơn. Tôi ghi nhớ điều này trong lòng để chú tâm vào một việc thay vì một trăm việc. Tôi có thể hiểu điều này. Không phải là nó thay đổi tất cả.

Tôi nghĩ nếu mình sống cuộc đời mình theo cách chặt chẽ nhất mà tôi biết lúc ấy, thì tôi sẽ không bao giờ bị dẫn vật như thế này. Tôi đã nói rằng lúc đó tôi hai mươi một tuổi và tôi được phép lầm lỗi một lần, đặc biệt nếu tôi có thể rút tĩa bài học từ việc này và trở thành một mẫu người theo ý tôi mong mỏi trong đầu. À, tôi đã sai lầm về điều này. Bây giờ tôi định thôi việc, và một phần lý do là vì tôi biết rằng mình sẽ không được điều động để săn lùng cái tên ấy. Tôi đoán hẳn là đàn ông. Vì thế bạn có thể bảo tôi rằng tôi đã chẳng thay đổi tí nào, và tôi biết mình không được tranh luận về việc này. Ba mươi sáu năm. Quả là đau xót khi nhận ra.

Ông chú tôi còn nói đến một việc khác. Bạn hẳn nghĩ một người sau khi đã chờ đợi khoảng tám mươi năm để Chúa đến mang ông đi, thì Chúa sẽ đến. Nếu Chúa không đến, bạn hẳn sẽ nghĩ ra rằng Chúa biết mình phải làm gì. Tôi không biết diễn tả với bạn cách khác ra sao về Chúa. Thế là bạn lâm vào tình cảnh là những người được Chúa ban ơn lại là những người ít cần được ban ơn nhất. Đây là điều khó được chấp nhận. Đặc biệt khi nó áp dụng với một người như Loretta. Nhưng rồi có thể tất cả chúng ta đã cầu xin một cách sai lạc. Luôn là thế.

Những lá thư bà dì Carolyn viết cho người ông Harold. Lý do bà có được những lá thư này là vì người ông lưu giữ. Bà là người nuôi nấng

Harold và bà giống như là mẹ của ông. Mấy lá thư này đã nhàu nát, các góc cong vênh lên, phủ đầy bùn. Chuyện về các mấy lá thư này. À, một điều mà bạn có thể nhận ra, rằng họ chỉ là những người dân dã. Tôi nghĩ ông ấy chưa từng ra khỏi hạt Irion, đừng nói chi đến bang Texas. Một phần các lá thư này cho bạn biết rằng cái thế giới mà bà muốn ông ấy trở về thì không hiện hữu ở đây. Bây giờ dễ thấy. Chừng sáu mươi năm đã qua. Nhưng họ đã không nhận ra gì cả. Bạn có thể nói mình ư hay không ư chuyện ấy, nhưng nó chẳng thay đổi gì cả. Hơn một lần tôi đã bảo những phụ tá của mình rằng họ cứ sửa đổi những gì có thể sửa đổi và để cho những chuyện khác qua đi. Nếu ta không thể làm gì được thì đây không phải là vấn nạn. Đây chỉ là một sự trầm trọng. Và sự thật là tôi không hiểu gì về cái thế giới đang thành hình ở đây hơn là người ông Harold đã hiểu.

Dĩ nhiên là cuối cùng người ông Harold đã không bao giờ trở về nhà. Không có gì trong các lá thư ấy cho biết bà đã tính đến khả năng này.

Nhưng mà, bạn biết bà đã tính đến. Có điều bà không nói gì với người ông Harold.

Dĩ nhiên là tôi vẫn còn giữ tấm huân chương ấy. Nó được đựng trong một chiếc hộp hoa mỹ với dải băng và đủ thứ khác. Trong nhiều năm tôi giữ tấm huân chương ở văn phòng, rồi ngày nọ tôi mang nó ra đặt trong ngăn kéo ở bàn phòng ngủ để tôi không phải nhìn đến nó. Nó vẫn ở đấy. Nhưng người ông Harold không có huân chương. Ông ấy trở về nhà trong áo quan bằng gỗ. Tôi tin rằng không có những Mẹ Sao Vàng trong Thế chiến thứ Nhất*, nhưng nếu có thì bà Carolyn không được phong tặng như thế bởi vì bà không phải là mẹ ruột của ông bác Harold. Nhưng đáng lẽ bà phải được phong tặng. Bà cũng không hề nhận lương hưu chiến tranh của

ông bác Harold.

Thế đấy. Tôi đã trở lại nơi chốn đó một lần nữa. Tôi bước trên mảnh đất ấy, và không có dấu hiệu nhiều cho thấy chuyện gì đã xảy ra ở đó. Tôi đứng ở đó một hồi lâu và tôi nghĩ về nhiều điều. Đây là một ngày ấm áp thỉnh thoảng xảy ra trong mùa đông. Có một chút gió. Tôi vẫn hằng nghĩ hẳn là có cái gì đó về vùng đất này. Tương tự như cách chú Ellis đã nói. Tôi nghĩ về gia đình mình, về người chú ở nơi kia ngồi trên xe lăn trong ngôi nhà cũ kỹ, và tôi có cảm tưởng như đất nước này có một thứ lịch sử kỳ lạ và cũng là lịch sử nhuộm máu chết tiệt. Bất kỳ nơi nào bạn còn màng nhìn đến. Tôi có thể bước lùi lại và cười nhạo về những ý nghĩ ấy, nhưng tôi vẫn suy nghĩ. Tôi không biện minh cho cách suy nghĩ của mình. Không còn biện minh nữa. Tôi nói chuyện với con gái mình. Bây giờ nó ba mươi tuổi. Được thôi. Tôi không màng cái tuổi đó nói lên điều gì. Tôi biết rằng trong nhiều năm tôi đã cho con gái quả tim mà tôi luôn muốn dành cho mình, như thế là được. Vì thế mà tôi lắng nghe con gái. Tôi biết mình luôn nhận được điều tốt lành nhất từ con gái. Nó không bị vướng vào sự dốt nát của tôi hoặc tính hèn hạ của tôi. Tôi biết điều đó nói lên cái gì, và tôi phải nói rằng tôi không màng. Tôi không bao giờ kể cho vợ tôi nghe, tuy chúng tôi không giữ nhiều bí mật cho riêng mình. Tôi không nghĩ Loretta nói tôi điên rồ, nhưng người khác có thể nghĩ. Ed Tom? Ừ, họ đã phải tuyên thệ trên tờ cung khai điên rồ. Tôi nghĩ họ đã lén mớm cung cho anh kia. Được thôi. Tôi lắng nghe Loretta nói, và những gì vợ tôi nói đều đúng. Tôi ước chừng Loretta nói thêm. Tôi có thể vận dụng mọi sự giúp đỡ mình có. Nhưng mà, như thế đủ rồi.

Khi ông vừa bước vào nhà, chuông điện thoại đang reo. Ông trả lời: “Cảnh sát trưởng Bell đây.” Ông đi vào gian bếp và nhấc điện thoại ở đây. Ông nói: “Cảnh sát trưởng Bell.”

“Cảnh sát trưởng, tôi là thám tử Cook thuộc cảnh sát Odessa.”

“Vâng, thưa ông.”

“Chúng tôi nhận được một báo cáo có tên ông. Liên quan đến một phụ nữ tên là Carla Jean Moss, bị sát hại ở đây vào tháng Ba.”

Bell nói: “Vâng, thưa ông. Cảm ơn ông đã gọi cho tôi.”

“Họ nhận ra hung khí từ dữ liệu đạn đạo của FBI và họ lần ra một đứa con trai ở Midland. Đứa con trai nói nó nhặt khẩu súng trên một chiếc xe bán tải ở hiện trường một tai nạn. Chỉ trông thấy rồi nhặt lấy. Nó mang đi bán khẩu súng, rồi khẩu súng xuất hiện trong một vụ cướp cửa hàng tiện lợi ở Shreveport, bang Louisiana. Còn tai nạn nơi đứa con trai nhặt khẩu súng thì xảy ra cùng ngày với án mạng. Thế nên anh biết vụ này dẫn đến đâu. Chúng tôi không có nhiều vụ án mạng bí ẩn ở đây và chắc chắn chúng tôi không muốn có thêm bí ẩn. Cảnh sát trưởng, xin anh cho biết anh quan tâm đến vụ này như thế nào?”

Bell kể cho ông. Cook lắng nghe. Rồi ông cho Bell một số điện thoại. Đây là nhân viên điều tra vụ tai nạn. Roger Catron. “Để tôi gọi cho anh ấy trước. Anh ấy sẽ nói chuyện với anh.”

Bell nói: “Tốt. Anh ấy sẽ bàn với tôi. Tôi quen anh ấy nhiều năm rồi.”

Bell gọi điện và Catron trả lời: “Khỏe không, Ed Tom?”

“Tôi không muốn khoe khoang.”

“Tôi có thể giúp anh được gì?”

Bell đề cập đến tai nạn. Catron nói: “Vâng. Tôi còn nhớ rõ. Hai đứa con trai chết trong tai nạn đó. Chúng tôi vẫn chưa tìm ra người lái chiếc xe kia.”

Bell hỏi: “Chuyện gì đã xảy ra?”

“Bọn con trai đang hút ma túy. Chúng vượt đèn đỏ rồi đụng vào một chiếc bán tải Dodge còn mới tinh đang đỗ bên vệ đường. Chiếc xe bị hư hại hoàn toàn. Cái anh già trong chiếc bán tải leo ra ngoài rồi đi mất. Trước khi chúng tôi đến. Chiếc xe được mua ở Mexico. Bất hợp pháp. Không có chứng nhận EPA* hay đại loại như thế. Không được đăng ký.”

“Còn chiếc xe kia thì sao?”

“Có ba đứa con trai trong xe. Mười chín, hai mươi tuổi. Đều là dân Mỹ. Đứa sống sót duy nhất là đứa ngồi ở băng sau. Dường như chúng chuyển cho nhau một điều cần sa rồi băng ngang giao lộ có thể đến một trăm cây số giờ và húc thẳng vào anh già trên chiếc bán tải. Đứa ngồi kế người lái bị tổng qua kính trước, văng qua đường và rơi xuống cổng nhà một phụ nữ. Bà này vừa bỏ thư vào thùng thư và suýt bị đứa con trai đè bẹp. Bà chạy xuống phố la hét trong bộ áo ngủ và đầu còn mang những ống cuộn tóc. Tôi nghĩ bà vẫn chưa hoàn hồn.”

“Các anh làm gì với đứa nhặt khẩu súng?”

“Chúng tôi miễn tố.”

Bell hỏi: “Nếu tôi đi lên đó, anh nghĩ tôi có thể nói chuyện với nó được không?”

“Tôi nghĩ là được. Ngay lúc này tôi đang nhìn nó trên màn hình.”

“Nó tên gì?”

“David DeMarco.”

“Nó là dân Mỹ hử?”

“Không. Hai đứa con trai trong chiếc xe là Mỹ. Đứa này không phải.”

Bell hỏi: “Nó sẽ nói chuyện với tôi chứ?”

“Có cách để biết.”

“Sáng mai tôi đến.”

“Tôi chờ anh.”

Catron đã gọi đứa con trai đến và nói chuyện với nó. Khi đứa con trai bước vào quán café, có vẻ như nó không lo lắng gì cả. Nó ngồi xuống, nâng một chân lên và nhìn Bell.

Bell hỏi: “Em muốn uống cà phê không?”

“Có. Em muốn uống chút cà phê.”

Bell giơ một ngón tay, cô hầu bàn bước đến. Ông nhìn đứa con trai.

“Tôi muốn hỏi em về người đàn ông đã bỏ đi khỏi hiện trường tai nạn. Tôi muốn biết em còn nhớ gì về ông ta.”

Đứa con trai lắc đầu. “Không.” Nó nhìn quanh.

“Ông ta bị thương nặng không?”

“Tôi không biết. Có vẻ như ông ấy bị gãy tay.”

“Còn gì nữa?”

“Đầu bị vết cắt. Tôi không thể nói ông ấy bị thương nặng như thế

nào. Ông ấy còn đi được.”

Bell nhìn đứa con trai. “Em nghĩ ông ấy bao nhiêu tuổi?”

“Này Cảnh sát trưởng, tôi không biết. Ông ấy dính đầy máu.”

“Theo báo cáo, em nói ông ấy có lẽ gần bốn mươi tuổi.”

“Ừ. Khoảng chừng đó.”

“Em đi với ai?”

“Cái gì?”

“Em đi với ai?”

“Không đi với ai cả.”

“Người sống gần đây báo tin tai nạn xảy ra, nói có ba người bọn em.”

“À, ông ấy nói quá.”

“Vậy hử? Sáng nay tôi hỏi chuyện ông ấy và tôi thấy ông ấy không có vẻ gì nói quá.”

Cô hầu bàn mang cà phê đến. DeMarco cho khoảng một phần tư lọ đường vào rồi khuấy đều.

“Em biết không, người đàn ông ấy vừa giết một phụ nữ cách đây hai góc phố rồi bị tai nạn.”

“Ờ. Lúc đó em không biết.”

“Em có biết ông ta đã giết bao nhiêu người không?”

“Em không biết gì về ông ấy.”

“Em nói ông ta cao bao nhiêu?”

“Không cao lắm. Vừa tầm.”

“Ông ta có mang giày cao cổ không?”

“Có. Em nghĩ ông ấy mang giày cao cổ.”

“Loại giày cao cổ nào?”

“Em nghĩ có lẽ đó là da đà điểu.”

“Loại đắt tiền.”

“Ờ.”

“Ông ta bị chảy máu nhiều không?”

“Em không biết. Ông ấy đang chảy máu. Ông ấy bị một vết cắt trên đầu.”

“Ông ta nói gì?”

“Ông ấy không nói gì cả.”

“Em nói gì với ông ta?”

“Không nói gì cả. Em hỏi ông ấy có sao không.”

“Em nghĩ ông ta sẽ chết không?”

“Em không biết.”

Bell ngả người ra sau. Ông cầm lọ muối xoay nửa vòng. Rồi ông xoay lại.

“Nói cho tôi nghe, em đi với ai?”

“Chẳng đi với ai cả.”

Bell quan sát đứa con trai. Nó cầm cốc cà phê lên, uống một ngụm rồi lại đặt xuống.

“Em giúp tôi nhé?”

“Em đã nói cho ông tất cả những gì em biết. Ông đã đọc báo cáo. Đó là tất cả những gì em nói cho ông.”

Bell ngồi quan sát đứa con trai. Rồi ông đứng dậy, đội chiếc mũ

và bước ra.

Buổi sáng, ông đi đến trường trung học và được thầy giáo của DeMarco nêu tên vài người. Người đầu tiên ông tiếp xúc muốn biết làm thế nào ông tìm ra nó. Đây là một đứa con trai to lớn, ngồi khoanh hai tay, nhìn xuống đôi giày đánh quần vợt. Đôi giày có cỡ mười bốn, có chữ Trái và Phải viết bằng mực tím trên mũi giày.

“Có cái gì đấy mà em chưa nói cho tôi biết.”

Đứa con trai lắc đầu.

“Ông ta có đe dọa em không?”

“Không.”

“Ông ta trông ra sao? Có phải là người Mễ không?”

“Em không nghĩ vậy. Ông ấy chỉ có nước da hơi ngăm đen.”

“Em có e sợ ông ta không?”

“Chỉ đến khi ông xuất hiện em mới cảm thấy sợ. Này, Cảnh sát trưởng, em biết đáng lẽ chúng em không nên lấy đi cái món chết tiệt đó. Đây là hành động ngu dại. Dù cho đó là ý tưởng của David thì em vẫn không muốn nói ra. Em đã lớn nên có quyền phủ nhận.”

“Đúng, em đã lớn.”

“Đó là chuyện kỳ quái. Mấy đứa trong chiếc xe đã chết. Em có bị rắc rối vì vụ này không?”

“Ông ta còn nói gì với em?”

Đứa con trai nhìn quanh nhà ăn. Nó gần như bật khóc. “Nếu em được làm lại thì em sẽ làm theo cách khác. Em biết vậy.”

“Ông ta nói gì?”

“Ông ấy bảo chúng em không biết ông ấy có hình dáng ra sao.

Ông ấy cho David tờ trăm đô.”

“Một trăm đô.”

“Ờ. David cho ông ấy cái áo. Để làm băng đeo cho cánh tay.”

Bell gật đầu. “Được rồi. Ông ta có hình dáng ra sao?”

“Ông ấy người vừa tầm. Không mập không ốm. Có vẻ rắn chắc. Có lẽ ba mươi lăm tuổi. Em nghĩ tóc đen. Cảnh sát trưởng, em không biết. Ông ấy giống như mọi người khác.”

“Như mọi người khác.”

Đưa con trai nhìn xuống đôi giày của mình. Rồi nhìn lên Bell. “Ông ấy không giống mọi người khác. Ý em nói ông ấy không có gì khác lạ. Nhưng ông ấy giống như người mà người ta không muốn gây chuyện lôi thôi. Khi ông ấy nói gì thì người ta phải lắng nghe. Có một khúc xương lộ ra ở cánh tay ông ấy nhưng ông ấy không để ý gì đến.”

“Được rồi.”

“Em có bị rắc rối gì trong vụ này không?”

“Không.”

“Em cảm ơn.”

“Em không biết vụ này dẫn em đến đâu, phải không?”

“Không, thưa ông. Em nghĩ mình đã được một bài học. Nếu điều đó giúp ích được ông.”

“Giúp ích được. Em nghĩ DeMarco có học được gì không?”

Đưa con trai lắc đầu. “Em không biết. Em không thể nói thay cho David.”

Chương XI

Tôi phái Molly đi tìm những thân nhân của anh ấy, và cuối cùng chúng tôi tìm ra cha anh ấy ở San Saba. Tối thứ Sáu, tôi đi đến đấy. Tôi còn nhớ khi ra đi tôi nghĩ trong đầu rằng đây có lẽ là việc làm điên rồ nhất, nhưng tôi vẫn đi. Tôi đã trao đổi với ông ấy qua điện thoại. Ông ấy không nói sẵn lòng hay không sẵn lòng muốn tiếp tôi, mà chỉ bảo tôi đến, thế là tôi đi đến. Thuê một phòng motel rồi buổi sáng lái xe đi gặp ông.

Vợ ông ấy đã qua đời vài năm trước. Chúng tôi ngồi trên hàng hiên, uống trà đá. Ông ấy lớn tuổi hơn tôi. Có lẽ cách mười tuổi. Tôi cho ông ấy biết lý do mình đến gặp. Về con trai ông ấy. Tôi cho ông biết qua vụ việc. Ông chỉ ngồi đấy mà gật đầu. Ông đang ngồi trên ghế xích đu, chỉ khẽ đu tới đu lui, cầm ly trà đá trên lòng. Tôi không biết nói gì thêm, nên hai người ngồi im lặng một lúc.

Và rồi ông lên tiếng, không nhìn qua tôi, chỉ nhìn qua khoảng sân. Ông nói: “Con trai tôi là tay bắn súng trường giỏi nhất mà tôi từng thấy. Không kém ai cả.”

Tôi không biết nói gì. Tôi chỉ đáp: “Vâng, thưa ông.”

“Anh biết không, nó là lính bắn tỉa ở Việt Nam.”

Tôi nói mình đã không biết điều này.

“Nó không can dự vào việc mua bán ma túy.”

“Đúng, thưa ông. Không liên can.”

Ông gật đầu. Ông nói: “Nó không được dạy dỗ theo cách đó.”

“Vâng, thưa ông.”

“Anh có tham chiến không?”

“Có. Tôi tham chiến ở châu Âu.”

Ông gật đầu. “Llewelyn khi trở về nhà nó đi thăm vài gia đình bạn nó đã không trở về nhà. Nó không biết nói gì với họ. Nó kể thấy người ta ngồi nhìn nó mà ước gì nó đã chết. Có thể nhận ra như vậy trên nét mặt của họ. Anh biết không, chết thay cho người thân của họ.”

“Vâng, thưa ông. Tôi hiểu điều ấy.”

“Tôi cũng hiểu. Nhưng ngoài việc này, tất cả bọn họ lại làm những việc họ đã thôi làm lúc trước. Chúng ta không thấy những việc làm như thế trong chiến tranh. Hoặc thấy rất ít. Họ trét hắc ín lên một, hai người hippie. Nhổ nước bọt lên những người này. Gọi những người này là kẻ giết trẻ nhỏ*. Nhiều trai trẻ trở về, vẫn còn có vấn đề. Trước đây tôi nghĩ đó là vì họ không được đất nước nâng đỡ. Nhưng bây giờ tôi nghĩ có lẽ còn tệ hại hơn thế nữa. Đất nước nơi họ sinh sống đang phân hóa thành từng mảnh. Hiện vẫn còn bị phân hóa. Đó không phải là do lỗi của người hippie. Đó cũng không phải là do lỗi của những chàng trai bị điều ra nơi ấy. Mười tám, mười chín tuổi.”*

Ông ấy quay người nhìn tôi. Và rồi tôi nghĩ ông ấy trông già trước tuổi. Đôi mắt ông trông già. Ông nói: “Người ta sẽ bảo anh rằng Việt Nam đã chế ngự đất nước này. Nhưng tôi không bao giờ tin điều đó. Đất nước này đã suy yếu rồi; Việt Nam chỉ là lý do bề ngoài. Chúng ta không chuẩn bị hành trang gì cho bọn trẻ ở đó cả. Nếu chúng ta huy động họ mà không cấp súng cho họ, tôi không rõ liệu họ có tệ hại như thế không. Ta không thể tham chiến như thế. Ta không thể tham chiến mà không có Thượng đế. Tôi không biết việc gì sẽ xảy ra trong cuộc chiến kế tiếp. Tôi không hề biết.”

Chúng tôi trao đổi với nhau như thế. Tôi cảm ơn ông ấy đã dành thời

giờ cho tôi. Ngày kế tiếp sẽ là ngày làm việc cuối cùng của tôi, và tôi suy nghĩ nhiều về việc này. Tôi lái xe về xa lộ I-10, đến Cherokee rồi đi theo đường 501. Tôi cố xếp đặt những sự việc theo những khía cạnh của chúng, nhưng đôi lúc ta quá gần gũi với vấn đề. Nếu muốn nhìn vào mình để tìm hiểu xem mình thật sự như thế nào thì đấy là công việc kéo dài cả đời, và ngay cả lúc ấy ta có thể sai lạc. Đấy là công việc mà tôi không muốn sai lạc.

Tôi đã nghĩ đến lý do tại sao mình muốn trở thành nhân viên công quyền. Có một phần nào trong con người tôi muốn nắm lấy quyền kiểm soát. Khá cương quyết trong việc này. Muốn người ta lắng nghe mình nói. Nhưng cũng có một phần khác trong con người tôi chỉ muốn cứu vớt mọi người. Nếu tôi muốn vun quén cái gì đấy thì nó thuộc xu hướng này. Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều không lường trước được những gì sắp đến và tôi không màng sự thế sẽ ra sao.

Và dù cho chuyện gì sẽ đến, tôi đoán nó có ảnh hưởng nhỏ nhoi đối với ta. Những người lớn tuổi mà tôi trao đổi, nếu bạn nói với họ rằng có những người trên đường phố ở các thị trấn Texas có bộ tóc màu xanh lục, gắn mảnh xương trên sống mũi và nói thứ ngôn ngữ mà họ không thể hiểu được, thì họ không hề tin bạn. Nhưng nếu bạn nói đấy chính là cháu nội cháu ngoại của họ thì sao? À, đấy chỉ là những hiện tượng và chuyện lạ kỳ nhưng nó không cho bạn biết làm thế nào nó xảy ra. Và nó cũng không cho bạn biết làm thế nào nó đạt được gì. Một phần lý do là tôi luôn nghĩ ít nhất tôi có thể chấn chỉnh những hiện tượng phần nào và rồi không còn bận khoăn nữa. Tôi không biết mình có cảm nghĩ ra sao. Tôi có cảm nghĩ giống như những người lớn tuổi mà tôi trao đổi. Và như thế vẫn không ổn thỏa hơn. Tôi được yêu cầu làm biểu tượng cho cái gì đấy mà nếu tôi nghe theo

thì tôi không còn niềm tin nơi cái ấy nữa. Được yêu cầu tin nơi điều gì đấy mà nếu tôi nghe theo thì tôi không còn giữ vững lập trường được nữa. Đây là cả vấn đề. Tôi thất bại sau khi đã cố gắng.

Bây giờ tôi thấy sự việc sáng tỏ hơn. Thấy những người trước đây có niềm tin mà bây giờ đã phá sản. Tôi bắt buộc phải nhìn đến sự việc lần nữa và nhìn vào chính mình. Để được tốt lành hơn hay tệ hại hơn, tôi không biết. Tôi không nghĩ rằng thậm chí mình sẽ khuyên bạn nên về phe tôi, mà trước đây tôi không hề nghi ngại gì. Nếu tôi có khôn ngoan hơn theo cách thức của nhân gian thì tôi phải trả giá. Là giá khá đắt nữa.

Khi tôi bảo vợ tôi rằng mình sẽ xin thôi việc, thì Loretta không tin nơi nghĩa đen của câu nói, nhưng tôi bảo Loretta tôi thật sự có ý như thế. Tôi bảo vợ tôi rằng tôi hy vọng dân chúng hạt này khôn ngoan hơn mà đừng bầu cho tôi. Tôi bảo vợ tôi mình cảm thấy không ổn khi lĩnh tiền lương từ tiền họ đóng thuế. Loretta bảo tôi không có ý đó, nhưng tôi bảo mình thật sự có ý đó theo từng chữ một. Chúng tôi mang nợ sáu nghìn đô vì công việc này mà tôi không biết sẽ phải thanh toán ra sao. Chúng tôi ngồi im lặng với nhau một lúc. Tôi không ngờ việc này khiến cho Loretta cảm thấy bất an đến thế. Cuối cùng tôi chỉ nói: “Loretta, anh không thể tiếp tục làm công việc này được.”

Loretta cười và nói: “Anh định thôi việc trong khi anh đang thắng tiến hay sao?”

Tôi đáp: “Không, thưa bà, tôi chỉ muốn thôi việc. Tôi chả có thắng tiến cái quái gì cả. Chẳng bao giờ.”

Thêm một chuyện nữa rồi tôi sẽ câm miệng. Tôi đi lên Ozona trao đổi với viên trưởng lý quận ở đây. Họ bảo nếu tôi muốn, tôi có thể trao đổi với ông luật sư người Mỹ kia và có lẽ làm nhân chứng trước tòa, nhưng họ chỉ

có thể làm thế. Nghĩa là họ sẽ không làm gì cả. Thế là tôi làm theo lời họ và dĩ nhiên không có kết quả gì. Cái anh già kia bị án tử hình. Thế là tôi đi lên Huntsville để gặp ông ta và sự thể diễn tiến như thế này. Tôi bước vào đây rồi ngồi xuống. Dĩ nhiên ông ta biết tôi là ai vì đã trông thấy tôi ở phiên tòa. Ông ta chỉ nói: “Anh mang gì đến cho tôi?” Tôi nói mình chẳng mang gì cả. Ông ta nói ông nghĩ tôi hẳn đã mang cho ông ta cái gì đấy. Bánh kẹo hoặc đại loại như thế. Nói ông ta nghĩ tôi phải tỏ ra ngọt ngào với ông.

Tôi nhìn người bảo vệ và người bảo vệ quay mặt đi. Tôi nhìn ông ta. Người Mỹ, có lẽ bốn mươi lăm, bốn mươi sáu tuổi. Nói tiếng Anh giỏi. Tôi nói với ông ta rằng tôi đến đây không phải để bị xúc phạm mà chỉ muốn ông biết rằng tôi đã cố hết sức giúp ông, rằng tôi cảm thấy tiếc bởi vì tôi không tin ông làm những việc ấy.

Ông ta chỉ cười to, nói: “Người ta tìm ra thứ người như anh ở đâu vậy? Họ cho anh mang tã lót chưa? Tôi đã bắn cái tên chó đẻ ấy giữa hai mắt, kéo hắn vào lại chiếc xe của hắn rồi đốt chiếc xe cho hắn cháy ra mồi.”

Những người này có thể đoán ý bạn rất giỏi. Nếu tôi tát tai ông thì người bảo vệ kia sẽ không thốt lên tiếng nào. Và ông ta biết điều ấy. Ông biết điều ấy.

Tôi thấy viên công tố hạt đi ra ở đây. Tôi chỉ quen biết ông sơ qua sau ít lần gặp gỡ và trao đổi. Tôi không kể cho ông ấy chuyện gì đã xảy ra, nhưng ông biết tôi đang cứu giúp ông kia nên ông có thể ghép nối những sự việc với nhau. Tôi không rõ. Ông không hỏi tôi gì về ông kia. Không hỏi tôi đang làm gì ở đây. Có hai hạng người không hỏi nhiều. Một hạng quá dốt nát nên không hỏi nhiều, còn hạng kia thì không cần hỏi nhiều. Tôi để tùy bạn đoán tôi muốn nói hạng người nào. Ông ấy chỉ cầm chiếc cặp tài liệu đứng đấy. Như thế có cả thời gian rảnh rỗi trong đời. Ông bảo tôi rằng khi

tốt nghiệp trường luật ông đã làm luật sư biện hộ một thời gian. Ông nói việc này khiến cho cuộc đời ông quá phức tạp. Ông không muốn sống nốt cuộc đời mà cứ bị lừa dối hàng ngày như là chuyện thông thường. Tôi bảo ông có lúc một luật sư nói với tôi rằng trong trường luật người ta cố dạy cho sinh viên đừng lo lắng chuyện phải chuyện quấy, mà chỉ tuân thủ pháp luật. Tôi nói mình không tin lắm điều này. Ông ấy suy nghĩ, gật đầu rồi nói mình khá đồng ý với ông luật sư ấy. Ông nói nếu bạn không tuân thủ thì chuyện phải chuyện quấy sẽ không cứu được. Tôi nghĩ mình có thể hiểu ra ý nghĩa. Nhưng nó không thay đổi cách suy nghĩ của tôi. Cuối cùng, tôi hỏi ông ấy có biết Mammon là ai không. Ông ấy hỏi: “Mammon hả?”

“Vâng. Mammon.”

“Ý anh nói như trong thành ngữ Thượng đế và Mammon* phải không?”

“Vâng, thưa ông.”

Ông ấy nói: “À, tôi không thể nói là mình biết. Tôi biết đấy là trong Kinh Thánh. Đấy có phải là quỷ dữ không?”

“Tôi không biết. Tôi sẽ tra cứu. Tôi có cảm tưởng mình phải biết đây là ai.”

Ông mỉm cười, nói: “Anh nói cứ như là anh có thể sẵn sàng chiếm lấy phòng ngủ dành cho khách.”

Tôi nói: “Đấy sẽ là một sự lo ngại. Dù sao chẳng nữa, tôi cảm thấy mình cần làm quen với những cái tật của Mammon.”

Ông ấy gật đầu. Trông như mỉm cười. Rồi ông hỏi tôi một câu. Ông hỏi: “Cái con người bí ẩn ấy mà anh nghĩ hấn giết người hiến binh và đột người này cùng chiếc xe. Anh biết gì về hấn?”

“Tôi không biết gì cả. Tôi mong mình biết. Hoặc tôi nghĩ mình mong mình biết.”

“Ừ.”

“Hắn cứ như là hồn ma ấy.”

“Hắn giống như hồn ma hay đúng là hồn ma?”

“Hắn hiện hữu ngoài kia. Tôi mong hắn không hiện hữu. Nhưng hắn hiện hữu.”

Ông ấy mỉm cười. “Tôi nghĩ nếu hắn là hồn ma thì anh không cần phải lo lắng về hắn.”

Tôi nói: “Đúng”, nhưng tôi đã nghĩ về việc này từ lúc ấy, và tôi nghĩ câu trả lời cho câu hỏi của ông ấy là khi bạn đôi đâu vò vài thứ nào đấy trên thế gian, bằng chứng cho vài thứ nào đấy, thì bạn nhận ra rằng bạn đã gặp cái gì đấy mà bạn không bì kịp. Khi bạn nói rằng nó có thật và nó không chỉ hiện hữu trong đầu bạn thì tôi không chắc bạn nói nó là cái gì.

Loretta nói đến một điều. Nói đại loại rằng đấy không phải lỗi của tôi nhưng tôi bảo không đúng. Và tôi cũng đã suy nghĩ về việc này. Tôi bảo Loretta rằng nếu mình nuôi một con chó dữ trong sân nhà thì người ta sẽ lánh xa. Nhưng họ đã không lánh xa.

Khi trở về nhà, ông không thấy Loretta nhưng chiếc xe của bà vẫn còn đấy. Ông bước ra chuồng ngựa và không thấy con ngựa của bà. Ông bắt đầu quay vào nhưng đứng lại, nghĩ có lẽ Loretta bị đau. Ông đi vào nhà kho mang bộ yên cương ra, huýt sáo gọi con ngựa của mình, nhìn cái đầu của nó vươn cao qua khung cửa ở đầu cuối của chuồng ngựa, với hai vành tai vểnh lên.

Ông cho ngựa phi ra ngoài, một tay cầm dây cương, tay kia vỗ về con vật. Ông nói chuyện với con ngựa dọc đường đi. “Cảm thấy vui được đi ra ngoài, phải không? Mà biết họ đi đâu không? Đúng rồi. Đừng lo. Chúng ta sẽ tìm ra họ.”

Bốn mươi phút sau, ông nhìn thấy Loretta, dừng lại và nhìn. Loretta đang phi dọc một chòm đất đỏ phía nam, hai tay chéo nhau nắm lấy núm yên ngựa, mắt nhìn về những tia nắng cuối cùng trong ngày. Con ngựa chạy chậm chậm qua lớp đất cát rời, bụi đỏ bay theo trong không khí. Ông nói với con ngựa: “Con tim của tao đang kia. Lúc nào vẫn thế.”

Ông phi đến, xuống ngựa, ngồi dưới tán cây trong khi hai con ngựa gặm cỏ. Chim cu đang bay về tổ. “Đã gần cuối năm. Chúng ta sẽ không còn trông thấy chúng bao lâu nữa.”

Loretta mỉm cười, nói: “Gần cuối năm.”

“Em không thích?”

“Rồi nơi này hơ?”

“Rồi nơi này.”

“Em ổn.”

Bell nói: “Dù là tại vì anh, phải không?”

Loretta mỉm cười: “À, đến tuổi nào đấy em không thấy có cái gì gọi là sự thay đổi cho tốt hơn.”

“Thế thì anh đoán chúng ta có rắc rối.”

“Chúng ta sẽ ổn. Em nghĩ em muốn có anh ở nhà dùng bữa tối.”

Bell nói: “Anh thích ở nhà bất cứ lúc nào.”

Loretta nói: “Em còn nhớ khi Cha về hưu, Mẹ bảo ông: Dù được việc hay không thì em vẫn nói nhưng em không nói gì về bữa ăn trưa.”

Bell mỉm cười: “Anh tin chắc bà bây giờ muốn ông trở về.”

“Em tin chắc bà muốn thế. Em tin em muốn thế.”

“Đáng lẽ anh không nên nói ra.”

“Anh không nói gì sai cả.”

Bell nói: “Dù sai hay đúng thì em vẫn nói thế.”

“Đấy là công việc của em.”

Bell mỉm cười. “Em sẽ không nói cho anh biết nếu anh sai hay sao?”

“Ừa.”

“Nếu anh muốn em nói thì sao?”

“Khó đấy.”

Bell nhìn những đàn chim cu sa mạc bay sà xuống trong ánh sáng hồng mờ nhạt. Ông nói: “Thật thế không?”

“Dù sai lầm ấy là gì, em mong anh sẽ tự nhận ra mà không cần em giúp. Và nếu đó là chuyện ta vừa bất đồng ý kiến thì em có thể vượt qua được.”

“Nhưng anh vượt qua không được.”

Loretta mỉm cười, đặt tay lên bàn tay ông, nói: “Anh cố chịu đựng. Khung cảnh ở đây thật là tuyệt.”

“Đúng vậy, thưa bà. Tuyệt lắm.”

Chương XII

Tôi sẽ đánh thức Loretta để mình cũng thức. Để nằm đó nghe vợ tôi gọi tên mình. Như khi hỏi tôi có ở bên mình hay không. Đôi lúc tôi đi vào nhà bếp lấy cho vợ tôi một ly nước men gừng rồi chúng tôi ngồi bên nhau trong bóng tối. Tôi mong vợ tôi được thoải mái trong mọi việc. Thế giới mà tôi đã thấy không làm cho tôi trở thành một người duy tâm. Không như vợ tôi. Loretta cũng lo lắng cho tôi. Tôi thấy điều này. Tôi nghĩ như thế vì tôi là người lớn tuổi hơn, là người mà Loretta học hỏi theo và trong nhiều phương diện đã học hỏi được. Nhưng tôi biết mình vẫn còn nợ Loretta.

Tôi biết hai chúng tôi đang hướng về đâu. Chúng tôi đang bị mua chuộc bởi chính đồng tiền của mình. Và đây không chỉ là ma túy. Có những tài sản đang được tích lũy ngoài kia mà không ai biết gì cả. Liệu chúng tôi nghĩ thứ tiền bạc này sẽ tạo ra cái gì? Tiền bạc vốn có thể mua được nguyên cả quốc gia. Nó đã từng mua được rồi. Liệu nó có thể mua quốc gia này không? Tôi nghĩ là không. Nhưng nó sẽ mang bạn gia nhập hàng ngũ của hạng người mà đáng lẽ bạn không nên gia nhập. Thậm chí đây không phải là vấn nạn về thực thi pháp luật. Tôi nghi ngờ điều này. Lúc nào cũng có ma túy. Nhưng người ta không chỉ muốn thử rồi bị nghiện mà không có lý do. Cả triệu người. Tôi không có câu giải đáp cho việc này. Đặc biệt, tôi không có câu giải đáp để cảm thấy thanh thản. Lúc trước tôi nói với một phóng viên ở đây - một cô gái trẻ, trông khá tử tế. Cô đang cố trở thành một phóng viên chuyên nghiệp. Cô ấy nói: "Cảnh sát trưởng, làm thế nào ông để cho tội phạm vượt ngoài tầm kiểm soát trong hạt của ông?" Tôi nghĩ đây nghe như là câu hỏi đơn giản. Có lẽ là, một câu hỏi công tâm. Dù sao chẳng nữa, tôi nói với cô ấy: "Nó bắt đầu khi người ta dung thứ cho

cách cư xử xấu. Bất kỳ lúc nào cô không còn nghe nói ‘Thưa ông’ hoặc ‘Thưa bà’ thì hồi kết cục sẽ đến. Tôi bảo cô ấy: “Nó đã ngấm sâu vào mọi tầng lớp. Cô đã nghe việc này, phải không? Mọi tầng lớp? Cuối cùng cô bị chìm vào sự băng hoại của đạo đức trong cuộc hành trình, khiến cho người ta bị bỏ rơi trong sa mạc, chết trong ô tô của họ, và lúc ấy thì đã quá muộn.”

Cô ấy nhìn tôi, có vẻ mặt trông buồn cười. Vì thế, tôi nói với cô ấy điều cuối cùng mà có lẽ tôi không nên nói ra. Nhiều người trong bọn họ ăn mặc chỉnh tề và có công việc ăn lương khá. Tôi nói: “Có lẽ chính cô cũng quen biết một số người trong bọn họ.”

Chuyện kia là về những người già, mà tôi vẫn thường quay lại kể về họ. Họ nhìn tôi, lúc nào cũng có một câu hỏi. Nhiều năm trước, tôi không còn nhớ điều này. Tôi không còn nhớ khi làm cảnh sát trưởng trong thập kỷ năm mươi. Bạn trông thấy họ và họ không hề cảm thấy bối rối. Họ chỉ có vẻ điên rồ. Điều này khiến cho tôi băn khoăn. Như thế họ vừa tỉnh giấc mê và không biết mình đang ở nơi đâu. À, theo một cách nói, họ không biết.

Lúc ăn tối ngày ấy, Loretta nói đang đọc Thánh Kinh của thánh John. Quyển Mặc Khải. Mỗi khi tôi hỏi những sự việc diễn tiến ra sao, vợ tôi đều tìm được điều gì đấy trong Thánh Kinh, thế nên tôi hỏi Mặc Khải có nói gì về những sự việc đang định hình hay không, vợ tôi đáp sẽ cho tôi biết. Tôi hỏi quyển ấy có nói gì về tóc màu xanh lục, mảnh xương trên sống mũi thì vợ tôi đáp không có những từ ngữ như thế. Tôi không rõ đấy là dấu hiệu tốt hay không. Rồi vợ tôi đi vòng qua phía sau tôi, hai cánh tay ôm lấy cổ tôi và cắn tai tôi. Vợ tôi là một phụ nữ rất trẻ con theo nhiều cách thức. Nếu tôi không có Loretta thì tôi không biết mình phải có cái gì. Mà tôi biết. Tôi cũng không cần một chiếc hộp để đựng cái ấy*.

Đấy là một ngày lạnh lẽo khi ông bước ra khỏi tòa án lần chót. Vài người đàn ông có thể vòng tay ôm lấy một phụ nữ đang khóc nhưng ông không bao giờ thấy việc này là do bản năng tự nhiên. Ông bước xuống các bậc thang, đi ra cửa sau, bước vào chiếc xe bán tải của mình và ngồi đấy. Ông không thể nói cái tên của cảm nghĩ này. Đấy là nỗi buồn, nhưng ngoài ra còn có điều gì khác nữa. Và điều gì khác nữa này là lý do khiến cho ông ngồi đấy thay vì nổ máy xe chạy đi. Trước đây ông đã có tâm trạng này nhưng không kéo dài lâu, và những lúc ông nói thế ông biết nó là cái gì. Đấy là sự thất bại. Đấy là tâm trạng khi đối thủ chiến thắng. Còn cay đắng hơn là cái chết. Ông lầm bầm: “Mình phải cố vượt qua.” Rồi ông nổ máy xe.

Chương XIII

Khi đi qua cửa sau của ngôi nhà ấy, bạn sẽ thấy có một máng nước bằng đá giữa đám cỏ dại kế bên ngôi nhà. Một cái ống mạ đi xuống từ mái nhà làm cho máng khá đầy nước. Tôi nhớ mình đã có lúc dừng lại, ngồi xuống nhìn và suy nghĩ về cái máng nước. Tôi không rõ máng nước này đã ở đấy được bao lâu. Một trăm năm. Hai trăm năm. Bạn có thể thấy những vết đục đẽo trên mặt đá. Máng được đẽo từ một khối đá rắn chắc, dài khoảng 0,6 mét, rộng và sâu khoảng 0,3 mét. Chỉ được đục đẽo từ một khối đá. Và tôi suy nghĩ về người đã thực hiện công việc này. Tôi nghĩ theo mình biết, đất nước này không có thời gian hòa bình nào kéo dài lâu. Nhưng người này đã dùng cái búa và cái đục để đẽo ra một máng nước tồn tại đến cả mười nghìn năm. Tại sao thế? Người này đã có đức tin như thế nào? Không phải là không có gì thay đổi. Tôi tự hỏi người này nghĩ gì. Ông ấy hẳn phải biết rõ hơn thế. Tôi suy nghĩ rất nhiều về việc này. Tôi nghĩ về nó sau khi tôi rời khỏi nơi ấy với ngôi nhà nổ tung thành mảnh vụn. Tôi phải nói ngay rằng cái máng nước vẫn còn đấy. Phải cần đến một cái gì đấy mạnh mẽ mới di chuyển nổi nó, tôi có thể nói với bạn như thế. Vì thế, tôi nghĩ về người đàn ông với cái búa và cái đục ngồi ở đó, có thể chỉ là một, hai tiếng đồng hồ sau bữa ăn chiều, tôi không rõ. Và tôi phải nói rằng điều duy nhất mà tôi có thể nghĩ ra là trong tim người ấy có một thứ cam kết nào đấy. Tôi không có ý định đẽo một máng nước. Nhưng tôi muốn mình có thể định hình một cam kết như thế. Tôi nghĩ đấy là điều tôi thích nhất.

Một chuyện khác là tôi đã không kể nhiều về cha tôi, và tôi biết tôi đã không công minh với ông. Bây giờ tôi lớn hơn ông hai mươi tuổi khi ông

qua đời, thế nên theo một nghĩa nào đấy thì tôi đang nhìn lại một người trẻ. Ông đã đi trên con đường ấy buôn bán ngựa khi vừa qua tuổi thiếu niên. Ông kể với tôi rằng một, hai lần đầu ông bị người ta lừa gạt khá tệ hại nhưng ông lĩnh hội được bài học. Ông kể một lần thương gia đó quàng tay qua ông, nhìn xuống ông mà nói: "Con trai ạ, ta sẽ làm ăn với con thậm chí như thế con không có con ngựa nào." Điểm chính yếu ở đây là có những người thật sự nói với bạn ý định sẽ làm gì với bạn, và mỗi khi họ nói bạn đều muốn lắng nghe. Tôi vẫn mãi mang trong đầu việc này. Cha tôi hiểu biết về ngựa và đối xử tốt với chúng. Tôi đã trông thấy ông chế ngự vài con và ông biết phải làm như thế nào. Rất nhẹ nhàng với bọn chúng. Nói chuyện nhiều với chúng. Ông ấy không bao giờ trấn áp điều gì trong tôi và tôi mang ơn ông không ngôn từ nào tả xiết. Như cách người ta nhìn vào, tôi nghĩ mình là người khá hơn. Nói ra nghe như không hay. Tôi mà nói ra thì không hay. Khó mà sống với cái tiếng này. Chứ đừng nói đến cha tôi. Ông ấy không hề được đào tạo để trở thành nhân viên công quyền. Ông học đại học, tôi nghĩ hai năm, nhưng ông không tốt nghiệp. Đáng lẽ tôi phải nghĩ về ông nhiều hơn vì tôi thấy mình đã thiếu sót.

Sau khi ông qua đời, tôi có hai giấc mộng. Tôi không còn nhớ gì về giấc mộng đầu tiên ngoại trừ về việc gặp ông ở đâu đấy trong thị trấn, ông cho tôi ít tiền nhưng tôi lại làm mất số tiền này. Nhưng trong giấc mộng thứ hai, nó giống như cả hai cha con chúng tôi trở về ngày tháng cũ, và trong đêm tôi đang cưỡi ngựa qua những dãy núi. Chạy qua con đèo ấy xuyên qua núi. Trời thì lạnh, có tuyết trên mặt đất, cha tôi cưỡi ngựa vượt qua tôi và phi tiếp. Không hề nói gì cả. Ông ấy chỉ phi qua, quần tẩm chần ấy quanh người, đầu cúi xuống, và khi ông phi qua tôi thấy ông mang ngọn lửa trong một cái sừng theo thói quen thời ấy, và tôi có thể nhìn cái sừng

do ánh sáng bên trong. Giống như ánh trăng. Và trong giấc mộng, tôi biết ông đang tiến về phía trước và ông định nhóm một đống lửa ở đâu đấy phía trước mặt trong khi trời lạnh, và tôi biết bất cứ nơi nào tôi đi đến thì ông sẽ hiện diện ở đấy. Và rồi tôi thức giấc.

Table of Contents

Chương I
Chương II
Chương III
Chương IV
Chương V
Chương VI
Chương VII
Chương VIII
Chương IX
Chương X
Chương XI
Chương XII
Chương XIII